

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Tòa Thánh Tây Ninh



Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc
(QS Tiến sĩ Nguyễn Thanh Bình sưu tầm)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Tòa Thánh Tây Ninh

TIỂU SỬ
ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC
(1890-1959)
(QS Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình sưu tầm)

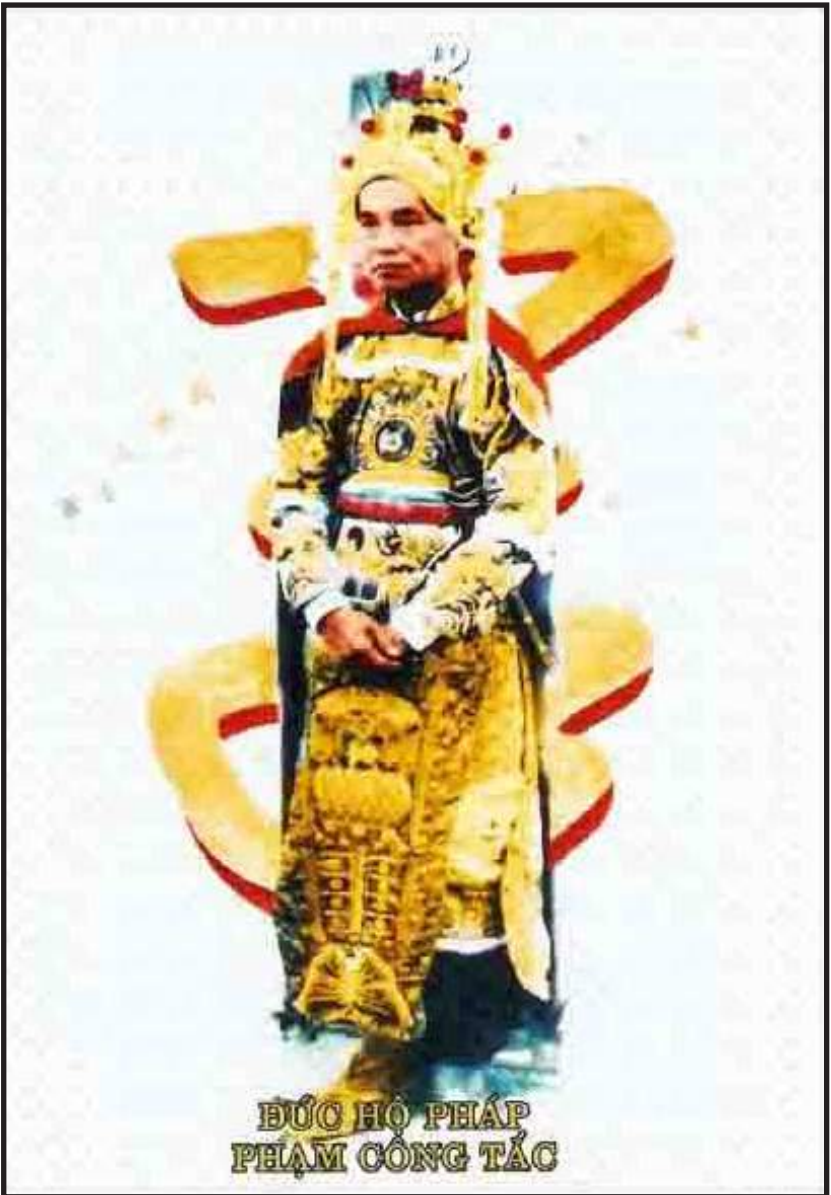
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Ấn hành lần thứ nhất
Tháng 6-2018 - Hoa Kỳ

**“Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc”
(QS Tiên sĩ Nguyễn Thanh Bình sưu tầm)**

Trình bày: Nguyễn Ngọc Dũ,
Sửa Bản In: Nguyễn Đăng Khích
Phát hành: Nguyễn Đăng Điền.

Sách in lần thứ nhất tại Hoa Kỳ, phát hành tháng 6-2018

**SÁCH KHÔNG BÁN
CHỈ BIỂU KHÔNG CHO ĐỒNG ĐẠO**



MỤC LỤC

I-	Giới thiệu Đạo Cao Đài	07
II-	Thời niên thiếu	09
	1*- Một đêm về Trời	13
III-	Phản Đạo - Ngô Đạo	27
	2*- Đức Chí Tôn độ Ông Lê Văn Trung	27
	3*- Đức Chí Tôn kêu liên hiệp với Ông Ngô Văn Chiêu	28
	4*- Thiên phong Hộ Pháp	29
	5*- Bí pháp năm Cung	35
	6*- Vai trò của Đức Hộ Pháp với Bí Pháp	44
	7*- Phò loan phong Thánh	53
	8*- Lập Hội Thánh Ngoại Giáo (1927)	54
	9*- Lấy Long Tuyền Kiếm (1930)	56
	10*- Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Bát Đạo Nghị Định	62
	11*- Công cuộc tổ chức Hội Thánh và Hội Nhân Sanh	64
	12*- Công cuộc xây cất Đền Thánh	73
	13*- Chương Quản nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng	84
	14*- Đạo Cao Đài trong các Hội Nghị Tôn giáo Quốc Tế	89
	15*- Thích nghĩa Kinh Phật Mẫu	100
	16*- Xây dựng nơi thờ Diêu Trì Cung	108
	17*- Xây cất Tòa Thánh và Báo Ân Từ	110
	18*- Lập các phẩm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài dưới Thập Nhị Thời Quân	116
	19*- Lập Phạm Môn và Cơ Quan	

Phước Thiện (CQPT).....	116
20*- Thời Pháp Nạn: Đồ Lưu Hải Ngoại (1941-1946)	125
21*- Tái thủ quyền hành, củng cố nền Đạo, tái lập Quân Đội Cao Đài	142
22*- Xây dựng Ba cung - Ba động	147
23*- Cắt chợ Long Hoa và mở mang vùng Thánh Địa	154
24*- Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Ban Thế Đạo	156
25*- Đức Hộ Pháp Âu Du Cộng Hòa Pháp Quốc (5-1954).....	157
26*- Đức Hộ Pháp Á Du: Đài Loan, Đại Hàn và Nhật Bản (8-1954)	167
27*- Lễ Khánh thành Tòa Thánh Tây Ninh.	174
28*- Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong sang Cao Miên	180
29*- Những hoạt động cuối đời.....	189
IV- Qui Thiên	
30*- Đức Hộ Pháp quy Thiên	199
31*- Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp. .	205
32*- Thượng pho Tượng của Đức Phạm Hộ Pháp lên Ngai Thất đầu Xà	210
33*- Kinh sách và Thi Văn	212
34*- Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống .	216
V- Thiên Tính của Đức Hộ Pháp.....	229
VI- Thay Lời Kết	242
VII- Tài liệu tham khảo	249

Đức Hộ Pháp **PHẠM CÔNG TẮC** (1890-1959)

Lời mở đầu: Trên 50 năm qua có rất là nhiều tài liệu được viết về tiểu sử, công nghiệp của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chưởng Quân Nhị Hữu Hình Đài kiêm Thượng Tôn Quân Thế, Tòa Thánh Tây Ninh qua nhiều thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, Nhật, Miên, Hán, . .v.v . . Các tài liệu này được phổ biến trên khắp thế giới. Từ khi “Internet” được dùng, các “Websites”, bài viết, bài bình luận, giáo lý, . v.v . . được phổ biến rộng rãi trên khắp hoàn cầu. Bài viết này sưu tầm các tài liệu bên trên, với mục đích viết lại đầy đủ hơn về tiểu sử Đức Hộ Pháp và hy vọng sẽ là tài liệu quý giá lưu truyền cho các thế hệ sau. Xin thành thật cảm ơn các vị đi trước, bỏ công viết lại những gì đã biết về Đức Hộ Pháp. Nếu tài liệu này có gì thiếu sót, xin các vị vui lòng cho biết để tài liệu được hoàn tất hơn. Trong bài viết này, phần “Bí Pháp 5 Cung” (Thanh Sử) chưa được "kiểm duyệt" bởi Ban Đạo Sử Tòa Thánh Tây Ninh.

I. Phần Giới Thiệu - Đạo Cao Đài :

Đạo Cao Đài là đạo dung hợp tất cả các đạo hiện hữu. Đức Giáo Tông danh dự Lý Thái Bạch đã giảng bút diễn giải về Đạo Cao Đài trong một buổi đàn đêm 13 tháng Giêng năm 1927 như sau:

“Hiện nay nhân loại đang trải qua một thời kỳ khủng hoảng trầm trọng. Trật tự và thanh bình thưở xưa không còn nữa. Luân lý sụp đổ, nhân tâm sa đọa. Đối với những kẻ hoài

nghi, Thượng Đế chỉ còn là một tiếng chuông. Họ không biết rằng trên Cao Đài kia ngự trị một Đấng Chí Tôn, Chúa Tể cả Vũ Trụ và cả số phận loài người.

Xưa kia các dân tộc vì thiếu phương tiện xê dịch nên xa nhau không biết tới nhau. Đức Chí Tôn đã tạo nên trong những thời kỳ khác nhau, ở những địa phương khác nhau, ngũ chi của Đại Đạo:

1. Nhân Đạo (KHÔNG TỬ)
2. Thần Đạo (KHUÔNG THÁI CÔNG)
3. Thánh Đạo (GIÊ SU)
4. Tiên Đạo (LÃO-TỬ)
5. Phật Đạo (THÍCH CA MÂU NI)

Mỗi chi đặt nền tảng trên những phong tục riêng biệt của nơi phát nguyên.

“Ngày nay, giữa năm châu, sự giao thông trở nên thuận tiện. Nhân loại biết nhau hơn, cầu mong một cảnh thái bình thực sự. Nhưng vì sự hiện hữu của các Giáo phái mà loài người không sống hòa hợp với nhau được; cho nên Đức Chí Tôn quyết định hợp nhất tất cả ngũ chi để đưa về Đại Đạo Cao Đài duy nhất”.

Đạo Cao Đài chẳng những có mục đích điều hòa tất cả những tín ngưỡng, mà lại còn thích hợp với tất cả mọi trình độ tiến triển của tinh thần.

1. Về phương diện luân lý, Đạo Cao Đài dạy cho người ta bổn phận đối với mình, với gia đình, với xã hội, với nhân loại.

2. Về phương diện triết lý, Đạo Cao Đài khuyên người ta

nên khinh rẻ xa hoa, danh vọng, lợi lộc, thoát khỏi cái ách vật chất để tìm cái yên tĩnh của tâm thần.

3. Về phương diện thờ phượng, Đạo Cao Đài khuyên nhủ thờ phụng Đức Chí Tôn, Đấng Cha chung của loài người và các Đấng Thần Linh cùng Tổ tiên, nhưng cấm dâng đồ lễ mặn và đốt vàng mã.

4. Về phương diện thần học, Đạo Cao Đài đồng ý với các đạo khác là có linh hồn: nó tồn tại sau khi thể phách chết đi, nó tiến triển bằng những cuộc đầu thai liên tiếp theo luật luân hồi.

5. Về phương diện truyền giáo, Đạo Cao Đài truyền cho các Tín Đồ xứng đáng, những điều chỉ giáo thần bí để họ có thể, theo quá trình tiến triển của tinh thần, tiến tới những lạc thú của chân hạnh phúc.

Đạo Cao Đài là Đạo của Đức Chí Tôn, là Đạo duy nhất có chân giá trị, cao cả và mâu nhiệm.

Hiện giờ người thay mặt Đức Chí Tôn tại thế, để bảo vệ và phát huy Đại Đạo là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên Đài và Cứu Trùng Đài. Chúng ta cần phải biết tiểu sử của Đức Hộ Pháp, hiểu rõ công nghiệp của Ngài đối với đạo và đời cũng như đối với dân tộc, để nó có thể hiểu sâu thêm về đạo Cao Đài.

II. Thời Niên Thiếu :

Đức Ngài Phạm Công Tắc sanh ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch năm Canh Dần (dl 21-6-1890) tại làng Bình Lập, bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An), nhưng song thân của Ngài quê quán

tại làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thân phụ của Ngài là Ông Phạm Công Thiện và Thân mẫu là Bà La Thị Đường. Đức Chí Tôn tiết lộ cho biết, Ông Phạm Công Thiện là Chơn linh của Ngân Hà Công Bộ nơi Thiên Đình giáng trần.

Ông Phạm Công Thiện làm công chức dưới thời Pháp thuộc, khi đổi đến Tân An làm việc thì đem gia đình theo, và ở đó sanh ra Ngài Phạm Công Tắc.

Ngài Phạm Công Tắc có tất cả 8 anh chị em ruột, mà Ngài là thứ 8, còn một người em gái út thứ 9, như vậy Ngài là Áp Út trong gia đình.

Gia đình Ngài đều theo Đạo Công giáo.

Ông Phạm Công Thiện, tuy là một công chức nhưng Ông rất thanh liêm, lòng hâm mộ đạo đức, luôn luôn chủ trương "Dĩ đức vi trọng", nên thường tham gia chống áp bức và bất công một cách tích cực. Do đó, giới đồng liêu không ưa ông, tìm cách đẩy ông đi xa, và cuối cùng ông phải nghỉ việc, đưa gia đình trở về quê quán là làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, để làm ăn sinh sống.

Năm 1902, Ông Phạm Công Thiện mất, lúc đó Ngài Phạm Công Tắc mới được 13 tuổi. Thuở nhỏ, Ngài Phạm Công Tắc được cha mẹ cho theo học chữ Nho tại trường làng, sau đó mới đổi qua Tây học, và học bậc Trung học tại trường Chasseloup Laubat Sài gòn. Gia đình lúc đó gặp cảnh khó khăn sa sút, nên Ngài ráp tâm học tập để thi đậu ra làm việc kiếm nhiều tiền phụ giúp gia đình.

Năm 1907, Ngài thi đậu bằng Thành Chung.

Trong thời gian đi học, Ngài có tham gia phong trào Đông Du (1904-1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhật Bản lãnh đạo, có 2 nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh giúp sức. Ngài Phạm công Tắc có tên trong danh sách các thanh niên đi du học ở Nhật, chỉ chờ ngày đưa đi. Nhưng Mật thám Pháp khám phá được phong trào này, chúng đến xét nhà Ông Trần Chánh Chiêu (Gilbert Chiêu) là người đại diện phong trào Đông Du ở Sài gòn, và xét cơ sở Minh Tân Công Nghệ của Ông Lương Khắc Ninh, để tìm danh sách và tổ chức phong trào Đông Du, nhưng Ông Ninh lanh tay thiêu hủy tất cả hồ sơ để phi tang, nên bọn Mật thám Pháp không có bằng cứ để bắt bớ. Tuy nhiên chúng vẫn theo dõi rất gắt gao, nên phong trào Đông Du không thể hoạt động được.

Ngài Phạm Công Tắc tạm gác lại mộng Đông Du, quyết định xin đi làm việc để có tiền nuôi mẹ và phụ giúp gia đình. Ngài có thuật lại quãng đời này của Ngài trong một bài thuyết đạo:

" Bàn đạo hiện ở tại Tây Ninh, thiên hạ còn nhớ, buổi ấy không biết gì hết, duy có biết thương mẹ mà thôi, thêm đưa em gái tới lúc định gả chồng, không còn ở chung nữa.

Lúc ấy Bàn đạo đã thi đậu, nên ra làm việc với hãng buôn, ăn lương lớn lắm, mà sợ không biết nuôi mẹ được không, lại bị người anh rể nói : Em làm việc ở hãng buôn không có danh dự gì hết. Nghe lời nên xin vô sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương bảy tám chục đồng, là nhiều lắm, ăn xài không hết, còn dư đôi ba chục bạc để nuôi mẹ." Do đó, Ngài xin làm việc ở Sở Thương chánh Saigon.

Năm 21 tuổi, Ngài vâng lệnh mẫu thân lập gia đình với Bà

Nguyễn Thị Nhiều, sanh đặng 3 người con, nuôi được 2 người con gái là : Cô ba Phạm Hồ Cầm và Cô tư Phạm Tần Tranh. (Bà Nguyễn Thị Nhiều, thường gọi là Bà Tám, vì Đức Phạm Hộ Pháp thứ 8, sau đắc phong lên tới phẩm Chánh Phối Sư, Thánh danh Hương Nhiều, làm Chương Quản Phước Thiện Nữ phái; Cô tư Phạm Tần Tranh, sau cũng được thăng lên phẩm Nữ Phối Sư, Thánh danh Hương Tranh; còn Cô Ba Phạm Hồ Cầm thì không có câu phong hành đạo).

Năm 1912, thân mẫu của Ngài Phạm Công Tác qui liễu, lúc đó Ngài được 22 tuổi. Một nỗi đau đớn vô cùng tận đối với Ngài. Sau này, Ngài có thuật lại như sau :

“ Năm Bần đạo 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết có một điều là lo lập thân danh đặng nuôi mẹ, lập thân danh để bảo trọng anh em, đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, cha mẹ đã khuất hết, dầu thương bao nhiêu cũng không còn, lại bị ác nữ là vợ con gia đình sanh đẻ mãi, đâu có lo ngoài được nữa, khởi thống khổ tâm hồn, tới chừng cao sang sung sướng, ngó lụng lại không thấy cha mẹ, vì cha mẹ đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em, em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái đều chết hết, bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột nữa; có một người em gái thứ 9, đó là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bần đạo, mà đã qui liễu rồi, tới chừng ấy, tâm hồn ngỡ ngẩn, xác thịt bơ thờ, đi ra ngoài đồng ngó ngọn cỏ, con chim, nó cũng nhắc, nghe tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe, cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy, không biết buổi nào được vui, chỉ muốn đi tu, muốn tìm cảnh tu, cho đến từng tuổi này, đáo để tâm hồn quá lẽ.”

Buồn phiền về việc tử biệt sanh ly, Ngài chán nản sự đời, nên để tâm nghiên cứu Thần Linh Học và tìm cách liên lạc với các vong linh của thế giới vô hình.

Vào lồi tháng 6 năm 1925, sau khi luận đàm với các bạn trí thức đương thời, cũng là bạn đờn ca tài tử, có một ông cho biết hiện giờ ở Nam Vang, có nhiều trí thức chơi xây bàn để mời các vong linh người quá vãng về nói chuyện, ông cũng nói rõ là dùng cái bàn 3 chân và cách giao tiếp với vong linh. Thế là đúng với ý hướng của Ngài, nên Ngài bàn với quý Ông : Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, hiệp nhau thử thực hành việc xây bàn coi kết quả thế nào.

Vào hạ tuần tháng 7 năm 1925, quý Ông : Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và vài người trong gia đình, tụ lại nhà Ông Cao Hoài Sang, thử nghiệm việc Xây bàn. Đêm đầu tiên, Xây bàn không kết quả. Đêm thứ nhì tiếp tục Xây bàn thử nghiệm nữa, thì được kết quả hoàn toàn.

(Trong công cuộc Xây bàn này Ông Cao Quỳnh Cư đóng vai chủ động. Tiếp theo là thời kỳ Phò Ngọc Cơ tại nhà Ông Cư với Lễ Hội Yên Diêu Trì Cung cũng tại nhà Ông Cư, rồi Vọng Thiên Cầu Đạo, cũng tại nhà Ông Cư ở 134 đường Bourdais Sài gòn, Ông Cư chủ động và tổ chức tại nhà Ông Cư, cho nên các việc xảy ra trong giai đoạn này, xin độc giả xem Tiểu Sử của Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, thì hiểu rõ các việc của 4 Ngài: Cư, Tắc, Sang và Diêu.)

1. Một Đêm Về Trời:

Ngài chết đi, sống lại nhiều lần. Thuốc thang chạy chữa đã nhiều mà bệnh nào cứ tật ấy. Ngài thỉnh thoảng vẫn cứ ngủ lịm đi, rồi tỉnh dậy, có khi đôi ba giờ, có khi kéo dài nửa ngày. Cho mãi tới năm 17 tuổi, Ngài thiếp đi một lần cuối

cùng, lâu hơn cả những lần trước. Khi tỉnh dậy, Ngài còn nhớ tất cả cuộc xuất du của linh hồn, nhớ từng hình ảnh, nhớ từng chi tiết, mà sau này tất cả đều hợp với đời tu hành của Ngài.

Ấy là tháng Giêng năm Đinh Mùi (1907). Sau khi tham gia phong trào Đông Du bị bắt hụt, Ngài về quê nhà tạm lánh. Đêm rằm trăng sáng. Ngài ra nằm trên cái sập bán hàng của cô em gái, kê ngay trước hiên nhà. Nhìn ánh trăng hư ảo, tâm hồn phiêu diêu. Ngài chợt nhớ đến bài thơ “Thần Đồng Vấn Nguyệt” của một ông bạn vong niên đã ngâm cho Ngài nghe; và chỉ nghe một lượt Ngài đã thuộc lòng, tưởng chừng như bài thơ đã được in vào trong tâm khảm Ngài từ tiền kiếp xa xưa nào rồi. Ngài nằm, đắm đuối nhìn trăng và ngâm:

Thu thiên dạ thanh quang vận tĩnh,
Chôn lữ đình thức tỉnh canh khuya.
Tai nghe văng vẳng bốn bề,
Gương Nga vàng vạc dựa kê quế lan.
Thấy trăng thêm động lòng vàng,
Ngâm câu vấn nguyệt cho đang mấy lời.

Hỏi di Nguyệt mấy lời sau trước:
Duyên có sao mà được thành thời?
Nguyệt rằng: vật đổi sao dời,
Thân này trời để cho người soi chung.
Làm cho mỗi một anh hùng,
Ngàn thu sương tuyết một lòng thanh quang.

Hỏi di Nguyệt có đàng lên tới,
Chôn thiềm cung phụng mấy mươi xa?
Nguyệt rằng ta lại biết ta,
Có cây đơn quế ấy là nhà em.

Anh hùng thử đến nhà xem,
Kìa gương Ngọc tỏ nọ rèm thủy tinh.

Hỏi di Nguyệt có tình chẳng tá?
Chữ xuân thu phỏng đã nhường bao?
Nguyệt rằng: yếu liễu thơ đào,
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
Gương Nga vắng vặc chẳng mòn,
Bao nhiêu tinh đầu là con cái nhà.

Nguyệt lại hỏi đến người quân tử:
Buổi vân lô ai giữ kinh luân?
Ta rằng: có đáng Thánh quân,
Ra tay dẹp loạn, nên thân trị bình.
Nguyệt hỏi ta ngẩn ngơ, ngơ ngẩn,
Ta hỏi nguyệt thơ thần, thần thơ.
Liễu qua trước gió phát phơ,
Hương đưa bát ngát, phòng thơ ngạt ngào.

Tiếng ngâm thơ của Ngài vang vang làm lay động cả ánh trăng khuya, dập dờn như nổi sóng. Tâm hồn Ngài cũng lâng lâng nhẹ nhàng như mọc cánh bay bổng trên chín tầng thanh không cùng với âm thanh trầm bổng của giọng thơ ngâm dâng cao. Một cảm giác khoan khoái vô biên tràn ngập lòng Ngài, một khoái cảm êm ả, nhẹ nhàng, mang mang, không bờ bến. Ngài nhắm mắt đê mê, vừa để lặng lẽ tận hưởng, vừa để phân tích nguồn khoái cảm kỳ lạ ấy.

Và khi mở mắt ra, Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng huyền ảo, chẳng phải là ánh sáng nóng bỏng của mặt trời, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo của mặt trăng trên trái đất. Ánh sáng vừa trong trẻo, vừa dịu dàng, vừa đầm ấm,

bàng bạc khắp cả chung quanh. Còn Ngài thì lưng thừng trên con đường trắng như tuyết, phẳng phiu, sạch sẽ không vắng một mây may bụi trần, chạy thẳng tắp về chân trời xa. Ngài vừa đi vừa tiếp tục ngâm bài thơ “Thần Đồng Vấn Nguyệt”.

Bỗng thấp thoáng đằng xa đi lại một bóng người, Ngài im bất chú ý nhìn. Bóng người tiến lại trông rõ dần... Cách ngài vài chục thước hiện hiện một vị sư già, nét mặt vô hạn từ bi, mình khoác bộ áo cà sa vàng. Thấy Ngài có vẻ ngơ ngác nhìn, vị sư lên tiếng:

- Em có nhớ “qua” không?

Ngài nhìn lại vị sư, chợt nhớ ra, vội đáp;

- Dạ.

Chính Ngài đã được gặp vị sư này một lần rồi, cách đây hơn mười năm, hồi Ngài mới lên mười tuổi, đương theo học một ông đồ chữ nho Ngài thường theo hầu thầy đi làm thuốc. Một hôm, ông thầy sai Ngài cân thuốc trong hiệu khách Đức Vọng ở chợ ngã tư Tây Ninh. Bước vào cửa hàng, Ngài đã thấy, ngồi ở cái kỷ dài đối diện với quầy hàng, vị sư già mặc áo cà sa vàng trên kia cùng với một ông già râu tóc bạc phơ, trông thật là tiên phong đạo cốt, làm cho ai nhìn cũng kính mến.

Ngài đưa toa cân thuốc, Người chủ tiệm cầm lấy toa tính tiền xong đưa tay chỉ về phía trường kỷ mời Ngài ngồi chơi cùng hai ông khách già.

- Được chú để mặc tôi.

Ngài đứng yên dựa vào quầy hàng nhìn kỹ vị sư và ông già.

Hai người chỉ chỗ Ngài, rồi nói chuyện với nhau Ngài lắng tai nghe, biết rằng hai người đang nói chuyện về tướng số và rõ ràng đang luận về tướng Ngài. Chính Ngài nghe thấy và còn ghi mãi trong ký ức lời kết luận của nhà sư: “Cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp cậu vô cùng cao cả”.

Nhớ đến chuyện cũ, Ngài đã định hỏi vị sư về quá khứ, hiện tại, cũng như vị lai, Ngài còn đang suy nghĩ đặt câu hỏi thế nào cho tiện, thì vị sư già hình như biết ý, mỉm cười kéo tay Ngài:

- Em suy nghĩ gì đấy. Thôi hãy đi chơi với qua.

Ngài “dạ” một tiếng rồi bước theo vị sư như một cái máy. Vị sư dắt Ngài bước lên ngang hàng để vừa đi vừa đàm đạo cho dễ dàng. Trên con đường trắng phau phau, dưới là ánh sáng trong trắng, dịu dàng, êm ấm, vị sư thuyết cho Ngài nghe về tinh thần bác ái và vị tha của Phật Tổ, khuyên Ngài sau này ráng tu để độ chúng sinh thoát khỏi ách khổ ải của trần gian.

Câu chuyện vừa hết thì cũng thấy vừa hiện ra ở đầu đường phía trước một tòa lâu đài nguy nga, một màu trắng tinh như chạm bằng viên bạch ngọc khổng lồ.

Đến trước tòa nhà, vị sư bảo Ngài:

- Em chờ qua ngoài này, qua vào nhà một chút nhé.

Ngài đứng đợi một mình. Năm phút qua, mười phút qua rồi nửa giờ qua mà vẫn không thấy vị sư trở ra. Ngài nóng ruột gõ cửa gọi:

- Thầy ơi!

Cửa vẫn đóng im lìm, không một tiếng trả lời.

Ngài gõ cửa, gọi hai ba lần nữa nhưng chỉ có tiếng Ngài vọng lại, mỗi lần lại càng thêm rõ, làm tăng thêm cái vắng lặng của tòa lâu đài. Sốt ruột, Ngài đi vòng quanh nhà, tìm xem có lối nào vào được chẳng. Và nhận thấy tòa lâu đài có tám cửa giống hệt như nhau, cửa nào cũng đóng im ỉm. Qua mỗi cửa, Ngài lại gõ một lần. Vẫn cái im lặng mênh mang bao trùm tất cả. Ngài đã thấy hơi chột dạ, định quay lại tìm lối về. Nhưng bây giờ Ngài mới nhận ra trước mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân trời xa. Tám cửa đều giống nhau, tám con đường chẳng khác gì nhau, hướng ra tám phương trời. Ngài còn biết chọn con đường nào. Ngài hồi hộp lo lắng.

Giữa lúc băn khoăn ấy. Ngài thấy lập lòe ở phía xa có bóng đèn sáng, Ngài nghĩ thâm trong bụng: “Chỗ có ánh sáng kia hẳn có nhà. Ta hãy tới hỏi thăm đây là đâu và nhờ chỉ lối về”.

Ngài bèn hướng theo con đường đi lại phía có ánh đèn. Quả nhiên ở đấy cũng có một tòa nhà mà cửa cũng lại đóng. Ngài đánh bạo gõ cửa hỏi:

- Có ai ở trong nhà không?

Im lìm. Ngài gõ liên tiếp mấy lần nữa. Vẫn im lìm. Đang lúc Ngài sắp bấn loạn, thì tự nhiên cửa mở, một tiểu đồng hiện ra, đầu để ba chỏm tóc phát phơ, mặt hồng hào, tròn trĩnh dễ thương. Cậu bé bước ra khỏi nhà thì cửa từ từ đóng lại. Cậu chỉ ngay vào mặt Ngài mà nói:

- Anh có phải là anh Tắc không?

- Ủa, sao em lại biết qua.

Cậu bé mỉm cười như triêu chọc:

- Anh thật đớ đần! Sao tôi lại không biết! Thầy đợi anh ở trong nhà đấy.

Ngài càng ngạc nhiên:

- Thầy là ai, hờ em?

- Rồi anh sẽ biết. Đi vô thôi.

Nói xong, tiểu đồng quay trở lại, vào nhà. Trước khi bước vào trong nhà, cậu bé ngoảnh lại bảo ngài:

- Anh theo tôi nhé.

Rồi hấn vào. Ngài nhìn theo: một cảnh tượng làm cho Ngài hơi ón mình. Phía trong cửa, một con kim mao hầu nằm, hai chân trước duỗi thấp xuống, hai chân sau dựng lên cao, móng để sát vào ngưỡng cửa. Chú tiểu đồng thân nhiên leo lên móng con kim mao hầu trèo qua lưng, rồi đứng lên chân trước con thú dữ trước khi bước xuống nền nhà.

Thấy Ngài ngần ngại không dám tiến bước, chú bé mỉm cười giục:

- Có gì mà sợ nó không cắn đâu. Anh cứ theo như tôi, đừng ngại gì cả.

Nghe lời chú bé khuyến khích, Ngài đánh bạo bước lên móng con linh vật một cách e dè, leo xuống lưng nó, bước xuống bả vai rồi nhảy đại một cái ra xa.

Chú tiểu đồng thấy thế liếc nhìn Ngài sẽ lắc đầu mỉm cười:

- Anh nhát quá anh Tắc ạ.

Ngài biết chú bé muốn diễu mình, nhưng giả vờ như không

biết ngược nhìn chung quanh.

Cái cửa Ngài vừa bước qua tự động đóng lại sau con kim mao hẩu. Ngài và chú bé đứng trong một hành lang rộng thênh thang. Theo chiều dài hành lang, có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa, mà cửa nào cũng đóng kín mít. Hành lang dài rộng, cửa ra vào đều đóng, không có đèn đuốc chi cả, mà vẫn sáng, một ánh sáng dịu dàng và trong trẻo. Chú tiểu đồng thấy Ngài ngơ ngác nhìn ngắm, liền kéo tay dẫn đến cửa phòng cuối cùng để Ngài đứng đấy mà dận:

- Anh chờ đây. Lúc nào thầy kêu, tôi sẽ cho anh hay.

Nói xong, hấn tiến vào, cửa mở cho hấn bước qua rồi đóng ngay.

Ngài đứng một mình chờ đã lâu mỗi chân mà cũng chưa thấy tiểu đồng trở ra. Ngài cũng cố nhẫn đợi chờ, nếu không nghĩ tới trong hành lang này chẳng phải chỉ có một mình Ngài mà còn có con kim mao hẩu nữa. Nếu con vật nổi con sinh sự, biết làm thế nào? Hồi hộp Ngài vội gõ cửa:

- Em mở cho qua với.

Cửa bật mở. Ngài vào, Chú tiểu đồng quắc mắt gắt:

- Anh làm chi mà rồi lên thế!

Thoáng nhìn nét mặt Ngài, hấn dịu giọng ngay:

- À! Anh sợ con kim mao hẩu chứ gì! Anh nhát quá. Thôi ở đây mà chờ thầy.

Nói xong, không để Ngài kịp đáp lại, chú bé đi ra lối cửa đối diện lúc nãy. Còn có một mình ở lại trong phòng, Ngài mới chú ý ngắm nghía nhìn chung quanh: Đây là một gian phòng

dài đến hai mươi thước, rộng đến mười thước, bốn mặt nền nhà là một khối cẩm thạch liền, phẳng, nhẵn lỳ, thực là đẹp. Giữa phòng, có một chiếc bàn lại có kê một chiếc ghế bành nữa, cũng kiểu như sáu chiếc ghế kia, nhưng cao lớn hơn chút ít. Bàn cũng như ghế làm theo một kiểu mới lạ chưa từng thấy, mặt thì bằng cẩm thạch, vân ngũ sắc, còn chân bàn, chân ghế cùng chỗ dựa lưng, dựa tay đều bằng những giầy huyền kết lại vô cùng trang nhã. Ngài ngắm nhìn không chán mắt.

Ngài chờ đã lâu. Ngài muốn gọi chú tiểu đồng, nhưng e hấn gây sự nên lại thôi. Giữa lúc Ngài mong mỏi thì cánh cửa từ từ mở ra trước một hành lang sâu thẳm thẳm. Từ cuối hành lang, thấp thoáng bóng một ông già mặc áo xanh đi lại. Ông cao lớn, râu tóc bạc phơ, áo màu xanh, tay rộng phát phơ, đầu đội mũ cũng màu xanh, dáng uy nghi đường bệ. Ông già thân mật đưa mắt hiền hậu âu yếm nhìn Ngài suốt từ đầu đến chân. Một niềm chan chứa trong hân hoan đầu bồng từ lòng. Ngài say nhìn vẻ đẹp siêu phàm của ông già, ông giống hệt ông già đi với nhà sư mà Ngài đã gặp trong tiệm thuốc bắc dạo nào, chỉ có cách phục sức là khác. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành lớn ngay giữa, ngồi xuống ung dung, tự tại, hai tay đặt lên thành ghế, đầu hơi ngửa về phía sau, trông thật oai nghiêm, nhưng không kém hiền từ.

Trong lúc ngài còn ngây ngất, chăm chú nhìn từng nét mặt, từng điệu bộ, từng cử chỉ, và từng chi tiết trong cách phục sức của ông già thì ông đã lên tiếng:

- Con ngồi đi.

Ngài vâng lệnh ngồi xuống cái ghế gần nhất. Nhưng ông già chỉ vào chiếc ghế đầu, sát bên tay mặt mà bảo:

- Con ngồi sang ghế này.

Thoạt tiên ông già hỏi thăm Ngài về gia đình, về bà thân sinh ra Ngài, rồi đến anh Hai, anh Ba, chị Tư, cho đến hết cả mọi người trong nhà. Chỉ có ông thân sinh ra Ngài đã mất rồi thì ông già không hỏi tới. Ngài lấy làm lạ sao ông già hiểu rõ gia đình nhà Ngài như thế.

Ông lại chỉ rõ từng nét xấu, từng tính tốt của mỗi người anh em Ngài; sau hết khuyên nhủ Ngài về đường tu thân giữ sao cho vẹn đạo đức và tỏ ý đặt nhiều hy vọng vào Ngài trên con đường đạo.

Ngài ngồi lặng yên kính cẩn, chân thành lắng nghe những lời khuyên nhủ. Ông già lộ vẻ hài lòng, nụ cười tươi nở trên mặt đạo mạo; ông gọi tiểu đồng:

- Con đem bánh cho anh con ăn.

Tiếng ông già kêu vừa dứt, còn âm vang trong phòng thì cửa đã mở. Tiểu đồng mang vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn trên đựng đầy bánh còn nóng hổi, khói bốc lên thơm phức.

Ông già giục:

- Con ăn đi!

Ngài ngắm nghía đĩa bánh. Đây là những chiếc bánh bột lọc hình tròn. Chiếc nào cũng hai màu, nửa đỏ, nửa trắng, xếp theo hình nón Ngài đưa tay nhắc lấy chiếc bánh trên chóp đĩa, bẻ đôi đưa lên miệng, ăn rất ngon lành, vì đi mấy quãng đường dài, bụng đang đói ngấu. Hàng bánh thứ hai có ba chiếc. Ngài lấy ăn thêm một chiếc nữa, bụng đã đỡ đói. Còn đương nghĩ không biết có nên ăn nữa hay không, thì ông già

hình như biết ý giục:

- Con ăn nữa đi.

Ngài vâng lời, nhắc đến cái bánh thứ ba, bẻ đôi, ăn xong phần nhân, thấy bụng no, ngán quá, không sao ăn thêm được nữa. Ngài mới vò hai miếng vỏ bánh ném xuống gậm bàn.

Biết Ngài đã no, ông già kêu lấy nước. Tiểu đồng mang lên một tô lớn bằng vàng, nước đầy tận miệng.

Đi nhiều, mệt, lại ăn hết 2 chiếc rươi bánh, Ngài cảm thấy khát quá, uống một hơi hết sạch tô nước. Ngài uống đến đâu, ruột mát đến đấy.

Đợi Ngài ăn xuống xong, ông già trầm ngâm thong thả nói:

- Hôm nay con ăn hai cái bánh rươi, và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào cuộc đời hành đạo của con sau này.

Đến đây ông già, như ý không muốn để Ngài có nhiều thì giờ hỏi cặn kẽ, liền truyền lệnh cho tiểu đồng:

- Con đưa anh con về.

Ngài chấp tay vái chào ông già, rồi theo chân tiểu đồng đi ra. Sực nhớ đến con kim mao hẩu, ngài quay lại lại xin ông già con vật đó. Ông già gật bầu bảo: “Thôi, con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con”.

Trở ra, đến chỗ con kim mao hẩu, tiểu đồng trèo lên chân trước leo lên lưng, rồi đứng trên mông nó, thì cửa cũng vừa mở để hấn bước ra ngoài, Cửa khép lại sau hấn. Con kim mao hẩu tỏ vẻ hiền lành. Ngài bước lên lưng, leo lên mông nó, thì cửa vừa mở. Nhưng bóng dáng tiểu đồng đã biến mất.

Ngài nhìn xung quanh, lo lắng, không có hắc dẫn lối thì biết đi đường nào. Ngài kêu lớn:

- Em ơi!

Không thấy có tiếng đáp lại, Ngài liền kêu ba tiếng nữa, mới thấy bụi bông lông đèn trước mắt sột soạt lay động và chú tiểu đồng nhảy ra quát:

- Anh làm cái chi mà lớn tiếng vậy?

Ngài phân trần:

- Qua không thấy em, tưởng em đi đâu, mới phải gọi đấy chứ.

- Thôi tôi biết rồi, anh đã bị lạc, bây giờ lại sợ bị lạc nữa chứ gì. Anh lại đây, tôi đeo cho cái này.

Ngài nhìn thấy chú bé đeo ở cổ và mỗi bên tai một vòng hoa, còn hai tay mang hai vòng nữa, giơ lên, đòi đeo vào hai tai cho Ngài.

Không muốn làm phật lòng chú bé, Ngài đành phải cúi xuống cho hắc đeo hai vòng hoa tung lẳng vào tai. Chú bé thích chí phì cười:

- Thôi bây giờ anh theo tôi.

Hai người rảo bước một lát, thì tòa lâu đài tám mặt hiện ra trước mắt. Chú bé dẫn Ngài đến một cửa, rồi chỉ hai vết chân in trên bậc:

- Đây anh Tắc, chỗ cửa anh đến còn vết chân anh đây, anh có thấy không?

Rồi đôi giọng hắc khuyên Ngài một cách rất dễ thương:

- Lần sau; anh có đi đâu phải chú ý nhé.

Nhìn kỹ theo tay chú bé chỉ, Ngài thấy hai vết chân mình còn in rành rành ở đó. Ngài chưa kịp trả lời, chú bé đã tiếp:

- Từ đây anh nhớ lối rồi, cứ theo đường cũ mà trở về.

- Em về cả với qua cho vui.

- Bây giờ chưa thể được, anh ạ. Nhưng sau này, thầy sẽ cho phép em xuống với anh. Thôi anh về đi, không có ở nhà mong.

Sực nhớ mình đã đi chơi lâu, chắc ở nhà chờ đợi lắm. Ngài nói vài lời từ biệt chú bé rồi rảo cẳng theo đường về. Đi rảo một lúc, quay lại vẫn còn thấy bóng tiều đồng. Ngài gắng sức chạy, Ngài chạy hết sức nhanh, vô ý vấp phải một mô đất, té lộn đi một vòng.

Ngài giật mình tỉnh dậy, văng vẳng nghe thấy tiếng kêu khóc bên tai, vội mở choàng mắt ra, thấy chung quanh tấp nập những kẻ thì kéo tóc, người thì dụt tay, lay chân, gọi tên Ngài âm ỉ.

Ngài gượng ngồi dậy. Trong lúc mơ màng, Ngài hỏi người nhà:

- Con chó của tôi đâu?

Ra Ngài còn nhớ con kim mao hầu mà Ngài đã hỏi xin ông già siêu phàm trong giấc mơ kỳ lạ.

Thật ra, đây không phải là giấc mộng mà là cuộc xuất hồn của một chơn linh Hiển Đạo. Cuộc Vân du này năm 1927, Đức Ngài viết thành bản “Thiên Thai Kiến Diện”, đúng hơn là “Tam Thập Lục Thiên Hồi ký” mà bài này gần như gom

ý cuộc Hội Kiến với Đức Phân Thân, Đức Cao Đài mặc áo xanh nói trên:

Xa trông cảnh vật đã xây tròn
Bát hướng Đài ngưng thấy nước non
Động cũ Thần Tiên còn để dấu
Chùa xưa Phật Tích nát hư mòn
Chấp kinh Khổng sĩ Nho phong đổi
Năm nghiệp Đào Quân nhấp thuốc khôn
Nẻo Thánh tuy quên tay đẩy cỏ
Nền văn miếu thấy khói hương còn.
(Tam Thập Lục Thiên Hồi ký)

Trong cuộc vân du kể trên trước hết Ngài gặp vị sư áo vàng (biểu tượng Đạo Phật) Ông già mặc áo xanh (biểu tượng Đạo Lão), nhân vật đó chính là Đức Hồng Quân Lão Tổ phân thân của Đức Cao Đài. Đĩa Bánh Bạc màu trắng (màu Đạo Cao Đài) đựng những chiếc bánh hình tròn (biểu tượng Trời hay Thái cực) có hai màu đỏ và trắng (biểu tượng âm dương) tức Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Âm dương hay Khôn Càn là đầu mối biến sanh ra vạn vật. Đạo vốn chỉ một âm dương mà thôi...có cái gì thích hợp mà chẳng một âm một dương?

Ngài được uống một tô nước cam lồ, theo dịch lý mọi việc khởi đầu ở cung tý (thủy) tức Thiên khai ư tý, 12 giờ đêm thuộc Thiếu dương số 1, ứng vào quẻ phục (biểu tượng phục hưng nền đạo mới).

Thật sự Ngài chỉ ăn có hai cái bánh,cái bánh thứ ba chỉ ăn nhưn mà bỏ vỏ, hàm ý chỉ gom các tinh hoa của các Đạo mà bỏ những điều cặn bã, phản tiến hóa. Ông già áo xanh nói

“Con ăn hai cái bánh rười và uống một tô nước, những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành đạo của con sau này”. Nếu Ngài ăn đủ ba cái thì xong không còn gì để nói. Như vậy không phù hợp với đạo âm dương “sinh rồi lại sinh”. Thế nên Ngài chỉ ăn có hai cái rười mà lại ám hợp vào đời hành Đạo sau này, tức là chưa xong. Cuộc đời, trường đời, việc Đạo là hòa thủy vị tế (quẻ ly trên, quẻ khảm dưới), đó là quẻ thứ 64 trong kinh dịch, quẻ 64 ký tế mà quẻ 64 lại bắt đầu biến hóa. Trường Đời, việc Đạo biến hóa vô thường, Ngự Mã Thiên Quân phải đối phó để giữ vững Thuyền Đạo lướt qua những cơ sóng dữ và đá ngầm của biển cả. Đó là lời tiên tri của on trên:

“Muôn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.”
(Trích Đạo Sử)

III. Phần Đạo – Ngộ Đạo

2. Đức Chí Tôn Độ Ông Lê Văn Trung :

Đầu năm dương lịch, ngày mùng 5-12-Ất Sửu (dl 18-1-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy 2 Ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đi vô nhà ông Lê văn Trung, Cựu Nghị viên Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương để Đức Chí Tôn dạy việc.

Hai Ông Cư và Tắc rất lấy làm bỡ ngỡ, vì từ trước đến giờ không quen biết Ông Trung, nhưng Đức Chí Tôn dạy thì phải vâng lời. Hai Ông ôm Ngọc cơ đem theo, rồi đi vào Chợ Lớn, tìm nhà và vào gặp Ông Trung, trình bày đầu đuôi sự việc, Ông Trung rất vui vẻ và hoan nghinh, lật đật sắm sửa thiết đàn cầu Đức Chí Tôn.

Hai Ông Cư và Tắc phò Ngọc cơ, Đức Chí Tôn liền giảng, dạy Ông Trung lo tu hành. Đức Chí Tôn lại phán rằng : Ngài đã sai Lý Thái Bạch đi dắt Ông Trung nơi đàn Chợ Gạo lâu rồi. Ngài dạy tiếp:



" Trung, nhứt tâm nghe con !
Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy.
Con lấy sự sáng của con mà suy lầy. (Ông Trung bị lừa 2 mắt, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu làm cho 2 mắt của Ông sáng trở lại).

Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ như sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên.

Từ đây, Ông Trung vâng theo Thánh ý, thu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành Đạo. (Theo Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu).

3. Đức Chí Tôn kêu gọi liên hiệp với Ông Ngô văn Chiêu

Cách ít ngày sau, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy quý Ông : Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, phải hiệp với Ông Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Đức Chí Tôn còn dặn rằng : Mỗi việc chi đều phải do nơi Ông Chiêu là Anh Cả.

Đêm 30 tháng Chạp năm Ất Sửu (dl 12-2-1926), tức là đêm Giao thừa bước qua mừng 1 Tết Bính Dần, Đức Chí Tôn dạy quý Ông đến thăm từng nhà, thăm mỗi môn đệ (lúc đó có được 13 môn đệ có tên trong Bài Thi tứ tuyệt của Đức Chí Tôn : Chiêu Kỳ Trung..), đem Ngọc cơ theo để cầu Thầy. Khi phái đoàn đến nhà Ông Tắc, Đức Chí Tôn giảng cho 4 câu thi, mà sau này Đức Phạm Hộ Pháp thuật lại như sau: "Bần đạo nhớ lại hồi ban sơ mới Khai Đạo, thật ra Bần đạo không có đức tin gì hết, không có đức tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bần đạo cuối năm Ất Sửu, dạy cả mấy anh lớn ngày nay là Chức sắc của Đạo, đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm viếng mọi con cái của Ngài. Bần đạo không có đức tin gì hết, nghe nói Tiên giảng thi, theo nghe thi chơi, làm cho Đại Từ Phụ phải tức cười. Ngài cho bài thi ai nấy cũng tốt, duy có bài thi cho Bần đạo thì rất dị hợm, như vậy:

Ngao ngáo không phân lẽ thiệt không,
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.

Đại Từ Phụ còn thêm hai chữ : Nghe con ! "

(Thằng Áp út là Đức Chí Tôn gọi Ông Phạm Công Tắc, vì Ông là con trai Áp út trong gia đình).

4. Thiên phong Hộ Pháp :

* Đêm 11 rạng 12 tháng 3 âm năm Bính Dần (dl 22/23-4-1926), tại chùa Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, Đức Chí Tôn sắp đặt cuộc Thiên phong quý Ngài :

- Lê Văn Trung, Thiên phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.
- Lê Văn Lịch, Thiên phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nhựt.

- Trục Chơn thần của Ngài Phạm Công Tắc.



TNHT. I. 16 (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển):

" Cự, nghe dặn : Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó), biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón. . . .

Cười . . . Đáng lẽ nó phải sấm khôi giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lảy 9 tác vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch viết một lá phù (Giáng Ma Xử) đưa cho nó cầm."

" Biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trục xuất Chơn thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức, xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ."

* Đêm 14 rạng 15 tháng 3 năm Bính Dần (dl 25/26-4-1926), Đức Chí Tôn phong : (TNHT. I. 19)

- Cự, phong vi Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

- Tắc, phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

* Ngày 18-5-Bính Dần (dl 27-6-1926), Đức Chí Tôn dạy về Nhạc và Lễ nơi Thánh Thất, có đoạn như sau :

TNHT. I. 25 : " Mấy đứa con là : Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như vậy : Nghĩa, Đức đứng ngoài, là tại Bàn Thờ Hộ Pháp, rồi Hậu, Tràng đứng cặp kế đó, kế 3 con sau rớt hết : Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái."

* Ngày 16-6-Bính Dần (dl 25-7-1926), Đức Chí Tôn giáng khen Thiên phục của Ngài Phạm công Tắc:

TNHT. I. 32 : " Cười ! Tắc, con coi mặc Thiên phục có xấu gì đâu con ? Một ngày kia, sắc phục ấy đời sẽ coi quý trọng lắm ! Con ôi ! Con có biết những điều ấy bao giờ !"



Đức Hộ Pháp ngồi giữa các vị Thời Quân

Qua các phần Thánh giáo của Đức Chí Tôn vừa trình bày

trên, trích trong TNHT, chúng ta thấy không có ngày Thiên phong chánh thức cho 3 vị : Phạm công Tắc, Cao quỳnh Cư, Cao hoài Sang vào 3 chức vụ quan trọng nhất của HTĐ là : Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, mà chỉ thấy kết quả của việc Thiên phong ấy, như về vị trí đứng hàng lễ châu Đức Chí Tôn, Thiên phục.

Đặc biệt là chỉ có Ngài Phạm công Tắc là được Đức Chí Tôn trực Chơn Thần. Việc trực Chơn Thần này là để Đức Chí Tôn làm cho Chơn Thần Ngài Phạm công Tắc được thanh khiết và huyền diệu, để hiệp nhứt với Chơn thần của Ngự Mã Thiên Quân. Cho nên chỉ có Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc là được giáng linh trọn vẹn, còn quý vị khác chỉ là chiết chơn linh giáng trần. (Xem thêm mục 19 : Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp).

11 giờ 30 đêm 14 rạng 15 tháng 3 năm Bính Dần (đêm 25 rạng 26-4-1926) Đức Ngài được Đức Chí Tôn trực hồn khôi xác để chơn linh Hộ Pháp ngự vào. Trong Đạo Cao Đài chỉ có Đức Ngài là môn đệ duy nhứt được hưởng đặc ân này. Sự mạng thiêng liêng của Đức Hộ Pháp được mô tả trong mấy câu kinh :

“ Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuôi tà trực tinh.
Thâu các Đạo hữu hình làm một,
Trường thi Tiên Phật dượt kiếp khiên.
Tạo đời cải dữ ra hiền,
Bảo sanh năm giữ diệu huyền Chí Tôn.”

Từ đó Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Đạo Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như chơn linh

của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo (Nguyệt Tâm Chơn Nhơn). Ngài được Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài thông công với các Đấng và chịu trách nhiệm về chơn thần của toàn thể đạo hữu. Hôm ấy có các vị được thọ phong là Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp, Ngài Cao Quỳnh Cư được phong Thượng Phẩm, Ngài Lê Văn Trung thọ phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Ngài Lê Văn Lịch thọ phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Ngài Cao Hoài Sang thọ phong Thượng Sanh.

Các vị sau đây được phong vị để phò cơ:

Đức, Hậu phong Tiên Đạo phò cơ Đạo sĩ.

Cư phong Tá cơ Tiên hạ Đạo sĩ.

Tắc phong Hộ giá Tiên đồng tá cơ Đạo sĩ.

Cơ Phong Thánh, truyền giáo lập Pháp Chánh Truyền, tức là Hiến Chương của nền Đại Đạo lúc bấy giờ và phê chuẩn bộ Tân Luật.

“Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai ông này vào bực nhứt, trước hết và trên hết, Đức Chí Tôn mượn tay và thần lực của hai ông này mà lập thành Đại Đạo cho đến ngày nay. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai ông thì:

- Đâu có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
 - Đâu có Chức sắc Thiên phong nam nữ
 - Đâu có Hội Thánh và các cơ quan trong Đạo.
 - Đâu có Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.
 - Đâu có đại nghiệp hiện giờ cho nhân sanh thừa hưởng.
- (Theo “Đạo Sử Cơ Bút” của Trương Hiến Pháp).

Ngoài cặp cơ Cư-Tắc còn có các cặp cơ: Sang-Diêu, Hậu-Đức, Nghĩa-Tràng, Tươi-Chương, Kim-Đãi, Mai- Nguyên,

Mạnh-Phước, Thâu-Vĩnh.

Cầu cơ là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ cơ, tay cầm vào miệng cơ. Một lát sau điển các Đấng giáng nội rồi Ngọc cơ tự động viết ra. Chính vì đó, người ta có thể nghi ngờ người bên trái và bên phải viết ra. Thế nên, cơ bút có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được điều đó.

Nhằm chặn đứng sự lợi dụng cơ bút, Chức sắc Hiệp Thiên Đài có lập “Hiển Pháp cơ bút” chỉ chấp nhận và thừa nhận cầu cơ nơi Cung Đạo Đền Thánh tại Tòa Thánh.

Khi cầm quyền Chương Quán Nhị Hữu Hình Đài, Đức Phạm Hộ Pháp có ra Thánh Lệnh số 21 ngày 22-02- Tân Mão (29-03-1951) có đoạn: “Cơ bút vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ sự chi mà có tánh phạm của con người phối hợp vào đó, đều giả nhiều mà thiệt ít. Cơ bút đủ quyền tạo Đạo đặng, thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng. Vì cơ mà Đức Chí Tôn đã cấm cơ Phổ độ”.



Chân dung Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc (1930), một trong những vị tiên khai trọng nhất trong việc hình thành, xây dựng, phát triển và kiện toàn hệ thống tôn giáo của đạo Cao Đài.

5. Bí Pháp 5 Cung :

Ghi chú: bài viết “Bí Pháp 5 Cung” (Thanh Sử) có giá trị rất cao, dù Thể Pháp hoặc là Bí Pháp của Đạo Cao Đài cũng đều do chính tay của Đức Hộ Pháp. Không tìm được tài liệu nào ghi là bài viết “Bí Pháp 5 Cung” được "kiểm duyệt" bởi Ban Đạo Sử Tòa Thánh Tây Ninh. Vì thế tài liệu này sẽ được ghi là "chưa kiểm duyệt", và sẽ thay đổi khi có tin tức rõ ràng.

- a. Hạo Nhiên Pháp Thiên
- b. Phi Tướng Diệu Thiên
- c. Tạo Hóa Huyền Thiên
- d. Hư Vô cao Thiên
- e. Hồn Ngươn Thượng Thiên

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp có kể lại khi Đức Ngài phục linh xuống thế mở Đạo, Đức Chí Tôn có hỏi: “Con mở Thể Pháp trước hay Bí Pháp trước?” Đức Ngài xin mở Bí Pháp trước, Đức Chí Tôn bảo rằng: “Nếu mở Bí Pháp trước, đời sẽ thấy cơ huyền diệu, xúm nhau dành giựt tàn hại thì cơ Đạo sẽ ra thế nào? Còn Thể Pháp là hữu hình hữu hoại, miễn mặt Bí Pháp còn thì Đạo còn.”

Lời dạy trên đây cho chúng ta hiểu: Dù Thể Pháp hoặc là Bí Pháp của Đạo Cao Đài cũng đều do chính tay của Hộ Pháp. Đàn cơ tại Chợ Lớn ngày 11 và 12-3 năm Bính Dần (1926), Đức Ngài đã được Chí Tôn trực thân. Từ đây Đức Ngài là HỘ PHÁP THIÊN TÔN, Đức Chí Tôn hữu hình khai Đạo đúng ngày rằm tháng 10 Bính Dần. Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, Giáo Chủ Đạo Cao Đài tại thế đó vậy.

Còn Đức Chí Tôn vô vi Chương Quản Bát Quái Đài đã định nền Chánh Giáo phải trải qua nhiều giai đoạn để phù hợp

với chánh trị Càn Khôn Vũ Trụ và đúng với luật thay đổi của cơ Tạo Hóa. Do đó mà giai đoạn Thế Pháp từ khi khai Đạo cho đến lúc ban hành Đạo Lệnh số 01/HT-ĐL ngày 04-2-Kỷ Mùi (03-01-1979) đã kết liễu lời quyết định của Đức Chí Tôn đối với Thế Pháp, tức là cả cơ thể hữu vi của Đạo đến thời buổi giải thể đặng chuyển sang Bí Pháp.

Cũng may cho nhơn sanh. Khi Đức Hộ Pháp còn tại thế, Đức Ngài đã cho biết danh phẩm và Chơn Linh các Đấng Thiêng Liêng xuống thế mang xác phàm mở Đạo Cao Đài. Trong đó, Ngài Hiến Pháp là Phật QUAN ÂM. Nên lúc lưu vong qua Kiêm Biên, thời kỳ này Đức Hộ Pháp giao cho Đức Thượng Sanh thay thế làm Chương Quản Hiệp Thiên Đài cầm giềng mối Đạo cho đến ngày qui tiên. Thánh Giáo tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 16 và 17-04 Quý Sửu (18-19-05-1973) Đức Lý Đại Tiên Nhứt Trần Oai Nghiêm đồng ý với Đức Hộ Pháp ban đặc quyền cho Hiến Pháp, Chương Quản Hiệp Thiên Đài.

Nói về Pháp Chánh Truyền thì Hiến Pháp nắm mật pháp nên Đức Hộ Pháp đã giao cho Đức Ngài một nhiệm vụ yếu trọng là khai hoát Phạm Môn Trí Huệ tức cửa Phật HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN để minh chứng sự xuất hiện Bí Pháp của Đạo Cao Đài. Vì một khi Thánh Thể Đức Chí Tôn trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mà không có lưu hậu chứng cứ, không có hậu nhân kế chí bảo thủ Pháp Chánh Truyền để cho cơ Đạo đến hồi giải thể thì câu nghi vấn Hiệp Thiên Đài là Tòa ngự của Đức Chí Tôn, “dù cho còn một mặt Tín Đồ Hội Thánh vẫn giữ bản quyền Hội Thánh” phải giải đáp sao đây khi không còn Bí Pháp nữa?

Do đó mà Thiêng Liêng cho xuất hiện một vị Phật CHUẨN

ĐỀ, được Đức Hiến Pháp nhìn nhận và Đức Ngài cho biết đã xuất vĩa về hội kiến cùng Đức Hộ Pháp, được Đức Hộ Pháp đồng ý, ban cho vị Phật CHUẨN ĐỀ bút hiệu PHI PHẠM.

Nói rõ hơn, CHUẨN ĐỀ BỒ Tát Chưởng Quản Cung Hạo Nhiên Pháp Thiên đã được thọ truyền Bí Pháp do chính Đức Hiến Pháp Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, quyền năng Hiến Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài cũng như Hộ Pháp vậy, làm cho lời khẳng định: “Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta” của Đức Chí Tôn phải thành sự thật.

Nên về mặt Thể Pháp mà hiểu thì:

PHẬT: Tức Đức Chí Tôn vô vi đến giáo hóa bằng cơ bút đặng mở Đạo, Ngài vi chủ Bát Quái Đài.

PHÁP: Thông công hữu hình với vô vi làm chủ tinh thần Đạo, gọi là Ngự Mã Thiên Quân tức là Hộ Pháp Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài.

TĂNG: Thập Nhị Thời Quân chia làm ba chi: PHÁP, ĐẠO, THỂ tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn đó vậy.

Còn Bí Pháp Chơn Truyền tức là quyền năng vô đối của Đức

Chí Tôn đã cầm nơi tay Ngài đến cùng con cái mỗi người một quyền hành, đủ phương pháp, đủ quyền năng tự giải thoát lấy mình. Nên về mặt Bí Pháp thì:

PHẬT: Là HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN, tương liên hiệp một cùng Đức Chí Tôn.

PHÁP: Là HU VÔ CAO THIÊN thuộc về Pháp Giới, cầm cả luật Thiên Điều.

TĂNG: Là HỒN NGUỒN THƯỢNG THIÊN thuộc Tạo Hóa, thuộc Tăng.

Phật vị có 3 đẳng cấp ấy đặng nắm cả quyền năng trong Càn Khôn Thế Giới.

Bây giờ, ta muốn về gặp Đức Chí Tôn, ta không có con đường nào khác hơn là con đường dục tấn tinh thần trên Thiêng Liêng Hằng Sống. Vậy ta phải đi. Ta dục tấn tinh thần qua 5 Cung Bí Pháp như sau:

a. Hạo Nhiên Pháp Thiên:

Nơi Vạn Linh qui hiệp về đây tùng lệnh CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT, PHỔ HIỀN BỒ TÁT.

CHUẨN ĐỀ BỒ TÁT là Đấng Chương Quản Cung Chương Pháp xây quyền Tạo Hóa, có đủ quyền năng thi Nhơn Đạo và Thiên Đạo đặng ban cho ta được Chơn Linh điếm trí mà hiệp Tam Bửu mới mong dục tấn trọn con đường Thiêng Liêng Hằng Sống. Câu kinh đệ Thất Cửu có tả như vậy:

“Cung Chương Pháp xây quyền Tạo Hóa,
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi”.

Có nghĩa là những Nhơn Hồn được thi pháp mà Phật CHUẨN ĐỀ chấm đậu thì đến ngày Long Hoa Đại Hội sẽ được nêu lên bảng vàng hay bảng đá.

PHỔ HIỀN BỒ TÁT chuyển cơ giáo hóa cho Cung Phật, hiệp các đẳng Chơn Linh chèo Bát Nhã Thuyền tận độ Vạn Linh hiệp nhứt linh câu kinh đã đề:

“Động Phổ Hiền, Thần, Tiên, hội hiệp,
Dở Kim Cô đưa tiếp Linh Quang”

Nhiệm vụ Hạo Nhiên Pháp Thiên phải:

-Trừ ma chương quỷ tai.

-Cứu khổ ách Nghiệt chướng.

-Độ tận Vạn Linh đắc qui Phật vị.

Nếu được vào cung Phật, ta mới hiểu những lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp rất chơn thật mà thâm thúy, nồng nàn, có giá trị tuyệt đối là: “ Nơi HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN, một vị Phật cao trọng toàn tri, toàn năng gần như Đức Chí Tôn nữa mà xuống thế gian này đặng học bài học khổ, dám làm kẻ ngu dốt lắm. Đấng toàn tri, toàn năng ấy là Đấng đầu tiên hiệp lại với Đức CHÍ TÔN”.

Hoặc chú ý thêm, ta sẽ biết được: “HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN tương liên hiệp một cùng Đức CHÍ TÔN, nắm quyền trị thế, chính quyền năng Đức CHÍ TÔN định”.

Vì vậy mà Đức CHUẨN ĐỀ BỒ Tát phải chuyển Bí Pháp cho ra thiệt tướng. Nên ta mới thấy được: “Đấng làm chủ Cung ấy ra lệnh cho vị cầm đầu chỉ hướng, giáo hóa, dìu dẫn anh chị em nam nữ cho rõ thông chơn lý đặng giải thoát đạt Đạo được đưa lên Cung PHI TƯỚNG DIỆU THIÊN kiến diện Đức TỬ HÀNG.”

b. Phi Tướng Diệu Thiên:

Cung nắm quyền hành Tạo Đoan loài người, đồng thể, đồng tánh với PHẬT, thuộc PHẬT. Đã lãnh phận sự nơi Đức CHÍ TÔN, cầm Nguơn khí của con người, giữ sanh mạng vạn vật kêu là Vạn Linh. Nên khi ta được vào đây phải tòng TỬ HÀNG BỒ Tát. Chính là QUAN THẾ ÂM BỒ Tát vâng mạng lệnh Đức DI LẠC Vương Phật chèo thuyền Bát Nhã qua lại sông Ngân Hà rước người từ khổ hải về Bát Quái Đài.

Cung PHI TƯỚNG có nhiệm vụ:

- Năng trừ tà ma, năng trừ nghiệt chướng.
- Năng cứu tật bệnh, năng cứu tam tai.
- Độ tận chúng sanh thoát ư tứ khổ.

Và nơi đây thi pháp hộ trì vạn linh sanh chúng. Ngài Hiến Pháp lúc sanh tiền có dạy:

“Người ta tin QUAN ÂM chớ. Nhưng tin QUAN ÂM vô vi, chớ không tin QUAN ÂM hữu hình. Chờ chừng nào Qua chết đi rồi biết”

Ngày giờ này, Đức Ngài đã trở về cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống, tiếp tục Phật sự do chính Hộ Pháp đã giao. Chương Quán Hiệp Thiên Đài vô vi chuyển pháp cho kịp lời hứa Đức Ngài: “Chừng nào rước Liên Đài của Đức Hộ Pháp chính Qua đi rước mới là thiệt đa nghe”.

c. Tạo Hóa Huyền Thiên:

PHẬT MÃU cầm Pháp chuyển cơ sanh hóa không cùng tận, cầm sanh khí biến xuất để tạo sanh vạn vật...Đấng Tạo Hóa năng du ta bà thế giới, dưỡng dục quần sanh, dưỡng dục quần linh qui nguyên Phật vị.

Lúc ban sơ, PHẬT MÃU đến ngự tại Hiệp Thiên Đài làm mẹ chữ Khí, tức là khí sanh vạn vật, lấy nguơn pháp trong chữ Khí mà biến thành Càn Khôn Vũ Trụ. Chữ Khí tương quan trong Hiệp Thiên Đài, nên PHẬT MÃU trước đến tạo Hiệp Thiên Đài, thuộc Pháp, tức là Tòa Ngự của Người, rồi sau mới lập Cửu Trùng Đài. Người đến gọi mình là bạn của Chúng Sanh, tự xưng Thiếp, đem Bí Mật từ thử chưa ai nghe đối với CHÍ TÔN thế nào, nói rõ không kiên phép Ngọc Hư, vì để tạo gia nghiệp cho con cái của Người thì Người có quyền nói không ai cản nổi.

Vạn Linh dục tấn đến đây đã thấy Pháp hóa tướng Tông, nhưng có điều chưa dám nói. Bởi Đức HỘ PHÁP đã dạy: “Không có my thuật, my pháp đâu, nếu có thì Đức Tam Tạng khi đi thỉnh kinh không bỏ xác trôi giữa dòng sông”.

Nếu ta tin Đức Hộ Pháp mang xác phàm sống trở lại về lên ngôi GIÁO TÔNG, tức là Đức PHẠM GIÁO TÔNG, thì chỉ theo duy linh mà thôi. Như vậy, sẽ đứng bên ngoài của luật thay đổi Tạo Đoan và trái với Pháp Chánh Truyền ấn định. Đức CHÍ TÔN đã phân quyền rõ rệt, nếu hiệp nhứt tức là cả hai quyền chính trị và luật pháp trong tay thì Vạn Linh dễ bị áp chế độc tài.

Hơn nữa Hộ Pháp hữu hình mà quyền năng Thiêng Liêng, trách nhiệm của Đức Ngài rất quan trọng là mở cửa Phạm Môn Trí Huệ dẫn dắt con cái CHÍ TÔN vào Bát Quái Đài chớ đâu vì cảnh hữu vi sắc tướng để các nguyên căn làm đường lạc ngã. Trong bài thài Đức Ngài than:

“ Rời đây ai đến cầm Chơn Pháp,
Tô điếm non sông Đạo lẫn Đời!”

d. Hư Vô Cao Thiên:

Khi ta còn ở Cung Phi Tướng thì ta được phổ hóa đạt Pháp, nếu dục tấn đến đây sẽ được giáo hóa Chơn Truyền phổ tế chúng sanh đạt Phật. Ta đến Cung này phải nhờ PHẬT MẪU cho “ Phục nguyên như hườn tồn Phật tánh”.

Rồi ta nhớ lại con đường Thiêng Liêng đi qua, ta biết nơi HẠO NHIÊN có Cung Chưởng Pháp, một Cung toàn hảo do thiên thơ tiền định, gồm cả ba vị Phật: CHUẨN ĐỀ, DÀ LAM, PHỔ HIỀN. Nếu ta hiểu nền chánh trị Càn Khôn Vũ Trụ quá vĩ đại ngoài tưởng tượng của chúng ta, thì Cung nắm

chánh trị Càn Khôn cũng khó đo lường, vì nơi đây không thiếu một pháp giới nào bởi Hư Vô phải lãnh một nhiệm vụ Thể Thiên Hành Hóa, nếu muốn thì họ có tất cả.

Như ta đã biết dù có 3 vị Phật mà tại HẠO NHIÊN chỉ từng linh CHUẨN ĐỀ và PHỔ HIỀN, thử hỏi tại sao không từng linh DÀ LAM? Phật DÀ LAM là Chơn Linh của Đức QUAN THÁNH đạt vị, đã đạt tới CÁI THIÊN CỔ PHẬT. CHUẨN ĐỀ Bồ Tát là Giáo Chủ Tây Phương Cực Lạc. PHỔ HIỀN Bồ Tát là một trong 12 đại Đệ Tử NGỌC HƯ CUNG, cả 2 vị đều có mặt ở Phong Thần thời hưng Châu phật Trụ. Còn Phật DÀ LAM thuộc vô vi nên đến HƯ VÔ CAO THIÊN ta mới biết, chính DÀ LAM dẫn nẻo Tây Qui, nên Tiểu Tường có câu: “Ngôi Liên Đài quả phúc DÀ LAM”.

DÀ LAM hướng dẫn Vạn Linh về gốc, vì đó mà nơi đây xuất hiện TIẾP DẪN PHẬT (TIẾP DẪN và CHUẨN ĐỀ là một nguyên căn, cùng là Giáo Chủ Tây Phương Cực Lạc, nên cả 2 vị Phật thay đổi trong 2 Cung thường du đó vậy). TIẾP DẪN PHẬT đem Chơn Pháp cho Vạn Linh đạt mà nhìn nhận Đức CHÍ TÔN tại thế, tức là Đức Di Lạc Vương Phật. Tại HƯ VÔ CAO THIÊN vâng mạng lệnh nơi HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN nắm chánh trị Càn Khôn đã vừa lo cho Vạn Linh đạt chơn pháp, lại vừa lo chuyên nhập Cực Lạc Quốc.

e. Hồn Nguơn Thượng Thiên:

Khi Ngài Hiền Pháp giao cho Phật Chuẩn Đề mở HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN để truyền bá đức tin thờ Đức Hộ Pháp có lần Đức Ngài đã dạy: “ Đường này là đường của CHÍ TÔN nếu không đi thì đi đường nào?”

Mấy em đã phăng được cái gốc rồi thì đừng trèo ra nhánh nữa, lỡ tuột nó té mấy em Qua làm sao đỡ kịp!”

Kỳ này Đức DI ĐÀ đã vào Lôi Âm Tự nhường Kim Tự Tháp cho Đức DI LẠC. Nên thờ HỘ PHÁP thì Đức DI LẠC mới lên ngôi GIÁO TÔNG, bởi GIÁO TÔNG quyền năng hữu hình, vì vậy mà Kinh Đại Tường có đoạn:

“Hồn Ngươn Thiên dưới quyền Giáo Chủ,
DI LẠC đương thâm thủ phổ duyên.
Tái sanh sửa đổi chơn truyền”

Đức Di Lạc đến chỉnh sửa những sai sót làm cho Chánh Giáo biến ra phạm giáo mà thất pháp. Kể từ khi được giải thể Vạn Linh dục tấn tới đây mới rõ câu kinh “Giáng Linh HỘ PHÁP DI ĐÀ”.

Nhờ Tử Khí HỘ PHÁP huyền diệu Thiêng Liêng thức tỉnh Vạn Linh sớm hiệp Tông Đường để được Đức DI LẠC cho an định cương vị. Chuyển cho Vạn Linh hiệp Chí Linh tại Cung Chánh Pháp của Đạo Cao Đài để tại mặt thế này cho nhọn loại đạt đến. Nơi đây cốt yếu chung hợp các đẳng Chơn Hồn cao siêu trí thức từ Tiên Thiên tới Phật Vị. Chính nơi đây quyết định chương trình Long Hoa Đại Hội của toàn thể Vạn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ.

Khi Vạn Linh đã vào Lôi Âm Tự kiến diện Đức DI ĐÀ, lúc trở ra Đức DI LẠC mới nhìn nhận và chịu danh là ĐẠI TỬ PHỤ, cũng bởi Vạn Linh dục tấn đến đây thì đã đạt Chơn Pháp thấy rõ câu:

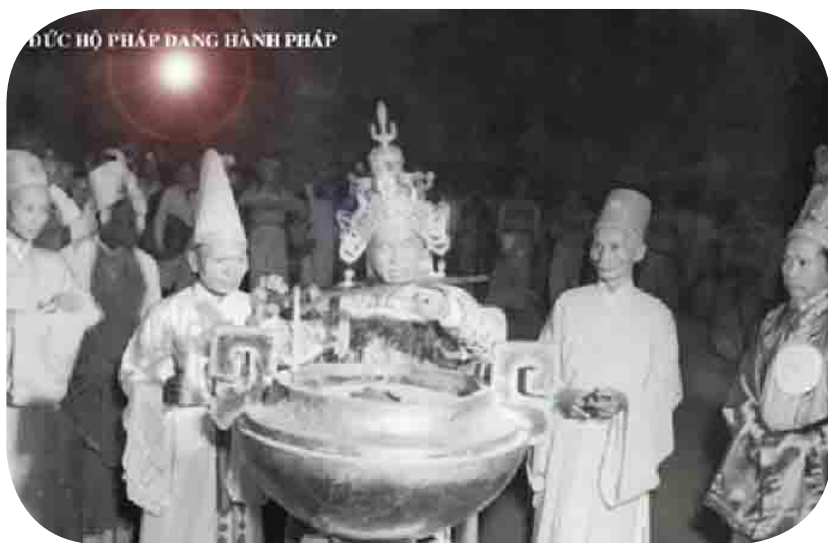
“ Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta”.

Đức CHÍ TÔN đã không hề dỗi gạt một ai.
Và tại hữu hình, Đức DI LẠC chuyển Chơn Pháp thành
Chơn Đạo, chiếu theo

“ Bộ công DI LẠC Tam Kỳ độ sanh”

Mà định phẩm vị cùng ban thưởng cho toàn thể Vạn Linh
đặng kết thúc Long Hoa Đại Hội tại Bạch Ngọc Kinh (Tòa
Thánh Tây Ninh).

6. Vai Trò Của Đức Hộ Pháp Với Bí Pháp :



Trước hết, nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không
lời tuyên thệ, lời nguyện, mà là một cuộc hành pháp trực
Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để Chơn linh
Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài.

Từ đó, Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Cao Đài. Đó là
trường hợp giáng linh ngự thể như Chơn linh của Nguyễn
Du nhập vào Victor Hugo. Ngài đã được Đức Chí Tôn giao
trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài, thông công với các

Đáng và chịu trách nhiệm về phần Chơn Thân của toàn thể Đạo hữu (chỉ chung cả Chức sắc), còn phẩm Giáo Tông chỉ có quyền về phần xác mà thôi.

Năm 1929, Đức Phạm Hộ Pháp lập Khố Hiền Trang, mở Phạm Môn tu luyện không áo mão với “Phương Luyện Kỳ” để đạt Cơ giải thoát.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đã dạy: “Hộ Pháp hằng đứng (nơi Vi Hộ) (Cửa Mỏ Ấc tức Thượng Đơn Điền) mà gìn giữ Chơn linh các con khi luyện Đạo đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí với Thân, đến Chơn Thân hiệp làm một mà siêu phàm nhập Thánh”.

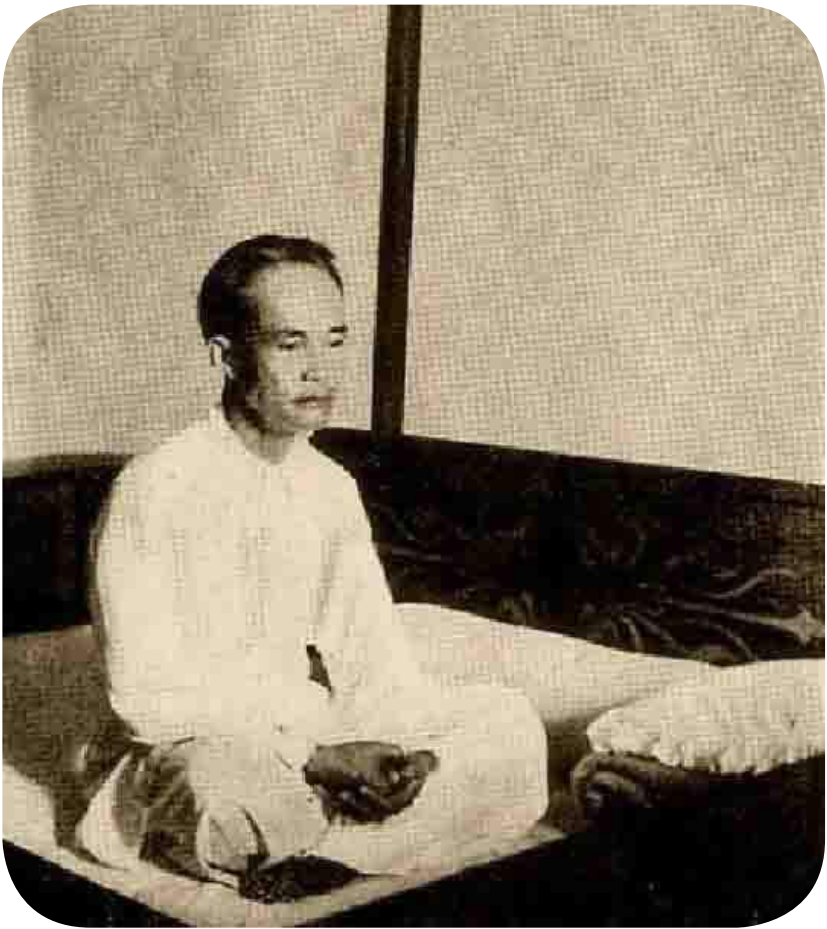
Năm 1951, tại Trí Huệ Cung, Đức Phật Mẫu cũng ban cho Đức Ngài “Vện toàn Pháp môn”:

Hễ làm Mẹ quyền hành dạy trẻ,
Con đừng lo mạng thế thi phạm.
Huyền Linh mẹ chịu phần cam,
Ban cho con trẻ vện toàn Pháp môn.

Vì thế, dù Đức Ngài còn ở thế hay qui Thiên, Đức Ngài sẽ diêu dụng quyền năng điển lực của Kim Quang Tiên trợ phần thân cho hành giả công phu tu luyện đạt thành Chánh quả.

Khi sinh tiền, ai đến xin luyện Đạo, Đức Ngài CÂN THẦN, đo mức độ khí trược trong người đó coi có đủ sức chịu nổi điển lực Thiêng Liêng không, nếu kém sức sẽ biến tướng thành Tả Đạo, thì không cho luyện Đạo. Các vị Thời Quân Chi Pháp cũng có truyền Bí Pháp cho Chức sắc, nhưng khả năng cân thần không bằng Đức Ngài.

Năm 1936, các vị Phạm Môn chuyên qua Phước Thiện, nhận lãnh Đầu Hộ Đạo Phước Thiện tại các Tỉnh, Đức Hộ Pháp đã truyền các phép Bí Tích: Giải Oan, Tắm Thánh, Phép Xác và Hôn Phối cho các vị tân Đầu Hộ tại Hộ Pháp Đường. Đức Ngài còn hành pháp trục Thần, khai khiếu và ban Pháp Bạch Đăng (cây đèn trắng) để khi hành Đạo tha phương gặp khó khăn, thắp đèn lên vào giờ Tý rồi thành tâm cầu nguyện Đức Ngài hiển linh chỉ giáo.



Nhiều Chức sắc như Chí Thiện Võ văn Đợi, Giáo Hữu Thượng Tý Thanh ... đã được dạy Đạo qua phương pháp này. Huyền diệu nhất là việc Đầu Sư Thái Thơ Thanh được Đức Ngài trợ Thần khi tịnh luyện. Ngài Thái Đầu Sư rất kính phục và hủy bỏ sơ đồ xây dựng Nội ô Tòa Thánh theo ý phàm và giao việc xây cất Tòa Thánh lại cho Đức Hộ Pháp làm theo Thiên khai, mà trong chuyển xuất Thần vân du Ngài thấy được.

Xem thế, ngay buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy người theo Đạo tu thân là: Công quả và Tịnh luyện.

Pháp môn Tu Tịnh Đức Hộ Pháp truyền cho các vị chánh thức của Phạm Môn : CÁCH CÂN THẦN (1930). Tân Luật cũng xác nhận: Đạo gồm các Thánh Thất (Thê Pháp) và Tịnh Thất (Bí Pháp Thiên định).

Thê Pháp là hình tướng của Đạo, biểu tượng là Hội Thánh. Bí Pháp là quyền năng của điển lực để người Đạo giải thoát, thuộc Hiệp Thiên Đài.

Thế nên, lúc mới khai Đạo, nặng về Phổ Độ để đưa người vào cửa Đạo, sinh hoạt đạo lý mà lập Công, lập Ngôn rồi lập Đức mà tiêu trừ nghiệp chướng.

Hai phần Phổ Độ và Vô vi nằm chung trong Chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hội Thánh Cao Đài thực hành trọn vẹn cả hai. Bởi lẽ, trong Chơn truyền của Đức Chí Tôn không hề có sự phân chia hai phần:

1. Phổ Độ là ngoại giáo Công truyền do Tòa Thánh Tây Ninh đảm trách,

2. Vô vi Tịnh luyện là nội giáo Bí truyền do Chi Phái thực

thi, như một ít người làm tướng.

Thê Pháp và Bí Pháp tương liên khắng khít với nhau như hình với bóng. Hễ có hình thì có bóng, có bóng tức có hình. Nói cách khác, câu Kinh Tứ Thời là thê hình để người Đạo mỗi ngày một ít gom Thần định Trí và lý thanh cao tưởng đến Phật Trời. Còn cái bóng của Kinh kệ là trạng thái sống tinh thần của người Đạo đạt được khi vọng niệm.

Các âm ba hòa nhập vào điển lực của Trời Phật làm thức tỉnh Chơn Thần. Âm ba Kinh kệ là cái bóng, chữ nghĩa Kinh kệ là cái hình. Hình với bóng không thể xa nhau.

Vai trò của Đức Phạm Hộ Pháp trong Thê Pháp và Bí Pháp. Thê Pháp và Bí Pháp là hai mặt mà bất cứ Tôn giáo nào cũng phải có.

Thê Pháp của Đạo ai cũng thấy được. Đức Phạm Hộ Pháp lập ra những kiến trúc hình tượng rất đặc thù của tôn giáo Cao Đài: Thánh Thất, Tòa Thánh, Đền Thờ Phật Mẫu, y phục toàn trắng. Bất cứ ai, bất cứ ở đâu, nhìn thấy những biểu tượng đó đều biết ngay là Đạo Cao Đài.

Từ lúc “Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà” thì Đức Phạm Hộ Pháp nắm cả quyền về Bí Pháp. Trong Pháp Chánh Truyền, Đức Chí Tôn đã dạy: “Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền Thiêng Liêng mỗi Đạo”.

“Quyền Thiêng Liêng” đó là Bí Pháp, là điển lực giải thoát Chơn Thần con người thoát khỏi vòng tục lụy. Bí Pháp thuộc trách nhiệm nơi Hiệp Thiên Đài mà vị Chương Quân là Hộ Pháp.

Hãy nghe Đức Ngài giảng việc này như sau:

“Khi Đức Chí Tôn chọn Bàn Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bàn Đạo phò loan chấp bút. Nhờ chấp bút mà Bàn Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiền. Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh, nhưng nhập tịnh không phải dễ.

“Chính Bàn Đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu, nên mới về được hội kiến cùng Đức Chí Tôn và học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu bí trọng”. (Lời Thuyết Đạo, đêm 13-8-Mậu Tý tức 16-9-1948 tại Đền Thánh).

Nhờ đó mà Đức Ngài truyền lại cho các Chức sắc hành pháp Giải Oan, Phép Xác, Hôn Phối,... và luyện Cam Lô Thủy, Ma Ha Thủy,... Những Thủ Pháp và những Bí Pháp mà Đức Ngài xây dựng và truyền giảng, các Chức sắc thừa hành cố giữ y nguyên trạng.

Đức Hộ Pháp hành “Bí Pháp” Bắt Ân Dân Tam Bửu trong lễ cúng Đại Đàn tại Tòa Thánh Tây Ninh và Bắt Ân Hộ Pháp.

Trong lễ cúng Đại Đàn, Đức Hộ Pháp bắt ấn Thượng Nguơn (dâng Bông); Trung Nguơn (dâng Rượu) và ấn Hạ Nguơn (dâng Trà).

Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 14 tháng 2 năm Mậu Tý (24-3-1948) “Trong một thời cúng, Bàn Đạo đã căn dặn nhiều phen trọng hệ hơn hết là khi dâng Tam Bửu, dầu cho tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam Bửu, khuyên cả thầy định thần đặng mật niệm, dâng ba bửu trọng hệ cho Chí Tôn, tức là giúp sức Bàn Đạo Hành Pháp dễ dàng một chút đó. Khi dâng Tam Bửu, Bàn Đạo hiểu cả nghĩa lý của nó, đang khi dâng bông, cả thầy hình thể con cái của Chí Tôn tức là Thánh Thể của

Ngài, trụ hết xác Thánh đó dâng cho Ngài, dâng Ngài làm phương cứu thế. Đó là dâng bông. Tới dâng rượu, cả thầy khi dứt đọc kinh, nín lặng hết, Bàn Đạo vận dụng cả trí não tinh thần, đem đức tin của cả thầy dâng vào Bát Quái Đài. Tới dâng trà, là dâng cả linh hồn cho Chí Tôn. Bàn Đạo để cả tinh thần trụ lại, đem linh hồn của con cái Chí Tôn dâng cho Ngài”.

Trong lễ cúng Đại Đàn, Hộ Pháp có hành pháp ba ấn: Thượng Nguơn, Trung Nguơn, Hạ Nguơn.

a. **Bất Ấn Thượng Nguơn**



Đức Hộ Pháp bắt ấn Thượng Nguơn

Đức Hộ Pháp đứng lên ngài rồi bắt ấn Hộ Pháp, lấy cả tam bộ Thiêng Liêng tức là sanh khí mà ta thấy trước mắt tỏa ra cùng khắp. Rồi đến trụ thần lại bao trùm cả trái đất này như vòng bao một trái cây gì vậy, để cái cuống lên trên, đem

dâng cho Chí Tôn ngự.

Kê dâng bông, bắt ấn Thượng Nguơn dưới đạp Nguơn Đẩu, tay đưa Giác Ma Xử lên hiệp với chữ Khí, đem khí ấy đưa ra cả càn khôn thế giới. Ấn Thượng Nguơn làm chủ chữ Khí, đem khí ấy hiệp hết cả Nguơn Khí đặng bao trùm vũ trụ.

b. Bắt Ấn Trung Nguơn



Khi dâng rượu bắt ấn Trung Nguơn. Đến Trung Nguơn bắt ấn Hiệp Chương biến hóa, Gián Ma Xử đề nằm ngang, đuôi bên Thế, cán bên Đạo, ý nghĩa Đạo cầm cán đặg trị Đời. Bắt ấn Hiệp Chương, cầm cả cơ pháp của vạn vật biến sanh đặg bảo tồn không cho tương tranh, tự diệt nhau

c. Bắt Ấn Hạ Nguơn

Khi dâng Trà bắt ấn Hạ Nguơn. Tới Hạ Nguơn, tay tả thuộc dương đề trên, tay hữu thuộc âm đề dưới, rồi đề Gián Ma Xử chúi xuống, trụ thần đem cả càn khôn hiệp cả vạn vật. Bắt ba ấn phải trụ thần, làm sao cho ấn ấy đừng thất pháp.



Đức Hộ Pháp bắt ấn Hạ Nguơn

Cho nên ban sơ, buổi Chí Tôn mới giao cho Bần Đạo tại Từ Lâm Tự, cái khó là trí óc vẫn lo ra, vì không quen, không phải mình làm thầy phò, thầy pháp gì ởng giao cho học mãi làm không trúng. Vì cố nên mới có qui lộng tại Từ Lâm Tự buổi nọ, các ấn khác của Hộ Pháp có linh hay không mà

qui lộng? Ấy là Thiên Cơ khiến vậy. Chí Tôn mở Tam Thập Lục Động coi có phá nổi Ngài không? Có thể làm cho tiêu diệt nền Chánh Giáo không? Để cho chúng sanh thí nghiệm mà thay quyền năng vô tận của Ngài. Buối nọ vì thời gian ngắn ngủi, nên công việc chưa rành rẽ, vì không đủ thì giờ để chuyên luyện, hoặc cho là chưa trọng hệ cho lắm, nên có điều sơ lược. Đó là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn như vậy.



Đức Hộ Pháp Bắt Ấn Hộ Pháp:

Đức Hộ Pháp đang bắt ấn Hộ Pháp... tư thế hai tay giống như tay Brama Phật trên nóc Bát Quái Đài.

7. Phò loan Phong Thánh :

Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao quyền Cư được Đức Chí Tôn chỉ định làm cặp Phò loan Phong Thánh, để Đức Chí Tôn và Đức Đại Tiên Lý Thái Bạch phong thưởng các phẩm Chức sắc lập thành Hội Thánh.

Nhờ cặp Phò loan Phong Thánh này, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền cho CTĐ Nam phái, rồi giao cho Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền cho CTĐ Nữ phái. Kế đó, Đức Chí Tôn lập Tịch Đạo cho Nam phái và cho Nữ phái.

Đức Chí Tôn phong các phẩm Chức sắc CTĐ : Chương Pháp 3 vị, Đầu Sư 3 vị, Chánh Phối Sư 3 vị, nhiều vị Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu và Lễ Sanh, cả Nam phái và Nữ phái.

Cũng do cặp Phò loan Phong Thánh này, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, phong Thập nhị Thời Quân, và một vài vị Bảo Quân trong Thập nhị Bảo Quân, cơ quan Hàn Lâm Viện của Đạo Cao Đài.

Như vậy, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền là để tạo thành Hiến Pháp, làm căn bản tổ chức Giáo Hội của Đạo Cao Đài.

Nhờ cặp Phò loan Phong Thánh này, Đức Chí Tôn giảng dạy Đạo lý, lập thành một hệ thống Giáo lý và Triết lý mới mẻ và đầy đủ, phô diễn được Chơn lý Hằng hữu bất biến của Càn khôn, dung hợp và bao quát được các giáo lý và triết lý của các nền tôn giáo đã có từ trước đến nay.

Khi Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên ngày 1-3-Kỷ Ty (1929), cặp Phò loan Phong Thánh không toàn vẹn nữa. Lúc đó, khi có Phong Thánh hay lập Đạo Nghị Định thì Ngài Tiếp Đạo Cao đức Trọng thay thế Đức Cao Thượng Phẩm, ngồi Phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, nhưng luôn luôn có Đức Cao Thượng Phẩm đến trợ diễn cho Cao Tiếp Đạo nâng loan.

8. Lập Hội Thánh Ngoại Giáo (1927) :

Khi Đức Chí Tôn ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo ngày 15-10-

Bính Dần (1926) tại Thánh Thất tạm là Chùa Từ Lâm Tự, Gò Kén Tây Ninh, thì Đức Phạm Hộ Pháp xin tạm nghỉ làm việc 6 tháng ở Sở Thương Chánh Sài Gòn, để hợp lực với Hội Thánh lo việc Khai Đạo.

Sau khi mãn phép, Đức Phạm Hộ Pháp bạch hỏi ý kiến của Đức Chí Tôn, có nên xin nghỉ việc luôn để hành đạo hay không, thì Đức Chí Tôn giáng trả lời là chưa phải lúc cần thiết, cứ đi làm việc trở lại, sẽ có chuyện hay.

Thế là Đức Phạm Hộ Pháp trở lại làm việc ở Sở Thương Chánh Sài Gòn. Chánh quyền Pháp không muốn để Đức Phạm Hộ Pháp làm việc ở Sài Gòn, sợ Ngài hoạt động mạnh mẽ cho Đạo Cao Đài, nên họ đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên.

Đức Hộ Pháp lợi dụng hoàn cảnh mới này để mở Đạo tại Kim Biên Nam Vang, xây dựng cơ sở Đạo đầu tiên, để dần dần thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang.

Đức Phạm Hộ Pháp có thuật lại trong bài thuyết đạo :

“ Riêng Bản đạo là công chức, khi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến Chùa Gò Kén mở Đạo, Bản đạo có xin phép nghỉ 6 tháng, đến chừng trở lại làm việc, người ta đổi Bản đạo lên Kim Biên. Nơi đó, Bản đạo vừa làm việc vừa lo mở Đạo. . .”

Đàn cơ ngày 27-7-1927 (âl 29-6-Đinh Mão) tại Kim Biên, Đức Chí Tôn ân phong các vị sau đây vào hàng Chức sắc:

- Giáo Hữu : Thượng Bảy Thanh (Lê văn Bảy).
- Giáo Hữu : Thượng Lắm Thanh (Nguyễn văn Lắm).
- Giáo Hữu : Ngọc Sự Thanh (Võ văn Sự).
- Lễ Sanh : Thượng Chử Thanh (Đặng trung Chử).
- Lễ Sanh : Thượng Vinh Thanh (Trần quang Vinh).
- Lễ Sanh : Thái Cửa Thanh (Phạm kim Cửa).
- Nữ Giáo Hữu: Hương Phụng (Bà Batrya Trần kim

Phụng).

- Nữ Giáo Hữu : Hương Huê (Vợ của Ông Lê văn Bảy).
- Tiếp Đạo HTĐ : Cao Đức Trọng.

Nhờ số Chúc sắc đầu tiên này, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập được CƠ QUAN TRUYỀN GIÁO HẢI NGOẠI, thường gọi là HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO tại Kim Biên Nam Vang, có nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh Ngoại quốc tại đây gồm : Việt kiều, Hoa kiều, người Pháp và người Cao Miên. Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được cử làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo.

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) với Chức vụ : Chưởng Đạo, do Đức Chí Tôn phong, và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.



Đức Hộ Pháp và Các Chúc Sắc Thời Khai Đạo (1930)

9. Lấy Long Tuyền Kiếm (1930):

Nước Tàu có số dân vĩ đại, nhưng lúc nào cũng lo sợ nước

VN hùng mạnh. Cho nên các thầy địa lý của Tàu luôn luôn tìm cách ếm vào các cuộc đất tốt có linh khí kết phát nhân tài của VN để VN không sản xuất được người tài giỏi tranh đua với họ. Cũng như khi xưa, sau khi Mã Viện đánh thắng Hai Bà Trưng, ông ta dựng cây cột đồng có ghi hàng chữ : “Đồng trụ chiết Giao chi diệt” là để ếm vào long mạch kết phát nhân tài của nước ta.

Khoảng năm 1914, bắt đầu cuộc Thế giới Đại chiến lần thứ I, một người Tàu Triều Châu độ 65 tuổi len lỏi qua VN, đến làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, dùng cây kiếm báu Long Tuyền, ếm vào đỉnh của hòn núi đất vàng sắp nổi lên, mà sau này người Tàu biết là nơi đây, linh khí núi sông sẽ sản xuất nhân tài VN; khi có nhân tài xuất hiện thì cây kiếm báu này sẽ giết chết lúc còn trẻ. Đó là lời thuật lại của các bô lão hiểu biết ở vùng này.

Khi Đức Chí Tôn chọn Miền Nam VN làm nơi khai sáng mới Đạo của Đức Chí Tôn, thì Đức Chí Tôn ân xá cho dân tộc VN khỏi các tai ách lớn. Do đó, Bát Nương DTC mách cho Đức Phạm Hộ Pháp biết để đi xuống làng Phú Mỹ lấy Long Tuyền Kiếm, phá phép ếm của người Tàu.

Ngày 28-3-Canh Ngọ (dl 26-4-1930), Đức Phạm Hộ Pháp dẫn một phái đoàn gồm có Ông Lê văn Trung (CQPT) và Ông Đinh công Trứ, cùng với một số ít tín đồ vùng đó, từ Thánh Thất Khổ Hiền Trang, đi xuống vào chỗ ếm, có Lão Ban Sư chỉ dẫn, đào lấy được Long Tuyền Kiếm, khi lấy kiếm lên, nước trong long mạch phun ra, Đức Phạm Hộ Pháp liền cho đào một con kinh đi qua chỗ ếm để nước trong long mạch chảy ra hòa vào các con sông, phá hẳn phép ếm độc hại của thầy địa lý người Tàu, mà còn làm cho dân tộc

Việt Nam hưởng được nhiều phước lộc.

Đức Phạm Hộ Pháp nói : “ Ngày nay là ngày kỷ niệm giống dân Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai, sẽ gỡ ách cho dân tộc và sẽ cởi ách nô lệ, dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp, dân tộc sẽ xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích, chẳng còn lệ thuộc một sắc dân nào.”

a. Đi Tìm Long Tuyền Kiếm Trên Núi Lan

Đúng 8 giờ sáng ngày 28-02 Kỷ Ty ĐỨC HỘ PHÁP khởi đi tìm Long Tuyền Kiếm do cơ bút chỉ dẫn nơi giữa đồng nội, hiện giờ là sở Thảo Đường, có dạng hình núi Lan, mé bên sông hướng mặt thuộc Đông Bắc trước Thánh Thất Khổ Hiên Trang.

Thánh Thất nằm về Tây Nam, phải qua sông đi dọc Rạch chợ Thầy Yến vô lán Cát Tràm Sập độ 5 cây số mới đến.

b. Sự Tích Lấy Long Tuyền Kiếm - Phái đoàn 39 người

Đêm 16 Tháng 10 Mậu Thìn (27-11-1928) Bát Nương ĐIỀU TRÌ CUNG mách bảo hướng dẫn cho ĐỨC HỘ PHÁP biết rõ nguyên nhân việc Trạng Tàu đưa thầy địa lý đột nhập vào Việt Nam ếm Long Tuyền Kiếm, làm cho dân tộc Việt Nam không xuất hiện được nhân tài.

Trạng Trung Quốc biệt phái địa lý người Tiều Châu sang Việt Nam vào 1914, mang kiếm báu “Long Tuyền Kiếm”, bí mật đến địa điểm ngọn Tràm Sập, Lán Cát, có ngọn núi Lan mới vừa hình thành, tại làng Phú Mỹ, Quận Châu Thành, Tỉnh Mỹ Tho, nằm về hướng Đông cách Thánh Thất Khổ Hiên Trang độ 5000 mét.

Phép ếm Long Tuyền Kiếm giữa ngọn núi Lan làm cho

người nơn tài Việt Nam không xuất hiện được, vì mỗi lần có nơn tài xuất hiện đều bị Kiếm Báu Long Tuyền vớt đứt, không cho xuất Tướng, xuất Trạng....May nhờ Đạo khai trong nước thì ách nước sắp mãn hạn giải thoát nô lệ ngoại bang, nên được hồng ân ĐỨC CHÍ TÔN cho hướng dẫn lấy phép ếm của Trung Quốc; ĐỨC HỘ PHÁP là Đấng lãnh thi hành sứ mạng đó.

Nên vào ngày 26-02 Kỷ Ty (04-04-1929), ĐỨC HỘ PHÁP hướng dẫn một phái đoàn Chức Sắc Thiên Phong xuống Thánh Thất Khổ Hiền Trang tổ chức một buổi họp Bản Đạo, Chức Sắc, Chức Việc, và Minh Thiện để lập phái đoàn đi tìm Long Tuyền Kiếm.

Ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh cai quản Thánh Thất Khổ-Hiền-Trang mời toàn Đạo rong bốn Hương Đạo: Tân Hòa Thành, Tân Hội Đông, Hưng Thanh Mỹ, Phú-Mỹ, đến họp do ĐỨC HỘ PHÁP chủ tọa để thành lập một phái đoàn đi tìm Long Tuyền Kiếm.

Phái đoàn gồm có 36 vị, 12 vị làm đầu chịu trách nhiệm hướng dẫn từng toán trên 12 chiếc xuồng và có riêng một ghe chèo để đưa ĐỨC HỘ PHÁP và Chức Sắc tùy tùng (3).

Thành phần phái đoàn có 12 vị chịu trách nhiệm hướng dẫn 12 chiếc xuồng, có tên dưới đây:

1. Lê Sanh Hàm Sung
2. Nguyễn Văn Chương
3. Huỳnh Văn Phương
4. Lê Văn Tiết
5. Trần Thanh Mậu
6. Triệu Văn Kỳ

7. Lê Văn Trung
8. Đỗ Văn Phò
9. Nguyễn Văn Chánh
10. Phạm Văn Dương
11. Cao Văn Phúc
12. Lê Văn Phước

Đúng 6 giờ sáng ngày 28-02 Kỷ Tỵ (1929) vào thời Mèo ĐỨC HỘ PHÁP hướng dẫn Chức Sắc, Chức Việc, Bồn Đạo nam và phái đoàn vào Thánh Thất Khổ-Hiền-Trang cầu nguyện ĐỨC CHÍ TÔN cho việc đi tìm Long Tuyền Kiếm được kết quả.

Khởi hành phái đoàn xuống xuống, bơi 12 chiếc, còn ghe chèo chở ĐỨC HỘ PHÁP dùng hai vị Chức Sắc hầu cận, trực chỉ dọc theo đường sông thẳng đến chợ Thầy Yên, rồi đi thẳng vào Lán Cát độ 5000 thước thì phái đoàn dừng lại một rạch nhỏ. Lên bờ đi bộ thẳng vào một cánh đồng hoang vắng toàn là đưng, bàng, sậy, lác, năng, mọc cao khỏi đầu. Người hướng dẫn đi trước phải cầm một sợi dây cho người đi sau nắm dây đi theo để không bị lạc, vì người đi trước không thấy dạng người đi sau. Đi độ 700 thước tới một gò đất cao ráo đúng như ngọn núi mới hình thành, đến đây phái đoàn tạm dừng nghỉ độ 15 phút.

ĐỨC HỘ PHÁP liền chấp bút, có Thần Lỗ Ban Sư Trưởng giáng chỉ dẫn phái đoàn đi thẳng lên gò đất cao nhất ngọn núi Lan, đào sâu xuống sẽ gặp Long Tuyền Kiếm.

Theo lời chỉ dẫn của Lỗ Ban phái đoàn tiến hành tận chỗ cao nhất ngọn núi, bề dài độ 700 mét bề ngang 500 mét vừa nhô lên khỏi mặt đất.

Từ đây, phái đoàn tuân theo sự chỉ dẫn của ĐỨC HỘ PHÁP đào sâu xuống lòng đất đựng đá cứng, phải đào xuyên qua lớp đá cứng liền gặp một cái ghè ăn trâu (Bình vôi) + một lưỡi dao phai vừa rỉ sét + sáu con cò tương trạm trổ bằng ngà + sáu đồng tiền kẽm đời Minh Mạng (Tuồng, Sĩ, Tượng). Tiếp đào sâu hơn, đựng cái hộp bao chì, bề dài 9 tấc; thấy thể toàn thể reo mừng...

ĐỨC HỘ PHÁP vui vẻ nói: “Phải thận trọng đem bao chì lên cho nguyên vẹn và lau chùi sạch sẽ Long Tuyền Kiếm ở trong đó”.

Khi đem được bao chì lên xong, ĐỨC HỘ PHÁP dùng vải đỏ bao lại để đem về Tòa Thánh Tây Ninh không một ai được thấy bên trong bao chì dài 9 tấc.

ĐỨC HỘ PHÁP dạy: “Nay là ngày kỷ niệm nước Việt Nam dòng giống Lạc Hồng được hữu phước nhờ Đạo Trời khai mở, gỡ ách nạn cho nhơn loại và từ từ gỡ được ách nô lệ ngoại bang, dòng giới Tổ Phụ ta sẽ được phục nghiệp, dân tộc ta sẽ xuất hiện nhân tài phá tan xiềng xích ngoại bang chẳng còn lệ thuộc nữa.

Nếu có chậm trễ là do dân tộc Việt Nam không lo thờ chủ nghĩa Đại Đạo của ĐỨC CHÍ TÔN không đủ thương yêu nhau, cứ lo tranh giành quyền lợi.

Lại nữa, Tổ Phụ ta đã vay nợ máu là chúa Trịnh chúa Nguyễn ai còn dính dòng máu oan nghiệt ấy phải trả cho dứt rồi mới hồi hòa bình độc lập thật sự được.”

Đức Ngài liền ra lệnh đào một “Con kinh nhỏ” bắt đầu từ ngọn Tràm Sập băng qua chót mũi Long Tuyền Kiếm cho bút hầu trừ tuyệt sự sát hại của phép ếm.

Việc đào con kinh nhỏ để phá tiêu Long Tuyền Kiếm theo lệnh ĐỨC HỘ PHÁP, tất cả người Minh Thiện quyết tâm đào trong ngày cho xong, có chỗ đất tư họ nằm đường cản trở, mà anh em vẫn cố đào để trừ hậu họa sau này.

Đúng một giờ trưa cùng ngày là hoàn thành về dùng cơm tại nhà ông Lê Văn Trung – sau là Hiền Nhơn Phước Thiện. ĐỨC HỘ PHÁP căn dặn Minh Thiện Đoàn rần lo lập sở tại chân núi đặng ở tạm thời, chờ đợi sau này cất Đền Thờ PHẬT MẪU, sau khi tạo tác xong Đền Thánh ở Tòa Thánh Tây Ninh và sẽ giao cho Phạm Môn lo xây cái Đền Thờ Phật Mẫu tại đây (Phước Địa lục ức dư niên vũ trụ hòa).

10. Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Bát Đạo Nghị Định :

- Ngày mùng 3-10-Canh Ngọ (dl 2-11-1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp hiệp với Ngài lập thành 6 Đạo Nghị Định để chỉnh đốn nền Đạo, phân lập quyền hành giữa các chức vụ lãnh đạo cao cấp của CTĐ và HTĐ.

Trong Đạo Nghị Định thứ nhì, Đức Lý Giáo Tông giao cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế để điều hành nền Đạo cho được mau lẹ dễ dàng.

- Ngày 16-7-Giáp Tuất (dl 25-8-1934), tức là gần 4 năm sau ngày ban hành 6 Đạo Nghị Định trước, Đức Lý Giáo Tông lại hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp, lập Đạo Nghị Định thứ 7 và thứ 8, để trị loạn trong nền Đạo, ngăn cấm việc lập Chi phái và không cho các Chi phái về Tòa Thánh phá Đạo.

Nhờ Bát Đạo Nghị Định này mà nền Đạo Cao Đài tại Tòa Thánh Tây Ninh dần dần đi vào trật tự, ổn định và phát triển.

Tòa Thánh, ngày mồng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (Le 22 Novembre 1930)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Phò Loan: Hộ Pháp & Văn Pháp, Sĩ Tải: Phạm Văn Ngọ)

LÝ GIÁO TÔNG

Chào chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội. Có Đức Chí Tôn ngự, chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội khá mừng người!

Lão cảm ơn Thượng Đầu Sư làm vẹn phận sự giúp Lão.

Thượng Đầu Sư bạch: “Đệ tử cùng cả Chức Sắc đều hết lòng lo lắng, cúi xin Đức Giáo Tông từ bi tái nhậm quyền hành hầu chỉnh đốn nền Đạo.”

À há! Thì cũng bởi Chí Tôn nài xin nhiều phen rằng chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội chưa đủ tư cách giáo dân, Lão cũng rộng nghe theo. Đã trót 5 năm để đủ cơ đời dạy ngoan chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội, ngày nay Lão định trừ diệt quỷ quyền, không cho rối loạn nền Đạo mà thử thách Thiên Phong nữa.

Chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội đã đủ tài lực, đạo đức mà hành chánh rồi, thì Lão cũng nhứt định giữ nghiêm luật pháp, vậy thì Lão hành chánh cứ lấy công bình vô tư làm mực thước, Lão chẳng vì thương riêng mà che chở, Lão chẳng vì ghét riêng mà hành phạt. Lão nói thiệt rằng: Đạo vốn của toàn cả chúng sanh. Lão chẳng lẽ lấy tư mà làm công cho đảng. Lão phải chấp chánh quyền hành, công thưởng, tội trừng cho đáng lý, chẳng phải bởi ngựa nghiêng cơ Đạo, mà buộc đảng Lão tòng Đồi. Lão lấy quyền vô vi Càn khôn làm biểu hiệu, Lão chỉ vì tình nhau, mà cho chư Hiền Hữu chư Hiền Muội biết trước rằng: Đùng ý công mà cả lòng khi

lĩnh. Lão nhứt định chẳng hề tha thứ bao giờ, nên thì đê, hư thì trừ, chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội đừng trách Lão quá ư nghiêm khắc nghe!

Hộ Pháp! Lão dùng văn chương thường dụng của nhà Nam, đặt làm mấy Đạo Nghị Định này. Hiền Hữu gắng để hết ý vào, xem xét coi như chánh đáng thì ký tên cùng Lão, đặt ban hành, phòng có điều chi trở ngại cho Lão hiểu đặt toan sửa cải nghe! (Sĩ Tải rần chép y như văn Lão.)

11. Công Cuộc Tổ Chức Hội Thánh Và Hội Nhân Sanh :

Theo đúng Pháp Chánh Truyền của Đức Chí Tôn ban xuống, Ngài đã tổ chức Hội Thánh cũng như Hội Nhân sanh rất có quy củ phép tắc chưa từng thấy ở các đạo thế gian. Nhờ vậy mà nền đạo được vững vàng và phần đời cũng được sống yên vui trong bầu không khí hòa hảo tươi tốt.

Quyền điều khiển cả đạo lẫn đời thuộc về ba cơ quan tối cao: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, Cơ Quan Phước Thiện.

CỬU TRÙNG ĐÀI. – Do Đức Giáo Tông Chương quản, giữ quyền hành chính, diu dắt các tín đồ trên đường Đạo cho khỏi phạm Thiên Điều.

Các chức sắc Cửu Trùng Đài theo thứ tự trên dưới có:

- | | |
|------------------|-------------|
| 1) Giáo Tông | 1 vị |
| 2) Chương Pháp | 3 vị |
| 3) Đầu Sư | 3 vị |
| 4) Chánh Phối Sư | 3 vị |
| 5) Phối Sư | 33 vị |
| 6) Giáo Sư | 72 vị |
| 7) Giáo Hữu | 3000 vị |
| 8) Lễ Sanh | Vô hạn định |

- 9) Chánh trị sự -
- 10) Phó trị sự -
- 11) Thông sự -
- 12) Tín Đồ -

Cửu Trùng Đài có 9 viện phụ giúp: Lại viện, Lễ viện, Hòa viện, Hộ viện, Lương viện, Học viện, Nông viện, Công viện, Y viện.

HIỆP THIÊN ĐÀI. – Do Đức Hộ Pháp Chương quản, giữ quyền lập pháp để bảo vệ đạo, có các ông Thượng Phẩm và Thượng Sanh trực thuộc. Ba vị trên điều khiển thập nhị thời quân, Các chức sắc bên Hiệp Thiên Đài theo thứ tự trên dưới sau đây:

Thượng Sanh	Hộ Pháp	Thượng Phẩm
Bảo Thế	Bảo Pháp	Bảo Đạo
Hiển Thế	Hiển Pháp	Hiển Đạo
Khai Thế	Khai Pháp	Khai Đạo
Tiếp Thế	Tiếp Pháp	Tiếp Đạo

Các chức sắc thứ hạng của Hiệp Thiên Đài có:

- 1) Tiếp Dẫn Đạo Nhơn
- 2) Chương Ấn
- 3) Cải Trạng
- 4) Giám Đạo
- 5) Thừa Sứ
- 6) Truyền Trạng
- 7) Sĩ Tải
- 8) Luật Sự

Năm 1935, Đức Hộ Pháp thành lập Hàn Lâm Viện Cao Đài với Thập Nhị Bảo Quân. Thập Nhị Bảo Quân (Les douze Académiciens techniques) là chức sắc Hiệp Thiên Đài gồm

12 chức phẩm sau đây:

- 1- Bảo Sanh Quân
2. Bảo Cô Quân
3. Bảo Văn Pháp Quân
4. Bảo Học Quân
- 5- Bảo Y Quân
- 6- Bảo Huyền Linh Quân
7. Bảo Thiên Văn Quân (còn gọi là Bảo Tinh Quân)
8. Bảo Địa Lý Quân
9. Bảo Sĩ Quân
10. Bảo Nông Quân
11. Bảo Công Quân
12. Bảo Thương Quân

Các vị Bảo Quân trong Thập Nhị Bảo Quân là phụ tá cho các vị Thời Quân trong Thập Nhị Thời Quân, Hiệp Thiên Đài.

Thập Nhị Bảo Quân và Hàn Lâm Viện Cao Đài (1935):

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới, hiện đại nên cơ chế tổ chức có đủ các ban khảo cứu về các ngành, các tôn giáo, xã hội, phong tục, canh nông, văn hóa nghệ thuật, y học, phong thủy, vv. để thích ứng với thời đại văn minh. Tài liệu sưu tập đã ghi là vào năm 1935, Đức Hộ Pháp lần đầu tiên đã thành lập Hàn Lâm Viện Cao Đài với Thập Nhị Bảo Quân (Thập Nhị Bảo Quân và Hàn Lâm Viện được QS TS Nguyễn Thanh Bình bàn trong tài liệu khác).

Trong khóa Hạnh Đường tại Tòa Thánh Tây Ninh vào năm Nhâm Tý (1972) huấn luyện Giáo Hữu, bài số 05/Luật pháp do Đại huynh Chưởng Ấn giảng, xác định là Thập Nhị Bảo

Quân (Les douze Académiciens techniques) tức Hàn Lâm Viện Cao Đài gồm 12 chức phẩm:

1. Bảo Sanh Quân: coi việc cứu tế, từ thiện, tương tế
2. Bảo Cô Quân: bảo vệ người cô thế, cô nhi, quả phụ, tàn tật
3. Bảo Văn Pháp Quân: coi về văn hoá nghệ thuật
4. Bảo Học Quân: coi về học thuật
5. Bảo Y Quân: coi về y tế xã hội
6. Bảo Huyền Linh Quân : hướng dẫn thiển định tu chơn
7. Bảo Thiên Văn Quân: coi về vũ trụ học, lịch đạo (còn gọi là Bảo Tinh Quân)
8. Bảo Địa Lý Quân: coi về phong thuỷ, địa chất
9. Bảo Sĩ Quân: coi về kế sĩ, trí thức, nhân sĩ
10. Bảo Nông Quân: coi về nông nghiệp
11. Bảo Công Quân: coi về hoạt động công ích, kỹ thuật, khoa học
12. Bảo Thương Quân: coi về kinh tế, xã hội.

Các vị Bảo Quân trong Thập Nhị Bảo Quân là phụ tá cho các vị Thời Quân trong Thập Nhị Thời Quân, Hiệp Thiên Đài. Tháng 10 năm 1935, Đức Hộ Pháp đã ra lệnh cho vị Bảo Cô Quân (Luật Sư Dương Văn Giáo) lập bản Điều lệ của Hội Đồng Bảo Quân thuộc Hiệp Thiên Đài:

Điều 1 : Nay thành lập tại Toà Thánh Tây Ninh một Hội Đồng Bảo Quân (hay Hàn Lâm Viện Cao Đài) trực thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài.

Điều 2 : Hội Đồng Bảo Quân có chức năng và nhiệm vụ:
1- Suru tầm và thu thập tất cả những sự kiện có liên quan đến Đạo Cao Đài.

2- Chăm sóc, bảo tồn và bảo tàng các di tích đạo sử bảo vệ các văn bia, sách cổ.

3- Truyền đạt cho chúng sanh các kiến thức về khoa học hiện đại bằng khảo cứu, bằng dịch thuật hay tóm tắt các sách hữu dụng của Âu Tây.

4- Tạo lập các thư viện tại Toà Thánh và ở các châu tộc đạo.

5- Biên soạn chuyên về các đề tài khoa học, văn học, mỹ thuật có liên quan đến Đạo Cao Đài.

6- Giao lưu với tất cả các hội trí thức trong nước cũng như trên thế giới để tiếp cận với các tri thức mới.

Điều 3 : Hội Đồng Bảo Quân gồm 12 người do cơ bút phong và được Hội Thánh ban hành đạo lệnh đối phẩm với Phối Sư bên Cửu Trùng Đài (CTĐ) hoặc :

1- Những trí thức có bằng tiến sĩ còn thạc sĩ có công trình nghiên cứu được công nhận và qua cuộc bỏ thăm của các Bảo Quân hoặc các Phối Sư.

2- Các vị Phối Sư hoặc phẩm tương đương có thể ứng cử làm Bảo Quân nhưng phải qua cuộc bỏ thăm của các Bảo Quân hoặc các Phối Sư tại chức và được Hội Thánh ban hành Đạo lệnh chấp thuận.

Điều 4 : Tất cả các Bảo Quân đều mặc Đạo phục Hiệp Thiên Đài vì thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài và đồng quyền nhau.

Điều 5 : Trong các văn bản khảo cứu, tuyệt đối cấm không được bàn đến chính trị, thảo luận đả kích Chính Phủ hoặc đòi tư công dân.

Tây Ninh tháng 10-1935

Bảo Cô Quân Dương Văn Giáo.

(Ký Tên)

Việc phong chức các Bảo Quân trong Hội Đồng Thập Nhị Bảo Quân gặp nhiều khó khăn vì tình thế chánh trị lúc bấy giờ, Đạo đang gặp cảnh khó khăn từ khắp mọi hướng, nhân tài chưa có và chưa sẵn sàng hoạt động trong Đạo, v.v.v.

Thành Lập Khảo Cứu Vụ (1948)

Để thực hiện hoài vọng quan trọng của Hàn Lâm Viện nhằm mục đích phát triển nền Đại Đạo khắp mọi nơi trên thế giới và trong sinh hoạt tôn giáo hoàn cầu, thế nên ngày 15-12 Đinh Hợi (25-1-1948) Đức Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng ban Thánh Lệnh thiết lập Cơ Quan Khảo Cứu Vụ tại Toà Thánh để sưu tập Kinh điển và Thánh Ngôn, Thánh Giáo đặng khảo cứu Triết lý Cao Đài Đại Đạo và Kinh sách của Tôn giáo khác mà ra Kinh sách để Phổ Thông Đại Đạo Tam kỳ.

THÁNH LỆNH (114/TL ngày 15-12-Đinh Hợi, DL 25-01-1948)

Hộ-Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Đạo Luật ngày 16-01-Mậu Dần (dl 15-02-1938) giao quyền Thống nhất Chánh Trị Đạo cho Đức Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị.

Nghĩ vì sự Phổ thông Chơn truyền Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ là việc rất cần ích trong lúc nhơn sanh đang tiến trên con đường Hạnh Phúc Hoà Bình

Nghĩ vì mục đích Cao Đài Đại Đạo là đem nhân loại đến chỗ Đại Đồng tạo Tân Dân chí ư chí thiện trong khuôn viên Tân Luật Pháp Chánh Truyền.

Nghĩ vì Chánh giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là QUI NGUYÊN TAM GIÁO PHỤC NHỨT NGŨ CHI cho đặng phổ thông Chơn Đạo phải thông hiểu rành mạch nguyên lý của các Tôn-giáo. Nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhất:

1- Thiết lập Khảo Cứu Vụ tại Tòa Thánh để sưu tập Kinh điển và Thánh Ngôn, Thánh Giáo đặng khảo cứu Triết lý Cao Đài Đại Đạo và Kinh sách của Tôn giáo khác mà ra Kinh sách để Phổ Thông Đại Đạo Tam kỳ

Khảo Cứu Vụ đã tạo điều kiện tham dự thành viên dễ dàng hơn so với Hội Đồng Bảo Quân nên Khảo Cứu Vụ thu hút được nhiều thành phần ưu tú trong Đạo và tồn tại lâu dài, dễ dàng thay thế, hoặc tuyển thêm vào khi cần và bất cứ nơi đâu.

Khảo Cứu Vụ đã được thành lập gần 70 năm trước, là một cơ quan “rất quan trọng” để phục vụ và giúp vào mục đích dài hạn mà Hàn Lâm Viện Cao Đài được thành lập để hoạt động.

Khảo Cứu Vụ hoạt động chỉ thay thế một phần nào nhiệm vụ của các vị Bảo Quân trong Hàn Lâm Viện.

Hoạt động của Hàn Lâm Viện trong quá khứ rất là giới hạn. Trong quá khứ Khảo Cứu Vụ chỉ có Thánh Lệnh thành lập nhưng chưa thật sự chưa có hoạt động. Năm 1972 (hơn 25 năm sau), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Chủ tịch Ủy Ban Hiệp Thiên Đài ra một Thánh lệnh mới tái thiết lập Ban Khảo Cứu Vụ tại Tòa Thánh Tây Ninh. Nhưng 3 năm sau, năm 1975, nhiều thay đổi đã diễn ra và Khảo Cứu Vụ cũng

không làm được gì hết

Tại hải ngoại, cuối năm 2016, Cao Đài Hải Ngoại Tòa Thành Tây Ninh tái thành lập Cơ Quan Khảo Cứu Vụ. Cơ Quan Khảo Cứu Vụ đã và đang hoạt động (giới hạn về nhân lực) trong vai trò và nhiệm vụ mà Đức Hộ Pháp đã ghi rõ trong Thánh Lệnh thành lập năm 1948. (Cơ Quan Khảo Cứu Vụ và Hàn Lâm Viện được QS TS Nguyễn Thanh Bình bàn trong các tài liệu khác).

Thành Lập Ban Thế Đạo (1954)

Ban Thế Đạo được thành lập theo Thánh giáo của Đức Lý Thái Bạch, Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, giảng cơ tại Giáo Tông Đường đêm 3-12-Quý Tỵ (dl 7-1-1954). Phò loan: Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Cao Tiếp Đạo. Xin trích ra phần Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp bàn về về phẩm chức trong Ban Thế Đạo sau đây:

“Khi hôm qua có luận về Thế Đạo, nên căn dặn phò loan đăng Lão giải nghĩa điều ấy. Hộ Pháp đã hiểu tổ chức của Hội Thánh Thiên Chúa Giáo, có Chức sắc Thế Đạo, pháp văn gọi rằng Dignitaires laïques. Hiền hữu đã có phong phẩm Hiền Tài, sao không thêm 3 phẩm trên nữa cho đủ 4 như của họ.

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài chỉ rõ.

- Thêm vào 3 phẩm Thế Đạo này: Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử.”

Như vậy, Ban Thế Đạo có 4 phẩm Chức sắc:

Phẩm Hiền Tài, do Đức Phạm Hộ Pháp lập ra. Ba phẩm Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử, do Đức Lý Giáo Tông lập ra.

Chức sắc Ban Thế Đạo có 4 phẩm trật:

- Hiền Tài
- Quốc Sĩ
- Đại Phu
- Phu Tử

Tuy Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đã định ra như vậy từ ngày 7-1-1954, nhưng mãi đến 11 năm sau, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài (HTĐ) mới lập Qui Điều cho Ban Thế Đạo, được Đức Cao Thượng Sanh ban hành ngày 28-2-Ất Ty (dl 30-3-1965), và sau đó lập Nội Luật Ban Thế Đạo, được Đức Cao Thượng Sanh ban hành ngày 27-11-Mậu Thân (dl 15-1-1969).

Kể từ ngày Đức Thượng Sanh ban hành Qui Điều Ban Thế Đạo (Ngày 28-2-Ất Ty, dl 30-3-1965), Hội Thánh Hiệp Thiên Đài đã tấn phong 5 đợt Hiền Tài (5 Khóa Hiền Tài từ Khóa I đến Khóa V) được tuyển chọn và tấn phong. Tổng cộng là 706 vị (trong danh sách này không kể các vị Hiền Tài được tấn phong trước như Hiền Tài Hồ Tấn Khoa, etc.) Xin đọc bài viết “Đại Đạo Cao Đài và Nền Văn Minh Nhân Loại Ban Thế Đạo Hải Ngoại Nhập Cuộc” của QS TS Nguyễn Thanh Bình, Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 20 tháng 10 năm 2017.

CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN.

Cơ Quan Phước Thiện có nhiệm vụ:

*- Trông nom, săn sóc các ông già, bà lão, các mẹ góa, con cô, các người tàn tật, trong đạo cũng như ngoài đạo.

*- Nâng đỡ, về tinh thần cũng như về vật chất, gia đình

những vị chức sắc đã nguyện xuất gia để hoàn toàn nhập đạo.

Các chức sắc của Cơ Quan Phước Thiện gồm có:

- 1) Phật Tử
- 2) Tiên Tử
- 3) Thánh Nhơn
- 4) Hiền Nhơn
- 5) Chơn Nhơn
- 6) Đạo Nhơn
- 7) Chí Thiện
- 8) Giáo Thiện
- 9) Hành Thiện
- 10) Thính Thiện
- 11) Tân Dân
- 12) Minh Đức

Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc và Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (1930).

12. Công Cuộc Xây Cát Đền Thánh :

Đền Thánh là một công trình kiến trúc làm cho các du khách ngoại quốc phải khâm phục vì những tính cách tân kỳ và vĩ đại. Đức Giáo Tông Danh dự Lý Thái Bạch đã gián tiếp chỉ dẫn tỉ mỉ, về kiểu mẫu cũng như về cách xây dựng ngôi đền thiêng liêng, qua Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Không ai có thể tưởng tượng được một công trình tân kỳ và vĩ đại như thế, có thể thực hiện chỉ bằng công quả các tín đồ thập phương trong những phương tiện rất eo hẹp. Một đặc điểm là tất cả những thợ xây, thợ hồ trong thời kỳ xây dựng Đền Thánh đều phải thủ trình để gây một bầu không khí trong sạch thiêng liêng.

Nền móng bắt đầu đặt năm 1933, đến năm 1936 mới khởi công xây lên và cất xong vào năm 1941. Đền chưa kịp trang hoàng thì Đức Hộ Pháp bị đày trong một thời gian hơn 5 năm, nên công cuộc phải tạm đình. Năm 1946, Ngài trở về mới tiếp tục sửa sang lại và trang hoàng rực rỡ. Đền Thánh mở cửa ngay từ năm 1947, Nhưng mãi tới năm 1954 mới hoàn thành hẳn và khánh thành vào đầu tháng Giêng năm Ất Mùi (1955).

Theo lời giảng cơ dạy bảo của Đức Lý Giáo Tông thì họa đồ xây cất Tòa Thánh do Đức Lý Giáo Tông vẽ theo kiểu họa đồ của Thiên Đình, có kích thước thực sự là: Đền Thánh: dài 135 thước, bề ngang chánh điện rộng 27 thước, cao 36 thước về phía gác chuông trống Hiệp Thiên Đài, 25 thước nơi Cửu Trùng Đài và 30 thước nơi Bát Quái Đài, quay mặt về hướng tây, trang hoàng rất mỹ thuật bằng tất cả những biểu hiện của Tam Giáo Ngũ Chi.

Nhưng sau đó, Đức Chí Tôn có giảng cơ dặn Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh rằng: “Thơ ! Thái Bạch muốn lập Thánh Thất coi cho tốt đẹp, chẳng tưởng sự khó nhọc các con, Thầy chẳng đành. Thoảng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ, tính làm theo thước mộc (ngắn hơn thước Tây), nghe à

” . Kích thước thật sự của Đền Thánh: dài 97.5 thước, bề ngang chánh điện rộng 22 thước, cao 27 thước về phía tháp chuông trống Hiệp Thiên Đài, 17 thước về nơi Cửu Trùng Đài, 19 thước nơi Bát Quái Đài. Mặt tiền hướng về phía Tây trang hoàng rất mỹ thuật với tất cả biểu hiện của Tam Giáo và Ngũ Chi, “

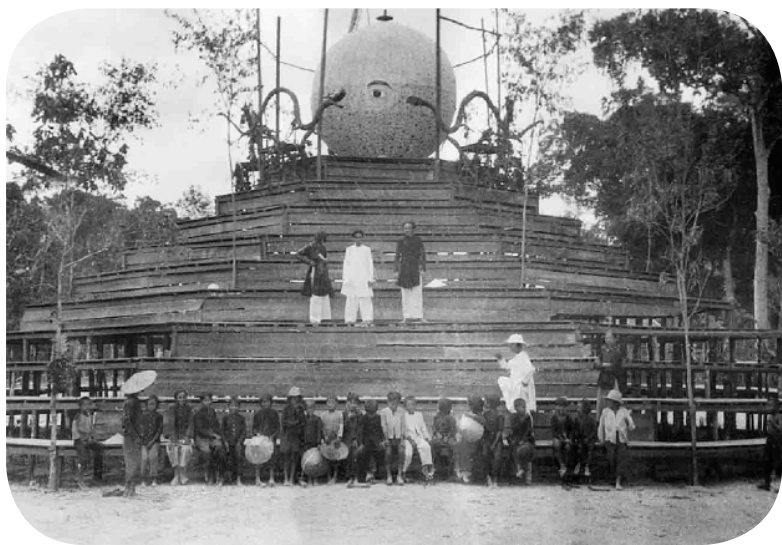
k



Trẻ em giáo dân đứng trước khu Tòa thánh đầu tiên của đạo Cao Đài ở Tây Ninh (1930).



Tòa Thánh Tây Ninh năm 1930, 4 năm sau khi đạo Cao Đài được sáng lập



Thiên Nhân - biểu tượng của Đạo Cao Đài được đặt trên Cửu Trùng Đài ở khuôn viên Tòa Thánh. (1930)



Đức Hộ Pháp lúc thượng Quả Càn Khôn trong Cung Đạo Đền Thánh Tây Ninh (1930).

Việc xây dựng Tòa Thánh cũng bị ảnh hưởng tình hình khó khăn lúc bấy giờ. Đền Thánh đã ba lần khởi công xây cất. Ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (14-12-1936), Đức Hộ Pháp ra lệnh khởi công xây cất lần thứ tư trước sự vui mừng của chư Chức sắc và toàn Đạo. Điều đáng nói, việc kiến thiết Đền Thánh không có sơ đồ thiết kế trước mà do Đức Lý Thái Bạch giảng bút hướng dẫn cho Đức Hộ Pháp từng phần, sau đó Đức Ngài chỉ vẽ lại cho công thợ. Không có bài cơ nào để lại nói về kiến trúc Tòa Thánh, ngoài bài cơ nói về kích thước tổng quát.

Đức Hộ Pháp lệnh cho Hộ Viện kiểm lại ngân quỹ của Đạo, chỉ còn một đồng sáu mươi bốn xu (\$1.64). Trước tình thế đó, Đức Hộ Pháp phải đi Vững Liêm mượn tiền của bà Lâm Hương Thanh. Bà Hương Thanh không có tiền mặt vì lúa hạ giá chưa bán được. Bà lấy cái hòm đựng đầy vàng và hột xoàn đưa cho Đức Ngài nói đem về cầm lấy tiền cất Đền Thánh. Đức Ngài không dám cầm vì sợ chuộc lại không nổi. Bà khích lệ Đức Ngài: “...đâu em về cất buồng coi, bắt gió nắn hình là không cần số nữ trang này”.

Vì thế, ngày 4-7-1937 (28-5-Đinh Sửu), Hội Thánh mới ra Thông Tri số 39 kêu gọi như sau: “Ai là người tâm Đạo, ai là người có dạ nhiệt thành, biết rằng Trời giáng trần cứu thế, nên đem cả mãnh lực tinh thần, kể công người của, kể ít người nhiều đặng tô điểm vẽ vời cho cơ thể Đạo trở nên xinh lịch. Ấy là công nghiệp thứ nhất của chúng ta đối với tương lai Đạo. Giàu nghèo chẳng nệ xin trọn tác thành cùng Đại Từ Phụ. Buổi này tưởng lại chẳng công quả nào vĩ đại bằng công quả tạo đền thờ cho mau thành tựu hầu trụ cả đức tin con cái yêu dấu của Thầy cho ra thiết tướng”.

Nhờ sự hưởng ứng của toàn Đạo và sự chăm sóc từng ly, từng tí và hầu như thường trực hằng ngày của Đức Phạm Hộ Pháp, vừa xây xong năm 1941, chưa kịp tô hồ trang hoàng đắp vẽ thì Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt. Đến năm 1946, Đức Ngài trở về tiếp tục chỉnh đốn tô điểm Tòa Thánh. Nhưng có điều khó khăn là bức tường ở Hiệp Thiên Đài chắn lối vào Cửu Trùng Đài do Đức Lý dạy xây dựng nhưng chưa chỉ vẽ trang trí hình tượng. Trong một buổi định thần, Đức Ngài được Đức Lý mách sẽ có người đến phác vẽ Thánh tượng.

Năm 1947, ông Lê Minh Tông một họa sĩ ở Gia Định bị Pháp tình nghi làm quốc sự, bị Pháp đày ra Côn Đảo rồi được thả chỉ sau ngày hồi loan của Đức Hộ Pháp vài tháng. Ông Tông về nhà được đôi ngày dự định đi thăm bạn ở Biên Hòa. Khi ra bến xe Ngã Sáu chụr Thần lại xuôi khiến ông Tông lên xe đi Tây Ninh. Khi đến nơi ông Tông mới hay mình đã đến chợ Ngã Năm. Ông từng nghe Tòa Thánh cảnh đẹp nên vào thăm. Đến Hộ Pháp Đường, ông lấp ló nhìn vào trong. Báo Thử vào báo lên Đức Hộ Pháp, Ngài biết ngay là người Đức Lý phái đến. Khi Đức Ngài trấn thần tượng Tam Thánh vào 8 giờ sáng ngày 10-7-Mậu Tý (11-8-1948), Luật sư Võ Quang Tâm tường thuật như sau:

“Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ: 2,80m X 1,90m.

“Hình tượng bằng người thường. Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm bút lông ngỗng và Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiêng mực.

“Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ:

Hán Văn: Thiên thượng, Thiên hạ - Bác ái Công bình

Pháp văn: Dieu et Humanité - Amour et Justice

“Đi sau bàn đưa có Đức Hộ Pháp, kế là các Ngài Bảo Thế, Khai Đạo ...

“Đến Đền Thánh , đi vào cửa hông phía Nam, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài. Trước hết Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt tượng ba lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng vẽ ba ảnh để khử trừ.

“Khi Đức Hộ Pháp trần thân tượng ảnh Tam Thánh xong, các nhân viên từng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng tới cửa trước, rồi đi vào Hiệp Thiên Đài, đến thỉnh Thánh Tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra phía trước Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích:

1- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

2- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ

3- Đức Tôn Trung Sơn

là đại diện Hội Thánh Ngoại Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo ngoại quốc, cho nên tượng ảnh để ở Hiệp Thiên Đài, quay mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi thiêng liêng của các Ngài.

“Cái khuông xi măng đúc trên vách Hiệp Thiên Đài, từ ngày tạo tác Tổ Đình là để dành đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia Bàn Đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông.

“Ngày nay, vị Hiền Tài ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh cho vẽ tượng ảnh này. Mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.

Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi hết vì chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy. Từ ngày 10-7-Mậu Tý, tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài, là biểu hiện cho chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài”. (Xem tam Thánh Bạch Vân Động cùng người viết)

Xem thế, Lê Minh Tông từ một họa sĩ rồi ngộ Đạo được Đức Hộ Pháp ban cho phẩm Hiền Tài. Mãi đến đêm 17 tháng 10 năm Kỷ Dậu (26-11-1969), Đức Ngài giáng cơ ban phẩm Bảo Công Quân cho Lê Minh Tông cùng với hai Hiền Tài khác phẩm Bảo Huyền Linh Quân và Bảo Sĩ Quân, là đủ 12 Bảo Quân.

Như ghi bên trên, Đền Thánh có kích thước thật sự là dài 97.5 thước, bề ngang chánh điện rộng 22 thước, cao 27 thước về phía tháp chuông trống Hiệp Thiên Đài, 17 thước về nơi Cửu Trùng Đài, 19 thước nơi Bát Quái Đài. Mặt tiền hướng về phía Tây trang hoàng rất mỹ thuật với tất cả biểu hiện của Tam Giáo và Ngũ Chi.

Đền Thánh kiến trúc thật vĩ đại. Không ai có thể tưởng tượng được một công trình đồ sộ như vậy mà Đức Ngài chỉ kêu gọi chư tín hữu làm công quả và lương thực cũng do hiến dâng của mọi nhà hảo tâm. Bởi Đức Ngài quan niệm rằng Tòa Thánh là chung của nhơn sanh không ai được độc quyền xây cất mà phải do chính đức tin của mọi người đóng góp vào không phân biệt lương giáo. Cũng để có bầu khí thiêng liêng vĩnh cửu, tất cả thợ hồ phải thủ trình hạnh và chay lạt trong suốt thời kỳ tạo tác. Thế nên, suốt thời gian xây cất dù độ cao cheo leo khó khăn không ai phải thiệt mạng, mà được các Đấng hộ trì tai qua nạn khỏi.

Để tôn vinh toàn thể nhân dân lao động, ngoài công trình

đắp hình các Thánh, ông Bùi Ái Thoại là người bình dân ít học đã đắp Lao Động Đài ở bao lơn mặt tiền Tòa Thánh, chỗ danh dự nhất, tám hạng người lao động: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiều, Canh, Mục. Ông Bùi Ái Thoại được điểm công hàng đầu và đặc phong Thánh Nhơn do Đạo Nghị Định số 7/PT, Đức Phạm Hộ Pháp ký ngày 14-2-Mậu Dần (dl 15-3-1938). Hai phẩm Thánh Nhơn và Bảo Quân (Lê Minh Tông) đều đổi phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài. Xem thế những vị có công xây dựng Tòa Thánh đều được Đạo phong thưởng xứng đáng.

Dưới đây xin trích đoạn đầu và đoạn chót của “Tờ Bàn Giao Đền Thờ Đức Chí Tôn cho Hội Thánh”:

Tòa Thánh, ngày mùng 3 tháng 1 năm Đinh Hợi (dl ngày 24-1-1948)

Chúng tôi đồng đứng tên dưới đây là Tổng Giám, Tá Lý, nhân công nam nữ xin dâng 3 bồn này lên Hội Thánh.

Nguyên năm Bính Tý (1936), các con có làm tờ trình nguyện làm Đền thờ Đức Chí Tôn. Nay các con đã hoàn thành, xin giao lại cho Hội Thánh ...

Vi Bằng: Vị Tổng Giám xây Tòa Thánh Lê Văn Bằng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn nhân công nam nữ ra mắt vị Tiên vãng. Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức sắc nam nữ vào lạy Chí Tôn ban ân huệ cho cả gia quyến các công thợ và thiện tâm hỷ cúng vào sự tạo tác Tòa Thánh.

Khi bái lễ xong, Đức Hộ Pháp nhân danh Hội Thánh để lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung. Kẻ công, người của đã trải qua biết bao thời gian nguy biến, gian lao, gìn giữ đức tin, mới lần hồi kiến tạo nên

một Đền thờ vĩ đại, oai nghiêm tráng lệ đường này.

Vị Tá Lý Lê Ngọc Lờ thay mặt Tổng Giám Lê Văn Bàng đọc lời chúc mừng: “Toà Thánh là hồn Đạo, là khối đức tin lớn xuất hiện tại vùng Á Đông vào cuối kỳ Hạ Nguơn. Nhờ nơi huyền diệu thiêng liêng mà Đạo đặng phổ thông mau chóng, nhiều tín đồ đã tùng giáo, nên Đạo phải có Thánh thể của Chí Tôn tại thế mà tụ khối đức tin của toàn nhơn loại. Vì lẽ đó Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư thi hành theo tiếng gọi của nhơn sanh để làm Tòa Thánh. Biết bao nhiêu hăng hái vui mừng chung hợp xây Tòa Thánh cho mau rồi...”

Khi vị Tá Lý đọc xong, Đức Hộ Pháp đáp lời: “Bần Đạo không ngờ mấy em phái nữ đã đạt được kỳ công. Nhớ lại khi mới khởi công, Bần Đạo chỉ chọn phái nam, sau vì nhân công không đủ nên chọn thêm mấy em nữ. Ban đầu trộn hồ, gánh gạch, lằn hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến như phần đông nam phái. Mọi việc chỉ đủ nam nữ, Âm Dương, mới tạo thành lý Đạo. Ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì dè dặt, Bần Đạo mới buộc mấy em phải hồng thệ và thủ trinh cho tinh khiết mà xây Đền Thánh. Ngày nay đặng hoàn thành, Bần Đạo sẽ giải thệ cho mấy em nào muốn ra lập gia đình tùy thích.”

Đức Hộ Pháp kêu Tổng Giám Lê Văn Bàng đem tờ Giao Lãnh mà khi xưa mấy vị này đã ký với Hội Thánh, Đức Ngài ký tên với danh vị thợ hồ. (Ban Kiến Trúc: Lễ Giao Lãnh Đền thờ Đức Chí Tôn 1948. Ấn hành năm 1971)

Thật vậy chính người thợ hồ Phạm Công Tắc đã hướng dẫn

thiết kế dựng và đắp hình trong ngoài Đền Thánh lưu để mai sau.

Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, là mẫu mực cho nhân loại noi theo. Nơi nào muốn tạo dựng Thánh Thất cũng phải lấy họa đồ mà xây cất đủ ba đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Đức Hộ Pháp cho phép được tiết giảm đắp vẽ hình nơi các Thánh Thất ít hơn ở Tòa Thánh: không đắp hình Tam Giáo, Ngũ Chi, Thất Hiền, Bát Tiên trên các tấm hoành chữ M, không đắp Tứ Linh, các cột rồng trong Cửu Trùng Đài, không đắp hình Đức Quyền Giáo Tông và bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh nơi lầu Hiệp Thiên Đài v.v...

Tại tư gia, Đức Ngài cho thờ thống nhất tượng Ngũ Chi đặt lên trang thờ tôn nghiêm có ba bức biểu tượng Tam Kỳ, Tam Giáo. Kỹ thuật điêu khắc chạm trổ của các nghệ nhân nơi các khánh thờ mỗi ngày một tinh vi điêu luyện nhưng vẫn giữ nguyên tam cấp như thuở ban đầu.

Nhằm nâng cao nghệ thuật chung bông, hàng năm vào hai ngày lễ lớn: vía Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, Cửu Vị Nữ Phật, Long, Lân, Qui, Phụng... đều có thưởng nên ngày càng phát triển. Nghệ nhân các tỉnh phải về Tòa Thánh học hỏi. Về sau, vì hoàn cảnh khó khăn, các cộ bông gom vào triển lãm, long lân... lên bàn thờ gia tiên tô điểm cho ngày tân hôn, xuân Tết, v.v... Các tỉnh có nghệ thuật chung hình thú là phát xuất từ Tây Ninh...



Hình ảnh Tòa Thánh Tây Ninh - (18-09-1948)

13. Chương quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Đức Quyền Giáo Tông qui Thiên ngày 13-10-Giáp Tuất (dl 19-11-1934), có di chúc giao quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp. Lúc đó có rất nhiều sự kiện rối ren xảy ra trong nền Đạo, bên trong nội bộ của Đạo thì chia rẽ trầm trọng, bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách áp đảo.

Hội Thánh gấp rút triệu tập Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh để tìm phương củng cố nền Đạo.

Ngày 6-11-Giáp Tuất (dl 12-12-1934), Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chương quản Cửu Trùng Đài cho đến ngày có đủ 3 vị Đầu Sư để sớm

chỉnh đốn nền Đạo.

Kể từ ngày ấy, Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Thống nhất, Chương quản Nhị Hữu hình Đài : HTĐ và CTĐ. Nhờ quyền thống nhất và rộng rãi này, Đức Phạm Hộ Pháp leo lái con thuyền Đạo từ từ qua khỏi cơn sóng gió và phát triển thêm lên vượt bậc.

Việc Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chương quản Nhị Hữu hình Đài là do các Đấng nơi Ngọc Hư Cung ở cõi thiêng liêng quyết định. Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh nơi cõi trần là để hợp thức hóa quyết định chuyển pháp của Ngọc Hư Cung mà thôi.

Lục Nương Diêu Trì Cung giảng cơ nói về việc này như sau :

TNHT. II. 87 : Lục Nương Diêu Trì Cung.

Em chào mấy anh. Em đang ở Ngự Quan Cung, Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đang ngưỡng nghĩa, nên vội vã đến hầu.

Khi moi này, Em đặng tin lành : Ngọc Hư Cung lo chuyển pháp. Cả Thiên Thơ hủy phá, sửa cải Pháp Chơn truyền. Chư Thần Thánh Tiên Phật vui mừng chẳng xiết, Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng, nhưng vì cái mừng ấy mà làm cho Người đồ lụy, ngâm bài thi này:

Vú Mẹ chưa lia đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vuông tròn.
Quyền cao Ngự Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lọt điềm Thánh tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bộn thể nét dò đon.

Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng Mẹ ngại ngùng, con hỡi con !

Nhị Ca ôi ! Bài thi làm cho cả Cung Diêu Trì đều đổ lụy.
Mấy anh nên lấy nó làm phép hằng tâm thì bước vinh diệu
thiên liêng không lạc nẻo.”

Chú Thích :

- Ngự Mã : Ngự Mã Thiên Quân, chơn linh của Đức Phạm Hộ Pháp.
- Hiệp Thiên : Hiệp Thiên Đài.
- Nhị Ca : Lục Nương gọi Đức Phạm Hộ Pháp là Nhị Ca, bắt chước theo Thất Nương.

Trong TNHT, phần Thi Văn, có một bài thi khác, các Đấng cho biết Thiên thơ sửa đổi, bởi vì các Chức sắc lãnh đạo Cửu Trùng Đài không có phương cách trị an trong Đạo, nên phải chuyển qua cho Hiệp Thiên Đài cầm quyền điều khiển nên Đạo.

TNHT. II. 124 :

Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên thi.
Cửu Trùng không kế an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
Hành pháp diu đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
Quyền hành từ đây về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì.

Ngày 18-10-Át Hợi (dl 13-11-1935), Đức Lý Giáo Tông có giảng cơ tại Hộ Pháp Đường nói chuyện với Đức Phạm Hộ

Pháp, xin trích ra một đoạn :

TNHT. II. 97 : “ - Cười ! Lão chẳng nói rõ, Hiền Hữu cũng thấy hiển nhiên rằng từ thử, thẳng Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chi đặng với một Hội Thánh hữu danh vô thực như vậy có phải ? May thay ! Thiên thơ do một mặt chẳng chi đòi đòi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.

Hộ Pháp bạch: - Thiên thơ đã đổi, đệ tử xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ oai cầm Thiên thơ vững chắc.

- Cười ! Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại; hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó, không có nửa quyền trị thế của Lão nơi tay thì Hộ Pháp có thể nào điều hành Hội Thánh cho đặng. Ấy vậy, cứ để y.

Nghe thi này và kiếm hiểu:

Bát Nhã từ đây vững lái thuyền,
Tuông pha khổ hải độ nhơn duyên.
Gay chèo thoát khổ đầy linh cảm,
Rạch nước trừ an đủ diệu huyền,
Thôi thẳng cánh buồm thì Lão thử,
Nâng an lòng bản cập Thần Tiên.
Phong ba mấy độ đà qua khỏi,
Ném thử Giáng Ma đóng Cửa Tuyền. “

Hình ảnh sau đây: Đức Hộ Pháp , Ngài Khai Đạo, Tiếp Pháp, ba Vị Thái Thượng Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Phối Sư Hương Lự, Hương Hiếu trong Lễ Cúng Đại Đàn Tòa Thánh Tây Ninh.



Một bài Thánh giáo khác của Đức Lý Giáo Tông nói thêm về việc : Tại sao Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông Hữu hình cho Đức Phạm Hộ Pháp nắm giữ:

Phò loan : Hộ Pháp Tiếp Đạo.

Tòa Thánh, 1-12-Quý Tỵ (dl 5-1-1954).

LÝ GIÁO TÔNG

.....
- Hiền Hữu có nghĩ tại sao Lão phải dâng quyền Giáo Tông cho Hiền Hữu đặng trọn quyền Chí Tôn Hữu hình tại thế chẳng?

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài dạy rõ.

- Thì cũng do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão khi cầm quyền thiêng liêng mỗi Đạo quá chấp nê phạm tánh, không dung thứ tội tình cho con cái của Người, nên giao cho Hiền Hữu là bạn đồng sanh, biết đau đớn, biết khổ cực với mảnh thi phạm, mà rộng dung cho họ. Cười . . Quyền Chí Tôn trong tay Hiền Hữu thì cứ tự dụng đặng định

vị cho Thánh Thể của Người. Lão chẳng nên can thiệp vào đó.

Này Hiền Hữu, Lão nói thử, Hiền Hữu nghĩ coi có lẽ nào Lão cầm cơ thăng vị cho những người như : Kiên, Chấn, Thạch, Dược.

Cười . . . Hiền Hữu tự mình định liệu lấy, nếu cần, phò loan nơi Giáo Tông Đường, Lão sẽ đến bàn luận. Lão xin kiếu.
THĂNG.

14. Đạo Cao Đài Trong Các Hội Nghị Tôn Giáo Quốc Tế

Tuy Đạo Cao Đài bị thực dân Pháp, phát xít Nhật và Cộng Sản Việt Minh Khủng bố phá hoại bao nhiêu lần, nhưng nhờ sự quyết tâm và trí sáng suốt của Đức Hộ Pháp dẫn dắt, nên mỗi ngày một bành trướng.

Năm 1926 lưa thưa mới chỉ có mấy chục tín đồ. Thế mà số tín đồ hiện nay đã lên tới gần hai triệu Đạo Cao Đài, chẳng những chỉ bành trướng trên dãy đất Nam Việt mà thôi, Đạo đã lan ra Trung Việt, Bắc Việt sang Cao Mên, Ai Lao. Chẳng những thế đạo đã vượt qua muôn trùng biển cả tới Âu Châu, Mỹ Châu.

Đạo Cao Đài đã có đại diện trong nhiều cuộc hội nghị Quốc tế về Thần Học và Tôn Giáo. Ấy là ông Gabriel Gobron. Ông đã đại diện lần thứ nhất cho đạo Cao Đài trong Hội Nghị Quốc Tế về Thần Học tại Glasgow (1933), lần thứ nhì trong Hội Nghị Quốc Tế về Tôn Giáo tại Ba Lê (1933). Lần thứ ba trong hội nghị Quốc tế về Thần học tại Barcelone (1934), lần thứ tư trong Hội Nghị Quốc tế về Tôn giáo tại Luân đôn (1936).

Một tờ báo ở Âu Châu có viết về đạo Cao Đài như sau: “Đạo Cao Đài sẽ có một trọng trách lớn lao trong những hội nghị Quốc Tế về Tôn Giáo. Tất cả mọi người đều chú ý đến điểm đạo Cao Đài có cái lý tưởng hợp nhất các Tôn Giáo để đem thái bình ổn định lại cho thế gian. Đây cũng là mục đích chúng ta theo đuổi.”

Gabrien Gobron là một trí thức Pháp, làm Giáo sư Trung học, làm Ký giả cho nhiều tờ báo ở Pháp, đã nghiên cứu nhiều về Thần linh học, nên khi Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh phổ độ ông thì ông liền theo Đạo Cao Đài vào năm 1931, trong thời gian Ngài Phối Sư sang công tác nơi nước Pháp.



Năm 1932, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp phong cho ông phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, cử ông làm đại diện Đạo Cao Đài tại Pháp, tham dự các Hội nghị Tôn giáo quốc tế và các Hội nghị Thần linh học ở Châu Âu. Vợ của ông là Bà Marguerite Gobron, cũng nhập môn theo Đạo Cao Đài một lượt với ông, được phong phẩm Nữ Lễ Sanh, sau được thăng lên Nữ Giáo Hữu.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron tham dự nhiều lần các Hội nghị Tôn giáo thế giới, trình bày đầy đủ tôn chỉ, giáo lý và triết lý của Đạo Cao Đài, đồng thời viết nhiều bài báo

binh vực Đạo Cao Đài và truyền bá Giáo lý Cao Đài. Nhờ vậy nhiều người Âu Châu mới biết được Đạo Cao Đài.

Ông đau bệnh luôn và mất ngày 8-7-1941 tại Rethel quận Ardennes nước Pháp. Tất cả bài viết về Đạo Cao Đài được ông giao phó và di chúc cho ông DELECOURT-GALLOIS sắp xếp và xuất bản sau khi ông mất. Ông Delecourt-Gallois giao cho nhà xuất bản DERVY xuất bản 2 cuốn sách của Gabriel Gobron viết về Đạo Cao Đài :

- Histoire du Caodaisme, xuất bản tháng 6 năm 1948.
- Histoire et Philosophie du Caodaisme, tháng 7 năm 1949.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron và các chức sắc Cao Đài tại Pháp tại được Tòa Thánh Tây Ninh (Việt Nam) ủy nhiệm làm đại diện Đạo Cao Đài trong các Hội nghị quốc tế về tôn giáo.

a. Hội nghị quốc tế Thần linh học Barcelone (1934)

Người ta đọc trong tạp chí La Revue Spirite (số tháng 10 - 1934, trang 505) trong một loạt các nguyện vọng được toàn hội chấp thuận :

“ **Mục thứ 8** : Phong trào Cao Đài : Do đề nghị của ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại nước Pháp của Đạo Cao Đài (hay Phật giáo canh tân, hay Thần linh học VN), Hội nghị quốc tế Thần linh học lần thứ 5 họp ở Barcelone (từ ngày 1 đến 10-9-1934) thỉnh cầu rất cung kính Chánh phủ Pháp vui lòng nhớ lại các lời hứa long trọng vào tháng 3 năm 1933 tại Quốc Hội Pháp, của Thủ Tướng Sarraut, lúc ông là Bộ Trưởng Thuộc địa, thiết lập với ân huệ cho những tín đồ Cao Đài một qui chế cũng rộng rãi như qui chế được hưởng bởi những người theo Thiên Chúa giáo hay các tín

đồ Phật giáo trong các nước của Liên bang Đông Dương.”

b. Hội Nghị thế giới về tôn giáo ở Luân đôn (1936)

Báo Le Cyne (ngày 20-9-1936) loan tin :

“ Tại Hội nghị Quốc tế về Tôn giáo tổ chức ở Luân đôn, dưới sự chủ tọa của Ngài Francis Younghusband, nơi đó ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại nước Pháp của Đạo Cao Đài, tham dự theo đề cử từ Tòa Thánh Tây Ninh, Đạo Cao Đài được thừa nhận là tôn giáo khoan dung như thế giới. Trước đông đảo hội viên gồm đại diện của tất cả tôn giáo lớn trên thế giới và các đại diện báo chí quốc tế, đại diện Cao Đài tại Pháp tuyên bố : “ Đạo Cao Đài là một thực nghiệm về sự hòa hợp các chủng tộc và các sắc dân, mà quý vị hội họp nơi đây là vì mục tiêu ấy. Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân chắc chắn là một thực nghiệm sống của sự kết hợp và phục như thế các tôn giáo.” Nhiều tràng pháo tay nhiệt liệt hoan nghinh câu kết luận ấy.

c. Hội Nghị Thần linh học thế giới ở Glasgow (1937)

Nhật báo L'Annam nouveau (14-11-1937) loan tin :

“ Do đề nghị của ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của Đạo Cao Đài hay Thần Linh Học Việt Nam, Hội nghị Thần Linh Học thế giới lần thứ 6 họp ở Glasgow (từ ngày 3 đến 10-9-1937), sau Hội nghị Thần linh học thế giới lần thứ 5 tại Barcelone, nêu ra nguyện vọng là những người theo Thần linh học VN trong các nước của Liên bang Đông Dương được hưởng những tự do tín ngưỡng và thờ cúng như những người VN theo Thiên Chúa giáo hay đạo Tin Lành, dầu họ là dân thuộc địa, dân bảo hộ, dân lai hay người ngoại quốc.

“ Nguyên vọng nêu ra trong Hội nghị Thần Linh Học quốc tế ở Baecelone đã mở ra thời kỳ khá rộng rãi cho các tín đồ Cao Đài hay Thần linh học VN”.

Nguyên vọng này được trình bày và bàn cãi trong bộ phận triết học của Hội nghị, được nhìn nhận bởi sự hoan nghinh trong buổi hội họp dân chúng tổ chức tại Phòng Triển lãm mỹ thuật McLellan ngày 9-9-1937.

d. Hội Nghị Thế Giới Về Tín Ngưỡng tại Ba-lê (1939)

Tóm tắt bài tường thuật của tạp chí La Revue Spirite (Tạp chí Thần linh học) (Ba-lê, 8 - 9) : “ Hội nghị thế giới về Tín ngưỡng đã được tổ chức trước đây ở Luân đôn, Oxford, Cambridge, năm nay tổ chức tại Ba-lê. Cộng sự viên của chúng ta là ông Gabriel Gobron, được ủy nhiệm bởi các tín đồ Cao Đài hay Phật giáo canh tân ở Đông Dương, đến tham dự.

Những lời trách cứ mà ông đã đưa ra trong Hội Nghị tại Luân đôn có thể được lặp lại nơi đây và hơn thế nữa : Những người tổ chức, hầu hết là người Anh, chỉ quan tâm đến các tôn giáo xưa có một quá khứ lâu dài và phong phú (lời phát biểu của ông Lacombe ngày 10-7-1939) và như vậy là đặt ra ngoài, các tôn giáo mới, những giáo lý mới và hơn nữa tôn giáo tổng hợp như Đạo Cao Đài có chủ trương dung hợp cơ bản những tín đồ Phật giáo, Công giáo, Lão giáo, Nho giáo, Hồi giáo, vv. . .

Vô ích để nói rằng Thần Linh Học, Thông Thiên học, Nhân Loại Học, vv . . . đều bị bỏ ra ngoài Hội Nghị này, chỉ tìm kiếm sự hợp tác trong “tôn kính” của những tôn giáo lớn và không bao giờ có sự dung hợp cơ bản hay tổng hợp.

Không có một so sánh nào về sự cao trọng của các tôn giáo được tha thứ. Giáo hội Công giáo, tuy chánh thức vắng mặt, nhưng được đại diện rộng rãi (Giáo sư Maritain, ông Lacombe, vv. . .) và trong tất cả các ngày, Công Giáo đều nhận được sự tôn kính.

Hàng trăm người, phần nhiều là dân anglo-saxon, - sĩ quan, viên chức, giáo sư, quý tộc, trưởng giả - tham dự các ngày Công giáo, Do Thái Giáo, Phật Giáo, Tin lành, Hồi Giáo, Ấn Giáo, họ xen vào các cuộc tranh luận, đôi khi ngoài các đề tài nêu ra : Làm thế nào ngự trị tinh thần huynh đệ trên thế giới bởi sự tụ hội các tôn giáo ?

“ Sự bảo trợ chánh thức ban cho Hội Nghị (ông Champetier de Ribes và ông Georges Mandel) sự tiếp nhận Hội Nghị tại trường đại học Sorbonne bởi ông Viện Trưởng Roussy, với sự tham dự của các thuộc địa Pháp (một vị tướng ở Tunis, một Tỉnh trưởng ở Syrie, vv . . .) một “Ủy Ban Pháp” làm tăng uy thế của các buổi thảo luận long trọng tại Giảng đường Richelieu từ ngày 2 đến 11-7-1939.

“ Ưu điểm của Hội Nghị - ngoài những giới hạn hẹp hòi mà người ta qui định và những dự phòng chánh đáng - là kêu lên những quyền của con người, mà hiện thời bị chà đạp trong tất cả các chế độ độc tài.

“ Một nguyện vọng là kêu gọi các nhà độc tài nên nhân đạo hơn nữa, được Hội Nghị chấp nhận và vấn đề người tị nạn phải được ghi vào nghị trình của Hội Nghị sắp tới tổ chức ở Hòa-lan. Một lời kêu gọi gửi đến các Giáo hội chánh thức được đưa ra.

“ Những khách đến viếng thăm điện Versailles, các viện bảo

tàng Ba-lê, các trung tâm trí thức, Thánh đường Hồi giáo, nơi đó nhân phẩm có tính cách của dân Ba-lê đón nhận một cách lịch sự các Hội viên, vv. . . đã theo dõi hội tập thường ngày. Quả thật, người ta nói nhiều nhưng người ta cũng hành động : một Hội nghị như thế là một sự kiện đáng ghi nhớ. Người ta muốn tuyên bố nó quan trọng hơn cả Hội nghị Quốc liên, tiếp theo một trong những tiệc trà qui tụ nhiều Hội viên mà một ngày nào đó khơi lên ngọn lửa của những tân tín đồ về lý tưởng tôn giáo. “

Báo La Vérité ở Nam Vang, nơi đó có trụ sở của Hội Thánh Ngoại giáo Đạo Cao Đài, có tường thuật gần giống như trên (ngày 26-7-1939) : Đạo Cao Đài trong Hội Nghị các tôn giáo tại Ba-lê (trang 1 và 5) :

“ Đạo Cao Đài hay Phật giáo canh tân đã được giới thiệu vào năm nay trong Hội Nghị các tôn giáo tại Ba-lê (từ ngày 3 đến 11 tháng 7) bởi ông Gabriel Gobron, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của Đạo Cao Đài, ông gặp lại các nhân vật lãnh đạo mà ông đã quen biết tại Luân đôn vào năm 1936, Ngài Francis Younghusband là chủ tọa và ông Arthur Jackman làm thư ký.

“ Chánh phủ Pháp đã tổ chức và bảo trợ Hội Nghị các tôn giáo, chính các ông Georges Mandel, Bộ Trưởng Bộ Thuộc địa; ông Champetier de Ribes, Bộ Trưởng Bộ trợ cấp; ông Viện Trưởng Viện Đại học Ba-lê, Bác sĩ Roussy, đã cung cấp Giảng đường rộng lớn Richlieu của Đại học Sorbonne làm nơi hội họp cho Hội Nghị.

Một Ủy Ban Pháp, dưới quyền của Giáo sư Louis Massignon, gồm nhiều nhân vật : bà De Coral-Rémusat, ông Jean Herbert, bà De Margerie, công chúa A. Murat, ông De Traz,

ông Lacombe, giáo sư Daniel Rops, vv . . . điều khiển các cuộc thảo luận, tập trung vào đề tài căn bản : Làm thế nào mở mang tinh thần hợp tác huynh đệ trên thế giới bởi các tôn giáo ?

“ Chung quanh vấn đề đặt ra này, người ta chẳng những ghi nhận các ngày Công giáo, Tin lành, Ấn giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Do Thái giáo, vv . . . tùy theo diễn giả chánh thức thuộc vào một trong những tín điều nào.

Như thế, thứ ba ngày 4 tháng 7 là ngày Công Giáo : Giáo Hội Công giáo chánh thức vắng mặt, không tham dự các công việc của Hội nghị, nhưng Giáo Sư Jacques Maritain, ông Lacombe và vài người Công giáo khác đóng vai trò hàng đầu trong tuần lễ Hội Nghị. Giáo Hội Công giáo vô hình nhưng hiện diện.

“ Nói thật ra thì tầm vóc của Hội Nghị không lớn lắm, cũng không quốc tế như người ta mong ước. Điều này do vài hạn chế đặt ra cho các Hội viên :

1. Không một tôn giáo nào được bày tỏ ưu điểm của mình để thu hút tín đồ của tôn giáo khác.
2. Không có vấn đề thống nhất hay dung hợp các tôn giáo, nhưng chỉ có sự hợp tác giữa các tôn giáo khác nhau đã bị chia rẽ từ trước. Một tôn giáo thống nhất tổng hợp như Đạo Cao Đài cảm thấy khó chịu trong Hội Nghị; cũng thế, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp tuyên bố với ông Olivier Lacombe, Phó Chủ tịch Ủy Ban Pháp, rằng ông ta là người “tà giáo” duy nhất trong Hội nghị.
3. Tiến trình của Hội nghị, theo nguyên tắc, được dành cho các tôn giáo lớn và xưa chứng tỏ sự lớn mạnh của họ bởi

quá khứ lâu dài. (Lời nói của ông Lacombe ngày 1-7-1939).

“ Ngài Francis Younghusband lúc bấy giờ tuyên bố với ông Gabriel Gobron rằng ông Gobron là người được trọng đãi, được tự do phát biểu và bàn cãi như tất cả mọi người, sau khi ông trình ủy nhiệm thư của cấp thẩm quyền Đạo Cao Đài với Phòng thư ký ở trường Sorbonne.

“ Ông Georges Mandel, Bộ Trưởng Thuộc Địa, xác nhận sự tham dự của các phần tử của Đế quốc Pháp tham gia vào các công việc và tranh luận nơi Hội nghị. Do đó, tướng Hasan Husny Abdelwhab ở Tunis một Tùy viên của Cao Ủy Phủ của Syrie, đã được lên trình bày về Hồi giáo.

Trái lại, ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của chúng ta không gặp các phần tử Pháp ở Á châu; Ấn giáo và Phật giáo chỉ được đại diện bởi những người Anh : Tỳ Khuru Thittila (Tu viện Rangoon), Giáo sư Dasgupta (Calcutta), vv...

“ Mỗi ngày, ở Ba-lê cũng như ở Luân Đôn năm 1936, có một bài thuyết trình vào buổi sáng, kế đó là tranh luận vào buổi chiều, sau đó thì đi viếng thăm các cảnh lạ (Điện Versailles, các Viện Bảo tàng, vv. . .) và đến các trung tâm trí thức của Ba-lê (Viện Văn Minh Ấn độ, Hồi giáo, Hội Liên hiệp Pháp Anh, vv. . .).

“ Ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn tại Pháp của chúng ta đã phê phán tổ chức Hội nghị ở Luân đôn, nơi đó nhiều bậc trí thức đơn độc, không đại diện cho ai cả (và đôi khi có một chút tự kiêu), đã chiếm diễn đàn trong 1 hoặc 2 giờ.

“ Nay thì Hội nghị ở Ba-Lê dành cho những đại diện của các cộng đồng, theo đúng từ ngữ của qui chế Hội nghị tại Sorbonne. Như thế, các người không chuyên nghiệp và tài

tử phải tránh ra để nhường chỗ cho những đại danh như Giáo sư Jacques Maritain (Viện Công giáo Ba-lê), Giáo sư Dasgupta (Ấn giáo), Bác sĩ Sié (Đại học Nam Kinh), tướng Hasan Husny Abdelwahab, Tử tước Samuel (Cựu Cao Ủy ở Palestine), Tỳ khuu Thittila (Tu Viện Rangoon), Giáo sư Hauter (Đại học Tin lành Strasbourg), vv. . .

“ Thứ ba, ngày 11 thì chấm dứt các công việc và tranh luận trong tình huynh đệ lịch sự nhưэт. Họ chia tay với sự bịn rịn và đau lòng, sau khi biểu quyết những nguyện vọng, các giải pháp, xem xét các dự án, các cải thiện, quyết định địa điểm cho Hội Nghị sắp tới ở Hòa Lan, vv. . .

“ Trong số rất nhiều sự việc thú vị, đáng chú ý là nguyện vọng yêu cầu các nhà độc tài cư xử nhân đạo hơn với dân chúng; những lời khen ngợi về công trình hòa bình của ông Chamberlain; lời cảm tạ đối với nhà cầm quyền Pháp đã đối đãi tốt đẹp với các tôn giáo mà không cần chứng minh, khả năng chọn Strasbourg, Jérusalem, Genève, vv . . . làm nơi Hội Nghị sắp tới; sự kêu gọi các Giáo hội nên cho phổ biến các công trình của Hội nghị mà một diễn giả đã nói rằng các chánh trị gia và những người cổ súy họ. Vấn đề người ty nạn được đặt ra cho năm tới.

“ Ủy ban Pháp quyết định tiếp tục tại Ba-Lê công việc làm cho các tôn giáo lớn xích lại gần nhau hơn và hiểu biết nhau hơn. Nhiều Hiệp Hội Liên Tôn được chú ý trong thủ đô, cung cấp cho các Hội viên thích tham dự các cuộc hội họp và đóng góp các cố gắng.

Từ đây Hội nghị sẽ thay thế Hội Quốc liên, đã bị đá phá bởi “ Chúng tôi nghĩ rằng, không bao lâu nữa, Đạo Cao Đài sẽ có vai tuồng quan trọng bởi cái gương mẫu sống động của

nó, trong các Hội nghị quốc tế về tôn giáo.

Tuyên Ngôn Của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Giáo Chủ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh Trao cho Hội Nghị Tôn Giáo Quốc Tế tại Montreux, Thụy Sĩ Ngày 12-7-1954

Các Huynh Đệ,

Chúng tôi từ xa đến rất hân hạnh đặng dự vào không khí thần diệu này. Để ghi lại một kỷ niệm cùng các Bạn trong khi đi ngang đây, xin tặng bốn Thánh Giáo của Đức Chí Tôn.

Nhân Loại đang khủng hoảng tinh thần. Tất cả các Quốc Gia đang sống trong cảnh lo âu đang tầm kiếm một con đường cứu rỗi trong hòa bình, đã hứa hẹn cho những người có thiện ý.

Duy vật đã lấn át duy tâm và sức mạnh ép dè lợi quyền, chiến tranh đang đe dọa và đầu đầu cũng lấy sức mạnh chống sức mạnh. Đây là một lỗi lầm lớn đưa Thế Giới đến cảnh tiêu diệt.

Chỉ tinh thần cao cả của duy tâm mới đánh bại được lý tưởng duy vật, nhưng các Đạo Giáo hiện hữu vẫn còn lẻ-loi hình như bất lực trước sự tàn nhẫn và thù hận.

Tôi tin chắc rằng trong lúc này tư tưởng chúng ta chỉ nhằm vào một mục đích là điều hòa các lập trường Tôn Giáo làm một khối duy nhất, tin tưởng Thượng Đế và Tạo Vật.

Đó là mục đích mà một nền ‘Tân Tôn Giáo’ (Đạo Cao Đài) đã được thành lập từ năm 1925 tại Việt Nam do Thánh Giáo chỉ dạy.

Bởi sự đại khoan dung, Đạo Cao Đài không thừa nhận lý

thuyết phân hóa. Nhờ nó các Tôn Giáo sẽ gặp nhau và hiệp làm một nền Đạo duy nhất, một Đại Đạo để đi tới con đường bác ái đại đồng.

Đạo Cao Đài cũng như các Đạo Giáo khác có học thuyết công truyền và bí truyền. Công truyền là tín điều của Tình thương Đại đồng, còn Bí truyền là thụ giáo theo đẳng cấp. Nhân Loại có một nguồn gốc duy nhất, tín ngưỡng của con người lúc ban sơ hướng về Đấng Tạo Đoan. Vì các sắc dân mỗi ngày mỗi tăng gia nên sự tín ngưỡng trở nên phức tạp. Muốn thống nhất nhơn tâm cần phải dẫn dắt các Tín ngưỡng trở về nguyên thủy: sự thờ phượng THƯỢNG ĐẾ và NHÂN LOẠI.

THỐNG NHẤT và HÒA BÌNH là hai danh từ mà Thế Giới hiện nay đang mong mỏi. Đây là lời vàng ngọc mà THẦY để vào tâm của mỗi người. Chính sự đoàn kết tạo ra Hòa bình giữa xã hội và giữa các Quốc Gia, sự đoàn kết là gương chói lọi thúc đẩy loài người sống trong tình Huynh Đệ Đại đồng.

Như thế Hòa bình chỉ thực hiện bằng cách tập trung các Tín ngưỡng Đạo Giáo, sự tầm kiếm của quý vị là chánh đáng. Bắt đầu ngày nay, chúng ta phải hợp nhau, đặt hết cố gắng quanh phước hiệu của một Đấng CHÍ TÔN, ráng sức nâng cao khắp thế gian hội giáo ‘CAO ĐÀI’ để làm cây đuốc huệ dẫn dắt nhân sanh trên đường HÒA BÌNH và HÒA NHỊP. (Bản dịch của Châu-Huệ)

15. Thích Nghĩa Kinh Phật Mẫu

(Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Cửu Long Đài, Báo Ân Từ vào Rằm tháng 8 năm Đinh Hợi /1947).

Ngày nay là ngày Đại Lễ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Bàn Đạo tưởng cả thầy toàn Đạo nên biết quyền hành của Phật Mẫu như thế nào ? và tại sao chúng ta thờ Người.

Muốn biết quyền hành ấy Bàn Đạo phải thuyết minh và giải nghĩa bài Kinh Đức Phật Mẫu mà chúng ta thường tụng niệm hằng ngày đó. Trước khi giải nghĩa Bàn Đạo cũng nên nói rõ ai đến cho bài Kinh ấy ? Cho hồi nào ? Và tại nơi đâu ? Kinh Đức Phật Mẫu cho tại Kiêm Biên Tông Đạo (Cao Miên Quốc) nơi Báo Ân Đường của hai vợ chồng Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi.

Lúc trước chưa có Kinh Phật Mẫu, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu đến Hiệp Thiên Đài Khai Đạo Cao Đài, nhờ thi phú văn tự của Cửu Vị Tiên Nương cho biết nguyên do đến Khai Đạo, chớ chúng ta chưa biết quyền hành của Người. Nơi Kiêm Biên cả Chức sắc Hội Thánh Ngoại Giáo đến cầu Kinh, khiến khi đó Bàn Đạo đến nhằm lúc cúng vía Phật Mẫu. Bát Nương đến cầm cơ viết, chính mình Bàn Đạo phò loan nơi Đại Điện.

Có nhiều người làm chứng, có chư Đạo hữu và một người không biết Đạo là gì, là ông Hiếu (kêu Bàn Đạo bằng chú) ngồi trước sân chơi, thấy tứ phía đều có hào quang giáng hạ xẹt xuống rất ngay Báo Ân Đường. Tới chừng trọn bài Kinh rồi, cả thầy đều nói lại không biết cái gì xẹt khi nãy như sao xẹt qua xẹt lại vậy, không dè trong nhà đang phò loan. Có cháu của Bàn Đạo và nhiều đạo hữu ở ngoài làm chứng quả quyết như vậy.

Bây giờ Bàn Đạo xin giảng từ câu Kinh cho toàn thể hiểu.

“Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu,

Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Điều Trì”

Tùng Trời thứ chín gọi cung Tạo Hóa Thiên, có vị cầm quyền năng tạo đóa gọi là Thiên Hậu, nắm cả Kim Bàn tức là nắm đẳng cấp Thiêng Liêng điều khiển chơn linh gọi là Phật Mẫu Điều Trì.

Bên Á Đông người ta thường kêu Phật Mẫu là Mẹ Sanh thờ bằng cốt tượng, cũng nhờ nơi Cửu Vị Tiên Nương truyền bá còn lưu lại ngày nay là bọn đồng cốt, nhờ đồng cốt mà cả Á Đông đều biết Phật Mẫu là Mẹ sanh của nhơn loại.

“Sanh Quang dưỡng dục quần nhi”

Lấy khí Sanh quang, nuôi nấng con cái của Người tức là vạn linh.

“Chơn linh phối nhứt thân vi thánh hình”

Chơn linh của Chí Tôn cho ta hiệp với thi hài là thành thân hình, ta gọi là phách hay vía, khi thoát xác chơn linh ấy xuất ngoại.

“Thiên cung xuất vạn linh tùng pháp”

Do nơi Thiên Cung mà ra vạn loại, tức nhiên vạn vật tùng quyền pháp Thiên cung mà sanh.

“Hiệp âm dương hữu hạp biến sanh”

Lấy âm dương khí hòa hiệp nhau biến hóa ra vạn vật.

“Càn khôn sản xuất hữu hình”

Càn khôn trước là không không, Phật Mẫu biến ra cả vạn linh.

“Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh”

Trong Bát hồn kể: Vật chất hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn

do trong Kim Bàn của Phật Mẫu mà ra. Bát đấng cấp thiêng liêng chơn hồn vận chuyển biến thành vật chất, thảo mộc, cầm thú và Nhơn loại gọi là chúng sanh.

“Cộng vật loại huyền linh đồ nghiệp”

Hiệp cả thầy loài vật hữu sanh cộng lại làm đại nghiệp của mình, mở một con đường đặng lập vị cho nhau.

“Lập tam tài định kiếp hòa căn”

Tam tài trên kê xuống là: Thiên, Địa, Nhơn, dưới kê lên là Người, Đất, Trời. Phật Mẫu định kiếp căn của mọi người đã sanh ở cõi trần này.

“Chuyên luân định phẩm cao thấp”

Sự luân hồi chuyển kiếp của chúng ta, nẻo sanh tử là con đường đạt vị cao thấp. Sanh ra đặng trả căn kiếp ở thế gian theo Luật Nhơn quả, sanh đặng đạt vị lập nghiệp cũng có, mượn kiếp hữu sanh này lập vị cao thấp cũng có.

“Hư vô Bát Quái trị thân qui nguyên”

Lấy khí Hư vô dựng lò Bát Quái đem linh hồn trở lại chôn cũ, Phật Mẫu có quyền hành đem trở lại cho Chí Tôn.

“Diệt tục kiếp trần duyên oan trái”

Nhờ Phật Mẫu định cho ta trả nợ oan trái, Phật Mẫu có quyền sửa cải kiếp Luân hồi định cho ta lập công quả mà trả quả.

“Chương đào tiên thủ giải trường tồn”

Nơi Diêu Trì Cung, Phật Mẫu trụ Sanh quang lại thành một khối gọi là quả đào tiên, đủ phép sống vĩnh viễn trường tồn nơi cõi hư linh. Phật Mẫu cầm quyền phép hườn chơn thần cho ta đạt kiếp nơi cõi hư linh.

“Nghiệp hồng dẫn tử hồi môn,

Chí công định vị vĩnh tồn Thiên cung”

Nghiệp quả của chúng ta do Phật Mẫu tạo thành, Phật Mẫu lại đem ta trả về cựu nghiệp, còn Chí Tôn do cựu nghiệp ấy mà định vị.

“Chủ âm quang thường tòng Thiên mạng,
Độ Chơn Thần nhứt vãng nhứt lai.”

Chủ Âm quang là nơi địa giới, chia ranh Địa ngục với Thiên đàng, tòng mạng lệnh Chí Tôn, Phật Mẫu giữ gìn Chơn thân của chúng ta, đem ta đến đem ta về.

“Siêu thăng phụng liễn qui khai.”

Siêu thăng thì ta nhờ cái xe Tiên là xe phụng liễn mà mở cửa đi về.

“Tiên cung, Phật xứ Cao Đài xướng danh.”

Nơi Tiên Cung, xứ Phật Đức Cao Đài kêu danh hiệu đều phải tòng quyền lực Phật Mẫu độ rỗi.

“Hội ngươn hữu chí linh huẩn chúng”

Thượng ngươn qua Trung ngươn, qua Hạ ngươn rồi trở lại nhứt ngươn nữa gọi là Hội ngươn. Nay Hạ ngươn tam chuyển hầu dứt, bắt đầu Thượng ngươn tứ chuyển; Chí Tôn đến giáo hóa chúng sanh.

“Hội Long Hoa nhơn chủng hòa ki (cơ)

Đại Long Hoa đã tiên tri là: Hội ân xá cho các đảng chơn hồn, không phân chia chủng tộc, nòi giống, hiệp nhau làm một.

“Tam kỳ khai hiệp Thiên thi,
Khoa môn Tiên vị ngộ kỳ Phật duyên.”

Tam Kỳ Phổ Độ mở ra đúng với Thiên Thơ tiên định, mở hội thi cho các Tiên gia thọ khoa mục đạt Phật vị.

“Trung khố hải độ thuyền Bát Nhã,
Phước Từ Bi giải quả trừ căn.”

Phật Mẫu đem thuyền Bát Nhã độ các chơn hồn qua khỏi biển trần ai, trên thì Chí Tôn nhỏ phước, vì lòng từ bi giải quả báo, diệt tội căn.

“Huòn hồn chuyển đọa vi thăng”

Huòn hồn của chúng sanh bị tiêu hủy cầu siêu được phục sanh lại, cải đọa ra thăng.

“Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn Chương Âm.”

Cửu vị Tiên Nương trở lại thì Phật Mẫu Kim Bàn chương quản bày âm linh.

“Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,
Tùng địa chi hóa trường càn khôn.”

Mười thiên can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, hiệp với 12 địa chi là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, biến hóa ra hình tướng bao la Càn khôn thế giới, làm cho thế giới rộng lớn thêm lên.

“Trùng huòn phục vị Thiên môn.”

Cho trở lại quê xưa vị cũ là về nơi cửa Trời.

“Nguơn linh hóa chủng quỷ hồn nhứt thăng”

Các chơn linh có thể hóa ra nhiều nữa, tức là biến thân có thể đạt Pháp cao siêu được là giáng linh đặng lập vị, còn quỷ hồn cũng được thăng, được đi cùng đường với Thần, Thánh, Tiên, Phật mà tạo kiếp.

“Vô siêu đọa quả căn hữu pháp”

Không siêu, không đọa, căn quả đều có giới định.

“Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan,
Vô địa ngục vô Quỷ quan.”
Không còn khổ hình nữa, Phật Mẫu diệt tan oan nghiệt cửa địa ngục, bỏ Quỷ quan không có nữa.

“Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên.”
Vì chữ đại xá nên Đạo Cao Đài gọi là: 3è Amnistie de Dieu en Orient. Chí Tôn ân xá tội tình đem cả con cái về hiệp một cùng Ngài.

“Chiếu nhũ lệnh Từ Huyền thọ sắc
Độ anh nhi Nam, Bắc, Đông, Tây.”
Chiếu theo lệnh dạy của Đức Chí Tôn, Từ Huyền là Mẹ sanh của chúng ta, thọ sắc độ rồi vạn linh tứ hướng, tức là con cái của Ngài không bỏ sót một ai.

“Kỳ khai tạo nhứt Linh Đài,
Diệt hình ta pháp cường khai Đại Đồng.”
Kỳ Khai Đại Đạo Tam Kỳ tạo một Linh Đài qui tụ tín ngưỡng của toàn nhơn loại, đủ quyền năng tiêu diệt Tà pháp, đặng đem nhơn loại đến Đại Đồng.

“Hiệp vạn chủng nhứt môn đồng mạch”
Hiệp nhơn sanh làm một nhà, Đạo sẽ duy nhứt, vạn loại sẽ là một khối, không phân biệt Quốc gia chủng tộc, Tôn giáo, ngày nào được như vậy là ngày đó hòa bình thế giới được.

“Qui thiên lương quyết sách vận trù”
Phật Mẫu qui thiên lương của con cái của Người, điều độ những người tâm thiện.

“Xuân Thu, Phát Chủ, Bát Vu
Hiệp qui Tam Giáo hữu cầu chí chơn”
Lấy triết lý của Tam Giáo, Xuân Thu tiêu biểu cho Đạo

Thánh, Phát Chủ cho Đạo Tiên, Bát Vu Đạo Phật, gom góp cả ba lại làm một chơn pháp của Người.

“Phục Nguyên nhơn huần hồn Phật tánh
Giáo hóa hồn hữu hạnh hữu duyên”

Đem Phật tánh lại cho các bậc Nguyên nhơn; Nguyên nhơn là các chơn hồn Chí Tôn sai xuống làm bạn đặng độ rồi chúng sanh, vì họ mê luyến hồng trần, nên Chí Tôn đem Phật tánh phổ hóa họ, nhờ đó họ trở lại quê xưa. Phỏng định 100 ức Nguyên nhơn, Phật Tổ độ đặng 6 ức, Lão Tử 2 ức, còn lại 92 ức vẫn còn đọa lạc, Phật Mẫu đến giáo hóa định duyên định phận cho họ.

“Trụ căn qui khí cửu tuyền

Quảng khai Thiên thượng tạo quyền chí công”

Cả qui hồn Phật Mẫu trụ nó lại tuyền đài, mở rộng cửa Trời đặng thật hành quyền Chí Tôn tại thế.

“Lịnh Mẫu Hậu khai Tông định Đạo.”

Mẫu Hậu là Diêu Trì Kim Mẫu hay là Thiên Hậu, Thánh Mẫu, Ngài đến mở tôn giáo định Đạo cho chúng ta.

“Ân dưỡng sanh đảm bảo hồn hài,

Càn khôn Tạo Hóa sánh tài.”

Đã sanh lại dưỡng đặng bảo đảm hình hài thì ơn ấy quá trọng, sánh bằng càn khôn thế giới.

“Nhứt triều, nhứt tịch kinh bài mộ kang.”

Mai chiều chúng ta đến thăm viếng Đức Mẹ như thăm viếng từ thân vậy, mộ kang là đến thăm mai chiều gọi là vấn an Đức Mẹ đó vậy.

“Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu Tạo Hóa Huyền Thiên Cảm Bái.

“Nam Mô Đại Từ, Đại Bi Năng Hỉ Xả Thiên Hậu Chí Tôn Đại Bi Đại Ái.”

Người cầm quyền năng tạo cả Càn khôn thế giới gọi là Thiên Hậu Chí Tôn là Đức Diêu Trì Kim Mẫu đại từ bi bác ái.

Theo Bí Pháp chơn truyền của cơ sanh hóa phải có đủ âm dương, trong sanh quang chúng ta có điện quang (Positif và Négatif) cũng như vạn vật có trống mái. Nền tôn giáo nào có đủ âm dương thì mới vĩnh cửu.

Như Đức Chúa Jésus ngày trước bị đóng đinh trên cây Thánh Giá, đầu thuận lên trên gọi là đạt Dương. Ông Thánh Pierre là đệ nhứt Tông Đồ bị đóng đinh trở ngược lại, gọi là phản Âm. Âm Dương tương hiệp đúng theo Bí Pháp, nên Đạo Thánh lưu truyền lại hai ngàn năm, không ai dùng quyền gì tiêu diệt đặng.

Chí Tôn có thể sai con của Người đến lập Đạo như : Thích Ca, Jésus, Khổng Tử..v.v Trái lại người đã xuất nguyên linh của Người đến đây độ chúng ta thì tương điều ấy trọng hệ hơn hết, khi mở Đạo Cao Đài, Chí Tôn định cho Phật Mẫu đến làm bạn với chúng ta, bảo trọng nuôi nấng dạy dỗ chúng ta thì không có ân đức nào bằng vì không ai biết thương con hơn là Mẹ. Phật Mẫu đến cầm quyền lập Đạo xong rồi giao lại cho Chí Tôn.

Phật Mẫu làm chủ Âm quang, Chí Tôn là chủ Dương quang, Âm Dương tương hiệp, Đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó. Đối với năng lực tạo đoan Càn khôn thế giới thế nào thì Đạo Cao Đài ngày kia sẽ có năng lực như thế đó .

16. Xây Dựng Nơi Thờ Diêu Trì Cung

Đề kịp lễ Khánh thành Tòa Thánh Tây Ninh (1955) vào tháng 3.1955, Đức Hộ Pháp ra lệnh sửa Báo Ân Từ thành đền thờ tạm Diêu Trì Cung. Vì Đức Phật Mẫu có công rất lớn trong việc mở Đạo, nên Bà Bát Nương giáng cơ tại Kim Biên (Campuchia) viết ra. Đức Hộ Pháp giảng về việc tiếp nhận Kinh có đoạn như sau:

“Kinh Phật Mẫu cho tại Kim Biên, nơi Báo Ân Đường của Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi. Bần Đạo đến nhằm lúc cúng vía Đức Phật Mẫu. Bà Bát Nương đến cảm cơ viết, có nhiều người làm chứng. Các đạo hữu và một người không biết đạo, đó là ông Hiếu ngồi trước sân chơi. Họ thấy từ phía đền có hào quang giáng hạ, xẹt xuống ngay Báo Ân Đường. Tới chừng trọn bài Kinh rồi cả thầy (người ngoài sân) đều nói không biết cái gì xẹt khi nãy, không dè trong nhà (Báo Ân Đường) đương chấp bút”.

Nhân dịp sửa chữa lại Báo Ân Từ (136), Đức Phạm Hộ Pháp có chỉ cho các thợ hồ công quả đắp các pho tượng sau:

1. Trên hết đắp chân dung Đức Phật Mẫu cõi thanh loan
2. Dưới đắp 9 pho tượng của Cửu Vị Tiên Nương.
3. Liên tiếp đắp 4 vị Nữ Nhạc hầu Đức Phật Mẫu là: Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yên, An Phát Trinh.
4. Tượng Đông Phương Sóc (Nhà văn hóa đời Hán biết nghe tiếng chim) quì nâng 4 quả đào Tiên.
5. Tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện Cổ Tự.

Đức Hộ Pháp chỉ dạy về việc đắp chơn dung như sau:

“Hình của Đức Phật Mẫu đắp theo hình chung công bộ Cửu Nương lần đầu tiên vào tháng 8 năm Đinh Hợi. Thầy có chỉ cho Chí Thiện Trạch, Trần Phong Lưu và Tá lý Kia cất giữ,

coi theo đó mà làm mẫu, theo sự tích đời Hán Võ Đế bên Tàu. Hồi đó mượn bức ảnh của bà Phối sư Hương Hiếu.

“Đức Phật Mẫu có từ thuở khai Thiên do khí Âm Dương tạo thành, có quyền năng vô đối, vô biên, vô lượng cũng như Đức CHÍ TÔN, hữu hữu vô vô, nắm trọn bí quyết nhiệm màu của Càn Khôn Vũ Trụ. Chớ không phải bí pháp biến thành thể pháp. Do hiện tượng sự tích đời Hán Võ Đế, đó chỉ là mượn ý tạc hình, chớ Phật Mẫu vốn vô vi.”

Đức Phạm Hộ Pháp nói về việc cầu Phật Mẫu của Hán Võ Đế như sau:

“Vào tiết Trung Thu, 15 tháng 8 năm Ngọ, đầu giờ Tý, vua Võ Đế quì trước chùa thành tâm cầu khẩn. Đúng 12 giờ, thanh loan đáp trước sân Hoa Điện. Vua ra thỉnh Đức Phật Mẫu ngự tại Chánh Điện.

Đức Phật Mẫu dạy 4 Nữ Nhạc trao 4 quả đào Tiên cho Hán Võ Đế và Đông Phương Sóc quì rước lộc.”

17. Xây cất Tòa Thánh Và Báo Ân Từ :

Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn xây dựng tại Tây Ninh một ngôi Tòa Thánh khang trang để tạo thành khối Đức tin cho toàn tín đồ Đạo Cao Đài. (Thánh ngôn của Đức Chí Tôn: Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi).

Cúng tại Đền Thánh Trong Thời Khai Đạo Buổi Ban Đầu Đức Lý Giáo Tông muốn xây dựng Tòa Thánh lớn lao thật nguy nga tráng lệ theo kiểu võ của Thiên đình, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế. Do đó, Đức Lý dạy đi mua đất, định hướng, vẽ kiểu và ra kích thước Tòa Thánh cho Hội Thánh theo đó mà xây dựng.



* Khởi đầu, vào tháng 10 năm Tân Mùi (1931), Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh lãnh trách nhiệm khởi công cất Tòa Thánh, đào móng, làm Hàm Bát Quái. Sau đó, ngưng lại.

* Kế tiếp Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, hiệp cùng Bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh tiếp tục công trình xây dựng, nhưng không tiến triển được bao nhiêu.

* Tiếp theo nữa, Ngài Tiếp Thế Lê thế Vĩnh đứng ra vận động tiền bạc mua vật liệu để xây cất, có mượn Bác vật Phan hiếu Kinh làm Cố Vấn, khởi làm lầu HTĐ, đổ được plafond chút ít rồi cũng dừng lại, do nền Đạo lúc bấy giờ chính nghiêng, nội bộ chia rẽ do chánh quyền Pháp xúi giục.

* Khi Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chương quản Nhị Hữu hình Đài, Đức Ngài mới trù tính kế hoạch xây cất Tòa Thánh cho đạt kết quả thành công.

Đức Ngài huy động 500 vị hiến thân Phạm Môn làm lực lượng công thợ nòng cốt, để khởi công tiếp tục công trình tạo tác Tòa Thánh, vào ngày 1-11-Bính Tý (dl 14-12-1936). Đức Ngài lại buộc các công quả công thợ phải lập hồng thệ : trong suốt thời gian xây cất Tòa Thánh, không được cưới vợ hay lấy chồng, đặng đủ tinh khiết mà tạo tác.

Đức Ngài chỉ thị cho các Châu Đạo và Tộc Đạo bên Hành Chánh và bên Phước Thiện, nỗ lực lo tiền bạc, vật liệu và lương thực, gởi liên tục về Tòa Thánh để công cuộc xây dựng được liên tục mau chóng.

Đến ngày 4-6-Tân Ty (dl 28-6-1941), sau hơn 4 năm nỗ lực làm việc, công việc xây dựng cơ bản đã xong, chỉ còn phần đắp tô, trang trí và sơn phết, thì một biến cố quan trọng xảy ra, chánh quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp và một số Chức sắc cao cấp đày đi hải đảo Madagascar, ở Phi Châu, chúng chiếm đóng Tòa Thánh làm chỗ để xe nhà binh, xua đuổi các công thợ và Chức sắc ra khỏi Nội Ô.

Ngày 4-8-Bính Tuất (dl 30-8-1946), tức là hơn 5 năm sau, qua bao nhiêu biến cố chánh trị, Chánh quyền Pháp bị bắt buộc phải đưa Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh.

Ngay sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp kêu gọi số công quả cất Tòa Thánh khi trước, trở lại tiếp tục công việc, gấp rút sửa chữa những chỗ hư hỏng do bọn lính Pháp gây ra, rồi lo đắp, vẽ, trang trí, cho đến cuối năm âm lịch cho hoàn thành.

Ngày 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (dl 21-1-1947), Tòa Thánh được hoàn thành trong nỗi vui mừng của toàn cả Đạo Cao Đài.

Qua ngày mừng 3 Tết, tức là ngày 3-Giêng-Đinh Hợi, (dl 24-1-1947), Tổng Giám Lê văn Bàng, các Phó Tổng Giám, Tá Lý, đại diện các công thợ Nam Nữ xây cất Tòa Thánh làm lễ bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh.

Ngày mừng 6-Giêng-Đinh Hợi (dl 27-1-1947), tức là 3 ngày sau khi giao lãnh Tòa Thánh, Đức Phạm Hộ Pháp thiết lễ Trấn Thần Tòa Thánh, và ngày mừng 8-Giêng-Đinh Hợi, làm lễ rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi BQĐ Tòa Thánh để khuya hôm đó thiết Đại Lễ cúng Vía Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại Tòa Thánh mới vừa xây cất xong.



(Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, tự là Ái Dân, biệt hiệu Tây Sơn Đạo, về Hộ Pháp Đường sau lễ nửa đêm bằng xe xích lô của giáo chủ.) (Tòa Thánh Tây Ninh tháng 07 năm 1948)

Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, mãi đến năm Ất Mùi, nhân dịp Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, ngày mùng 9 tháng Giêng năm Ất Mùi (dl 01-02-1955), Đức Phạm Hộ Pháp mới tổ chức Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, Báo Ân Từ và các Dinh thự trong Nội Ô. Đây là một cuộc lễ lớn lao và long trọng nhứt của Đạo Cao Đài từ trước tới nay tại Nội Ô Tòa Thánh.



Quang Cảnh Báo Ân Từ 1966 từ Bá Huê Viên Tòa Thánh Tây Ninh nhìn ra.

Tòa Thánh là một công trình kiến trúc vĩ đại, tượng trưng Đạo Cao Đài và nền Văn minh Cao Đài, tất cả tín đồ Đạo Cao Đài đều rất hãnh diện, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng Báo Ân Từ để tạm làm nơi thờ phượng Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương. Điện Thờ Phật Mẫu thiết thọ sẽ được xây dựng sau

này. Đức Phạm Hộ Pháp có dành sẵn một khu đất 4 mẫu ở Ngoại Ô Tòa Thánh, trên đường Bình Dương, tại Xóm Tà Mun, cách Tòa Thánh khoảng 1000 thước, để xây dựng Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương. Kiểu vờ và kích thước của Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương sẽ được các Đấng giáng cơ vẽ ra cho biết khi khởi đầu thiết kế xây dựng.

Như vậy, Đức Phạm Hộ Pháp đã xây dựng thành công 2 Đền Thờ :

- Một là Tòa Thánh để thờ Đức Chí Tôn, tức là thờ Đấng Thượng Đế, Ngôi Dương.

- Hai là Báo Ân Từ để thờ Đức Phật Mẫu, tức là thờ Ngôi



Âm của Càn Khôn Vũ Trụ (CKVT).

Báo Ân Từ Điện Thờ Phật Mẫu Tòa Thánh Tây Ninh

Đây là điểm đặc biệt và mới mẻ trong Giáo lý của Đạo Cao Đài, xứng đáng là một nền Tân Tôn giáo, và Đạo Cao Đài

sẽ nương theo 2 thế lực mạnh mẽ Dương và Âm ấy của Càn Khôn mà phát triển để cứu độ chúng sanh trong thất ức niên (700.000 năm).

18. Lập Các Phẩm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài Dưới Thập Nhị Thời Quân :

Năm 1935, có nhiều vị Đạo hữu dày công cùng Đạo được đem vào Sở Cầu Phong dâng lên Đức Lý Giáo Tông. Ngài phê : Đề Hiệp Thiên Đài định vị. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Đêm 16-2-Ất Hợi (dl 20-3-1935), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn góp ý cùng Đức Phạm Hộ Pháp, mở rộng trường Công quả bên HTĐ, lập ra 7 phẩm Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, để làm nhân viên giúp cho chư vị Thời Quân hành quyền Tư Pháp của HTĐ.

Bảy (7) phẩm Chức sắc đó là :

- 1- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.
- 2- Chưởng Ấn.
- 3- Cải Trạng.
- 4- Giám Đạo.
- 5- Thừa Sứ.
- 6- Truyền Trạng.
- 7- Sĩ Tải.

Dưới phẩm Sĩ Tải, Đức Phạm Hộ Pháp muốn lập thêm một phẩm thứ 8 nữa là Luật Sự, đối phẩm với Chánh Trị Sự của CTĐ, nên Đức Phạm Hộ Pháp ký Sắc Lệnh số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (dl 11-7-1936) mở khoa thi tuyển chọn những người có khả năng vào phẩm Luật Sự.

19. Lập Phạm Môn và Cơ Quan Phước Thiện (CQPT) :



Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh ngày Hội Thánh Phước Thiện kỷ lễ Khánh Thành Dinh Thự Ngày 12 tháng 1 năm Ất Mùi

Khởi đầu, Đức Lý Giáo Tông lập Minh Thiện Đoàn tại nhà Ông Đình công Trứ ở làng Phú Mỹ quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho ngày 15-7-Mậu Thìn (dl 29-8-1928).

Sau đó, ngày 25-2-Kỷ Ty (dl 4-4-1929), Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Phạm Hộ Pháp để Ngài thành lập Phạm Môn, theo tinh thần của 4 Câu thi của Đức Chí Tôn ban cho :

Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tỉnh thể kỳ thân đắc chánh tôn.

Câu 1: nghĩa là Đức Chí Tôn kêu cả con cái của Ngài thức tỉnh cho mau lo hiến thân vào cửa Phạm (là cửa Phật).

Câu 2: là khuyên chúng sanh ráng lo tu hành để ngày sau linh hồn đặng siêu thăng vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Câu 3: là không có công lao khổ hạnh trong cửa Đạo thì không thể nào trở về ngôi xưa vị cũ cho đặng.

Câu 4: là nhằm thế kỷ 20 thời kỳ Đức Chí Tôn rộng mở cửa Phật độ toàn con cái của Ngài chỉ khuyên chúng ta ráng lo tu tỉnh ngộ hủy bỏ cả hành vi thế sự, đem thân vào cửa Đạo, chịu nâu sòng khổ hạnh thì tự nhiên đắc Đạo tại thế đó vậy.

Từ ngày mở cửa Phạm Môn, Nhơn sanh vào lập Công đoạt vị cũng nhiều, điển hình hai vị đắc Thánh là Phối Thánh Phạm Văn Màng (chủ sở Lương điền Phạm Môn) và Phối Thánh Bùi ái Thoại (Cai sở Đắp vẽ Đền Thánh). Ngọc Hư Cung phong hai vị vào hàng Phối Thánh, còn Đức Hộ Pháp dùng quyền Chí Tôn tại thế truy phong vào hàng phẩm Thánh Nhơn.

Các cơ sở Lương điền Công nghệ của Phạm Môn được chánh thức khai mở vào cuối năm Canh Ngọ (1930) tại Tâm Lạch, xã Trường Hòa (Tây Ninh).

Đầu tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934), sau khi ăn Tết xong, Đức Phạm Hộ Pháp ra lệnh triệu tập khẩn cấp tất cả các công quả Phạm Môn khỏe mạnh về giữ Tòa Thánh, chống lại lực lượng của Chi phái kéo về dùng bạo lực đánh chiếm Tòa Thánh.

Ngày 20-Giêng-Giáp Tuất (dl 5-3-1934), lực lượng Chi phái kéo về Tòa Thánh rất đông, bị các công quả Phạm Môn chặn

ngay tại các cổng vào Nội Ô, kiên quyết không cho vào Nội Ô chiếm Tòa Thánh, khiến âm mưu của họ bị hoàn toàn thất bại.

Sau đó, nhà cầm quyền Pháp tìm cách bắt bớ các công quả Phạm Môn, và buộc Hội Thánh đóng cửa các cơ sở của Phạm Môn.

Năm Mậu Dần (1938), Đức Phạm Hộ Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện, trực thuộc Chi Đạo Hiệp Thiên Đài, dưới quyền đặc biệt của Đức Phạm Hộ Pháp, do Đạo Nghị Định số 48/PT ngày 19-10-Mậu Dần (dl 10-12-1938) của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên, qui định 12 phẩm cấp Chức sắc Phước Thiện gọi là Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, kể ra sau đây :

- 1- Phật Tử.*
- 2- Tiên Tử.
- 3- Thánh Nhơn.
- 4- Hiền Nhơn.
- 5- Chơn Nhơn.
- 6- Đạo Nhơn.
- 7- Chí Thiện
- 8- Giáo Thiện
- 9- Hành Thiện
- 10- Thính Thiện
- 11- Tân Dân
- 12- Minh Đức

Bậc Minh Đức đến Chơn Nhơn thì làm việc với Hành Chánh Đạo Cửu Trùng Đài.

Chức sắc của Cơ Quan Phước Thiện (CQPT) từ phẩm Hiền

Nhơn đồ lên, phải rời CQPT đi qua Hiệp Thiên Đài, có nhiệm vụ bảo tồn Chơn pháp. Do đó, phẩm Hiền Nhơn phải do cơ bút của Đức Hộ Pháp giáng phong mới đặng.

Hiền tướng Hiệp Thiên Đài là “Pháp biến thân” Đức Chí Tôn ban cho Đức Hộ Pháp để có tay chân thật hiện cơ cứu khổ thay thế cho Hiệp Thiên Đài. Nên khi lên phẩm Hiền Nhơn phải về hiệp với Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Hiền Nhơn ở dưới phẩm Thánh Nhơn và trên phẩm Chơn Nhơn, đối phẩm với Phối Sư của Cửu Trùng Đài.

* **Chú thích:** Phẩm Phật Tử thì do cơ bút nơi Đức Chí Tôn định và mặc sắc phục chi thì tự Người định đoạt.

Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt, nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát, ít oi, và giúp tay cho Cửu Trùng Đài tận độ chúng sanh cho tròn trách nhiệm.

Hội Thánh Phước Thiện là do Hội Thánh Hiệp Thiên Đài biến thể và trực thuộc Chi Đạo, cũng như Bộ Pháp Chánh do Chi Pháp của Hiệp Thiên Đài biến thể và Ban Thế Đạo do Chi Thế Hiệp Thiên Đài tạo nên hình tướng.

Hội Thánh Phước Thiện đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh, dưới quyền lãnh đạo tối cao của Đức Hộ Pháp, do một Thời Quân Hiệp Thiên Đài Thống Quản. Gồm có:

- Một vị Chương Quản Phước Thiện .
- Hai vị Phó Chương Quản Phước Thiện.

Cửu Viện Phước Thiện gồm:

- 1/- Hòa Viện Phước Thiện .

- 2/- Lại Viện Phước Thiện .
- 3/- Lễ Viện Phước Thiện .
- 4/- Học Viện Phước Thiện .
- 5/- Y Viện Phước Thiện .
- 6/- Nông Viện Phước Thiện .
- 7/- Hộ Viện Phước Thiện.
- 8/- Lương Viện Phước Thiện.
- 9/- Công Viện Phước Thiện .

Mỗi Viện do một vị Chơn Nhơn làm Thượng Thống và một vị Đạo Nhơn làm Phụ Thống, như Y Viện thì có một vị Phụ Thống Đông y và một Phụ Thống Tây Y.



Cơ Quan Phước Thiện Tòa Thánh Tây Ninh

Phước Thiện đặc quyền chuyên lo về Lương điền, Công Nghệ Thương mại, Kỹ nghệ, kể cả Trung Ương cùng các địa phương. Ngoài ra, Chức Sắc Phước Thiện cũng hợp với Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Cử Trùng Đài để chung lo

như: Ban Kiến Thiết, Tài Chánh Hỗn Hợp, Ban Đạo Sử, Ban Kiểm Soát, Trật Tự Hỗn Hợp Nội Ô Toà Thánh .

ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT MINH, NHÂN BUỔI LỄ KHAI MẠC ĐẠI HỘI PHƯỚC THIỆN (15-1- Bính Tuất 1946)

“Ngày nay nhóm Đại Hội Phước Thiện cũng là một ngày Hội trong Quyền Vạn Linh, Bản Đạo cần giải rõ nhiệm vụ rất trọng yếu của Phước Thiện cho Chức Sắc, Chư Phái Viên và Nghị Viên được hiểu.

Từ thử Thiên Phong nam nữ Phước Thiện chỉ hiểu mảy may cái trách nhiệm tối cao, tối trọng của mình chớ chưa hiểu cùng tột. Bởi cố cho nên nhiều người không hiểu phận sự, hành Đạo không đúng Chơn Truyền, sai hẳn giá trị của cơ quan Phước Thiện, việc làm của Chư Vị không ra gì hết; thành thử cơ quan Phước Thiện chưa có kết quả chi, lại còn theo lối giành giựt nhau.

Hội Thánh có hai cơ quan Hành Chánh và Phước Thiện thường tương khắc nhau song chưa tìm chơn lý để hòa nhau, ngày nào chưa hòa là còn thất sách, bất lực, thì không thi thố phận sự trọng yếu cho ra thiệt tướng được.

Mấy em cũng thừa biết Đạo Cao Đài sản xuất có một Chơn Lý tối cao, tối trọng, nên Đòi buổi này khao khát đợi chờ như hạn trông mưa, những kẻ tội tình trong bể khổ khát khao đợi giọt Cam Lộ của chan rưới cho bớt sự đau khổ, Đức Chí Tôn đến tạo Đạo để giải khổ tâm hồn cả con cái của Ngài, mượn tay các em và các bạn làm hình thể của Ngài giải khổ cho Đòi về phần xác.

Phước Thiện có nhiệm vụ tối cao, tối trọng của Đức Chí Tôn giải khổ vừa xác vừa hồn. Ngài mượn mấy em nuôi nấng con cái nghèo nàn cô độc. Chừng nào cả cơ quan khốc hại của loài người được mình gánh vác hết thì mới đúng nhiệm vụ của Đức Chí Tôn phú thác.

Mấy em thử tự hỏi : “Hồi nào đến giờ làm nên những gì chưa?”. Chỉ lo bảo bọc anh em trong Đạo mà thôi, có đâu ngó đến ngoài Đồi. Các vật loại đều là con Đức Chí Tôn, chớ không phải nội trong cửa Đạo mà thôi như thế có đủ đâu?

Cơ quan cứu khổ cậy nhờ mấy em lo, nuôi mấy em còn chưa rồi, từ ban sơ Qua chịu nhọc nhằn hẩm hiu ăn từ miếng tương rau hiệp cùng nhau gây dựng Phạm Môn. Qua chịu như mấy em cho đến ngày Phước Thiện ra thiết tướng đã tạo đủ lực lượng cho mấy em thi hành phận sự.

Tuy vâng, lúc nọ mấy em có phương thế lắm mà mấy em chỉ có tâm vị kỷ. Trót 5 năm Qua đi vắng, đến khi Qua trở về, Qua còn thấy kẻ đói không ai nuôi, rách rưới không ai bảo dưỡng, thất lạc nơi này, nơi khác đoàn em. Qua gởi gắm đã xiêu lạc thủ phận Đạo không được nên phải tìm đôi bạn sống theo Đồi, vì nếu ở thủ phận theo Đạo thì cũng chẳng ai nuôi.

Ngoài nữa, Qua còn nghe, trong lúc Qua đi đũa nào có thể thì tự vi chủ, giành lấy cam một mình để toại hưởng vậy thôi. Hỏi vậy mấy em có nghĩa hay không? Nếu Qua cho Tòa Đạo minh tra thì không có một người nào có thể đứng trước mặt Qua mà xưng là đại công được, cái đói khổ cùng khổ của các em nó tố cáo mấy em không còn chối cãi được. Qua nói thật, thể Đạo chưa rồi thì có mong gì tạo thành chơn tướng của Đạo. Phải chi mấy em biết nghe lời, Qua mở cửa

Bát Quái Đài cho mấy em làm bạn với các Đấng Thiêng Liêng thì không đến nỗi này.

Ngày nay cửa Đạo được mở rộng đây cũng nhờ các Thánh Tử Đạo, nếu không thì vẫn còn đóng cửa. Nếu mấy em xem đáng, thì Qua mở cửa cho các Đấng Thiêng Liêng diu đỡ mấy em.

Qua nói cho mấy em hay, Qua đang ngồi đây các Đấng ở Bát Quái Đài còn đợi mấy em và chính Qua sẽ diu dắt, kêu cửa Bát Quái Đài cho mấy em về làm bạn thân yêu của các Đấng Thiêng Liêng. Nếu mấy em làm phận sự không tròn và còn một mảy phạm tâm, thì cõi Hư Linh không đem mấy em vào bảng công nghiệp vĩ đại bao giờ. Các em có làm trọng trách đối với con cái Chí Tôn, thì Bát Quái Đài mới hiệp một cùng mấy em vậy.

Mấy em chưa nắm được hoàn ngọc thì chưa đủ bảo toàn Vạn Linh con cái của Chí Tôn.

Qua nói Qua sẽ mở cửa Bát Quái Đài diu dắt mấy em mà mấy em có đến được cùng chẳng là do tâm lý của mấy em đó. Ấy vậy mấy em phải rán sức, định tâm lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phạm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao, tối trọng được, phải có khối óc Thiêng liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn đối với con cái Ngài là quần linh.

Đến đây Qua xin mở Hội, để trọn quyền Hội Thánh Phước Thiện đủ sáng suốt làm việc và Bàn Đạo để trọn tín nhiệm về việc cầu phong, thăng thưởng một cách chánh đáng và công bằng.



Cơ Quan Phước Thiện Tòa Thánh Tây Ninh

20. Thời Pháp Nạn - Đồ Lưu Hải Ngoại (1941-1946) :

Từ năm 1940, đến tháng 5 năm 1941, nhà cầm quyền Pháp gây ra nhiều hình thức khủng bố các tín đồ và Chức sắc Đạo Cao Đài. Họ ra lệnh đóng cửa toàn bộ các Thánh Thất và các Nhà sở Phước Thiện.

- Ngày 4-6-Tân Tỵ (dl 28-6-1941), lính Mật Thám vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp.

- Ngày 17-6-Tân Tỵ (dl 11-7-1941), lính Mật Thám lại vào Tòa Thánh bắt thêm 4 vị Chức sắc nữa là : Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Giáo Sư Thái Phấn Thanh, Sĩ Tài Đỗ quang Hiến, và đồng thời ở Sài gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp Trần duy Nghĩa.

- Ngày mùng 4-6 nhuận-Tân Tỵ (dl 27-7-1941), chánh quyền

Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc lưu đày ở hải đảo Madagascar bên Phi Châu, trên chiếc tàu Compiègne. (Chúng ta lưu ý rằng, trong năm âm lịch Tân Ty có 2 tháng 6 : một tháng 6 trước và một tháng 6 nhuận. Ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị bắt là ngày mùng 4 tháng 6 trước của năm Tân Ty; ngày Đức Phạm Hộ Pháp bị đưa đi đày là ngày mùng 4 tháng 6 nhuận năm Tân Ty, hai ngày ấy cách nhau 1 tháng).

Tin Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt và bị đưa đi an trí loang ra làm chấn động cả toàn Đạo. Chức Sắc và Đạo hữu xôn xao lo lắng, lại âu lo không rõ rồi đây nghiệp Đạo sẽ ra sao. Chức Sắc đương quyền lúc ấy, một số tản cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

Ngày 16.06 năm Tân Ty (1941), một phiên nhóm bắt thường của các Chức Sắc tại Tòa Thánh để giao quyền cho ba vị Chánh Phối sư, trong lúc Đức Hộ Pháp vắng mặt. Nhưng không biết có điều gì bí ẩn, mà hai vị Luật Sư Hiệp Thiên Đài là Phan Hữu Phước và Võ văn Nhơn tranh giành các bốn vị bằng trước mặt ba vị Chánh Phối sư. Thế nên việc cầm quyền thống nhất của ba vị Chánh Phối sư không thành. Tòa Thánh lúc ấy do Giáo Sư Thượng Tước Thanh và Giáo Hữu Thượng Chất Thanh điều hành và sắp đặt mọi việc để gìn giữ cơ nghiệp Đạo. Tuy nhiên, hàng tháng hai ông mới đến thăm một lần, chớ không dám ở.

Ngày 01.06 năm Tân Ty, Đức Hộ Pháp cùng năm vị Chức Sắc: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Giáo Sư Thái Phần Thanh (bị bắt ở Cao Miên), Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Quyền Chánh Phối sư Ngọc Trọng Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến bị dẫn giải về giam tại Sài Gòn. Sau đây là vài nét về chư vị Chức Sắc trên:

1. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1889–1954) được cầm Quyền Ngọc Chánh Phối sư (1930), Chương quản Phước Thiện (1937). Năm 1946, Ngài lãnh Chương quản Bộ Pháp Chánh, rồi qui vị ngày 22.01 Giáp-Ngo.
2. Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh; từ lúc khai Đạo đã có Ngài, sau ở Mã Đảo về, vẫn tiếp tục làm việc Đạo.
3. Giáo Sư Thái Gấm Thanh, tên họ thật là Thái văn Gấm, ngồi Đầu Tộc Đạo Châu Đốc (1932–1933), Gia Định (1934–1935), Thượng Thống Công Viện (1936–1937), Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo (1938–1939), đi mở Đạo miền Trung (1940) và quy vị tại Mã Đảo (1943).
4. Giáo Sư Thái Phấn Thanh tức Trần văn Phấn giữ chức Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kim Biên (1941), thì bị Pháp bắt lưu đày, khi về nước Ngài sống ở Vũng Tàu, sau về Gò Vấp và từ trần năm 1965 (Gia Định).
5. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến chết tại Mã Đảo, Phi Châu và về cơ xung là Thánh Phi Châu có bài thi như sau:

THI

Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,
Các Đấng ghe phen đã dạn dò.
Hành Đạo Cao Đài cho phải Đạo,
Học trò Xiển Giáo đáng danh trò.
Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,
Đạo đức trường tồn gắng chí lo.
Một kiếp phù sinh không mấy lát,
Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.



Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến (Thánh Phi Châu)

Ngày 27.07.1941, Đức Hộ Pháp và 5 vị Chức Sắc bị đưa xuống tàu Compiègne cùng mười hai chánh trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến bến Diego Suarez, miền Bắc Madagascar. Tại đây đã có 11 chánh trị phạm người Việt khác đã bị Pháp đưa qua trước, hiệp chung là 29 người. Tất cả đều bị đưa đến quần đảo Comores (Xem hình – Miền Bắc Mã Đảo)

Trong số chính trị phạm gồm có 6 Chức Sắc Đạo Cao Đài, ba nhà cách mạng là Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sang, Ngô văn Phiến, còn lại là Đảng-viên Đệ Tam Quốc Tế.

Sau khi đày Đức Phạm Hộ Pháp, giữa năm 1942, quân Pháp được lệnh vào đóng quân ngay trên nền Đền Thánh mới xây cất, chưa kịp lót gạch và trang trí. Viên Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài (vì chúng cho: “Hiệp Thiên Đài còn thì Đạo còn, Hiệp Thiên

Đài mất, thì Đạo dứt”) chôn một trái mìn (mine) một ngàn kí lô.

Thực dân Pháp nghi ngờ Đạo Cao Đài có liên hệ với phát-xít Đức vì trên nóc Hiệp Thiên Đài có chữ Vạn, nên chúng nghĩ thế nào phát-xít Nhật cũng đến giải vây Tòa Thánh. Viên Tiểu Đoàn Trưởng lúc đó mới chằm ngòi nổ, vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Nhưng Nhật không tới, viên Tiểu Đoàn Trưởng đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho Thiếu Tá Rouband. Ông Trên xui khiến, viên Tiểu Đoàn trưởng không ghi “Mission Impossible” này trong biên bản nên Rouband khi được lệnh rút khỏi Tòa Thánh, đã không thi hành “Sứ mạng bất khả thi” này.

Vào tết Bính Thân (1950), anh Ba Tất (Lê văn Tất) đọc tin này trên báo Paris Match có trình lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài chỉ cười và bảo: “Nếu không có ai câu điện mà giật, thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi”. Mới hay, nơi Thầy ngự là Bạch Ngọc Kinh tại Thế, đâu thể phá đổ dễ dàng như ý nông cạn của một ít người.

Để hiểu một ít về Madagascar: nước này lệ thuộc Pháp từ thế kỷ XVII. Năm 1943, thuộc địa này bị Anh chiếm, nhưng Pháp vẫn còn chủ quyền (đây là chiến lược của phe Đồng Minh). Năm 1946, Madagascar được độc lập, chính phủ liên bang được thành lập, gọi tên mới là Cộng Hòa Malgache (Larousse illustré. Paris 1952, trang 1517).

Năm 1943, tình hình Thế Giới biến chuyển, Hitler chiếm nước Pháp. Pétain lập chính phủ Vichy. De Gaulle lập chính phủ lưu vong ở Anh. Pháp buộc phải dời Đức Hộ Pháp và các chánh trị phạm tới một đảo nhỏ, kín đáo, sát đảo lớn tên

Nosy Lava (hay Nosi Lave) ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar (xem hình trang 201). Tất cả bị câu lưu trong trại giam đến ngày 24.11.1944 mới được ra ngoài lao động. Trong những ngày tù đầy làm coọc-vê, Đức Ngài được Đức CHÍ TÔN che chở, khiến cho bao tai nạn đều qua. Một lần xe hơi chở Đức Ngài cùng mấy chục người tù, qua một chiếc cầu bắc ngang sông. Cầu gãy, xe rớt theo, thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo, không ai hề hấn gì cả. Một lần khác, cũng xe chở tù, trong đó có Ngài. Xe đang leo lên dốc núi thì bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ một gốc cây bên bờ vực thẳm mà ngăn được súc xe đang tuột dốc với một tốc độ kỳ dị. Tất cả mọi người đều hồn liả khỏi xác từ từ tỉnh lại. Bình tĩnh nhìn Ngài mà nói rằng: “Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão này”. Nhờ đó, tù đầy về sau ai ai cũng có thiện cảm với Đức Ngài.

Đức Ngài quan sát vùng quê Mã Đảo thấy người dân da đen, nơi nào cũng nghèo nàn. Họ làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Họ lừa trâu bò quăng trên ruộng cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy, không dùng súc vật cày bừa như ở nước ta. Ngài thấy rõ ràng người Pháp không muốn mở mang nông nghiệp hay bất cứ việc gì, mà để dân ngu hòng dễ cai trị. Lòng nhân của một Thiên Quân xui khiến Ngài phải hành động cứu nhân độ thế, dù bất cứ sắc dân nào. Ngài cùng Giáo Sư Phấn làm cây, làm bừa rồi mắc kế bò cày bừa thử nghiệm cho dân Malgache thực hành. Họ tri ân Đức Ngài. Từ đó, phương pháp cày bằng trâu bò của nước ta được truyền rộng rãi trên Mã Đảo.

Dân Malgache cũng chưa biết xay lúa giã gạo, mà chỉ tuốt hạt rồi tọt như dân thiểu số ở nước ta. Ngài nhờ ông Trọng làm cối xay, còn chính Ngài đục khoét làm một cái cối giã

gạo. Mới được cơm ăn, còn nhà ở của dân đảo hầu hết là tranh lá, Ngài chỉ cho họ cách làm lò nung gạch, in gạch, in ngói. Ngài cho phép dân chúng được phổ biến cách làm gạch để chống lại độc quyền của bọn Pháp.

Cái ăn, cái ở đã có, nhưng đầu óc còn ngu dốt, thì không thể cải hóa dân sinh dân trí một cách hữu hiệu được. Đức Ngài coi dân đảo như đồng bào ruột thịt của mình, cần khai hóa và mở mang trí tuệ họ. Ngài lập một trường tiểu học gần nơi Ngài sinh sống, dạy tiếng địa phương và tiếng Pháp. Vì thế, họ coi Ngài như một Đấng Sư Biếu.

Chưa hết, Ngài còn chỉ họ cách hầm vôi, cách làm vòng vàng, bông tai, cà rá, kiềng vàng... giúp cho đời tươi đẹp hơn lên.

Một đệ tử đã cảm khái những hoạt động khai hóa và từ thiện của Đức Ngài bằng bài thi sau:

THI

Mến ông thợ bạc gốc Thầy tu,
Nuôi cả nhơn sanh bị nhốt tù.
Đẻo mẫu cày, bừa trâu lấm thóc,
Xây lò vôi, gạch, nhận nhiều xu.
Dắt diu kẻ khó thành Vương Khải,
Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư.
Thầy tứ gặp nhau trên đảo vắng,
Pháo đầu như nổ dưới chân cù.

“Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư”. Thật vậy, nhiệm vụ trọng yếu của Thiên Quân là truyền đạo độ đời.

Một hôm, Thiêng Liêng chuyển Đức Ngài đi qua đi lại nhà

một cư sĩ trí thức ba lần. Vì được Sư ông báo trước sẽ có vị Phật sống đến độ dẫn, nên vị cư sĩ ra rước Ngài vào nhà, rồi quì xuống xin Ngài truyền tâm pháp tu chơn. Ngài mở huyền quang khiêu cho cư sĩ được chứng ngộ tại thế. Một lần khác, cô Marie, sinh viên du học tại Pháp, nằm mộng thấy Thần linh mách bảo: trong nước xuất hiện vị Phật sống. Cô bỏ học trở về nước dù bị cha mẹ trách mắng, cô kiên trì tìm gặp Đức Ngài. Đức Ngài làm lễ nhập môn cho cô Marie vào Đạo, rồi cô trở thành thư ký cho ông “thầu khoán bắt đắc dĩ” để giúp nhân sanh.

Đức Ngài được cô Marie đưa đi tham quan cảnh hồ “Lac Tinivar”. Hồ này nằm giữa hai ngọn đồi cao, hình bầu dục, bề ngang độ 300 thước, bề dài 500 thước, chằm dứt bằng một khoé ngắn, bên kia một khoé dài, kết hợp giống như một con mắt, mí dưới thấp, mí trên cao, rặng cây làm viền giống như chân mày. Rõ ràng là con mắt trái: “Thiên Nhãn”. Trong những giờ rỗi rảnh nơi xứ lạ quê người, Đức Ngài không bao giờ không vọng tưởng đến Đấng Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng. Đức Ngài cùng Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển phò loan, được các Đấng giáng an ủi. Một hôm Đức Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng cho bài thi như vậy:

THI

Lược chiến từng quen đã bấy lâu,
Thiên cơ đã rõ máy cao sâu.
Dần lòng nhẫn nại chờ đôi lúc,
Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm màu.

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên Phong, có Đức Nhân Âm Đạo Trưởng đến, để Bàn Tăng đi triệu Thần Hoàng Bản Cảnh tới gìn giữ cơ.

Nhàn Âm Đạo Sĩ cười... Bần Tăng lấy làm cảm xúc cho chur vị đường này. Hận thay cho giống dã man tàn bạo... Trung Quân là Nam Kinh đó vậy. Nơi ấy là ổ của Việt kiều. Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

THI

Quá hải đòi phen đến viếng nhau,
Ngặt không cơ bút để lời giao.
An nhàn đợi thuở triều linh địa,
Chuyển thế gặp thời phải múa đao.
Cõi Á đã trở thành nơi chủng quốc,
Phương Âu sẽ diệt tận nô lao.
Lửa hương đất Việt dầu quen nhúm,
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu.

Ít lâu sau câu cơ, một vị (phái nữ) giảng không xưng tên mà cho bài thi sau:

THI

Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai hồi hồi người.
Lượn thâm bủa ghềnh tình ột ạt,
Gió sào xô đánh ái toi bời.
Yên phu điều gọi thương cảnh sớm,
Giọng ngạn quyên khêu gọi buổi mai.
Tổ quốc đón đường bao dặm thẳng,
Xa đưa thăm thăm một phương trời.

Nosy Lave là tên hòn đảo nhỏ ở phía Tây Bắc quần đảo Madagascar. Về sau Vô Danh thị lại giảng cơ và nhủ:

“Chào Thiên Tôn và chur vị Đại Thiên Phong. Thiếp vì có

mạng lịnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chur vị mang lịnh CHÍ TÔN cho nơi nghỉ nơi đây. CHÍ TÔN than rằng: “Chức Sắc Thiên phong bên Cửa Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì có ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ.

THI

Đã phong trần phải chịu phong trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam xa ví chẳng vì đường khó,
Việt đảnh mong chi đơm lửa mừng.
Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.
Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,
Mặt địa cầu ta vốn định chừng.

Trong những năm tháng bị lưu đày khổ sở, Đức Phạm Hộ Pháp luôn luôn được các Đấng thiêng liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo, mà người Pháp muốn dùng cách đó để gián tiếp giết chết Đức Phạm Hộ Pháp.

Khi Đức Hộ Pháp cầm một que nhỏ và tay kia khóa cát cho bằng thì liền có một Đấng giáng bút để an ủi, và báo tin cho biết tình hình chuyển biến của thế giới và VN, và cũng có tiên tri như bài thi sau đây của Vô Danh thị:

THI

Hòn đảo này đây trước nhốt tù,
Mà nay làm khám nhốt Thầy tu.
Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,
Thì lũ Tây man, Nhật bốn trừ.

Những bài thơ trên đây đều có tính chất tiên đoán thời cuộc ở xứ nhà. Vô hình trung tuy xa thiên lý mà gần trong gang tấc. Tuy ít ai tin, nhưng việc gì tới sẽ tới.

Vô Danh thị là ai? Đó là Đức Linh Sơn Thánh Mẫu vâng lệnh Thất Nương Điều Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù dấu tên nhưng Đức Hộ Pháp biết được, vì chiếc nhẫn nạm ngọc trên tay Ngài phát hào quang khi bà thăng. Hạt ngọc này của ông Lê Sanh Võ văn Đợi tìm được ở Núi Bà, biếu cho Ngài. Nên biết ông Đợi theo Đức Hộ Pháp học tu tịnh, đã chứng ngộ biết trước được nhiều việc, nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung, để rước các Thầy tu ở núi lở vận.

Biến cố Núi Điện điều tàn, một nhóm Chức Sắc xin Đức Hộ Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền thờ Phật Mẫu, Đức Ngài phê: “Bản Đạo vì thanh tịnh lúc bị lưu đày, Bà thường đến thăm mà thuận cho”.

Trong thời gian bị lưu đày, Đức Hộ Pháp thường cầu cơ, lúc với Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến, lúc với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Theo lời kể lại của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965, với ông Hội Trưởng Thánh Thất Bàu Sen, Phạm Duy Tây và soạn giả (ông Truyền đến nhà anh Hai Tây để chích thuốc. Ở đây bốn đạo ai cũng biết):

Đêm Noel (1945) (Theo lời kể của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965), Đức Hộ Pháp và Ngài Khai Pháp phò cơ, ông Nguyễn Thế Truyền làm đọc giả. Đức Lý giảng cơ cho biết các ông sẽ được thả và đưa về Việt Nam vào cuối năm 1946. Rồi Đức Lý ân phong cho ba ông:

1. Ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa Lý Quân, giữ

tròn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

2. Ông Nguyễn Thế Song phẩm Bảo Thương Quân áp dụng việc trao đổi và điều hòa hàng hóa trong chúng sanh.

3. Ông Ngô văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân để bảo vệ môi trường và sinh mạng Nhân Loại...

Ngày 1 tháng 10 năm 1946, Đức Hộ Pháp và các ông được tự do và trả về Việt Nam. Hai ông thường liên lạc với nhau. “Tôi (L. H. CH.) thường gặp ông Nguyễn Thế Truyền khi tại Tòa Thánh Tây Ninh, khi ở Văn Phòng liên lạc số 145 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) hay địa chỉ của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Giáo chủ Đạo Cao Đài, người bạn tù với ông ở Madagascar”. (Nhân vật lịch sử – Nguyễn Thế Truyền, Tạp Chí Xưa & nay số 60)

Hết mùa pháp nạn

Một hôm Đức Hộ Pháp nói với Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, người được Pháp cử làm đại diện tù nhơn tại Mã Đảo rằng: “Ba hôm nữa, chúng ta sẽ trở về nước”. Ngài Trần Duy Nghĩa cho là chuyện huyền hoặc, bịa đặt nên đáp: “Ông đã bày đặt Thượng Đế, Tiên, Phật, chớ làm gì có, để ngày nay đến nỗi này”. Nói rồi hất quần áo của Đức Ngài từ trên phản rơi xuống đất. Đức Ngài rơi lệ, cúi xuống nhật và nói: “Thánh Pierre lần này là lần thứ ba người phản ta”. Nên biết nguon linh của Ngài Trần Khai Pháp là Thánh Pierre.

Ba hôm sau, quả như lời, quý vị được trả tự do. Ngài Trần Duy Nghĩa phải lạy Đức Ngài để xin lỗi.

Bởi lẽ, sau khi người Pháp trở lại Đông Dương (tháng 9.1945), tình hình Việt Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài

đoàn thể có tổ chức chặt chẽ, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ. Ở Việt Nam, ngày 8.04 Bính Tuất (8.05.1946), các cơ sở Đạo tại Sài Gòn bị chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau ba ngày hội đàm, Trần Quang Vinh và Ménage ký thỏa ước ngày 9.06.1946, đại để:

1. Đối với Pháp: quân đội Cao Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả các bộ đội lưu động kháng chiến.

2. Đối với Đạo: quân Pháp ngưng các cuộc khủng bố, không bắt giam tín hữu, bảo đảm quyền tự do hành giáo và truyền giáo. Mở cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, được tự do tế tự trong phạm vi Tôn Giáo. Trao trả Đức Hộ Pháp và chức vị Thiên Phong về cố quốc, phục hồi các quyền công dân cho chức vị đó.

Vì các điều khoản đó mà chính phủ Pháp mới trả tự do cho Đức Hộ Pháp. Khởi đầu Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (tức Trần Quang Vinh), ngày 16.08.1946 đến gặp Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ Cédile và Đồng Lý Văn phòng Frémolle bàn tính việc rước Đức Hộ Pháp, bằng máy bay để tỏ sự kính trọng đối với vị lãnh đạo một Tôn Giáo lớn.

Ngày 20.08.1946, nhà cầm quyền Pháp báo cho Đạo biết chuyến tàu Ile De France cập bến Vũng Tàu, trong đó có Đức Ngài. Giáo Sư Thượng Vinh Thanh vội ra châu tri cho toàn Đạo hay đăng chuẩn bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới, trên tàu Ile De France sắp cập bến, không có Đức Hộ Pháp và chưa rõ ngày nào về. Vì lẽ đó Pháp cho một ít người tuyên truyền rằng: Pháp không biết bao giờ thả Đức Phạm Hộ Pháp. Mục đích của nhà cầm quyền Pháp là tránh

dân Đạo tụ tập đông đảo mất an ninh.

Ngày 25-7-Bính Tuất (dl 21-8-1946), Đức Phạm Hộ Pháp cùng 3 vị Chức sắc: Khai Pháp Trần duy Nghĩa, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Phần Thanh (còn 2 vị kia là Giáo Sư Thái Gấm Thanh và Sĩ Tải Đỗ quang Hiến đã chết tại đảo, Sĩ Tải Hiến đắc vị Thánh ở Phi Châu) được chánh phủ Pháp đưa về VN trên chiếc tàu buôn tên là Ile de France, cập bến Vũng Tàu (Cap Saint Jacques). Nhà cầm quyền Pháp chuẩn bị đi rước bằng máy bay từ Cáp về Sài Gòn.

09 giờ 20 sáng ngày 22.08.1946, phi cơ cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhất, phái đoàn gồm có Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, ông Frémolle, Đồng Lý Văn phòng của ông Cédile, Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ, ông Bazin, Sĩ quan Cò mật thám. Khi đến Cáp, phi cơ bay lượn ba vòng trên chiếc tàu Ile De France rồi mới đáp xuống phi trường... Nơi đó đã có quan Chủ Tỉnh Cap Saint Jacques, M. Ropion, chờ tiếp đón. Rồi cả thầy lên xe hơi xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Phạm Hộ Pháp, ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle, thì ôm lấy Đức Ngài mà tỏ tình tri ngộ, vì lúc ở Mã Đảo hai người đã quen biết nhau. Kế đến là quan tư Pháp Désanges và phu nhon, người có phận sự đưa Đức Hộ Pháp từ Mã Đảo đến Sài Gòn gặp Phái đoàn. Sau khi thủ tục hành chính thông thường xong, thì phái đoàn đưa Đức Ngài xuống tàu nhỏ trở vào đất liền.

Ông Chánh Chủ Tỉnh, M. Ropion rước Đức Ngài và phái đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh thuật lại giai đoạn mà Đức Ngài bị nạn (1941-1946). Nào là Tòa Thánh bị chiếm, chư Chức Sắc phải hành

đạo ở Kim Biên (hạ tuần tháng 3 năm Nhâm- Ngọ, 1942), hiệp tác với Nhật Bản (1.12 Nhâm Ngọ), ở hãng tàu Nitinan và Nội Ứng Nghĩa binh (1.01 Ất-Dậu), lập Cao Đài Tham Muu Quân sự Vụ, hiệp tác với Mặt Trận Việt Minh, tới thoả ước ngày 9.06.1946. Riêng Thỏa ước thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm, khá lâu rồi mới nói: “Luật công bình thiêng liêng của Tạo Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cải đặng..., còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt Nam dứt đặng...”

Ý Đức Ngài muốn nói: hoàn cảnh thúc bách đã tạo ra quân đội, nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu vong sau này, nhận thay cái khổ cho nhân sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cải lại luật Thiên điều.

Tín đồ các nơi tập nập kéo đến thăm Đức Ngài. Đức Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng triu mến. Đức Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại, mà các Đấng lúc nào cũng giáng cơ an ủi Đức Ngài. Tiếp đó là Giáo Sư Thượng Vinh Thanh và bốn bộ lần lượt kể lại tất cả sự việc 5 năm qua, buồn vui lẫn lộn.

Ngày 30.08.1946, toàn Đạo và chánh phủ làm lễ rước Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của Đạo và 7 chiếc của Pháp, nhưng chỉ có 5 chiếc của Đạo mới đưa về tới Tây Ninh.

Khi gần tới Tây Ninh, thì có Chủ Tỉnh Tây Ninh ra nghinh tiếp và vào dinh

Tỉnh trưởng đàm luận. Sau đó đoàn xe tiếp tục về Tòa Thánh đúng 12 giờ trưa. Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài với toàn thể Tín đồ nam nữ đã xếp hàng dày đặc hai

bên đường nghênh tiếp Đức Ngài. Xe vừa ngừng, Đức Ngài xuống xe bước vào cửa Đền Thánh, Đức Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ cảm hoài. Các Chức Sắc thấy thế cũng chan hòa đồng nhịp tuông châu thương hận. Tiếng Đại Hồng Chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Đức Ngài bước vào Bửu điện đánh lễ Đức CHÍ TÔN.

Sau đó, Đức Ngài qua Giáo Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo Tông, đoạn xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp nghinh. Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp Thiên Đài, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh đại diện cho Cửu Trùng Đài và một Sĩ quan Pháp đại diện cho Chính phủ Bảo Hộ, mỗi người đọc một bài diễn văn đề chúc mừng. Sau cùng, Đức Ngài đáp từ và tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài.

Bữa tiệc mừng ngày hồi loan của Đức Phạm Hộ Pháp bắt đầu trong bầu không khí vui tươi cởi mở. Tất cả đều hướng về Đức Ngài trông đợi những ngày thanh bình thịnh trị.

Sau đó Đức Cao Thượng Sanh đến thăm Đức Ngài, có lưu một bài thơ cảm tác như vậy:

Cảm Tác

Nhành lá rừng tòng đã diễm tươi,
Còn non còn nước lại còn người.
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.
Nguồn Đạo xưa trong đôi cảnh nghịch,
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.
Trời Nam thử diễm trang tân sử,

Đồ lệ cùng nhau gượng đỡ lời.

Cao Thượng Sanh

Họa Vận

Sắc son nhuộm tách đậm màu tươi,
Hay đỡ khen chê để miệng người.
Đày đọa xét thân không hổ thẹn,
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.
Vó kỳ từng trải đường nguy hiểm,
Cánh hạc quen chịu gió ngược xuôi.
Ước trả mấy may ơn xã tắc,
Nợ muôn đền một kẻ chi lời.

Đức Hộ Pháp

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, ông Lê Sanh Thượng Tý Thanh vào viếng sư phụ. Đức Ngài nhìn ông rồi hỏi: “Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?” Ông Tý trình rằng: Khi vào làm hăng tàu Nitinan, Nhật buộc phải cắt tóc. Các ông có cầu cơ được Đức Lý chuẩn thuận. Đức Ngài chuyển sang việc Nội Ứng Nghĩa binh tham gia đảo chánh ngày 9.03.1945. Đức Ngài nói: “Các em tham gia đảo chánh, thì tự nhận tương lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công, cũng không được vào lịch kỷ niệm”.

Ai cũng biết, quân đội Cao Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội Ứng Nghĩa binh (1945), trước khi Đức Hộ Pháp được trả tự do. Thế nên Đức Ngài minh định: “Chỉ có quân đội Cao Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập. Văn thư số 115/HP-TTVP đề ngày 17.01.1949 gửi cho Thượng sứ Pháp và Đại Tướng Blaizot, Tư Lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Đức Ngài đã viết

rõ:

“Sự hiện diện của những tổ chức quân lực Cao Đài của chúng tôi đã đến giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày ấy”.

Chân dung Đức Hộ Pháp trong những năm bị lưu đày, thể hiện rõ tư tưởng đại đồng, yêu thương Nhân Loại. Đức Ngài đã giúp dân Malgache cải thiện cuộc sống và thân hữu với kẻ địch. Ngoài lòng yêu dân (Ngài có bút hiệu là Ái Dân) còn nhớ cố hương trong những lúc rảnh rỗi, Đức Ngài trò chuyện với ông Nguyễn Thế Truyền rất là tâm đắc.

Ông Truyền kể cho Đức Ngài về hoạt động của nhóm Ngũ Long (Phan văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh) trong những năm đầu của thế kỷ hai mươi này ở Pháp. Ông Truyền cho biết ông Nguyễn Ái Quốc có tình yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, nhất định phải giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của Thực dân Pháp.

Nhờ đó, hai ông thân nhau và lập ra nhóm Ngũ Bạch. Rồi cầu cơ, Đức Lý giáng cơ thu nhận ba nhà cách mạng vào hàng Bảo Quân. Xem thế dù hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài luôn phổ độ chúng sanh như lời nguyện.

21. Tái Thủ Quyền Hành, Củng Cố Nền Đạo, Thành Lập Quân Đội Cao Đài:

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh thì Đức Ngài gặp phải nhiều việc khó khăn của Đạo mà Đức Ngài phải lo giải quyết gấp như sau đây :

- Sự hiện hữu của Quân đội Cao Đài do Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (Trần quang Vinh) thành lập theo sự chỉ đạo của Đức Lý Giáo Tông, trong lúc Đức Ngài bị đày lưu nơi Hải ngoại.

- Tòa Thánh còn đang dang dở ngổn ngang và hư hỏng vì việc xây dựng bị đình chỉ hơn 5 năm nay.

- Hội Thánh và các cơ quan của Đạo rã rời sau nhiều cuộc đàn áp và khủng bố của bạo quyền.

Đức Ngài không có thời gian để nghỉ ngơi sau những ngày lao khổ, liền bắt tay ngay vào việc huy động trở lại số công quả công thợ xây cất Tòa Thánh trước đây, gấp rút hoàn thành Tòa Thánh, cho có chỗ đẹp đẽ trang nghiêm cúng bái Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng. Sau gần 4 tháng tích cực làm ngày làm đêm của các công thợ, Tòa Thánh được hoàn thành, đắp vẽ đầy đủ, sơn phết trang trí rục rờ.

Ngày mừng 6 tháng Giêng Tết Đinh Hợi (dl 27-1-1947), Đức Phạm Hộ Pháp làm lễ Trấn Thần Tòa Thánh. Kế đó, sáng ngày mừng 8 tháng Giêng thì rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi Bát Quái Đài Tòa Thánh, kíp cúng Đại lễ Vía Đức Chí Tôn vào thời Tý.

Mặt khác, Đức Phạm Hộ Pháp lo tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh, Đại Hội Phước Thiện để thăng thưởng Chức sắc và Chức việc đã đầy đủ công quả hành đạo, bổ nhiệm các Chức sắc vào các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, để củng cố và phát triển nền Đạo.



**Thiên nhân-
biểu tượng của
Đạo Cao Đài**



Đức Hộ Pháp Thượng Tôn Quân Thế

Ngày 1-12-Bính Tuất, ĐHP khai Đại Hội Nhơn Sanh.

Ngày 15-12-Bính Tuất, ĐHP khai Đại Hội PT.

Ngày 15-10-Đinh Hợi, ĐHP khai Đại Hội Hội Thánh CTĐ.
(Viết tắt : ĐHP : Đức Phạm Hộ Pháp; PT : Phước Thiện.)

Việc thành lập Quân Đội Cao Đài:

Khi Đức Ngài trở về Tòa Thánh thì Quân Đội Cao Đài do Ông Giáo Sư Đại Biểu Trần quang Vinh đã thành lập sẵn rồi từ năm 1945 với danh Nội Ứng Nghĩa Binh. Vì hoàn cảnh đất nước và đạo sự lúc bấy giờ, Đức Ngài phải đề quân đội thành hình và xuất quân ngày 8/1 ÂL (1947). Đức Ngài chỉ thị cho Quân Đội Cao Đài thực thi chủ trương : Bảo Sanh - Nhơn Nghĩa - Đại Đồng, phải là một quân đội nghĩa hiệp và gương mẫu, bảo tồn nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn và các tín đồ.



Hình Ảnh văn phòng quân đội Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh
(18-09-1948)

“Quân đội các con thành lập đặng do toàn thể trụ cả năng lực trên nền tảng Nghĩa Nhân, Đạo Đức. Ngọn cờ Cứu Khổ của các con xuất hiện nơi nào thì nhân sanh nơi ấy đều phải đặng các con bảo vệ, cứu khổ phò nguy mà làm rạng danh anh tuấn của non sông chủng tộc”. (trích bài huấn dụ các cấp chỉ huy Quân Đội Cao Đài của Đức Phạm Hộ Pháp đầu xuân Giáp Ngọ 1954).



Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1956) và đội Hộ Vệ Quân trước Tòa Thánh Tây Ninh.

Trong bản tuyên ngôn tại Phnôm-Pênh, ngày 30/4/1956 Đức Ngài viết : “Khi Đức Bảo Đại về nước, chính Bản Đạo đã giao trọn quyền sử dụng Quân Đội Cao Đài cho Đức Ngài điều khiển trong hàng ngũ Quân lực Quốc gia. Khi Đức Ngài đi Pháp mới tạm giao quân lực ấy lại cho Bản Đạo. Trong lúc vắng mặt, Đức Ngài đã ra lệnh cho hai Chính Phủ Nguyễn Văn Tâm và Bửu Lộc thi hành hợp pháp quốc gia hóa Quân Đội Cao Đài. Nhưng sự thi hành ấy kéo dài cho

tới ngày Chánh Phủ Ngô Đình Diệm thọ phong toàn quyền cũng chưa quyết định. Bần Đạo buộc phải nhắc nhở và cầu cho Chánh Phủ Ngô Đình Diệm quốc gia hóa Quân Đội Cao Đài một cách hợp pháp. Bần Đạo không buổi nào muốn giải quyết vận mạng nước nhà với quân lực, mà chỉ dùng phương pháp Đạo Đức đặng đem hòa bình hạnh phúc lại cho giống nòi mà thôi”.

22. Xây Dựng 3 Cung 3 Động :

Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng 3 Cung 3 Động, để dự bị sau này làm Tịnh Thất khi có lệnh Đức Chí Tôn cho phép truyền Bí pháp cho các vị tu chơn luyện Đạo:

a. Trí Huệ Cung - Thiên Hỷ Động: thuộc Tòa Thánh Tây Ninh, tại ấp Trường Xuân, xã Trường Hòa, Huyện Hòa Thành, cách Tòa Thánh Tây Ninh khoảng 7 Km về phía Đông Nam, dùng làm tịnh thất cho nữ phái. Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng Trí Huệ Cung vào cuối năm 1947, hoàn thành vào ngày 15-12 Canh Dần (22-01-1951). Trí Huệ Cung nằm trong khu đất có vòng rào vuông vức rộng lớn bốn bên, mỗi bên có xây một cổng lớn ra vào, trên cổng có tấm bảng đề chữ “THIÊN HỶ ĐỘNG”. Hai cột cổng có gắn một đôi liễn Trí Huệ:

Trí định thiên lương qui nhứt bôn
Huệ thông đạo pháp độ quần sanh

Trí Huệ Cung là một tòa nhà có hình khối lập phương có hình tượng nhiệm màu với bề cao 12 mét, chia làm ba tầng mỗi tầng 4 mét y như nhau, bốn bên, mỗi mặt có cạnh là 12 mét, vuông vức như cái hộp. Ở giữa trung tâm có một cây cột đội luôn 3 tầng đến nóc, gọi là “Nhứt trụ xang Thiên”.

Đứng trước Trí Huệ Cung nhìn vào, thấy chỉ có hai tầng, đó là hai tầng trên, tầng dưới nằm dưới mặt đất. Nơi đây có chỗ để ngồi luyện đạo và cầu nguyện. Tầng trên thờ Đức Chí Tôn, và có trưng bày một số kỷ vật di tích của Đức Phạm Hộ Pháp.



Trí Huệ Cung ở trong Thiên Hỷ Động

Người muốn vào tu trong Trí Huệ Cung phải có đủ Tam Lập là Lập Công, Lập Đức và Lập Ngôn. Phương tu trong Trí Huệ Cung ngày nay gọi là tu chơn. Người tu ở Trí Huệ Cung không có chức sắc, phẩm tước, tất cả đều là đồng tu như nhau.

Mỗi ngày Trí Huệ Cung cúng tứ thời đủ các bài kinh nhưng không đèn không nhang. Người ở Trí Huệ Cung, bất cứ đứng ngồi nơi đâu, khi nghe lệnh đổ kiếng (giật chuông) liền đứng dậy, tay bắt ấn Tý, day mặt hướng về Trí Huệ Cung tưởng niệm.

Sau ngày làm lễ trần thân và khánh thành, ngay ngày hôm

sau, 16 tháng giêng Tân Mão 1951, Đức Phạm Hộ Pháp là người đầu tiên nhập tịnh ở Trí Huệ Cung, đồng thời đề cầu nguyện cho bá tánh trong ba tháng mới xuất tịnh.



Trí Huệ Cung - Thiên Hi Động - Ao Thất Bửu

b. Trí Giác Cung – Địa Linh Động: thuộc Tòa Thánh Tây Ninh ở ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, cách Tòa Thánh Tây Ninh khoảng 3 km về hướng Đông Nam, dùng làm tịnh thất cho cả nam và nữ phái. Bảng hiệu trước cổng vào đền thờ Đức Mẹ bên tả và hữu có đề chữ “Đạo Pháp Vô Biên”. Chính giữa hai cổng ấy là Tòa Trí Giác Cung. Trí Giác Cung là một tầng hình vuông biệt lập với đền thờ Phật Mẫu, có khuôn viên riêng biệt nhưng cùng chung một vòng rào bao bọc với đền thờ Phật Mẫu. Trên chính điện Trí Giác Cung có đôi liên:

Trí linh quán thể Thiên cơ đạt,

Giác huệ siêu phàm Đạo pháp thông.

Nơi đây trước kia là cơ sở của trường Qui Thiện, do Ông Giáo Thiện Đình Công Trứ qui tụ các bạn đạo Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ (Mỹ Tho) về Tòa Thánh sáng lập vào ngày 26 tháng 9 Quý Mùi (24-10-1943), có các cơ sở Phước thiện như Nhà Minh Thiện, Khách Thiện đường, Học đường, Y tế, Bảo sanh, Dưỡng đường, cơ sở nông tang, công nghệ, thương mại. Đặc biệt có đền thờ Phật Mẫu, thờ Đức Phật Mẫu, Cửu vị Tiên nương, và Bạch Vân Động chư Thánh



Trí Giác Cung ở trong Địa Linh Động

Ngày 14 tháng 8 năm Bính Tuất (9-9-1946), Đức Phạm Hộ Pháp tổ chức rước Long vị Đức Phật Mẫu cùng lư hương và đất thiêng tại đền thờ Phật Mẫu ở Qui Thiện Đường về thờ nơi Báo Ân Từ trong nội ô Tòa Thánh.

Nghi thức lễ tiếp rước diễn ra thật long trọng, có bàn hương án, long mã, dùng hai dàn nhạc, hai bộ lễ, có đủ Lôi Âm Cổ và Bạch Ngọc Chung, chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài đủ ba phái, Phước thiện Hội Thánh. Đền thờ Phật Mẫu tuy bằng cây lợp lá nhưng đây là đền thờ Phật Mẫu đầu tiên của đạo Cao Đài Tây Ninh sau 21 năm khai đạo.

Ngày mùng 01 tháng 02 năm 1947 (Đinh Hợi), Đại lễ cúng Đức Phật Mẫu đầu tiên được tổ chức tại Báo Ân Từ, sau khi quả Càn Khôn được đưa về thờ tại Tòa Thánh. Ở Qui Thiện, đền thờ Phật Mẫu được khánh thành vào ngày 16&17 tháng 7 Mậu Tý (20&21-8-1948).

Một tháng sau cuộc lễ khánh thành Đền Phật Mẫu, do sự cho phép của Đức Hộ Pháp, lễ Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức lần đầu tiên sau 22 khai đạo. Kể từ lúc ấy, lễ Hội Yến Diêu Trì Cung cũng được tổ chức hàng năm tại đền thờ Phật Mẫu trong trường Qui Thiện vào đêm 14 tháng 8, sau khi cúng Đại Lễ Đức Phật Mẫu xong. Còn nơi Báo Ân Từ trong Tòa Thánh thì cúng Hội Yến Diêu Trì Cung vào đêm Rằm tháng 8 và khởi lễ lúc 10 giờ khuya.

Sau khi Ông Đinh Công Trứ mất, qua bốn đời cai quản, vào ngày 5 tháng Chạp năm Giáp Ngọ (29-12-1954), do huấn lệnh số 285/VP-HP, Đức Phạm Hộ Pháp chánh thức chuyển đổi Trường Qui Thiện thành một cơ sở Tịnh thất gọi là Trí Giác Cung - Địa Linh động để qui tụ có cả nữ phái vào tu tịnh, gìn giữ nguyên bản chơn truyền với phương tu Chơn. Người tu không nhận lãnh tước phẩm theo như Thánh lịnh ban hành ngày 16-01 Kỷ Sửu (13-02-1949) quy định:

“Chư vị hảo tâm hiến công quả tại trường Qui Thiện không nhận lãnh tước phẩm chi hết. Cả thầy công quả nam phụ lão

ầu chỉ giữ bốn phận tín đồ, từng lệnh Hội Thánh mà thi hành chủ nghĩa cao khiết cho tới ngày về thiên liêng vị mà thôi.”

Sau đó, lần lượt Hộ Pháp Đường được tôn tạo, Trí Giác Cung được xây dựng theo kiểu độc điện mặt hướng ra lộ Trung Hòa, không có hậu điện. Mặt sau đầu hậu với đền thờ Phật Mẫu. Trí Giác Cung có tầng ngầm như Trí Huệ Cung, có vòng rào biệt lập nhỏ bé chỉ vừa với khung cảnh tòa nhà Trí Giác Cung. Đến nay, Trí Giác Cung chưa được khánh thành. Đức Hộ Pháp đã định vị Thời Quân Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đến trấn nhậm tại Trí Giác Cung – Địa Linh Động. Sau khi vị Thời Quân Khai Pháp qui thiên, lập vị thờ tại tòa nhà Trí Giác Cung này.

Về sau, trong ba năm ròng rã, ở Trí Giác Cung, đền thờ Phật Mẫu được xây dựng kiên cố theo kiểu Thánh thất có hai tầng, có lầu Chuông, lầu Trống, lễ an vị tổ chức ngày 19-12 Bính Ngọ (29-01-1967). Tầng trên thờ Đức Chí Tôn là để tượng trưng, không cúng đàn vía. Tầng dưới thờ Đức Phật Mẫu, ở hai bên thờ Cửu vị Nữ Phật, Bạch Vân Động chư Thánh. Chỉ có ở Trí Giác Cung và Tòa Thánh Tây Ninh mới có đền thờ Phật Mẫu, và ở địa phương, bên cạnh các Thánh thất Tây Ninh thường có điện thờ Phật Mẫu. Đức Khai Pháp Trần Duy Nghĩa là người đầu tiên vào nhập tịnh trong Trí Giác Cung.

c. Vạn Pháp Cung ở trong Nhơn Hòa Động: được xây dựng tại Sở Sơn Đình, chân núi Điện Bà, về phía Bắc Tòa Thánh, cách Tòa Thánh chừng 10 cây số. Vạn Pháp Cung sau dời về Phận Đạo Thập Tam, cuối đường Bình Dương Đạo.

Chờ đến ngày giờ Đức Chí Tôn định, 3 Cung này là 3 Tịnh

Thất tiếp nhận các bực tu Thượng thừa đã có đủ Tam lập, vào đây thọ Tâm pháp bí truyền để luyện đạo thành Tiên Phật tại thế.



Cơ sở chánh Vạn Pháp Cung ở trong Nhơn Hòa Động

Khi Đức Phạm Hộ Pháp trấn pháp Long Tu Phiến và Cây Kim Tiên nơi Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung, Đức Ngài có nói :

“ Ngày nay là ngày vui mừng của Bản đạo hơn hết, là Bản đạo còn sức khỏe đầy đủ, cầm Bí pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bản đạo vậy.”

Sau khi ra tịnh, trấn pháp Long Tu Phiến và Kim Tiên trên Thiên Hỷ Động, Đức Ngài thuyết rằng:

“Ngày mai trấn Pháp Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung, Bản

Đạo lấy làm mừng đã làm tròn phận sự đặc biệt của Bản Đạo.

“Trước Bản Đạo đã gánh vác về Thẻ Pháp Cứu Trùng Đài ... Ngày nay vui mừng là Bản Đạo có sức khỏe đầy đủ, cầm Bí Pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bản Đạo vậy”.

23. Cất Chợ Long Hoa Và Mở Mang Vùng Thánh Địa :



Chợ Long Hoa ngày trước (vào khoảng năm 1960)

Kể từ năm 1947 trở về sau, chiến tranh giành độc lập giữa quân đội Việt Minh và quân đội Pháp lan rộng khắp nơi, khiến cho các tín đồ Cao Đài từ khắp các nơi đổ dồn về vùng Thánh địa lập nghiệp càng lúc càng đông. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng Chợ Long Hoa, có nhà lồng chợ 4 cánh hình chữ Thập, chung quanh Chợ có 8 cửa, hướng ra 8 con đường, với ý nghĩa là : Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, theo Vũ Trụ quan của Đạo Cao Đài. Cho nên Đức Phạm Hộ Pháp cho đây là cái Chợ Chuyển Thế.

Ngày 5-6-Tân Mão (dl 8-7-1951), Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần và ban Phép lành Chợ Long Hoa, có nói rằng :

“Càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bần đạo cho lập gấp cái Chợ này để tạo lại nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày giờ này, tuy là nhìn thấy cái Chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn, mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bần đạo dám quả quyết nó phải có và nhưt định có, vì là cái chợ Chuyển thể và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy.”



Chợ Long Hoa ngày nay

Để mở mang vùng Thánh địa cho có qui củ, Đức Phạm Hộ Pháp thiết lập Phòng Kinh Lý Họa Đồ, phóng các con

đường thẳng tấp thẳng góc nhau như trong bàn cờ, phân đất ra thành từng lô để cấp phát cho bản đạo từ các nơi về đây lập nghiệp, định nơi cất Trường học, Nhà Thương (Bệnh viện), Chợ búa, Sân máy bay, Nghĩa địa, vv. . .

Đức Ngài khuyến khích bản đạo khai phá đất rừng thành ruộng rẫy, tạo lương thực cho vùng Thánh địa được sung túc. Đức Ngài còn buộc các con em nhà đạo phải đến trường do Đạo mở ra để học chữ nghĩa.

Dần dần vùng Thánh địa mở mang rộng đến hơn 200 cây số vuông, bao bọc luôn cả Núi Điện Bà.

24. Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông lập Ban Thế Đạo :

Ngày 3-12-Quý Tỵ (dl 7-1-1954), trong một đàn cơ tại Giáo Tông Đường, Phò loan : Hộ Pháp - Tiếp Đạo, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập Ban Thế Đạo với 4 phẩm Chức sắc :

“ Khi hôm qua, đã có luận về Thế Đạo, nên căn dặn Phò loan đăng Lão giải nghĩa điều ấy.

- Hộ Pháp đã hiểu tổ chức của Hội Thánh Thiên Chúa giáo, có Chức sắc Thế Đạo, Pháp văn gọi rằng : Dignitaires laïques. Hiền Hữu đã có phong phẩm HIỀN TÀI, sao không thêm 3 phẩm trên nữa cho đủ như của họ.

Hộ Pháp bạch : - Xin Ngài chỉ rõ.

- Thêm vào 3 phẩm Thế Đạo này : QUỐC SĨ, ĐẠI PHU, PHU TỬ.”

Bản Qui Điều của Ban Thế Đạo mãi đến khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên rồi mới được Hội Thánh HTĐ soạn thảo,

dâng lên Đức Phạm Hộ Pháp, và ngày 9-2- Ất Tỵ (dl 11-3-1965), Đức Ngài giảng cơ chấp thuận. Đức Thượng Sanh lúc đó cầm quyền Chương quản HTĐ ban hành ngày 28-2-Ất Tỵ (dl 30-3-1965).

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, đêm 4-7-Kỷ Dậu (dl 16-8-1969), Phò loan : Hiến Pháp - Khai Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ nói về Ban Thế Đạo :

“ Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bần đạo về việc tuyển Chức sắc cao cấp CTĐ thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo, thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến, nếu được thì Đức Lý đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn. Các bạn đồng ý chăng ? “

25. Đức Hộ Pháp Âu Du Cộng Hòa Pháp Quốc (Tháng năm 1954) :

Sang năm 1954, Quốc Trưởng Bảo Đại mời Đức Hộ Pháp làm cố vấn tối cao để hoạch định cho chương trình Hội Nghị Genève. Đồng thời Đức Ngài sang Pháp để đáp lời mời của Chánh phủ Pháp trước kia mà Đức Ngài chưa có dịp đi.

Ngày 17.04 Giáp-Ngọ (19.05.1954) các cơ quan đưa tiễn Đức Ngài lên đường, Đức Ngài nói:

“Hôm nay Bần Đạo lấy sứ mạng Thiêng Liêng đem ngọn cờ cứu khổ đến Châu Âu. Mong rằng cánh hạc huyền linh của Đức CHÍ TÔN sẽ đem tình ưu ái vô biên của Ngài đặng an ủi tâm hồn các chủng tộc Châu Âu. Quyền năng vô tận của Đức CHÍ TÔN sẽ làm cho trường hỗn loạn trở nên thái bình.

“Một điều trọng yếu nữa là cả thầy cầu nguyện thế nào cho

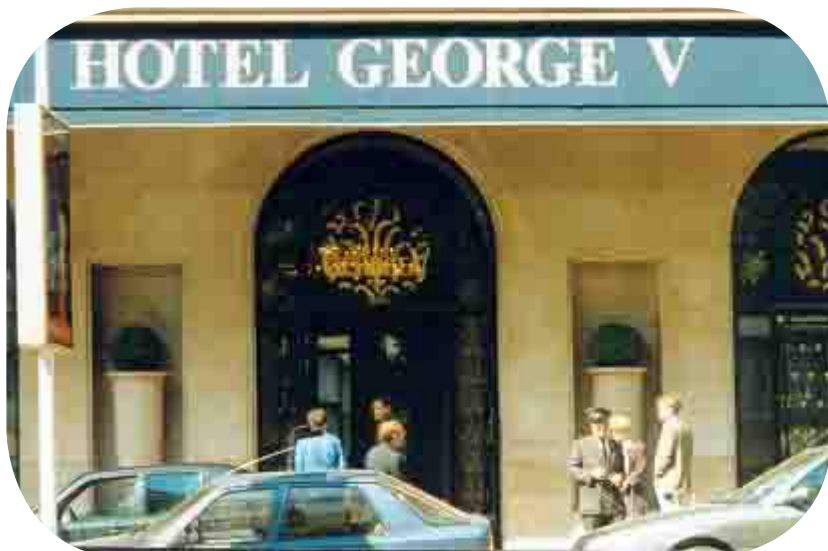
ngọn cờ từ bi bao phủ trên mặt địa cầu này. Bàn Đạo dám chắc không có điều chi vui cho Đại Từ Phụ hơn điều đó.” Sáng hôm nay, Đức Ngài lên máy bay rời phi trường Tân Sơn Nhất. Nhiều chánh khách, Chức Sắc, chức việc ra tiễn đưa Đức Ngài. Ra tiễn hành Đức Hộ Pháp có các ông Tong Fong Tso, Tổng Lãnh Sự Trung Hoa Quốc Gia tại Sài Gòn, Tchen phó Lãnh Sự, Thiếu Tướng Nguyễn Thành Phương, các Đại Tá Nguyễn Văn Kiệt, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Thành Danh, Trình Minh Thế và những vị Chức Sắc: Phối Sư Khi, Phạm Trung Hiếu, Thanh Tra Chánh Trị Vụ tại Thánh Thất Trịnh Phong Cương, Phạm Văn Út, Trần Thanh Mậu.

Khi máy bay đáp xuống phi trường Orly (Pháp) có rất đông quan khách đến đón Đức Ngài. Về phía Chánh phủ Việt Nam, có Phó Thủ Tướng Nguyễn Trung Vinh, Tổng Trưởng Tài Chánh Dương Tấn Tài, đại diện Cao Ủy Phủ Vương Hồng Chương và Đỗ Hùng, rất đông Việt Kiều ra đón Đức Ngài. Về phía chánh phủ Pháp, có ông Thị Trưởng thành Paris, ông Plas và Mattei đại diện Bộ Trưởng Bộ Liên Quốc

Ông Plas và Mattei đại diện Ông Jacquet, Bộ Trưởng Bộ Liên Hiệp Quốc. Ngoài ra còn có Cô Ba Cầm và Ông Quang đem xe ra rước về ở Hotel George V.

Các phóng viên báo chí, nhất là nhóm thợ săn ảnh chen chúc nhau đón chụp ảnh Đức Hộ Pháp và phỏng vấn Đức Ngài Về đến phòng, có người theo xin thâu thanh những lời tuyên bố, thì Đức Hộ Pháp phú cho Ông Ngô Khai Minh thay mặt đọc một bài cho họ thâu thanh.

(Ông Ngô Khai Minh thay mặt đọc trước báo chí Pháp tại Hotel George 5, Paris).



Hotel George V Paris France

Từ sáng nay, Bần Đạo đã được mục kích tinh hoa của hai chục thế kỷ lịch sử. Bần Đạo hiện đang ở tại Thủ đô mà Goethe, nhà văn hào Đức và Montaigne, Triết học gia Pháp đã ca tụng uy thế. Bần Đạo đến đây với tinh thần cao cả của toàn cõi Á Đông. Cảm giác của Bần Đạo phát sanh do cảnh sắc thiên nhiên của dãy Hi Mã Lạp Sơn, đối tượng với những ngọn đồi tốt đẹp mà Đấng Tạo Hóa đã ban cho nước Pháp sự hoan lạc.

Công trình vĩ đại của Đấng Tạo Hóa thật vô biên, sự vô biên ấy đã hiển nhiên trước muôn vàn hiện tượng kỳ lạ trên hoàn vũ. Nhưng đây có phải là lúc để trầm ngâm thưởng thức những cảnh nhiệm màu tuyệt mỹ ấy chăng? Hay chỉ là ảo ảnh trong khi chiến tranh đang dày xéo, tàn phá đất nước của Bần Đạo?

Nhân danh một nhà Đạo đức mà muôn ngàn tin tưởng của những kẻ đang đau khổ hi vọng nơi vị Giáo Chủ Đạo Cao Đài. Bản Đạo chỉ tịnh tâm nhập định giữ chay lạt và cầu nguyện Đức Thượng Đế thương xót đến đám người đau khổ ấy. Hàng triệu tín đồ Cao Đài cũng đương cầu nguyện trong lúc bao nhiêu chiến sĩ bỏ mình để đem lại nền hòa bình trong tình bác ái đại đồng.

Đức tin của Bản Đạo trụ vững nơi sự tưởng niệm thường nhật ở Á Đông và nhờ ân huệ của Thiên Liêng có thể giải quyết những oán ghét thù hận như núi Thái Sơn đặng.



Nhưng Bản Đạo cũng nhận thấy sự cần yếu của những nhận thức xác thực rất thích hợp ở Âu-Châu. Bởi thế cuộc ‘Du-Hành’ của Bản Đạo chỉ là cuộc du lịch và tín ngưỡng, lần theo ánh sáng Thiên Liêng. Còn sự kết quả phải nhờ THƯỢNG ĐẾ.

Chiều ngày 21.05.1954, Đức Hộ Pháp mở cuộc họp báo tại nhà hàng George V. Trong lúc dự tiệc, các đại diện báo chí phỏng vấn Đức Ngài về đường lối chánh trị. Đức Ngài trả lời: “Bản Đạo sang Pháp với danh nghĩa cố vấn tối cao của Đức Quốc Trưởng Bảo Đại. Bản Đạo sẽ gặp Đức Quốc Trưởng và sẽ thỉnh ý Ngài”.

Báo chí hỏi Đức Ngài có chống cộng không? Đức Ngài đáp: “Chúng tôi là người Tôn Giáo, thay mặt Thượng Đế cứu vớt tất cả con cái Ngài, dầu kẻ tội lỗi nào cũng cứu vớt”.

Trưa hôm sau Trung Tướng Nguyễn văn Xuân, cựu Thủ Tướng, đến mời Ngài dùng cơm tại tư gia.

Ngày 23.05.1954, Đức Ngài đến Canne rồi tới điện Thorène gặp Đức Quốc Trưởng, Đức Ngài tỏ vẻ hài lòng rồi trở về Paris cùng ngày, được Thủ Tướng Bửu Lộc và các chánh khách đưa ra tận ga Canne.

Trưa ngày 24.05.1954, ông Laniel, Thủ Tướng Pháp tiếp Đức Ngài tại điện Matignon. Cùng đi với Đức Ngài có ông Ngô Khai Minh, Ông Nguyễn văn Ba (em ông Xuân) và ông Hồ Bảo Đạo. Thủ Tướng Laniel tham khảo ý kiến riêng với Đức Ngài.

Trước khi Đức Hộ Pháp sang Paris, bản Hiệp Ước Genève đã được đăng tải trên các báo. Người ta phao tin đã ký rồi, nhưng thật ra chưa ai ký. Các chánh khách đều trông vào Đức Ngài.

Ngày 25.05.1954, ông Trần Vinh, Trưởng ban Nghi Lễ Cao Ủy Phủ Việt Nam, sắp chương trình cho Đức Hộ Pháp đi viếng và làm lễ ở Chùa thờ chiến sĩ trận vong Việt Nam Nogent-Sur-Marne. Đến chiều tối Đức Ngài đặt tràng hoa nơi mộ chiến sĩ trận vong Pháp ở Arc-De-Triomphe. Tướng Collion, Tổng Trấn Paris thay mặt chánh phủ Pháp và quân đội nghinh đón. Hai bên đài có đoàn Vệ quân bông súng chào, giàn nhạc thổi quốc thiều Việt Nam và quốc thiều Pháp. Sau khi đặt tràng hoa lên mộ chiến sĩ Vô Danh, Đức Hộ Pháp trở ra. Các quan khách đưa tận xe. Việc đón tiếp như

vậy là long trọng lắm, vì Đoàn Vệ Quân (Garde Républicaine) và giàn nhạc thường chỉ để đón tiếp các Quốc Trưởng mà thôi.

Tờ mờ sáng ngày 27.05.1955, Đức Ngài cho ông Hồ Bảo Đạo hay: đêm qua Đức Ngài hội kiến với Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo). Đức Chương Đạo có dạy nhiều việc và cho một bài thi như sau:

Giờ điểm vinh quang đã khởi màu,
Giang sơn Đất Việt giá là bao?
Nền nhân Câu Tiễn vừa che bước,
Cửa ải Phù Tang đã mở vào.
Mong lịch duyệt, nay đà lịch duyệt,
Muốn thanh cao, đã đặt thanh cao.
Tiên rồng sắp gặp hội phong vũ,
Thay đổi Càn Khôn thử thế nào?

Tiếp đó, Đức Ngài đi viếng Điện Versailles. Nhân viên điện đưa Ngài đi xem từng nơi. Điện xây cất từ thời vua Louis XIV (1668), đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Mấy bậc thang, cột và tường đều lát cẩm thạch có vân và bông tuyệt đẹp. Người hướng dẫn nói cẩm thạch này có 144 màu khác nhau.

Trong phòng khác có chiếc đồng hồ từ máy đến vỏ đều bằng vàng chạy rất đúng giờ. Cái vỏ đồng tượng hình một đèn vua. Vừa đúng 10 giờ, cửa đèn mở, vua Louis 14 trong đèn bước ra, có nhạc đánh chào. Cứ mỗi giờ đánh một bản khác nhau, bản nhạc cuối vừa dứt thì đồng hồ gõ 10 tiếng. Vua Louis 14 bước vô đèn, cửa tự động đóng lại. Những động tác đó, do máy tự động bên trong đồng hồ tự điều khiển.

Chiều hôm đó, Bộ Trưởng Mécheri thay mặt Tổng Thống

Pháp René Coty đến viếng Đức Hộ Pháp. Trước khi ra về, ông Mécheri nói Tổng Thống Coty mời Đức Ngài sang viếng Điện Élysées.

Sau đó, Đức Ngài nhường thời giờ tiếp xúc các đạo hữu ở Pháp. Ông Henri Regnault (người thay mặt Đạo Cao Đài dự nhiều Hội Nghị Thần linh Học Thế Giới) thay mặt người Pháp có Đạo đến chào Đức Ngài.

Ngày 28.05.1954, Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng đến Điện Élysées, được Tổng Thống René Coty đón chào tại cửa. Tổng Thống Pháp đưa Đức Ngài vào phòng khách đàm luận, sau đó dự tiệc rồi từ giã. Chủ khách rất quyến luyến nhau.

Hôm sau, Thủ Tướng Bửu Lộc mời Đức Ngài đến Hotel Raphael, Thủ Tướng rất vui mừng trước thành quả mà Đức Ngài ngoại giao đã đạt được và hứa sẽ mời Quốc Trưởng Bảo Đại lên Paris hội kiến với Đức Ngài.

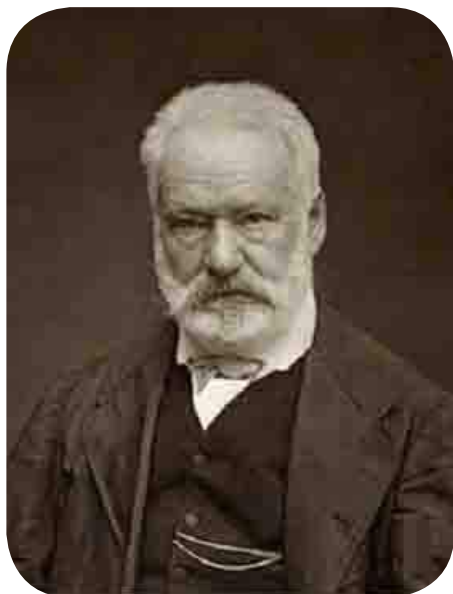
Chiều hôm đó, Giáo Sư Gustave Meillon đến thăm Đức Hộ Pháp. Ông đang nghiên cứu về Đạo Cao Đài, viết luận án Tiến sĩ. Ông chăm chỉ lắng nghe từng câu từng chữ của Đức Hộ Pháp khi Ngài giải thích về Đạo.

Ngày 30.05.1954 là ngày Đức Hộ Pháp bận rộn nhưt, tiếp phái đoàn này, nhân vật nọ, xin ý kiến và thỉnh ý Đức Ngài. Từ ông Đỗ Hùng, Thư ký Hội Đồng Quốc Gia Liên Kết, đến Giáo Sư Pierre Max và nhiều nhân vật chánh giới Pháp lắng nghe tiếng nói của Đức Ngài.

Chiều ngày 31.05.1954, Đức Ngài đi viếng Điện Panthéon. Điện này là một tòa nhà đồ sộ lộng lẫy, những bức vẽ hàng mấy trăm năm nay mà vẫn linh động. Giữa Đền có một bức vẽ trên trần màu sắc rực rỡ. Nhờ nóc Đền lợp bằng kiếng

nên khi mặt trời xoay hướng, thì bức vẽ đổi màu luôn. Trên tường có nhiều bích họa diễn tả lịch sử nữ Thánh Sainte G n vi re, tức Thánh bảo hộ thành Paris.

Một bức bích họa khác mô tả thành Paris bị nạn đói, chánh nhờ nữ Thánh G n vi re cầu nguyện Ơn Trên và kêu gọi các nơi tiếp tế mà thành Paris thoát nạn đói. Đến đời vua Napol on đòi tượng bà thờ nơi khác và lấy Điện Panth on làm



B o  n Từ, chôn xác các danh nhơn dưới đường hầm.

Ph i đoàn xuống hầm. Khi đến mộ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Phạm Hộ Pháp đốt nhang cầu nguyện.

V n hào Victor HUGO (Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn)

Ngày 1.06.1954, Đức Ng i đi viếng Điện Invalides. Ông Trần Vinh và Phó Giám Đốc Điện Invalides tiếp rước Đức Ng i. Giữa Điện c ng ng i của Napol on I, làm toàn bằng đá cẩm thạch, chiếu l ng l nh. Điện này chứa các di tích đời vua Napol on.

Ngày 2.06.1954, Đức Hộ Pháp viếng lầu đài Liên Quốc (Union des  tats Associ s). Ông M cheri, Tổng Thư ký Hội Liên Quốc tiếp Đức Ng i và n i: “Đ y là nh  chung của các Quốc Gia liên kết, c  các cộng sự viên Việt, Mi n, L o, ...

Bộ Quốc Gia Liên Kết không phải là Bộ Thuộc địa trước kia”.

Ông Mécheri hứa với Đức Hộ Pháp rằng ông sẵn sàng giúp đỡ Ngài trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng ngang hàng và làm bạn với Pháp.

Ngày 4.06.1954, nhân sinh nhật mừng 5 tháng 5 năm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp, phái đoàn có tổ chức tiệc tại Hotel George V, thết đãi quan khách Việt Pháp, lãnh sự các nước và Việt Kiều hải ngoại. Giữa buổi tiệc, Đức Ngài được thông báo Thủ Tướng Laniel đã ký hai bản Hiệp Ước về chủ quyền độc lập của Quốc Gia Việt Nam đúng ngày mừng 5 tháng 5, để làm món quà sinh nhật của Đức Ngài. Người ta thường nói, người Pháp lịch sự và tế nhị quả không ngoa.

Trước khi Đức Hộ Pháp trở về Việt Nam, ngày 6.07.1954, ông Chevaul, Trưởng phái đoàn Pháp tại Hội Nghị Genève mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn Cao Đài dự buổi tiệc vào lúc 12 giờ. Lúc chia tay, Đức Hộ Pháp nhắc ông Chevaul một câu: “Ne mettez pas vos doigts dans le panier des crabes”. (Xin ông đừng thọc tay vào giỏ đựng cua).

Trước bối cảnh đó, Đức Ngài viết bài thơ đáng lưu ý như sau:

Âu Du 1954

Cõi gió tung mây đến Pháp triều,
Đo lường vận nước được bao nhiêu?
Tương lai gởi phận tay tha chửng,
Mai một thương thân đám Việt Kiều.
Cứu quốc khó trông mong gặp Thuần,
An dân hết sở cậy nhờ Nghiêu.

Cho hay chánh nghĩa chưa cân đung,
Máu mủ vì thương phải đánh liều.
(Hộ Pháp Phạm Công Tắc)

Cặp luận cho ta thấy nội dung chủ yếu của hai hiệp ước trên. Nói một cách khác nước ta sẽ không có hòa bình kiểu “thời đại Nghiêu - Thuấn”.

Ở Genève độ một tuần, cuộc vận động hòa bình của Đức Ngài không đem lại kết quả mong muốn, nên phái đoàn trở về Paris. Quốc Trưởng Bảo Đại mời Đức Hộ Pháp đến diện kiến và yêu cầu Đức Hộ Pháp ủng hộ Ngô Đình Diệm về nước cầm quyền Thủ Tướng Chánh phủ miền Nam thay Bửu Lộc.

Để vừa lòng Bảo Đại, Đức Ngài cho Sĩ Tải Bùi Quang Cao và Tướng Lê văn Tấn trở về nước vận động đồng bào, đồng đạo đón rước Ngô Đình Diệm.

Ngày 20.07.1954, Đức Hộ Pháp và phái đoàn trở về Việt Nam. Ngót hai tháng sang Pháp tìm cách giải quyết về nền hòa bình cho đất nước khỏi chia đôi bất thành.

Thời gian Đức Hộ Pháp ở Paris, có đến viếng xã giao vị Lãnh sự Trung Hoa Quốc Gia Đài Loan, nên về nước không bao lâu, Đức Ngài được thư mời của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, sang viếng Đài Loan. Phái đoàn gồm có Đức Hộ Pháp, Sĩ Tải Bùi quang Cao và một ít Chức Sắc Đường Nhơn.

Ngày 20 tháng 7 năm Giáp-Ngo, phái đoàn lên đường. Trước các cơ quan Đạo, Đức Ngài phủ dụ:

“Hôm nay, Bần Đạo lãnh một sứ mạng mới do ý muốn của Đức CHÍ TÔN. Bần Đạo vừa được Chánh phủ Trung Hoa

mời sang Đài Loan. Chủ đích của họ mời Bản Đạo chỉ vì Đạo mà thôi.

“Bản Đạo được danh dự của Đại Từ Phụ ban cho cầm cây cờ Cứu khổ để giải khổ cho nhơn loại. Mình đã đau khổ mà lãnh sứ mạng Thiêng Liêng để an ủi đau khổ của thiên hạ. Điều ấy làm cho chúng ta suy ngẫm lắm đó”.

(Cơ Quan Truyền Giáo Cao Đài Hải Ngoại Cuộc Du Hành Sang Paris, France, Tháng Năm Giáp Ngọ (20-Mai-1954)

26. Đức Hộ Pháp Á Du: Đài Loan, Đại Hàn và Nhật (Tháng Tám 1954) :



“Theo chúng tôi, nếu Thủ Tướng Ngô Đình Diệm không khắc phục tình thế hiện tại thì không một nhân vật Việt Nam nào làm nổi việc đó, ngay cả Đức Quốc Trưởng Bảo Đại, nếu Ngài cầm đầu một chánh phủ mới (Lời tuyên bố của Giáo Chủ trước khi lên đường)”.

Sài Gòn ngày 29-8-1954. Sáng hôm nay hồi 10 giờ 30, Đức

Hộ Pháp Phạm Công Tắc Giáo Chủ Đạo Cao Đài đã đáp một chiếc phi cơ của hãng C.A.T do các nhà đương cuộc Trung Hoa Quốc Gia dành riêng cho Giáo Chủ sử dụng đi Đài Loan và Nhựt Bản.

Đi theo Giáo Chủ có một đoàn tùy tùng gồm có 10 vị: Các Bà Phạm Thị Tranh và Nguyễn Thị Ngừ, ông Ngô Khai Minh, đại diện riêng của Đức Hộ Pháp tại Ba Lê, các ông Vũ Gia Lâm, ông Định, Trương Lê Đông, Lê Trọng Thanh, Sĩ Tải Bùi Quang Cao, Lý Ngọc Trôi, Hứa Văn Hiệp đều là những chức sắc quốc tịch Trung Hoa trong Đạo Cao Đài.



Ra tiễn hành Đức Hộ Pháp có các ông Tong Fong Tso, Tổng Lãnh Sự Trung Hoa Quốc Gia tại Sài Gòn, Tchen phó Lãnh Sự, Thiếu Tướng Nguyễn Thành Phương, các Đại Tá Nguyễn văn Kiệt, Nguyễn văn Huệ, Nguyễn Thành Danh, Trình Minh Thế và những vị Chức Sắc: Phối Sư Khi, Phạm

Trung Hiếu, Thanh Tra Chánh Trị Vụ tại Thánh Thất Trịnh Phong Cương, Phạm Văn Út, Trần Thanh Mậu.

Mục Đích Cuộc Hành Trình Sang Đài Loan và Nhật Bản

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc tuyên bố:

“Trước hết tôi sang thăm Đài Loan, tôi đi với tư cách riêng, nhưng thỏa thuận cùng các nhà chức trách quốc gia Trung Hoa; họ có nhã ý cho tôi sử dụng một chiếc phi cơ của hãng C.A.T. Tôi chưa biết được thời gian tôi sẽ lưu trú tại Đài Loan. Việc đó sẽ tùy thuộc chương trình, những cuộc tiếp đón chỉ sẽ được biết sau khi tôi đã đến Đài Bắc. Tôi có ý muốn đặt những cơ sở của Đạo Cao Đài tại Đài Loan cũng như tôi đã làm việc đó tại Pháp trong cuộc hành trình vừa qua của tôi sang Âu Châu.

Thăm Đài Loan xong tôi sẽ qua Nhật Bản và sẽ lưu lại đó chừng 3 hay 4 ngày để rước hài cốt của Hoàng Thân Cường Để về nước. Riêng tôi, tôi chưa được quen biết Hoàng Thân nhưng nhà ái quốc Việt Nam đối với tôi, khi tôi còn là một chiến sĩ cách mạng, đã là biểu tượng cho cuộc tranh đấu dành độc lập cho Tổ Quốc. Hơn nữa, dầu rằng không phải là một giáo đồ Cao Đài Hoàng Thân Cường Để đã là người thứ nhất đã bảo kê cho Đạo của chúng tôi. Trước khi mất, người đã ban cho Đạo Cao Đài hài cốt và tài sản của Người. Nay tôi qua Nhật chính là để thi hành lời trời trăn của Người và rước hài cốt của Người về nước.”

Hành Trình Sang Đại Hàn và Đến Nhật Bản để rước tro cốt Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, (dịch tôn của Đông Cung Thái Tử Cảnh), về nước.

Sau khi viếng Đài Loan, gặp riêng Tổng Thống Tưởng Giới

Thạch, Đức Ngài sang Đại Hàn thăm xã giao Tổng Thống Lý Thừa Vãng, sau đó Đức Ngài bay qua Nhật để rước tro cốt Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, (quí danh là Nguyễn Phước Vân, đích tôn của Đông Cung Thái Tử Cảnh), về nước.

Khi về đến Phi trường Tân Sơn Nhất, Đức Ngài tuyên bố tại phi trường Tân Sơn Nhất ngày 16-9-Giáp Ngọ (dl 12-10-1954):

Thưa cùng đồng bào Việt Nam,

Đây là di hài của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, quí danh là Nguyễn Phúc Vân, Ngài là đích tôn của Đức Đông Cung Cảnh, tức là tông chi hoàng tộc. Cả toàn thể quốc dân đều biết dĩ vãng của Ngài.

“Đức Cường Để đã hy sinh cuộc đời nơi đất khách, cốt theo đuổi một mục đích là làm thế nào để phục hồi vận mạng Tổ quốc, độc lập được thực hiện.

“Ngài cũng như Bàn Đạo, tâm hồn của Ngài phù hợp với tâm hồn Bàn Đạo, là chẳng lúc nào Ngài phân biệt màu sắc chánh trị, đảng phái, đoàn thể, Tôn Giáo...

Một kiếp sống của Ngài, chỉ có một mục đích là làm thế nào phục sự vận mạng tổ quốc và đồng bào Việt Nam.

“Đau đớn thay! trên 40 năm lưu vong nơi đất khách, Ngài theo đuổi một ước vọng mà Ngài không đạt được. Công chưa thành, danh chưa toại, Ngài thành người thiên cổ nơi đất khách quê người.

Hôm nay, di hài của Người đã được đưa về nước. Do đó, khối anh linh của Ngài sẽ cùng hòa hiệp với khối quốc hồn của bốn nghìn năm lập quốc”.

Thê thảm thay ! Trước nửa giờ lâm chung, Ngài còn ráng ngồi dậy nhấn cùng tất cả thanh niên Việt Nam, hãy cương quyết phục cường cứu quốc, rồi Ngài nằm thiêm thiếp.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Ngài còn ráng kêu : “VIỆT NAM MUÔN NĂM”



ĐHP Phạm Công Tắc đưa hài cốt Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về đất Tổ Việt Nam.

Bần đạo nghe thuật lại điều ấy, Bần đạo cảm kích vô ngần. Những bạn đã lưu vong cùng Ngài đã khóc hết nước mắt. Khóe tâm hồn ái quốc ấy hôm nay ước mong nó sẽ là một ngọn lửa thiêng liêng nung sôi tâm hồn của toàn thể quốc dân Việt Nam, bỏ thành kiến, bỏ đảng phái, hiệp sức cùng nhau để cứu vãn tình thế nước nhà đang lúc nguy vong tan tác.

Trước khi dứt lời, Bần đạo xin toàn thể đồng bào nói điều theo dư âm khốn khổ của Ngài đã kêu cả toàn thể đồng bào của chúng ta. Bần đạo hô như Ngài đã kêu gào thống thiết

trước hơi thở cuối cùng của Ngài.

“ VIỆT NAM MUÔN NĂM ! VIỆT NAM MUÔN NĂM.”

Ngày 20 tháng 9 năm Giáp Ngọ (1954), Đức Ngài về tới Tòa Thánh và tuyên bố trước toàn Đạo:

“Tiếp theo lời tuyên bố của Bần Đạo khi về đến Sài thành, Bần Đạo không cần nhắc lại. Cả một đời sống hy sinh của Ngài mong tạo hạnh phúc cho Tổ quốc mà phải chịu biết bao nhiêu gian khổ cũng vì lòng ái quốc của Ngài.

“Cả thanh niên Việt Nam nên ghi nhớ những lời nhắn gửi của Ngài. Trước nửa giờ chết, Ngài còn rón ngòi dậy nhấn cho toàn thanh niên Việt Nam phải cương quyết quật cường cứu quốc”.

Đức Hộ Pháp đã đem hài cốt Cường Để về Sài Gòn làm lễ long trọng tại nhà kỷ niệm tại Vườn Bách Thú Sài Gòn rồi di về Tây Ninh thờ tại Báo Quốc Từ.

Đức Hộ Pháp tuyên bố trong dịp rước di hài của Cụ Cường Để tại Tòa Thánh ngày 20-9-Giáp Ngọ (dl 16-10-1954):

Thưa cùng chư Chức sắc Thiên phong nam nữ lưỡng phái, Thánh Thể Đức Chí Tôn, Hội Thánh nam nữ, các cơ quan Chánh Trị Đạo.

Tiếp theo lời tuyên bố của Bần đạo khi về đến Sài Thành, đã có lời nói về đời sống của Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, Bần đạo chẳng cần nhắc đi nhắc lại thì cả toàn thể quốc dân Việt Nam, cả toàn đạo cũng biết rõ sự hy sinh vô đối của Ngài, kiếp sống của Ngài chỉ có một mục đích quật cường giải ách lệ thuộc, thâm hôi độc lập và phục quốc cho đồng bào.

Khi mới đến Tân Sơn Nhứt, Bàn đạo đã tỏ lời kêu gọi theo yêu thiết của Đức Kỳ Ngoại Hầu lúc lâm chung. Cả một đời sống hy sinh của Ngài mong tạo hạnh phúc cho tổ quốc giống nòi mà phải chịu chẳng biết bao nhiêu gian truân khổ não, cũng chỉ vì lòng ái quốc vô đôi của Ngài.

Cả thanh niên Việt Nam nên ghi nhớ những lời nhắn gởi của Ngài, trước nửa giờ chết, Ngài còn ráng ngồi dậy nhắn cho toàn thanh niên Việt Nam phải cương quyết quật cường cứu quốc, mặc dầu còn một hơi thở cuối cùng, nhưng Ngài còn ráng hô “VIỆT NAM MUÔN NĂM” rồi mới tắt thở.

Bàn đạo không thấy mà đã nghe đồng bào Việt Nam ở Đông Kinh thuật điều ấy, làm cho Bàn đạo khóc, và chính mình Bàn đạo chỉ biết khóc mà thôi.

Nói theo lời kêu gọi thống thiết của Ngài, Bàn đạo về đến đây cũng xin toàn thể con cái Đức Chí Tôn nam nữ lưỡng phái lập lại lời thống thiết trước giờ chết của Ngài.

Bàn đạo hô cả thầy đều hô theo :
“ VIỆT NAM MUÔN NĂM “

Sau Ngô Đình Diệm muốn đoạt công, sai Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ lên Tòa Thánh viện lễ Cường Tráng (con Cường Để) cậy chính phủ xin tro đem về thờ. Ông Thơ đi với 50 lính vũ trang. Ở Nam Vang Đức Hộ Pháp được báo cáo. Ngài ra lệnh Hội Thánh buộc ông Thơ làm cam kết không được làm thất thoát tro, lập đủ vi bằng kiết chứng xong Hội Thánh sẽ giao...

Sau đây là bài tế lễ Đại Tường của Cường Để tại Báo Ân Từ (Ngài giáng bút ngày 1.3 Quý Tỵ (1953).

Ngoài bốn mươi năm biệt cửa nhà,
Quyết lòng khôi phục nước Nam ta.
Nấu nướng đất khách chờ thời thế,
Tuổi thọ bảy mươi trí đã già.

Cường Đê

Ngày 16-8 Ất Mùi (1955) Đức Hộ Pháp khánh thành Báo Quốc Từ, Cường Đê có giảng cơ cho bài thi đề Đồng Nhi thài té lễ như sau:

Vị quốc bôn ba chẳng quản dài,
Chí mong chưa toại đoạn trần ai.
Tủi mừng đâu biết giờ tiền định,
May đặng duyên xưa tạo Diện Đài.

Cường Đê

Nếu đem so sánh với Bảo Đại, Duy Tân, Thành Thái, Hàm Nghi, Tự Đức, Nguyễn Nhạc thì Cường Đê là người mật thiết với Đạo Cao Đài hơn hết. Khi sanh tiền cũng như lúc về Tiên Cảnh, lúc nào cũng giúp cho nền Chánh Giáo của Đức Chí Tôn được hanh thông. Công với Đạo, công với đời không ai chối cãi và nhìn nhận một nhà ái quốc đại công với dân với nước. Ngài đã gởi xác lẫn hồn cho Đức Chí Tôn định liệu.

27. Lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh :

Năm 1955, từ ngày 29.01 đến 8.02.1955 (mùng 6 đến 16.01 năm Ất Mùi) là lễ Khánh thành Tòa Thánh Tây Ninh. Đây là một cuộc lễ có một thời gian dài nhất, 10 ngày. Số người từ các Tỉnh về tham dự lễ lên đến hàng triệu và số người đến xem lễ và đến quan sát trên hai triệu lượt người.



Tòa Thánh Tây Ninh

Vào mùng 8 tháng Giêng Ất Mùi, ngày chánh lễ, Đại đồng Xã bề ngang 40 thước, bề dài 80 thước, hai khán đài nam nữ, mỗi cái chứa trên hai chục ngàn người, đã chật nức. Trên hàng ghế danh dự, ngoài Đức Hộ Pháp, còn có Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, các Đại Sứ các nước. Sân Đại đồng Xã đã đầy người. Các Đạo hữu đến sau phải đứng tạm trong Rừng Thiên nhiên, sau hai khán đài chánh. Thiếu bút mực để ghi chép các ngày lễ lớn đó!

Trong cuộc lễ, Đức Phạm Hộ Pháp lên Thiên Hi Đài thuyết giảng:

“Hôm nay là ngày Kỷ niệm Đạo Cao Đài đã ra mặt Quốc Tế. Nó đã ra mặt Quốc Tế rồi, thì ta cũng nên luận về tình hình đương thời của các liệt cường”.

Giờ Tý đêm hôm đó, Hội Thánh rước Đức Hộ Pháp cất băng Khánh thành, pháo bông rực cháy hiện dòng chữ: “Đại Đạo

Tam Kỳ Phổ Độ. Lễ Khánh thành Tòa Thánh”. Và khởi hành ngay đại lễ trong Chánh Điện.

Hôm sau, lễ Khánh thành Đền Thờ Phật Mẫu (tạm thờ tại Báo Ân Từ). Đến ngày 12 tháng Giêng Ất-Mùi, khánh thành các dinh thự như Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Nữ Đầu Sư Đường, Tòa Nội Chánh, Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện. Đức Ngài nói:

“Khởi đầu, Bản Đạo đi viếng các dinh thự Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

“Bản Đạo cho toàn Chức Sắc đương quyền Hành Chánh Đạo được rõ mục đích của Hội Thánh Phước Thiện do đâu mà sản xuất. Trong Pháp Chánh Truyền, Đức Chí Tôn lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Trước khi Đức Chí Tôn đến giao truyền mỗi Đạo là Thiên điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem cơ cứu khổ để lại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả Cửu Nhị Úc Nguyên Nhơn. Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài. Chỉ có 15 người gồm Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bản Đạo. Trong số 15 vị chỉ có 4, 5 vị lãnh lĩnh mà thôi.

Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Giáo Tông, Hội Thánh Phước Thiện của Hộ Pháp.

Hội Thánh Phước Thiện thay thế cho Hiệp Thiên Đài lo cứu khổ, giải khổ cho nhơn loại, mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lĩnh có bốn, năm vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được. Bản Đạo chỉ lấy bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà lập thành:

Bài Thi

Tình ngộ xá thân tại Phạm Môn,

Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tĩnh thể kỳ thân đắc chánh tôn.

Vì bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà Bản Đạo mới lập ra Phạm Môn rồi sản xuất Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng vị”.

Đến ngày Rằm tháng Giêng năm đó làm lễ thiêu xác các Thánh Tông đồ, vì theo Thánh Ngôn chư Chức Sắc Đại Thiên Phong qui vị ba năm thì thiêu xác. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết minh về việc này như sau:

“Cả toàn thể quốc dân của chúng ta, hạng đại đức cũng nhiều, hạng học thức cũng đông; nam cũng thế, nữ cũng thế. Vì sao họ không giành chỗ cho ông Lê văn Trung, ông Cao Quỳnh Cư, bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Bá Trang (tên của chư vị sắp thiêu xác)...

“Ngọn lửa sẽ thiêu xác các Thánh ấy, nó sẽ biến thành ngọn lửa thiêng. Nó sẽ làm sáng chói Đạo Cao Đài, đặng kêu gọi cả nhơn loại tìm một con đường giải thoát. Con đường cứu khổ của họ mà cũng là ngọn lửa Thiêng Liêng dìu dẫn cả tâm hồn con cái Đức Chí Tôn, luôn cả Thánh Thể của Ngài nữa”.

Xen trong cuộc lễ Khánh thành còn có các cuộc vui như triển lãm, văn đàn, đánh cờ người, văn nghệ, lửa trại, hòa nhạc, đấu bóng, cộ bông, v.v.... Cuộc lễ chấm dứt trong niềm hân hoan và tin vào tương lai rực sáng của toàn thể tín hữu.

Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm từ giã ra về, Đức Hộ Pháp nhắc nhở Thủ Tướng nhớ sớm Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài. Thế nên, chánh phủ Ngô Đình Diệm đã ban hành lệnh

Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài vào ngày 2.05.1955. Từ đó, Đức Hộ Pháp từ vị Thượng Tôn Quản Thế do Thánh lệnh số 704/VPHP, ngày 11.03 Ất Mùi vì Đạo không còn quân đội nữa.

Tóm lại, thời gian từ năm 1947- 1955 là giai đoạn thanh bình thịnh trị của Đạo Cao Đài. Danh Đạo đã sáng chói trên hoàn cầu.

Nhứt là vào những năm 1953 -1954, chiến sự Điện Biên Phủ đang hồi quyết liệt. Tòa Thánh trở thành cái nôi “bảo sanh” cho trí thức, thanh niên khỏi bị Pháp bắt đem nướng vào chiến trường miền Bắc. Các chánh khách lũ lượt kéo về Thánh Địa như Trần văn Ân, Hồ Hữu Tường, Phan Khắc Sửu, Vũ Tam Anh... Đạo phải lập nhà Quốc Sự Vụ cho họ tá túc. Các khoa bảng như Trần văn Tuyên, Nhị Lang, Phạm Xuân Thái, Hồ Hán Sơn... Các trí thức khác làm trong các cơ quan Đạo hoặc dạy học như Chu văn Bình (tức Chu Tử), Trương Bảo Sơn (sau chủ nhiệm tạp chí Tân Phong), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Quyết..., nhứt là các thanh niên trong tuổi lính. Họ về Thánh Địa núp dưới bóng Đạo Kỳ kéo theo sự di cư của về Tòa Thánh.

Vì đó, số Tín đồ tăng lên đột ngột. Thống kê của Lại Viện năm 1953 có 1.500.000 Tín đồ (không kể các Chi phái). Đến năm 1954 tăng lên 2.500.000. Đó là những người Đạo trên 18 tuổi phải nhập môn lập thệ, có “Sớ Cầu Đạo” hẳn hoi, chưa kể vị thành niên. Nếu tính bình quân mỗi gia đình có năm người thôi, trừ cha và mẹ đã nhập môn, còn lại 3. Vậy số dân Đạo lúc đó là: $(2,500.000 \times 3) / 2 = 3.750.000$ người chia hai là tính cha mẹ trong một gia đình. Lúc bấy giờ dân số cả Miền Nam Việt Nam là 18 triệu.

Đền Thánh, bất cứ thời nào, như là thời Tý chập ních người, phải ngồi cả ngoài sân để cúng và nghe Đức Hộ Pháp thuyết đạo. Các Túc Ký viên đã ghi chép và sưu tập thành bộ năm quyển “Lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp”, dày trên một ngàn trang đã in cho cả năm quyển. Quý như là quyển “Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bí pháp”. Đó là quyển bí pháp của Đạo.

Với trên ba triệu bảy trăm năm chục ngàn giáo dân là cái gai nhọn chia vào mắt Ngô Đình Diệm, người có tham vọng làm Tổng Thống sau này.

Chương này nổi bật nhất là việc Khánh thành Tòa Thánh Tây Ninh. Một cuộc lễ long trọng vô tiền khoáng hậu về vang và hoành tráng như trong lịch sử Đạo Cao Đài, kéo dài hơn 10 ngày. Đức Phạm Hộ Pháp gọi đây là ngày “Đạo Cao Đài ra mặt Quốc Tế”. Vì trong ngày khai mạc lễ có đủ ngoại giao đoàn các nước và đồng chủ tọa với Đức Phạm Hộ Pháp là Thủ Tướng Chính phủ miền Nam Việt Nam đương thời, Ngô Đình Diệm.

Tương nên nhắc lại một chút quá trình xây cất Đền Thánh: Tháng 3-1927, Hội Thánh phải dời Thánh Tượng, cốt Phật Tổ từ chùa Từ Lâm (tức chùa Gò Kén) về làng Long Thành. Để có nơi thờ tự, Đức Cao Thượng Phẩm cất Thánh Thất tạm bằng cây và tranh.

Đến cuối năm 1933, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ) khởi công xây cất bằng bê tông cốt sắt. Công trình của ông còn lưu lại là chùa Cục Lạc Cảnh. Sau đó ông Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh mượn Kỹ sư Phan Hiếu Kinh lãnh làm lầu Hiệp Thiên Đài rồi cũng dở dang.

Trước tình hình bế tắc đó, cuối năm 1936, Đức Phạm Hộ Pháp bắt tay vào việc với khẩu hiệu “Bắt gió nắn hình” (tay không làm nên hình Thánh Thất). Đức Ngài kêu gọi Phạm Môn phát hồng thệ và thủ trình chấp hành sự chỉ dẫn xây cất của Ngài. Không Kiến Trúc Sư, không thợ lành nghề, làm tới đâu hỏi các Đấng chỉ tới đó. Trước, Đức Lý dạy xây lầu Hiệp Thiên Đài cao 36 mét, khi xây dựng xong chỉ có 27 mét, là vì phải tiết giảm cho nền móng chỉ chịu nổi sức nặng cao ngàn ấy thôi. Chiều dài, chiều ngang cũng tiết giảm, sau khi xây xong đo đạc mới thấy điều đó. Xây dựng tô vẽ, đắp tượng chỉ có mình Đức Ngài chỉ dẫn, có ai hỏi thì Đức Ngài bảo “các Đấng dạy”, mà không nhận sự tài giỏi của mình.

Ta tự hỏi: tại sao các vị trước đây, nhiệt tình như Đức Cao Thượng Phẩm; lắm tiền nhiều của như ông Huyện Thơ; đầy đủ học vấn như kỹ sư Kinh lại xây không thành? Chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp “bắt gió nắn hình” xây nên một Đền Thánh độc đáo với hình “Long Mã bá sư”. Bao nhiêu đó cũng đủ xứng đáng tôn vinh Đức Ngài lên ngai Hộ Pháp, mà không có ai dám mạo xưng hay tiếm vị Hộ Pháp của Đức Ngài. Khác hơn ngôi Giáo Tông, lắm người ham muốn, khiến cho nhà Đạo chia chi rẽ phái.

Đi xa trở về, mỗi lần nhìn lại Tòa Thánh, bạn nghĩ gì? thấy gì? và định làm gì để không hổ thẹn với người xưa?

28. Đức Phạm Hộ Pháp Lưu Vong Sang Cao Miên :

Sau Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954, nước VN bị phân chia thành 2 miền Nam, Bắc, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Miền Bắc chịu ảnh hưởng của khối thế lực Cộng Sản, Miền Nam chịu ảnh hưởng của khối thế lực Tư bản.

Đức Phạm Hộ Pháp thấy rõ sẽ có cuộc nội chiến tương tàn tương sát giữa 2 Miền Nam Bắc, nên Đức Ngài đưa ra chánh sách Hòa bình Chung sống, hòa giải 2 Miền, thống nhất với nhau bằng thương thuyết tương nhượng, nhưng không được chánh phủ 2 Miền ủng hộ, nhất là Ngô đình Diệm ở miền Nam dựa thế lực của nước Mỹ nhất định đánh Cộng Sản. Do đó, Ngô đình Diệm tìm mọi cách khủng bố Đức Phạm Hộ Pháp và trấn áp Đạo Cao Đài.

Đức Ngài bị cầm lỏng trong Hộ Pháp Đường suốt 4 tháng rưỡi, nhận thấy không có cách nào khác hơn được nữa, nên Đức Ngài quyết định lưu vong sang thủ đô Nam Vang của nước Cao Miên.

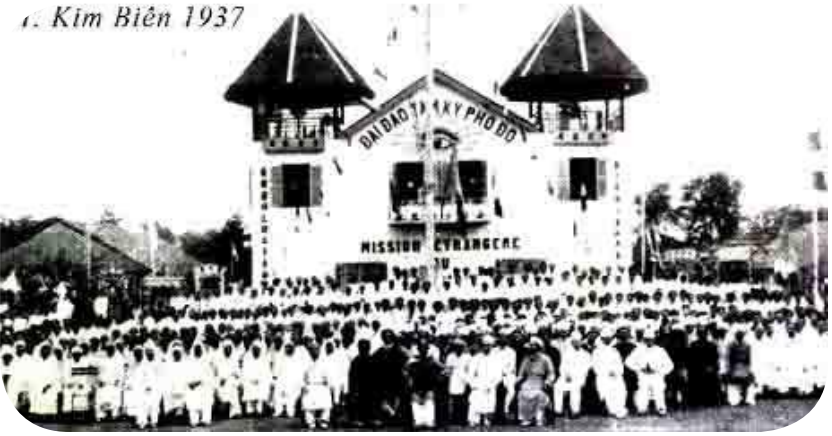
Đúng 3 giờ sáng ngày mùng 5-Giêng-Bính Thân (dl 16-2-1956), Đức Phạm Hộ Pháp cùng vài vị Chức sắc thân cận, lên xe hơi đi lên Nam Vang, Cam Bốt theo ngã Gò Dầu. trước phút ly hương Đức Ngài ký gởi nỗi lòng :

Khuất mắt không nhìn nước rẽ hai,
Nên cam chịu khổ tự lưu đây.
Biên thù binh cách còn đe dọa,
Quốc nội chủ quyền lắm đổi thay.
Trị loạn nhờ người dị chủng,
An dân lại cậy kẻ tay ngoài.
Cơ đồ nếu muốn ngày vinh hiển,
Cứu nước toàn dân phải trở tài.

Tuy Đức Ngài bị canh chừng nghiêm ngặt, lính tráng của phe Ngô đình Diệm đứng gác đầy đường, nhưng nhờ huyền diệu thiêng liêng che chở, xe hơi của Đức Ngài chạy đi không ai hay biết, tới chùng chúng phát giác được thì xe của

Đức Ngài đã qua khỏi biên giới VN và đã đến đất Cao Miên.

Kim Biên 1937



Thánh Thất Kim Biên (1937)

Đức Ngài xin Hoàng Thân Sihanouk cho tị nạn tại Cao Miên, và xin ở tại Thánh Thất Kim Biên, Nam Vang.

ĐỨC HỘ PHÁP BAN PHÉP LÀNH Báo Ân Đường - Kim Biên - Cao Miên Quốc

Đêm nay là khởi đầu Tết, tức nhiên cả thầy chúng ta đều thêm một tuổi, gọi là năm mới, Bàn đạo giảng có chuyện vui lắm, nghe tức cười lắm, nên dặn đi cho đông dặng nghe việc Bàn đạo học Bí pháp của Đức Chí Tôn truyền năm Bính Dần.

Rằm tháng 10 năm Bính Dần là năm mà Đức Chí Tôn đến đặng khai đạo tại Từ Lâm Tự, tức là chùa Gò Kén, rằm tháng 10 Bính Dần mở đạo đến Tết Đinh Mão, đêm 30, có lẽ khi cũng giờ này, cúng đàn rồi, thì Đức Chí Tôn giáng cơ.

Bàn đạo và anh Cao Thượng Phẩm phò loan cho Đức Chí Tôn đến. Đến rồi, vừa ký tên của Ngài (ký đặc biệt) cho

chúng tôi hiểu. Ngài xách hai đũa đứng dậy hết, không biết làm gì, xô ra chính giữa, rồi viết trên không vậy, đoạn biểu cả con cái của Ngài đều chun ngang dưới cơ đó hết đặng Ngài ban Phép lành. Khi xong, hai đũa đứng dậy, mỗi người đều chun dưới cơ vậy hết. Hễ chun qua, Ngài vẽ gì đó không biết trên đầu mỗi người. Đó là cái huyền bí của Đại Từ Phụ, mình không hiểu gì hết. Tới chừng rồi lại kêu: “TẮC, con coi đó đặng bắt chước Thầy nghe.”



Thiệt, Bần đạo không hiểu gì hết, bắt chước nhưng làm sao giáng cơ như Ngài, rồi cũng vẽ như vậy sao? Không biết mà không dám hỏi. Lâu quá rồi khi đó giáng cơ nữa, dạy nữa.

Bần đạo hỏi:

- Dạ thưa Thầy, hôm Tết Thầy ban Phép lành cho cả con cái của Thầy mà Thầy biểu con coi đó đặng bắt chước, nhưng bắt chước làm sao mới được chớ? Con có thể giáng cơ như Thầy được đâu mà bắt chước?

Đức Chí Tôn cười Ngài mới chỉ cái bí pháp ban Phép lành là làm như vậy, và giải nghĩa. Ngài nói: cái ấn tạo Càn Khôn Vũ Trụ là cái ấn Thái Cực với Lưỡng Nghi, nó thuộc về vô hình thể, tức nhiên về khí chất nên không hữu hình tướng, duy có cái ấn Tứ Tượng với Bát Quái, hễ hiển xuất ra rồi thì vạn linh mới xuất hiện ra. Ấy vậy, con đưa cái ấn Tứ Tượng với Bát Quái ra, con trụ cả cái nguyên khí của Càn Khôn Vũ Trụ rồi con phân phát lên đầu mỗi đứa, vậy là ban Phép lành đó.

Nếu không nói rằng: Hễ con đưa nó lên đó, rồi ngươn pháp của con đó nó hiệp lại với huyền khí tối linh của Thầy tức nhiên là cái quyền Chí Tôn của Thầy đó, thì cả con cái của Thầy mới được hưởng cái hồng ân đặc biệt về hồn về phách và xác thịt của nó.

Nghe nói vậy, Bàn đạo mới hỏi:

- Bây giờ ấn Tứ Tượng ra sao? Ấn Bát Quái ra sao?

Thầy trả lời: Tay này để trên tay kia thành chữ thập là Tứ Tượng, rồi cái này có 8 cái cung của nó, tức nhiên là Bát Quái đó vậy. (Đức Hộ Pháp đưa hai tay ra làm kiểu mẫu) Rồi biểu để vậy đưa ra.

Bàn đạo cũng đưa ra mà không hiểu biết, nên đưa tay ra trợ trợ mà không làm gì trong đó hết.

Ngài nói cái pháp thủ để như vậy, nhưng Bàn đạo không biết làm sao. Vì tự thuở trước, Bàn đạo theo đạo Thiên chúa, đâu

có tin gì thứ đó. Đạo Gia Tô mà tin thứ đó đâu có được, từ nhỏ chí lớn là đại kỵ đó mà. Ngài bắt làm cái vụ này, Bàn đạo cũng đưa ra, rồi không làm gì hết.

Sau bữa đó, Ngài thấy mỗi khi làm trật rồi Ngài lại rầy, Ngài nói: Con đưa ra cũng như không, cũng như khúc củi thôi.

- Dạ thưa Thầy, vậy chớ làm sao, con có biết đâu.

Ngài nói: Ồ, Thầy dặn con để pháp thủ như vậy.

- Đưa ra thì con cũng đưa ra chớ biết sao giờ.

Ngài nói: Con không trụ cái điển lực của con vô trong đó, trong pháp thủ của con, tức nhiên truyền thần vô đó, thì nó làm sao huy động trong Càn Khôn Vũ Trụ đặng? Không hành chơn pháp thì có gì hy vọng đâu? Giả tử như máy truyền thanh thấu thanh của con hát đó chớ gì, hễ đưa nó ra, nó phải rung động mới được, là xao động cả Càn Khôn Vũ Trụ chớ. Đàng này con đưa ra như khúc củi, có làm gì đâu?

Bàn đạo hỏi: Truyền thần có phải như thể con phò loan hôm nọ, phải truyền thần, cơ mới lên phải không?

Ngài nói: Thì vậy chớ sao!

Hôm trước Thầy không có nói, Thầy nói chỉ có một lần thôi, dặn ban phép tới kẻ cùng đình.

Bàn đạo mới tò mò hỏi: Cái đó là sao?

Ngài nói: Không có gì. Con ngó thấy máy truyền thanh, máy thấu thanh bây giờ trước mắt đó là cho máy con dễ hiểu. Con nói tiếng là nó có thể thấu được. Bây giờ con có thể đứng ra huy động thì cả Càn Khôn này nó linh động chớ gì, mà khi nào cái pháp thủ của con nó linh động thì cái chơn pháp của

Thầy thiết hiện cho cái pháp thủ của con, rồi cả khối sanh lực Càn Khôn Vũ Trụ lại đó, rồi mới đưa tay ra như vậy, con rải trên đầu của mỗi đứa thì mỗi đứa hưởng, chớ có gì đâu.

Tại Bần đạo chưa hiểu tới chỗ đó, khi hiểu được điều đó mới có làm bây giờ đây, không thôi đâu có biết đâu mà làm. Hạng nhứt là những ấn khuyết thì lúc đó là đại kỵ với Bần đạo, vì Bần đạo không ưa thứ đó. Bần đạo đâu có phải thầy phù thầy pháp gì mà ưa. Gốc là Gia Tô giáo nên Bần đạo đâu có ưa thứ đó, nhưng biểu làm thì làm.

Nhưng cái ấn mà Đức Chí Tôn đưa cho đặng ban Phép lành cho con cái của Ngài đến nay là trọng yếu hơn hết mà mai sáng đây, thì mấy người sẽ đến mừng tuổi, Bần đạo sẽ ban Phép lành cho, để tề tựu lại cho đông thiên hạ. Không biết chừng có người ngoài họ đi đâu lồi đó, rồi làm bất tử, họ cũng hưởng được, cũng đỡ lắm chớ. Minh làm chuyện phước đức bất ngờ phải vậy không?

Thôi để mai rồi ban Phép lành, đêm nay nghỉ, sáng mai tựu lại cho có mặt đầy đủ rồi sẽ ban Phép lành. Nhớ à! Ai không có mặt không được hưởng thì chịu à!”

(Trích Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Báo Ân Đường - Kim Biên - Cao Miên Quốc do Liên Thanh Sư Tập).



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

(Tam Thập Nhứt Niên).

TÒA THÁNH TÂY NINH.

HỘ PHÁP ĐƯỜNG.

VĂN PHÒNG.

SỐ: 100/HP.HN

BẢN TUYÊN NGÔN

Gửi cho:

- . Toàn thể Chức Sắc Thiên Phong.
- . Hội Thánh Nam Nữ Hiệp Thiên, Cửu Trùng Phước Thiện và Phạm Môn,
- . Cùng cả con cái Đức CHÍ TÔN Nam Nữ Lương phái.

Trong lúc lưu vong nương náu nơi nước người đặng thi hành mục đích thiêng liêng cứu dân cứu nước, Bản Đạo rất ân hận buộc mình phải phé vong phận sự đối với Đại Gia Đình Thiêng Liêng của Đại Từ Phụ đã giao phó. Bản Đạo chỉ cầu nguyện Ôn Trên ban bố hồng ân cho cả con cái của Đạo biết trọng danh Đạo của mình trong khuôn luật của Đức Chí Tôn đã lập giáo là “Bác Ái và Công Bình”.

Nền giáo lý cao siêu của Đức Chí Tôn chính tay đã lập là ngọn cờ cứu khổ của Đời thì những hành vi nào phi ân bội nghĩa lẽ dĩ nhiên nghịch hẳn với Thánh Ý của Người, các phần tử của đại gia đình thiêng liêng ấy, dầu đôi ba triệu người, phải làm thế nào như một mới đảm nhiệm được phận sự tối yếu, tối trọng của Người đã giao phó là cứu thế độ đời. Ta thử nghĩ, nếu trên không thuận dưới, dưới chẳng hòa trên

thì số mạng của nền chơn giáo của Người mới ra sao dưới mắt thế gian dòm ngó.

Cái hại thường tình của một gia đình thì táng gia, của một nước thì táng quốc, của nền Đạo thì suy vi, do bởi phân tâm nghịch ý. Nạn bội phản của Đạo đã lắm phen làm cho chinh nghiêng pháp chánh; ô uế chơn truyền mà ta xem kỹ lại coi đã có phen nào làm cho mất uy danh của Đạo chẳng? Bất quá là một luồng gió thoảng qua giữa càn khôn vũ trụ vậy thôi.

Bản Đạo đã đề trọn tín nhiệm nơi toàn con cái của Đạo đủ khôn ngoan, sáng suốt, nhận định thời thế, thế nào để liệu phương xoay trở vậy thôi.

Bản Đạo lấy làm đau đớn đề lời thống thiết yêu cầu toàn con cái của Đạo nếu biết trọng danh giá của mình, phải biết trọng tinh thần danh giá của Đạo.

Chủ quyền của Đạo còn thì Đạo mới còn, chủ quyền của Đạo mất thì Đạo phải mất. Đức Chí Tôn đến để lập Thánh Thể của Ngài tức là Hội Thánh, cốt để thay hồn thay xác của Ngài đặng làm Anh, làm Cha, làm Thầy của toàn con cái yêu dấu của Ngài, thì quyền hành ấy phải đặng tôn kính mới bảo thủ sanh tồn nơi cửa Đạo; ngược lại là ta vô tâm đeo đuổi uy quyền tìm phương diệt Đạo.

Nếu cả mấy bạn, mấy em, mấy con từ trên xuống dưới, biết thương Bản Đạo là một kẻ tượng trưng cái khối ưu ái vô biên của Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu thì Bản Đạo gởi cả sự ưu ái ấy nơi lòng của mỗi người hầu hòa thuận cùng nhau đặng đủ phương bảo tồn luật Đạo.

Trong khi vắng mặt, Bản Đạo đã phú thác toàn quyền cho

Hội Thánh thì ai phạm tới quyền ấy, tức nhiên một cách gián tiếp phạm đến quyền của Bản Đạo, mà quyền ấy chỉ là quyền hành ưu ái vô biên của Bản Đạo đó mà thôi.

Thiếu Tướng Văn Thành Cao phải tiếp tục thi hành phận sự mà Bản Đạo đã giao phó.

Toàn bộ Hội Thánh Nam Nữ Lương phái phải triệt để thi hành phận sự của Bản Đạo đã giao cho đến ngày Bản Đạo trở về cố quốc.

Cả Tín đồ Nam Nữ Lương phái phải nhứt tâm nhứt đức tôn trọng chủ quyền của Đạo mới có thể giúp sức Bản Đạo trong phận sự cứu vãn tình thế nước nhà.

Sự trở về ấy mau hay chậm là do Đại Gia Đình Thiêng Liêng của Bản Đạo quyết định.

Kiên Biên, Ngày 12- 2 Bính Thân
(23/ 3/ 1956).

HỘ PHÁP

PHẠM CÔNG TẮC

(Ấn Ký).

TB: Hội Thánh phải ấn hành gởi Toàn Đạo.

29. Những Hoạt Động Cuối Đời :

Với tấm lòng thương đời mến Đạo cố hữu, Đức Ngài dù sống tạm yên nơi Báo Ân Đường (Nam Vang), vẫn cho tiến hành hai phương án:

1*- Một nhóm do Sĩ Tài Bùi Quang Cao, Thiếu Tá Thoại, Cả Bạch (Hồ Thái Bạch) lập bản dự thảo Chánh Sách Hòa bình Chung Sống.

2*- Nhóm thứ hai do Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi và các Chức Sắc thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo lo vật liệu xây cất Báo Ân Đường vì phần đất Báo Ân Đường cũ bị nhà cầm quyền Cao Miên trưng thu vào lợi ích công cộng. Không mấy tháng, nhờ công thợ Tòa Thánh sang, ngôi đền thờ đã xây xong về cơ bản, chỉ còn đồ la-phông và nóc là hoàn tất.



Đức Hộ Pháp - Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa
(Thánh Thất Kim Biên)

Ngày 26-03-1956, Đức Hộ Pháp ban hành “Chánh Sách Hòa bình Chung Sống”; do dân, phục vụ dân, lập quyền dân. Cương lĩnh gồm ba điểm chánh yếu:

1. Thống nhất lãnh thổ và khối dân tộc Việt Nam với phương pháp ôn hòa;
2. Tránh mọi cách xâm phạm nội quyền Việt Nam;
3. Xây dựng hòa bình hạnh phúc và tự do dân chủ cho toàn dân.

Chánh Sách này không làm ngăn trở một chánh quyền nào, mà cũng không tranh lấy chánh quyền, không chống báng chánh quyền, cốt chỉ để cứu nhơn loại khỏi vòng tội lỗi giết hại lẫn nhau. Đúng với tiêu chuẩn nhơn nghĩa của một Tôn Giáo.

Sở dĩ, Đức Phạm Hộ Pháp tuyên ngôn “Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống” (ngày 26-3-1956) là vì hai khối cộng sản và tư bản đấu tranh càng quyết liệt. Trong nước, chánh quyền Ngô Đình Diệm ra sức phá hoại hiệp định Genève, từ chối hiệp thương với chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa về việc tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam, nhằm phân chia lâu dài là một thiệt thòi lớn cho con Hồng cháu Lạc.

Để thực hiện Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, Ban Túc Trục Bến Hải được thành lập, ngày 17-4 năm Bính Thân (1956), vị Trưởng phái đoàn Lê Văn Thoại đã cầm được cờ Nhan Uyên (Nhan Uyên kỳ là cờ trắng của Thầy Nhan Hồi dùng để khi nòi giống xô xác thì trương lên giải hòa) trên nhịp thứ hai cầu Hiền Lương thuộc sông Bến Hải, ông Thoại bị mật vụ Ngô Đình Cẩn bắt ngay tại Quảng Trị và ba người khác: Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Lợi và Nguyễn Quốc

Đại cũng bị cảnh sát bắt tại bến xe tỉnh này. Tất cả nhóm 4 người đều bị giam tại Lao xá Thừa Thiên trên 3 năm mới được trả tự do.

Cảnh sát Thừa Thiên còn bắt Giáo Sư Thượng Cao Thanh (Mã Tăng Cao), Khâm Trần Đạo Cao Đài Thừa Thiên vì bị tình nghi chứa chấp và đưa đường Ban Túc Trục tới Bến Hải. Ông chết trong ngục tại Huế.

Chánh sách này hoạt động âm ỉ trong giáo phái Cao Đài Tây Ninh. Vào ngày 23-10-1961, Sĩ Tải Phạm Duy Nhung thừa ủy nhiệm của Đức Hộ Pháp họp báo tại nhà hàng Soái Kinh Lâm (Chợ Lớn) trước báo chí, đài phát thanh trong và ngoài nước, ông công bố các bức thư gửi cho các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ có đoạn viết:

“Chúng tôi tin tưởng vào sự chân thành của quý quốc với đại danh là liệt cường luôn luôn có ý chí giúp đỡ dân tộc chúng tôi mà không vụ lợi”. Ông bị chánh quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết. Phong trào Thánh Xa Thơ ngày càng lên mạnh. Các ông Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương, Thừa Sĩ Phan Hữu Phước... đều bị bắt từ đây và đều bỏ mạng trong tù.

Tính số, có trên hai ngàn chức sắc, chức việc và tín đồ trên toàn quốc bị bắt giam cầm. Đức Hộ Pháp có lập danh sách gửi đến Hội Nhân Quyền nhờ can thiệp mà không kết quả.

Để bù lại, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc và các cường quốc nhiệt tình hoan nghinh Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống. Có thể liệt các văn thư, phúc thư dưới đây:

* 21-04-1956 – International Commission for Supervision and Control Cambodia do ông S.C. ấn ký.

* 24-04-1956 – Président du Conseil Guy Mollet, đó là tên của Thủ Tướng Pháp ấn ký.

* 26-04-1956 – Pierre Mendès France, Quốc Vụ Khanh Pháp ấn ký.

* 2-05-1956 – United Nations, New York (Chef de Section Département des Affaires Politiques et du Conseil de Sécurité) ấn ký.

* 3-05-1956 – Haut Commissariat de la République Française du Cambodge do ông Pierre Gorce ấn ký.

* 14-05-1956 – United Nations (Liên Hiệp Quốc), New York, do ông Pedro L. Yap ấn ký.

* 16-05-1956 – Norodom Sihanouk Upayuvareach do Quốc Trưởng Norodom Sihanouk ấn ký.

* 19-05-1956 – Office of the President of the Philippines do ông Fort Unato de León ấn ký.

* 4-01-1958 – Cụ Tôn Đức Thắng, Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam mời Đức Hộ Pháp ghé thăm Hà Nội vào xuân Mậu Tuất.

Trước tình hình đó, Ngô Đình Diệm ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tổ chức lễ chào mừng tiếp nhận “Hiệp Ước Bính Thân” mà Bảo Thế Lê Thiện Phước đã ký với Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ vào ngày 17-1- Bính Thân (28-2-1956) xác nhận tách rời chánh trị ra khỏi Đạo Cao Đài. Thực chất là để phô trương thanh thế chánh quyền nhằm thị uy, đàn áp tinh thần giáo dân Cao Đài.

Giáo dân bị bắt buộc tham gia mít tinh, bắt mũn tỏ thái độ bất kính, nên Ngô Đình Diệm bực mình khiển trách hai viên

Tỉnh Trưởng và Trưởng Ty Cảnh Sát rời về Sài Gòn. Nhân đó giáo dân thừa thế tấn công các phóng viên quay phim lấy cớ họ xâm phạm chỗ tôn nghiêm, thật ra chiếm lấy các cuộn phim quay cuộc lễ.

Vì đó, Ngô Đình Diệm ra lệnh thẳng tay đàn áp bắt bớ các tín đồ Cao Đài. Đến ngày 17-9-1956, Diệm cho mở chiến dịch Trưng Tán Bửu gồm chín bước, kéo dài trong 150 ngày đêm, nói là “tổ cộng”. Nhưng thực chất là diệt Đạo Cao Đài. Đầu tiên làm thí điểm ở xã Phước Vinh (Hảo Đước), mật vụ của Diệm bắt 4 người lính Cao Đài cũ nói là Việt Cộng nằm vùng. Giáo dân Cao Đài phản đối kịch liệt họ phải thả bốn người này.

Tại Nhà Du Khách Sạn bị mật vụ Diệm chiếm đóng không ngày nào họ không bắt người tra khảo xem coi có liên lạc gì với Đức Phạm Hộ Pháp. Chiến dịch kết thúc mà không đạt ý muốn vì người tín đồ ngậm miệng chịu tra tấn tù đầy để giữ vẹn niềm tin.

“Mặc dù bị đàn áp gắt gao, khí thế của giáo phái Cao Đài vẫn mạnh mẽ, khiến đầu năm 1957, anh em họ Ngô phái đại diện đi Nam Vang gặp giáo chủ Phạm Công Tắc thương thuyết, mời về hợp tác.

“Vị Giáo chủ Đạo Cao Đài đưa điều kiện đòi Tổng Thống Diệm phải thả hết những người Cao Đài bị giam giữ, chấm dứt chiến dịch gọi là Tổ Cộng, để bắt bớ các tín đồ tôn giáo, ngưng hẳn đàn áp các giáo phái, ban hành các tự do dân chủ, và thành lập chánh quyền liên hiệp quốc gia.

“Không mua chuộc, dù dỗ được giáo chủ Phạm Công Tắc, anh em Tổng Thống Diệm tiếp tục chánh sách kỳ thị tôn

giáo”. (Hoàng Trọng Miên, – Đệ Nhất Phu Nhân, Tập I)



Đức Hộ Pháp Ban Phép Lành Cho Bốn Đạo Tại Báo Ân Đường, Thánh Thất Kim Biên, Cao Miên Quốc năm 1957



Nhân ngày vía Đức Chí Tôn năm Đinh Dậu (1957), Tổng Thống Ngô Đình Diệm đưa tiền mua chuộc một số người kêu gọi giáo dân mít tinh, trung hình Đức Hộ Pháp và các biểu ngữ: “Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan” và “Đạo không đời không sức, đời không Đạo không quyền”. Một số người nhẹ dạ nghe lời tuyên truyền của cán bộ thông tin “Ngô Tổng Thống đã chấp thuận Đạo Cao Đài là quốc Đạo” v.v...

Nhưng nhóm Hòa Bình Chung Sống đã hay tin sự từ khước trở về Việt Nam của Đức Hộ Pháp, nên họ phản tuyên truyền, biến cuộc mít tinh “Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan” thành cuộc biểu tình đòi dân sinh dân chủ, chống bọn phản Thầy phản Đạo theo Diệm. Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Vàng đành đầu dụ rồi giải tán cuộc mít tinh. Sau đó họ tìm bắt các người chủ trương chống kế hoạch làm cho cuộc mít tinh bị phá vỡ.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm còn cử phái đoàn Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ lên Tòa Thánh áp lực Hội Thánh lấy tro Đức Cường Để tại Báo Quốc Từ. Một số chức sắc buộc phải làm biên nhận việc lấy tro cốt, mượn danh nghĩa là đưa về Huế thờ, thật sự là đào tận rễ không để chút di tích chánh trị nào giữa nhà Nguyễn và Hội Thánh Cao Đài. Đồng thời Ngô Đình Diệm cho chiếm luôn Nhà Du Khách Sạn (vốn của Đạo), trước cửa chánh môn Tòa Thánh, tăng cường thêm mật vụ để dò la các tín đồ Cao Đài thường tới lui cúng kiếng. Mọi việc diễn biến ở Tòa Thánh đều được báo cáo đầy đủ lên Đức Phạm Hộ Pháp ở Nam Vang.

Trong thời gian lưu vong, Đức Ngài ban hành nhiều văn bản như sau:

1. Thư gửi Chủ tịch Liên Hiệp Quốc và Thủ Tướng Chánh

phủ và các cường quốc đề ngày 20-03-1956.

2. Gửi cho toàn Đạo, Chức Sắc Thiên Phong, Hội Thánh nam nữ Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Phước Thiện và Phạm Môn, cùng cả con cái Đức Chí Tôn nam nữ lưỡng phái, đề Kim Biên ngày 23-03-1956.

3. Chánh Sách Hòa bình Chung Sống, đề ngày 26-03-1956.

4. Bản Tuyên Ngôn ngày 30-04-1956, trong đó nói rõ lý do lập quân đội Cao Đài và từ đây bắt kỳ quân lực nào mượn danh Đức Ngài đều giả dối.

5. Thư gửi chư Đại Đức toàn thể các Tôn Giáo, đề ngày 3-11-1956.

6. Thư gửi cho cụ Hồ Chí Minh, Chủ Tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa và cụ Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, ngày 28-03-1956 và một bức thư khác đề ngày 26-04-1956.

Để phúc đáp, cụ Hồ Chí Minh, Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, từ Hà nội gửi điện văn cho Đức Phạm Hộ Pháp, nội dung bức điện tín như sau:

Kính gửi:

Hộ Pháp Phạm Công Tắc

Phnom Penh

Tôi trân trọng cảm ơn bức điện cụ gửi tôi ngày 26.04.1956 và thành thật hoan nghênh cụ đã tỏ ý mong muốn nước Việt Nam ta được hòa bình thống nhất. Chánh phủ Việt Nam dân chủ Cộng Hòa, toàn dân ta từ Bắc chí Nam, trong nước và ngoài nước đều đang cương quyết và bền bỉ đấu tranh để

thực hiện nguyện vọng tha thiết của dân tộc, là làm cho Việt Nam ta được hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phải khó khăn và phức tạp song toàn dân đoàn kết một lòng, cương quyết phấn đấu, cho nên nhất định sẽ thắng lợi.

Tôi xin gửi cụ lời chào trân trọng.

Hà Nội, ngày 21.06.1956

Hồ Chí Minh

Chủ Tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
(ấn ký)

Đến ngày 4.01.1958, Chủ Tịch Tôn Đức Thắng gửi thư mời Đức Hộ Pháp ra thăm Hà nội. Nội dung như sau:

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam

Kính gửi:

Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc
Phnom Penh

Chúng tôi vui mừng được biết ý định của Ngài muốn đến Hà nội thăm đồng bào và Tín đồ Cao Đài ở miền Bắc.

Vậy chúng tôi, Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam và cá nhân tôi, trân trọng mời Ngài đến Hà Nội nhân dịp Tết Nguyên Đán Mậu Tuất.

Xin gửi đến Ngài lời chào thân ái, đoàn kết.

Kính chúc Ngài và đồng bào Cao Đài luôn luôn mạnh khỏe.

Hà Nội, ngày 4.01.1956

T.M. Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ Tịch Đoàn

Tôn Đức Thắng

(ấn ký)

IV. Qui Thiên

30. Đức Phạm Hộ Pháp Qui Thiên :



Thái Tử Norodom Sihanouk, Cambodia Tiếp kiến Đức Phạm Hộ Pháp

Trong thời gian lưu vong tại Nam Vang, Đức Phạm Hộ Pháp cố gắng vận động thực hiện Chánh sách Hòa bình Chung sống của Đức Ngài, nhưng lãnh đạo của mỗi Miền VN đều có đường lối và tham vọng riêng, nên tiếng kêu của Đức Ngài không được hưởng ứng.

Đức Ngài vì tuổi già sức yếu, quá lao tâm lao lực với nền Đạo, lại bị đày đọa quá khổ cực trong hơn 5 năm đồ lưu nơi hải đảo, ngày nay lại mang tâm bệnh nơi lòng, Đức Ngài cảm thấy giờ qui Thiên sắp tới, nên Đức Ngài làm một văn thư thỉnh cầu gọi Hoàng Thân Sihanouk, cho Đức Ngài tạm gọi thi hài nơi đất Miên dưới sự bảo vệ của Hoàng gia Miên, đồng thời, Đức Ngài cho gọi các Chức sắc và bôn đạo tới bên giường bệnh để Đức Ngài di chúc:

BẢN DI NGÔN GỎI HOÀNG THÂN NORODOM SIHANOUK.

Thưa Điện Hạ,

Bản Đạo gọi những dòng chữ này đến Điện Hạ trên giường bệnh của Bản Đạo (bệnh viện Calmette). Sức khoẻ của Bản Đạo càng ngày suy giảm và Bản Đạo nghĩ không còn sống bao lâu nữa.

Vậy Bản Đạo gọi lần cuối cùng đến Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên tất cả lời cảm tạ chân thành về sự khoan đãi rộng rãi của Điện Hạ và chánh phủ Hoàng Gia dành cho Bản Đạo với đoàn tùy tùng và cho tất cả tín đồ của Bản Đạo.

Bản Đạo thành tâm cầu nguyện Thượng Đế Cao Đài và Phật Tổ ban hồng ân che chở Vương Quốc Cao Miên và cho Điện Hạ để chóng thực hiện và nhất là thành công về vang chánh sách Hoà Bình Trung Lập và Chung Sống Hoà Bình. Chánh sách đặc biệt ưu ái của Bản Đạo và vì nó mà Bản Đạo phải hao tổn sức khoẻ và cuộc đời của Bản Đạo mà không thể thực hiện được.

Bản Đạo thành tâm ước mong rằng Tổ quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam, có thể đeo đuổi Chánh sách ấy trong một ngày gần đây, tay bắt tay cùng đi cùng với nước Cao Miên trong đường lối thương yêu và cộng đồng giữa các sắc dân và nhất là giữa hai dân tộc Miên-Việt.

Bản Đạo sẽ hoàn toàn sung sướng được yết kiến lần cuối cùng với Điện Hạ để bày tỏ tất cả những lời cảm ơn của Bản Đạo nhưng Bản Đạo không biết sức của Bản Đạo còn chờ được hay không ngày về của Điện Hạ. Dầu sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, nhưn danh lòng thương yêu và tình huynh đệ giữa hai dân tộc Cao Miên và Việt Nam, Bản Đạo cung kính xin Điện Hạ như một ân huệ đặc biệt và cuối cùng cho Thánh Thất chúng tôi khỏi chịu dưới lệnh phá huỷ, để giữ kỷ niệm độc nhất của Bản Đạo nơi đất Miên.

Để giúp Điện Hạ có một khái niệm đúng đắn về tình hình qua, Bản Đạo trân trọng gửi đến Điện Hạ một bản sao đơn khẩn cầu của Bản Đạo vừa chuyển lên Hoàng Thượng.

Phản khác, nếu Bản Đạo thoát kiếp nơi đây, Bản Đạo xin thỉnh cầu Điện Hạ cho phép Bản Đạo tạm gởi thi hài nơi đất Miên dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng Gia Cao Miên. Ngày nào tổ quốc thân yêu của chúng tôi là nước Việt Nam đã thống nhất, hoặc sẽ cùng theo đuổi Chánh Sách Hoà Bình và Trung Lập, mục phiêu của đời sống Bản Đạo, tín đồ của chúng tôi sẽ di thi hài về Toà Thánh Tây Ninh.

Bản Đạo khẩn cầu Điện Hạ và Chánh phủ Hoàng Gia, sau khi Bản Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cho cả thiện nam tín nữ của Bản Đạo, sự khoan đãi rộng rãi và các sự dễ dãi như trước để tu hành theo tôn giáo của chúng tôi. Biết rằng Điện Hạ sẽ chiếu cố đến đơn thỉnh cầu này, Bản

Đạo sẽ thanh thản nhắm mắt đem theo cái kỷ niệm dịu dàng nhất trong đời của Bản Đạo.

Cung kính xin Điện Hạ chấp thuận lòng tri ân vĩnh viễn của Bản Đạo.

Nam Vang, ngày 14-5-2959.

Hộ Pháp.

Phạm Công Tắc.

No.226 Phlaurv Preah Bat Norodom à Phnom Penh

Ngày mừng 10-4-Kỷ Hội (dl 17-5-1959), lúc 13 giờ 30 phút, Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác qui Thiên, để lại bao mối tiếc thương trong lòng người tín đồ Cao Đài, trước một bậc vĩ nhân đã hiến trọn đời mình khai sáng và xây dựng nền Chơn giáo của Đức Chí Tôn.

Đức Ngài hưởng thọ được 70 tuổi. Thê xác được liệm vào liên đài, nhập Bửu tháp tạm, xây ngay phía sau Thánh Thất Kim Biên, Nam vang.

Kể từ ngày Đức Ngài lưu vong sang Cao Miên, ngày 5-Giêng-Bính Thân (dl 16-2-1956), cho đến ngày Đức Ngài qui Thiên, 10-4-Kỷ Hội (dl 17-5-1959), Đức Ngài ở nơi đất cao Miên được 3 năm 3 tháng.

Đêm mừng 10-4-Kỷ Hội, lúc 10 giờ 45, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Sĩ Tải Bùi quang Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ, dặn dò công việc tế lễ và cho bài thi tạm làm bài Thái hiến là:

Ba năm xa cách để chờ may,
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.
Chí muốn cao bay trong một kiếp,
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.

Đã đành danh phận còn xa thăm,
Nhưng đứng mà râu chẳng mấy may.
Một kiếp vì đời tua găng trả,
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.

Đêm 13-4-Kỷ Hợi, Ngài Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ cho bài Thái khác, thay bài Thái trước, dùng hiến lễ Đức Ngài mãi về sau này :

Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vui.
Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
Tô điểm non sông, Đạo lẫn Đời.

Ngay sau khi Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên, ở bên nước Pháp, Nữ Đồng Tử Sarah Barthel tại thủ đô Paris, đã nghe được tiếng nói từ cõi thiêng liêng về sự liễu đạo của vị Giáo Chủ Đạo Cao Đài. Bà ghi lại trong Bài Chứng Nghiệm, đăng trên báo Le Lien des Cercles d'Etudes số 4 tháng 5-6 năm 1959, xuất bản tại Paris, được dịch ra sau đây :

Sự qui thiên của vị Giáo Chủ Hoàn Cầu của Đạo Cao Đài-Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc

Đẻ liên hiệp tất cả đệ tử Thần Linh Thế giới,
Chúng ta hãy than khóc, nhưng vẫn hy vọng !

Hỡi các đệ tử Thần Linh Tây phương ! Đối với anh chị em ta bên phương Đông và Viễn Đông, chúng ta có bốn phận

là hiệp tinh thần trong việc hợp tác huynh đệ để tìm biết về Vô hình.

Một tiếng nói trên không trung từ cõi vô hình nói với tôi :

“Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả và tình yêu này chỉ là một với tình yêu cả nhơn loại lẫn vũ trụ.

Tiếng nói ấy là tiếng nói nào mà nó thoát ra ngoài vật thể và nó ở ngàn chỗ trên thế giới địa hoàn để cho tâm hồn yên lặng và mở rộng đều có thể nghe được, dầu họ ở phương Đông cũng như phương Tây, hoặc ở phương Bắc, cũng như phương Nam, họ chờ đợi tiếp nhận những lời Thánh giáo giống nhau, trạng tỏ rõ sự thỏa hiệp của tâm hồn.

Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc vừa qui Thiên ngày 17-5-1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại Chùa Tual Svay Prey, ở hộ đệ ngũ thuộc Châu thành Nam Vang . . .

Đúng giờ đã định, những vị Thiên Thần cầm cây tàn vàng tới đón rước Ngài, và các Hung Thần bị xua đuổi ra xa tít, hợp thành một lần đen xa thẳm, như đóng khung không hện mà nên cho một cảnh giới thiên nhiên càng mở rộng thêm mãi.

Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc Thiên phục đỏ, lớp Thiên phục xanh dương, lớp nữa Thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng.

Những vị Thiên phong sắc phục trắng nói rằng : Tiết độ là mối tình thương yêu làm chúng ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến.

Những vị Thiên phong sắc phục xanh dương nói : Thận trọng

là mối tình thương yêu, phân biệt điều gì đưa đẩy chúng ta đến chỗ thiện và điều gì có thể lôi kéo chúng ta đi xa chỗ thiện.

Những vị Thiên phong sắc phục vàng lúc bấy giờ nói : Công bình là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái.

Sau chót, những vị Thiên phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố : Dũng lực là tình thương yêu giúp ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến.

Bốn lớp người nói xong thì tiếng nói của Đấng Thượng Đế, tiếng nói ở trong Tâm của mỗi người, dầu ở Thiên giới hoặc Địa giới, hay ở Trung giới, tiếng nói ấy đã phán :

“ Trong 4 màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ Pháp Phạm công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.”

Ngày 17-5-1959, hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong Đại Cơ quan Đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên.

Nữ Đồng tử Sarah Barthel

20 đường Alibert, Paris X ème

(Trích trong quyển Hình ảnh Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui Thiên do soạn giả Nguyễn văn Hảo xuất bản năm 1967)

31. Nguyên Căn Của Đức Phạm Hộ Pháp :

* Theo tài liệu của Thừa Sứ Phạm Ngọc Trấn viết lưu lại,

Đức Phạm Hộ Pháp có kể cho Ông nghe, thuở nhỏ, Đức Ngài có lần nằm mê xuất Chơn thần về Bạch Ngọc Kinh nơi cõi thiêng liêng gặp Đức Chí Tôn.

“ Thuở nhỏ, Đức Hộ Pháp còn đi học, có một lần nằm mê luôn 2 ngày. Lúc xuất Thần ra đi, Ngài có một người Em thiêng liêng vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống rước Ngài về. Ngài cùng đi với người Em đến cửa Bạch Ngọc Kinh thì thấy 8 con gì như con chó xù, to lớn mạnh mẽ coi đáng ghê sợ, có con nằm đưa bàn chơn trước ra ngang ngựa giữ cửa, người Em bước lên trên chơn nó thì nó nâng lên đưa vào cửa, còn Ngài thì sợ, đứng lại. Người Em ngó ngoái lại thấy sao Ngài không vào, nên cười và nói : Anh cứ vào, Anh đi không bao lâu mà lạ, rồi Ngài liền bước lên trên chơn con chó xù đó thì nó cũng đưa Ngài vào trong cửa Bạch Ngọc Kinh.

Người Em nói : Anh chờ một chút, Em vào bạch với Đức Chí Tôn. Ngài ngồi xem cung điện rất nguy nga tráng lệ, thấy toàn bằng trân châu báu ngọc, dưới lót bằng hào quang sáng đẹp vô cùng.

Chờ hồi lâu, Ngài kêu lớn lên thì người Em chạy ra nói : Anh đừng sợ, chờ tôi một chút.

Bỗng thấy Đức Chí Tôn phán rằng : Con có đói không ?

Ngài đáp : Thưa Thầy con đói.

Đức Chí Tôn biểu người Em Ngài đem ra 3 cái bánh ếch trần. Ngài ăn 2 cái thì vừa no, còn cái thứ ba Ngài ghen, nuốt không vô, Ngài muốn liệng nhưng vì sợ lấm cung điện, Ngài ráng nuốt cho được nhưng ngán lấm.

Đức Chí Tôn hỏi : Con còn đói không ?

Ngài bạch : Con no lắm rồi.

Đức Chí Tôn hỏi : Con có khát nước không ?

Ngài đáp : Bạch Thầy con khát.

Đức Chí Tôn dạy đem một tô nước trong thật đầy. Ngài uống ngon lắm. Khi uống vào, Ngài thấy nhẹ nhàng lại như cũ.

Đức Chí Tôn bảo người Em Ngài đưa Ngài trở về.

Trước khi ra về, Ngài bạch : Thưa Thầy, cho con xin một con chó xù đem về giữ nhà.

Đức Chí Tôn bảo : Con về trước đi, Thầy sẽ cho nó xuống sau.”

(Xin xem phần “Một Đêm Về Trời” để hiểu thêm ý nghĩa của “3 cái bánh và tô nước”

* **Ngày 15-8-Bính Thân** (dl 19-9-1956), tại Báo Ân đường Kim Biên, Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Sư Phó Bạch vân Động nơi cõi thiêng liêng) giảng cơ, Phò loan : Đức Phạm Hộ Pháp và Hồ Bảo Đạo, nói với Đức Phạm Hộ Pháp : (Đức Thanh Sơn tự xưng là Bản Tăng, gọi Đức Phạm Hộ Pháp là Thiên Tôn)

“ Nhiều điều Thiên Tôn hỏi thì Bản tăng khó trả lời đặng, duy Nguyệt Tâm (Chơn Nhơn) đảm đương Thiên vụ, người hiểu biết rõ hơn Bản tăng, vậy Thiên Tôn nên hỏi nơi người. Chỉ có bài thi của Bản tăng có hơi huyền bí tiên tri, nên Bản tăng có thể giải đáp.

Thiên Tôn nhớ lại khi lập thành Phong Thần Bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai?

Hộ Pháp đáp: Lý Thiên Vương, Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.

- Phải, thì trước đầu kiếp vào nhà họ Vi, còn nay vào nhà họ Phạm. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bàn tăng đã nhiều và chỉ rõ VN xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn cho không rõ rệt, hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là Di Lạc giáng linh thì Thiên Tôn đã thấy rằng tiên tri vốn không sai sót đủ điều.”

* **Ngày 15-3-Bính Dần**, Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm Công Tắc là : Hộ giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ. (có chữ Hộ Giá, nghĩa là hộ vệ Đức Chí Tôn khi xuất hành).

* Đức Lý Giáo Tông thố lộ về nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của Ngài trong bài thi khoán thủ dưới đây:

Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,
Pháp luân thường chuyển máy Thiên thơ.
Chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
Quản xuất Càn khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy Tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
Đài trọng hồng ân gắng cậy nhờ.

(Khoán thủ : Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài)

GHI CHÚ :

Câu 1 : cho biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.

Câu 2 : cho biết Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên thơ đã định.

Câu 3 : Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi Cực Lạc Thế Giới. (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa Cực Lạc Thế Giới bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các chơn linh đạo đức nhập vào Cực Lạc Thế Giới).

Câu 4 : Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị Cực Lạc Thế Giới. Câu này kết hợp với bài Kinh Đại Tường cho chúng ta biết rằng, Đức Hộ Pháp sẽ giáng trần là Đức Di Lạc Vương Phật, thay mặt Đức Chí Tôn cai trị Cực Lạc Thế Giới.

Câu 5 : cho biết kiếp giáng sanh xuống trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jêsus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Câu 6 : Kiếp này Ngài giáng sanh xuống nước Việt Nam làm Hộ Pháp Chương Quân Hiệp Thiên Đài, nắm giữ Thiên điều.

Câu 7 : Nhờ Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh CTĐ) được nên hình tướng.

Câu 8 : Phẩm vị của Ngài rất cao trọng, nhơn sanh gắng cật nhờ hồng ân của Ngài.

Chúng ta với trí não phàm phu thô thiển, không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu vừa nêu trên, chúng ta có thể nêu lên một thuyết về Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp :

Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp là : Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.

- Kiếp giáng trần thứ nhứt là Vi Hộ, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, một trong Thất Thánh vào thời Phong Thần. (Thời

Phong Thần, cuối Nhà Thương, khởi đầu Nhà Châu, trước kỷ nguyên Tây lịch chừng 1100 năm). Vi Hộ sau khi giúp mở ra nhà Châu xong thì trở về núi tu luyện, đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Phật Vi Hộ Pháp.

- Kiếp giáng trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jêsus mở Đạo Thánh Thiên Chúa giáo bên Âu Châu.

- Kiếp giáng trần thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc.

- Đức Ngài sẽ giáng sanh xuống trần lần nữa là Đức Di Lạc Vương Phật, làm Giáo Chủ Hội Long Hoa, mở ra đời Thượng Nguơn Thánh đức.

32. Thượng Pho Tượng Của Đức Phạm Hộ Pháp Lên Ngai Thất Đầu Xà :

Vào ngày 15-12-Quý Mão (dl 29-1-1964), Hội Thánh tổ chức một buổi lễ long trọng thượng pho tượng Đức Phạm Hộ Pháp lên Ngai Thất đầu Xà tại Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh.

Và sự nghiệp hữu hình của Ngài là ngôi Tòa Thánh Tây Ninh uy nghi ở miền Đông Nam Á, là Thánh Địa Linh Thiêng ở Việt Nam, là nền Văn hóa Tổng hợp Cao Đài sáng chói, là nền Đạo Đức Căn Bản để nhơn loại lập đời Thánh Đức....

Tất cả những gì mà Ngài đã để lại, từ lời nói cho đến những vật hữu hình, nhất nhất đều hàm chứa những ý nghĩa sâu sắc giúp người tín đồ khai tâm và vững bước trên đường tu tập.

Thật vậy, chí đến cái ngai của Ngài, ngoài ý nghĩa huyền diệu về Bí Pháp, nó còn là một bài học vô cùng quý báu mà chúng ta có thể học cả đời cũng chưa hoàn tất được.



Ngai của Ngài tại Hiệp Thiên Đài có con rắn 7 đầu được gọi là Thất Đầu Xà. Ba đầu rắn vươn cao sau lưng Hộ Pháp, mỗi đầu có ghi một chữ Nho là: HỖ, LẠC, ÁI.

Còn lại 4 đầu hạ xuống thấp, mỗi đầu có một chữ : NỘ, Ồ, AI, DỤC. Thất đầu xà với thân mình dài quấn cả 3 ngai: Đuôi rắn quấn

ngai Thượng Sanh, mình rắn quấn ngai Thượng Phẩm, phần đầu quấn ngai Hộ Pháp.

Khi trấn thần tượng Thất Đầu Xà, Đức Hộ Pháp thuyết giảng như sau:

“Khi Đức Hộ Pháp trấn Pháp, hành Bí Pháp cùng Thê Pháp trong các đàn Vía, Sóc, Vọng, lúc Ngài đứng là CHUYỂN PHÁP, Ngài ngồi là TRỤ PHÁP. Nên khi ngồi, hai chân đạp lên hai đầu AI, NỘ, hai tay đè Ồ , DỤC.

Khi Hộ Pháp trấn trên Thất Đầu Xà là đè nén các vật dục ở trần thế này để khỏi cấu xé nhau và để mừng, vui, thương cho mọi người chung hưởng để gìn giữ đạo đức, tu hành dễ dàng, nước nhà thịnh trị. (Trích trong Bản Tin Châu Đạo California – Tân Mão Niên – 2011).

Đây là nguyện vọng của Hội Thánh và toàn đạo khắp nơi,

mong ước đã lâu nhưng vì thời cuộc, đành phải nén sự đau buồn từ mấy năm qua.

Hôm nay, pho tượng Đức Hộ Pháp sắp thượng lên Ngai Thất Đầu Xà, toàn đạo tung bùng hân hoan biết bao ! (Trích trong Đại Đạo Nguyệt san số 1 trang 32).



33. Kinh Sách Và Thi Văn :

Đức Phạm Hộ Pháp lấy bút hiệu là Ái Dân, có trước tác 2 quyển sách : 1 quyển Phương Tu Đại Đạo gồm 2 tập và 1 quyển Thiên Thai Kiến Diện.

- Quyển Phương Tu Đại Đạo, viết theo thể thơ đặc biệt, mỗi câu có từ 7 đến 8 chữ hoặc 9 chữ, khi dùng cước vận, khi dùng yêu vận, trường thiên, nội dung dạy về phần Nhơn Đạo cho các tín đồ Nam Nữ.

Xin trích ra đây một đoạn ngắn tượng trưng :

Phận làm Cha

Cha mẹ rũi sanh con hung bạo,
Tội dưỡng nhi bất giáo đã đành.
Vói hình hài mình đã sanh thành,
Thì chữ Đạo chữ Tình cân đúng giá.
Cơ chuyển thế nơi tay đã quả,
Thay mặt cho Tạo Hóa dựng đời.
Vật tối linh thiên hạ là người,
Cha mẹ vốn là Trời phần xác thịt.
Phận nuôi dưỡng tuy vẫn cần ích,
Phải dạy răn kéo nghịch lòng Trời.
Đã lập Đời ắt phải dạy Đời,
Đừng dưỡng ác hại người mang nghiệp chướng.

.....
Quyển Thiên Thai Kiến Diện, gồm 77 bài thơ Thất ngôn Đường luật, thuật lại những điều mà Đức Ngài thấy tận mắt khi xuất Chơn thần lên viếng cảnh Thiên Thai nơi cõi Thiêng Liêng Xin chép ra sau lại sau đây 4 bài thơ tượng trưng: THIÊN THAI KIẾN DIỆN

Bài 1.

Ngoài áng Đào nguyên sấn bước vào,
Thiên Thai Tiên cảnh trước cao cao.
Mây lành phủ động làm khuôn cửa,
Tòng rậm bao cung giống mặt rào.
Hạc Đạo đón đưa bay xạ xạ,
Nai tăng tiếp rước chạy lao xao.
Tùng trời lừng đủng ngàn muôn kẻ,
Cười nói mừng vui đến miệng chào.

Bài 2.

Miệng chào lại nhủ mặt Tiên y,
Mời đến rừng tre hội cuộc kỳ.
Bảy Lão nhắc tình già dẹo cẳng,
Ba Bà hỏi việc mụ ham thi.
Đài trắng chị Nguyệt đem cho ngọc,
Cửa gió chàng Liêm dạy khai tỳ.
Cúc, trước, mai, lan hầu thiết đãi,
Tiêu thiều nhạc trời khách nâng ly.

Bài 50.

Trên khơi nghe tiếng khóc pha cười,
Có kẻ dị hình, kẻ tốt tươi.
Quý dất Âm ty thì rống khóc,
Thần diu Tiên cảnh lại reo cười.
Bọn dân Địa phủ người đen nám,
Tớp khách Thiên môn xác trắng ngời.
Chồng thấy vợ thành, chồng chắc lưỡi,
Vợ xem chồng hiền, vợ kêu trời.

Bài 77.

Chùm sao khi tỏ lại khi mờ,
Thấy ngọn cờ hồng gió phát phơ.
Cõi ngoại reo vang quân dị quốc,
Trong thành ong óng tiếng con thơ.
Ruộng dâu giáo đóng đầy như giậu,
Bể hoạn nước sâu đầy quá bờ.
Chộn rộn khó phân người với quỷ,
Đền vàng người ngựa bóng u ơ./

Đức Phạm Hộ Pháp thường xuyên thuyết đạo trong mỗi kỳ đàn cúng, suốt mười mấy năm, kể từ năm 1946, năm Đức Ngài hồi loan từ Mã Đảo (Đảo Madagascar ở Phi Châu), cho đến khi Đức Ngài Qui Thiên.

Đức Phạm Hộ Pháp muốn “Cây phương thuyết giáo vẽ thành Kinh Chơn” (KNH)

Những bài thuyết đạo này được Ban Tốc Ký ghi chép lại, tập hợp theo từng năm, và theo từng đề tài, tạo thành được 8 quyển Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, in được 4 cuốn, còn 4 cuốn chưa in. Hai quyển có đề tài đặc biệt là:

- Bí Pháp.
- Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đây là những tài liệu rất quý báu cho người học Đạo và nghiên cứu về Giáo lý và Triết lý của Đạo Cao Đài.

Đức Phạm Hộ Pháp cũng rất sành thơ. Đức Ngài làm rất nhiều bài thơ đường luật, xướng họa cùng các thi hữu nơi Hiệp Thiên Đài và các Đấng Nữ Tiên Diêu Trì Cung. Xin chép ra sau đây vài bài tượng trưng :

Đức Hộ Pháp họa vận trả lời Bát Nương :

Hành tàng hư thiệt tại Cha Trời,
Đông Mậu năm hồ hỏa khắp nơi.
Châu ngũ khí hòa tan ác nghiệt,
Thất sơn dấy động Thất sơn đời.
Thế tiêu xuân Kỷ Long Hoa trở,
Thường phạt cuối cùng Thánh đức thôi.
Long Mã ban vương tiêu trận ky,
Cù phi hải sục lý thay Trời.

Bắc Du cảm tác

Non nước hồn thiêng đã tỉnh dần,
Xuân Thu xưa nay đổi Thu Xuân.
Nam phong đỡ vững xa thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đánh nghiệp Tần.
Bác ái là đề thi tiến hóa,
Nghĩa nhân ấy mục định duy tân.
Thiên thời Địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hòa nhân để hợp quần
(Liên Thanh Sư Tập)

34. Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống :

Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống một Bộ Kinh Thánh quan trọng của Cao Đài Giáo

Những bài thuyết đạo trong “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” này rất quan trọng trong đạo Cao Đài. Đây là một đề tài đặc biệt, một đặc ân của Đức Chí Tôn cho nhân loại trên quả địa cầu thứ này. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu, để sau



này nếu lập được công đức thì trên đường về khỏi bị bỡ ngỡ. “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” và “Bí Pháp” được coi như là hai tập tài liệu quý hiếm nhất trong loạt bài

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, mà đối với những người mộ đạo đã có dịp đọc qua một lần thấy đều cho là toàn bộ triết lý và yếu lý của Đạo Cao Đài đều được gói trọn trong đó.

Tất cả những cái gì đặc sắc và quý báu của “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống”, đã được Đạo Hữu Từ Chơn trình bày và tóm lược sau đây:

1. Giới Thiệu: Trong đạo Cao Đài cụm từ Cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống được nhắc tới trong bài kinh “Cầu Hồn Khi Đã Chết Rồi”. Đây là một bài kinh trong thể pháp cầu nguyện cho linh hồn người chết được siêu thoát. Những bài kinh cầu siêu của đạo Cao Đài lần lượt miêu tả những chặng đường các chơn hồn phải đi sau khi chết để về với Thượng Đế.

Tuy nhiên, quan trọng và đặc sắc hơn là những bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống bắt đầu từ 13/8 Mậu Tý (16/9/1948) cho đến 30/3 Kỷ Sửu (27/4/1949). Sở dĩ gọi bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp đặc sắc là vì trong các bài kinh cửu, những thông tin về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống được giảng bút và trình bày như là một bảng hướng dẫn xa lạ đầy những thuật ngữ khó hiểu. Trái lại, Đức Hộ Pháp được Đức Chí Tôn mở huệ quang khiếu, xuất chơn thần về Bạch Ngọc Kinh rồi kể lại nên câu chuyện của ngài là một kinh nghiệm. Vì thế, Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Hộ Pháp chẳng những được giải thích đầy đủ hơn mà còn mô tả cảm giác của một Phạm Công Tắc đời thường gần gũi.

Những lời thuyết đạo này đã được Ông Nguyễn Văn Mới, trưởng Ban Túc Ký Tòa Thánh Tây Ninh cùng với các túc ký viên ghi lại, rồi trình Hộ Pháp duyệt qua. Mãi đến khoảng

năm 1968, ông Nguyễn Văn Mới (lúc này đã thọ phẩm Hiền Tài) vận động các bạn cùng các nhà hảo tâm in ra bằng kỹ thuật quay ronéo. Sau đó ông giao bộ sách lại cho Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh giữ bản quyền. Lúc bấy giờ Đức Thượng Sanh nắm quyền lãnh đạo Hội Thánh và chính Ngài phê duyệt cho phép bộ sách được lưu hành. Nhờ công lao của những vị đã nêu, ngày nay chúng ta, những người tu học đạo Cao Đài, mới có một bộ sách quý báu để nghiên ngẫm.

b. Tầm Quan Trọng



Một bộ kinh: Những bài thuyết đạo này rất quan trọng trong đạo Cao Đài. Trước hết, trong khi thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại: “Đây không phải là lời của cá nhân Phạm Công Tắc, mà chính là lời của Hộ Pháp thuyết

cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn nghe”. Chúng ta biết rằng: trong Tân Luật, Pháp Chánh Truyền có qui định bầu cử phẩm Giáo Tông nhưng không có qui định bầu cử phẩm Hộ Pháp. Như vậy, có thể suy ra những lời thuyết đạo này “có một không hai” vì Hộ Pháp chỉ giảng linh một lần duy

nhất trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong đạo Cao Đài kinh điển được chia ra làm ba loại: Một là kinh dùng để tụng đọc trong các nghi lễ, gồm có: Kinh Thiên Đạo, Kinh Thế Đạo, Kinh Cầu Siêu. Hai là lời dạy đạo của các đấng thiêng liêng thể hiện qua các bài văn thơ thu được từ các đàn cơ, tập hợp trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. Ba là những bài thuyết đạo của các bậc tiền bối trong đạo, mà còn ghi lại nhiều nhất cho đến ngày nay là Những Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Câu chuyện về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống của Hộ Pháp chính là một trong những bộ thánh kinh, gói ghém những tinh túy của triết lý Cao Đài để con người học hỏi trong bảy trăm ngàn năm sắp tới.

Đặc trưng của Cao Đài: Những bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống mang những đặc trưng của đạo Cao Đài. Tất cả các thuật ngữ của Cao Đài đều được sử dụng trong tác phẩm này. Ví dụ như: xuất chơn thân, tịnh luyện, về với Đức Chí Tôn, Đại Tiên Kim Quang Sứ ...vv.

Những suy luận theo phong cách Cao Đài cũng xuất hiện đầy dẫy trong câu truyện. Thí dụ: khi một chơn hồn rơi khỏi chiếc cầu cheo leo bắc ngang qua khổ hải, sẽ bị biến dạng xấu xa ghê tởm. Điều này trái với ngày xưa, người ta cho rằng rơi xuống khổ hải sẽ bị các loài ác thú xé xác, ăn tươi, nuốt sống. Hay truyện các chơn hồn không tin vào tôn giáo tranh cãi với các đấng trọn lành tại cung Hiệp Thiên Hành Hóa. Trong các tôn giáo đã có từ trước, chưa bao giờ có chuyện các chơn hồn có quyền tranh cãi ở trên Thiên Đàng. Ân chứa những cách thức tu tập: Một điều quan trọng nữa

là lời thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống còn ngụ ý những cách thức tu tập trong đạo Cao Đài. Càng đọc, người tu học sẽ càng tìm ra những cách khác nhau trong đó sẽ có một cách phù hợp với trình độ nhận thức của riêng mình. Xin đơn cử một ví dụ: Trong những bài thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Hộ Pháp có kể lại một cuộc chiến với Đại Tiên Kim Quang Sứ. Theo Thánh Ngôn, Đại Tiên Kim Quang Sứ có quyền phép tương đương với Đức Chí Tôn và được phép dùng quyền lực của mình để thử thách con người. Người nào không vượt qua được những thử thách này sẽ mắc phải tội tình và phải chịu luân hồi, không thể trở về với Đức Chí Tôn.

Khi Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn đi mở cửa vào cực lạc thế giới thì bị Kim Quang Sứ chặn đường. Ngay lúc ấy Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung xuất hiện và chiến đấu với Kim Quang Sứ. Kim Quang Sứ biến hóa ra càng nhiều người thì càng có nhiều chơn linh trong đạo nhảy ra trợ chiến. Qui mô cuộc chiến tăng dần lên cho đến khi trở nên quá sức tưởng tượng. Đức Hộ Pháp khán trận đến mệt mỏi nên ngủ thiếp đi. Đến khi ngài thức giấc lần thứ ba, trận chiến vẫn chưa kết thúc. Đến đây thì Hộ Pháp quyết định vào cuộc. Ngài biến ra thành hai người, một tiếp tục quan sát, còn một bay lên không. Một lưu ý quan trọng ở đây là hai người đều có chung suy nghĩ, một mà hai; hai mà một. Người bay lên không dùng Kim Tiên (roi vàng) vẽ một vòng, tức thì cuộc chiến thu nhỏ lại, cho đến khi chỉ còn Đức Quyền Giáo Tông và Kim Quang Sứ. Trận chiến kết thúc khi Kim Quang Sứ bị “đập” một gậy “đăng vân” bay mất.

Câu chuyện nêu nghe một cách khinh suất, hao hao giống chuyện thần tiên “hàng yêu tróc quỷ” xuất hiện khắp nơi ở

phương đông. Nhưng ngụ ý của câu chuyện không đơn giản chút nào. Hộ Pháp tượng trưng cho ý thức. Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn đi mở cửa Cực Lạc Thế Giới nghĩa là ý thức luôn bị sức mạnh tự nhiên của vũ trụ thôi thúc đi tìm sự an toàn hay hạnh phúc. Có lên đường tìm hạnh phúc mới có khó khăn cản ngại, tức gặp Kim Quang Sứ. Nhưng đánh nhau với Kim Quang Sứ lại là Quyền Giáo Tông chứ không phải Hộ Pháp. Quyền Giáo Tông chứng quản Cửu Trùng Đài. Cửu Trùng Đài tượng trưng xác thịt. Do đó tranh chấp, xung đột chỉ xảy ra ở cấp độ vật chất, nghĩa là ở cõi giới hiện tượng. Ý thức là thực thể đứng bàng quang chứng kiến cuộc chiến của chính mình. Ý thức ngủ rồi tỉnh dậy ba lần, chính là sự lột xác để thấy rõ chân tướng của sự xung đột không gì khác hơn là bản thân của ý thức. (Sự lột xác này ngụ ý pháp môn luyện tam bửu của Cao Đài Giáo). Khi ý thức muốn xung trận, phối hợp thể xác là tinh khí đã hiệp. Lúc bấy giờ ý thức chẳng phải hai, chẳng phải một; không nhị nguyên, cũng chẳng nhất nguyên. Kim Tiên lộ rõ chân tướng, nghĩa là trí huệ phóng ánh sáng trong suốt vào sự thể và nhìn thấy sự thể như là sự thể. Vật chất và cản ngại là một, hạnh phúc và đau khổ là một, Đức Quyền Giáo Tông và Kim Quang Sứ là một. Lúc đó thân xác đã vượt qua bóng tối đau khổ. Con đường cực lạc thế giới đã thông.

Đây chính là dẫn đạo cho những người tu học nào muốn đi vào con đường tu chơn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Khi luyện khí hóa thần, trí não (khí) phải mạnh mẽ và nhanh nhẹn bởi vì thần vận động với tốc độ của ánh sáng mà ý thức của chúng ta (khí) thì chậm đến mức chỉ kịp bám theo đuôi mà thôi. Chỉ khi nào hiểu được ẩn ý của câu truyện trên thì người tu chơn mới mong đạt kết quả sau cùng.

Ngoài ra còn có những câu truyện đầy ngụ ý khác nữa về những cách thức tu tập trong Cao Đài. Tất cả đều sẵn sàng chờ con cái Đức Chí Tôn học hỏi và thực hiện.

c. Tính Tượng Trưng Và Quan Điểm Mới

Tính tượng trưng cao: Những bài thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống mang tính tượng trưng cao độ. Người đọc cần nghiên ngẫm hiểu cho được ngụ ý của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Nếu chỉ hiểu bằng nghĩa đen, thì câu truyện có khi hoàn toàn tối nghĩa, khó hiểu. Ví dụ như Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy rằng: “Mỗi chơn hồn nơi thế gian này, khi thoát xác đều phải qui tụ tại Đền Thánh rồi mới đi tới cảnh giới khác. Vào Đền Thánh tức là vào Hiệp Thiên Đài để đi đến Cung Đạo. Muốn vào Cung Đạo phải qua Cửa Trùng Đài. Khi đến Cung Đạo, nhìn lên không thấy Bát Quái Đài nữa mà thấy không gian bao la. Ta đã bước vào Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.”(Trích và biên tập từ Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống) Nếu không để ý đến tính tượng trưng của những câu nói này và hoàn toàn hiểu theo nghĩa đen, thì chắc chúng ta sẽ vào Đền Thánh, đến Cung Đạo, nhìn lên để rồi thất vọng vì không thấy “không gian bao la” và “con đường thiêng liêng hằng sống” mà Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã giảng giải.

Quan điểm mới mẻ và dễ chấp nhận hơn: Những quan điểm mới trong câu truyện về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống cũng dễ chấp nhận hơn trong thời đại ngày nay. Chẳng hạn như chuyện Đức Hộ Pháp chứng kiến cuộc tranh luận giữa các đảng trọn lành và các chơn linh không tin vào đạo tại cung Hiệp Thiên Hành Hóa. Đức Hộ Pháp kể chuyện các đảng trọn lành giải thích cho các chơn linh không tin

vào đạo dù cho họ viển mọi lý lẽ, thậm chí có khi kỳ quặc để bài bác các tôn giáo. Cũng có những chơn linh theo một tôn giáo nào đó nhưng không đoạt đạo cũng đưa ra lời lẽ chất vấn. Có cả những cuộc tranh luận lê thê không có hồi kết thúc nữa! Nhưng điều quan trọng đối với các chơn hồn sau khi xuất ra khỏi xác là được tiếp tục đi trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. Nếu cứ tranh cãi ở cung Hiệp Thiên Hành Hóa thì sẽ mất thì giờ và chịu tiến hóa chậm hơn các chơn hồn khác.

Đây là một quan điểm khá cởi mở của Cao Đài Giáo. So với những quan điểm tôn giáo có từ trước, thì mọi quyết định của Thượng Đế đối với các chơn hồn ở trên Thiên Đàng đều là tuyệt đối, không thể bàn cãi. Trong Cao Đài, các chơn hồn ở Thiên Đàng có quyền bảo vệ mình và cũng có quyền trừng phạt mình.

Tuy các chơn hồn có quyền xét xử chính mình, nhưng họ đều có những quyết định rất đúng và rất công bằng. Sở dĩ như thế là vì mọi chơn hồn ở cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống đều đã dứt bỏ thất tình lục dục, nên cách suy nghĩ của họ không hoàn toàn vị ngã giống như người ở thế gian. Ở cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống con người giao tiếp trực tiếp với Đức Chí Tôn, hay nói theo thuật ngữ Cao Đài: con người là Đức Chí Tôn, nên mọi quyết định đều vô tư và công bằng. Quan điểm như trên rất phù hợp thời đại ngày nay: con người muốn tự do có ý kiến và tự quyết định cuộc đời mình, chứ không thích nhắm mắt tuân theo một quyền lực hay một giáo điều nào đó.

d. Kết Luận

Tóm lại, những bài thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng

Hằng Sống của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc rất quan trọng trong đạo Cao Đài. Trên đây chỉ là những nét sơ lược gợi ý. Muốn nghiên cứu bộ kinh này phải dành nhiều thì giờ hơn, và trước hết người học đạo nên đọc nhiều về các tôn giáo hiện có thì mới không hiểu lệch lạc khi đọc Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. (Từ Chơn sưu tầm)

Dưới đây là lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” tại Đền Thánh Đêm 22 tháng 11 năm Mậu Tý (22-12-1948): “Luật Thương Yêu, Quyền Công Chánh Dìu Dắt Con Người Đi Đến Thống Nhất Tin Ngưỡng”:

Hôm nay chúng ta đã đến tại nơi Cung Hiệp Thiên Hành Hóa đặng quan sát kiểm tìm cả sự thiệt chiến coi có cái chi phản khắc với chúng ta không?

Từ hôm trước đến nay Bàn Đạo đã thuyết minh những điều vắn nạn của các Chơn Linh siêu thoát. Nhưng vì thiếu Đạo đức tinh thần, kiểm đủ triết lý đặng chối tội, chúng ta đã thấy các Đấng Trọn Lành nơi Cung Hiệp Thiên Hành Hóa kia chưa để cho họ đặng thẳng đó vậy.

Đêm nay chúng ta tưởng mình lên tại chót Cung Hiệp Thiên Hành Hóa, kỳ này là kỳ trọng yếu hơn hết. Bởi vì họ vắn nạn về quyền năng tín ngưỡng.

Luật Thương Yêu Công bình của các vị Giáo Chủ đã để tại mặt thế gian này, vắn nạn kịch liệt lắm, chúng ta để ý, hạng nhứt là Chư Chức Sắc Thiên Phong Nam Nữ nên cần để ý cho lắm.

Bàn Đạo thuyết đêm nay là đêm trọng yếu hơn hết, họ vắn nạn về tín ngưỡng.

Kỳ trước Bần Đạo giảng về chỗ có nhiều Tôn Giáo làm cho
nhơn tâm bất nhứt, ngày hôm nay họ công kích về luật điều,
họ hỏi: “Nếu như Đạo Giáo có một khuôn khổ hữu hình, tức
nhiên là phải chiếu theo khuôn khổ của Thiên điều mà tại
sao lại các vị Giáo Chủ lập giáo bất đồng với nhau? Vị này
nói vậy, vị kia nói khác, tức nhiên phản khắc với nhau, biểu
sao nhơn loại không chia rẽ? Biểu sao không thống nhứt?
Các vị Giáo Chủ quan sát lại coi những Đạo Pháp, Đạo Luật
của mấy vị Giáo Chủ ấy, vẫn là phương pháp khắc bạc với
nhau, phản đối với nhau, không đồng tâm không đồng đức,
nhứt là không đồng tánh về tư tưởng, Đạo đức, tinh thần,
biểu sao nhơn sanh không chia rẽ, nếu chia rẽ tức nhiên loạn
lạc.

Đời lúc nào cũng phản khắc loạn lạc, chia rẽ. Thì các Đấng
Trọng Lành nơi Cung Hiệp Thiên Hành Hóa họ chỉ ngồi họ
cười. Họ nói: Luật hữu hình bất công của các chủng tộc nơi
mặt địa cầu này, là tại nhiều tâm lý, nhiều tâm đức, nhiều
tinh thần, đừng có nói là một nòi giống, một Quốc Gia, hay
vạn quốc, tánh đức nhơn loại bất đồng thay, chẳng khác nào
các vị buộc vị Phật (Sĩ Đạt Ta) lập giáo nơi Ấn Độ là Phật
Giáo ngày nay, mà Ngài đồng tâm đồng tánh với người khác
giống được. Ngài vẫn làm chủ tâm lý của loài người do tại
đâu? Do mặt Luật Bác ái và Công bình, những phương pháp
của các vị Giáo Chủ, dầu cho luật pháp đã lập nên Tôn Giáo
bất điều hòa với nhau nhưng đó cũng mở đường chỉ nẻo cho
nhơn loại đi đến con đường của Đạo Giáo, tức là tín ngưỡng
thờ Người và thờ Trời. Còn về luật pháp của mình, Đức Phật
Thích Ca có nói nếu như Ngài không Bác ái không Công
bình, thì Đạo Giáo của Ngài không Bác ái Công bình đặng,
lập đạo từ trước đến giờ. Hỡi Đấng ấy lập giáo của họ trên

nền tảng nào? Có phải là Bác ái và Công bình chăng?

Nếu không phải Bác ái và Công bình thì chưa có tìm một triết lý cao siêu, để vào tâm lý tinh thần nhơn loại mặt thế này. Chúng ta đã ngó thấy của ấy là Nhân đó vậy.

Nhưng trái ngược lại, họ còn giành phần, họ đánh ép mình, nếu chúng sanh không có tinh thần với họ và nếu không có công bình, tâm lý, tinh thần và không lòng thương yêu đầy dẫy, chưa đồng tâm tánh trí não, thì các Ngài chưa hạ mình xuống đặng nâng đỡ tinh thần loài người dường ấy.

Đức Lão Tử thấy thiên hạ không biết nhìn phẩm vị của mình, không biết chơn tướng của mình để nơi nào mà định vị cho mình. Trái ngược lại, Ngài sanh ra tại đất Trung Hoa, buổi tâm lý nhơn sanh điêu tàn, họ không biết phẩm giá con người là gì? Đến đổi tâm lý loài người buổi ấy cũng xáo trộn, không còn chơn phẩm của người.

Họ không biết tự tôn họ, họ chưa biết phẩm vị họ, thì họ chưa tin thiên hạ, tức nhiên là thú chất vật loại, nếu không phải có bác ái từ bi thức tỉnh nhơn loại buổi ấy, thì họ chưa biết phẩm vị tối cao tối trọng của họ. Họ không còn làm con vật nữa! Nếu chẳng Bác ái Công bình chưa hề khi nào lập nên nền Tôn Giáo như thế đặng.

Đến ngày nay nước Tàu còn lưu lại, Ngài nói chẳng phải nói Á Đông mà thôi đến Âu châu cũng vậy.

Ngài nói cái triết lý Đạo cao siêu chơn thật, người ta theo không biết bao nhiêu. Nói về chơn thật thì chúng ta bảo vệ tinh thần mà thôi. Các Ngài tìm thấy, các Ngài ngó lụng lại, các Ngài thấy tinh thần mà thôi, dầu luật pháp Tôn Giáo cũng do Bác ái Công Bình mà lập thành, những phương

pháp họ tạo ra cho có hình tướng cốt yếu diu dắt tinh thần nhơn loại, đi đến mức cao thượng là Bác ái Công bình. Bác ái Công bình ấy là Đạo Nhơn Luân đó vậy. Nho Giáo, Đức Khổng Phu Tử lập tại Trung Hoa vì Ngài thấy nhơn luân buổi nọ điên đảo điều tàn nên mới lập ra Nho Giáo để bảo vệ Nhơn Luân.

Cũng vậy nữa, Lão Tử, Ngài thấy nhơn phẩm suy đồi không còn giá trị tâm lý, nhơn sanh buổi ấy mất hẳn giá trị của nhơn loại, nên Ngài hạ mình xuống đặng định Luật Pháp, trụ cái Đạo Nhơn Luân làm căn bản, hễ biết trọng mình, biết địa vị mình, tức nhiên Thiên Đạo, biết Thiên Đạo tức nhiên biết Thiên điều, biết Thiên điều tức nhiên biết Đức Chí Tôn, tạo Đạo, mình phải giữ Đạo. Ngài không lẽ lấy danh tánh của Đức Chí Tôn làm của tư đợc.

Ngài nói, đệ nhứt Đạo, tối cao tối trọng, đặng chỉ mặt Luật Bác ái và Pháp Công Chánh. Đã định cái sống trong Càn Khôn Vũ Trụ thì phải định cái sống cho loài người, định cái sống cho toàn cả chủng tộc cho toàn mặt địa cầu này.

Luật pháp của Ngài nó đã trái hẳn phong hóa mặt địa cầu, nói về tinh thần Đạo đức của Tôn Giáo nó là mô giới, cho nên ngày giờ này cả vạn quốc đều để tâm tìm kiếm Luật Pháp ấy. Vì cơ cho nên Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn có tiên tri rằng:

“Đạo Cao Đài tức nhiên là một cây cờ báo hiệu cho Vạn quốc toàn cầu hay trước là: Thời kỳ Nho Tông chuyển thế đã đến”.

Đạo Đức Chúa Jésus Christ tức nhiên là Công Giáo, nếu Người không có Bác ái thì chưa đem xác thịt của mình làm con vật đặng tế Đức Chí Tôn. Ngài cầu xin tha thứ tội tình

cho nhơn loại, Người ấy là Người đáng để lòng thương yêu, nếu đem ra làm kiểu mẫu cho nhơn loại bắt chước thì Tôn Giáo Gia Tô đã đoạt được bao nhiêu tinh thần thương yêu nơi mặt địa cầu này vậy.

Nếu các Ngài còn chối cãi thì tôi nói rằng: “Dầu cho muôn đường ngàn nẻo thì các Ngài cũng phải chọn một, các Ngài chối không chịu diu dẫn tâm lý loài người đi trong con đường tín ngưỡng và diu dắt tinh thần loài người trong Luật Yêu Thương và Pháp Công Chánh, các Ngài chỉ đem mấy bản hồ sơ ra để trước mắt Tòa Tam Giáo mà cầu rỗi lấy mình, tôi dám chắc các Ngài không phương thế gì chối tội đặng. Dầu cương lý bao nhiêu cũng không chối đặng, các Ngài chối tội xin có bằng cứ dĩ nhiên rằng:

Đạo Cao Đài xuất hiện, Đức Chí Tôn đến mở Đạo 24 năm trường, Ngài đến ký một bản Hòa Ước Thứ Ba với Nhơn loại, vì bản Hòa Ước Thứ Hai nhơn loại đã phản bội, không giữ sự tín ngưỡng của mình vì cứ cho nên thất Đạo, nhơn loại đi trên con đường diệt vong tương tranh tự diệt nhau. Vì lòng bác ái từ bi cho nên Đức Chí Tôn Ngài đến, Ngài ký tờ “Hòa Ước Thứ Ba” này nữa, để nơi mặt Luật Điều cho chúng ta.

Các Đấng Thiêng Liêng chỉ ngay Đạo Cao Đài mà tín ngưỡng và từ bi cho y theo chủ pháp của mình “Dieu et Humanité” nên Trời và Người về mặt Luật Bác Ái, về mặt Pháp Công Bình, ngoài ra dầu Luật pháp muôn hình ngàn tướng cũng vẫn trong Luật Bác Ái và Công Bình mà thôi.

Hội Thánh Cao Đài cũng vẫn do mặt luật vô hình tối cao là mặt Luật Bác Ái và Công Bình, dẫn họ đến cảnh vô hình tối cao tối trọng, cũng do Luật pháp của Đạo Cao Đài.

Ngoài ra Luật Công Bình Bác Ái tất cả còn lại là phương pháp mà thôi.

Kỳ tới Bản Đạo giảng cái quyền năng là cái hiệu nghiệm của Luật Bác Ái và Công Bình.

V. Thiên Tính Của Đức Hộ Pháp Lấy Tánh Đức Hộ Pháp Mà Lập Đạo (Trích từ Tủ Sách Đại Đạo, Centre For Studies Caodaism, Australia).



Bửu Tháp Đức Hộ Pháp tại Tòa Thánh Tây Ninh

Thánh Ngôn vào thời khai Đạo, Đấng CHỈ TÔN có lần hỏi Đức Hộ Pháp :

“Tắc! Thầy lấy tánh đức con mà lập Đạo được chăng ?”.

Xem vậy, tính đức của Đức Ngài thật quan trọng tác dụng trong nền Tân Tôn Giáo. Một Thánh nhân giảng trần có hai tính đức “một là nhân tính, hai là Thánh tính.”



Nhân tính là tính làm người ở thế gian vì mang thi phàm. Thánh tính là tính thiên định cho chơn linh khi lâm phàm. Dù Đức Ki Tô cũng phải mang hai tính đức đó, nên Ngài ba lần bị quỷ Satan thử thách mới đạt Đạo. Nếu không có nhân tính mà chỉ có thiên tính của Trời thì quý vô thường làm sao

dám bén mảng tới. Trường hợp Đức Hộ Pháp cũng vậy, vì mang thi phàm mà phải chịu bao nhiêu thử thách để xứng đáng trở về ngôi xưa cảnh cũ.

Nhân tính của Đức Ngài phảng phất nhiều hương vị hiền triết của Thánh Gandhi, Socrate, Ki Tô, Khổng Tử, Nostra-Damus ... Bởi Đức Ngài đã nghiên cứu về đời sống của các bậc siêu nhiên vũ trụ này. Bằng chứng là lúc còn sanh tiền, ngoài lịch kỷ niệm Đạo, Đức Ngài còn cho thiết lễ kỷ niệm các vị trên. Do đó vô hình trung con người của Đức Ngài được chung đúc qua các Thánh chất đó, trở thành bất tính sau :

1. Hy Sinh Thân Thế Và Chịu Đựng Tù Đày Mưu Tìm Hạnh Phúc Nhân Sanh:

Đức tính đầu tiên của Đức Phạm Hộ Pháp là hy sinh và chịu đựng. Hy sinh một người để cứu trăm họ, chịu đựng một mình để cứu vớt lấy sinh linh. Đó là gương hy sinh và chịu đựng của bậc Thánh nhân; về điểm này đức tính của Đức Ngài phảng phất tư chất của Thánh Gandhi (1869-1946). Thánh Cam Địa sinh ra đời thì nước Ấn dưới sự đô hộ của người Anh. Ngài theo học trường Anh đỗ Tiến sĩ Luật khoa nhưng chống lại sự áp bức của người Anh. Đến thế chiến thứ I (1914-1918) trước lời hứa hẹn của chính phủ Anh, Gandhi hô hào đồng bào đầu quân giúp chính quốc. Khi chiến tranh kết liễu, Anh quên lời hứa. Gandhi đứng ra lãnh đạo phong trào quốc gia Ấn, đề ra chính sách bất bạo động, bất hợp tác, năm 1919, Anh ban bố hiến chương Ấn Độ (India Act), dân Ấn bất mãn theo Gandhi chống Anh. Gandhi bị hạ ngục từ tháng 3/1922 tới tháng 2/1924. Cuối cùng Gandhi bị bọn quá khích ám sát chết và đất nước vẫn còn chia Ấn Hồi.

Cuộc đời Đức Phạm Hộ Pháp cũng hạ sinh lúc thời Pháp thuộc và chống Pháp. Đến thế chiến thứ hai (1939-1945) theo lời hứa của chánh phủ Pháp, Đức Ngài kêu gọi toàn Đạo đầu quân giúp Pháp và cũng bị Pháp cầm tù ở Mã Đảo (1941-1946) trên năm năm.

Điều phi thường là cả nhị vị không ai giữ địa vị cao trọng nào trong chính phủ và cũng không là chính khách nắm vận mệnh quốc gia. Gandhi nói : “Tất cả những nhà Tôn giáo mà tôi gặp đều là những chính trị gia trá hình. Tuy nhiên, tôi là người mang lớp áo chính trị, nhưng là một nhà Tôn giáo”. Nhờ lòng tin vào tôn giáo đã thúc giục ông nhận lấy hoạt động chính trị.

Biết hy sinh và hy sinh đúng lúc là một việc hết sức khó. Nếu không chịu đựng nổi những nhục nhằn, những tiếng thị phi mà quyên sinh thì còn chi là một người. Trên năm năm chịu đựng ở Mã Đảo, mấy tháng bị thanh trừng (1956) nhục nhằn nơi Hộ Pháp Đường, nếu không là bậc Thánh nhân, vì sự liêm sỉ nhất thời, không liệu chước gỡ rối được thế tình thì danh dự của một người dù muốn hay không cũng không bị sút mẻ.

Chủ thuyết của Thánh Gandhi như quan niệm về quốc gia của Đức Phạm Hộ Pháp: Chủ nghĩa quốc gia của chúng ta không thể làm hại quốc gia khác, cũng như chúng ta sẽ không phá hoại ai, ngược lại không ai có thể phá hoại chúng ta. Đức Ngài còn đi xa hơn phác họa một thế giới đại đồng không biên giới, trong đó mọi sắc dân mọi tôn giáo sinh hoạt bình đẳng.

2. Hành Động Tích Cực Và Tận Tâm :

Đức tính thứ hai của Đức Phạm Hộ Pháp là hành động tích cực, quả quyết. Đề xướng một việc nhất định phải đi đến kết quả tốt và nhất định vận dụng mọi kế hoạch để thực hiện cho kỳ được, tìm việc chứ không đợi việc. Nếu không có đức tính đó thì chắc Tòa Thánh xây dựng không xong. Không tiền, không vật liệu mà công thợ phải trường chay tuyệt dục, thì thử hỏi không tận tâm và tích cực làm việc, tổ đình đồ sộ kia làm sao hoàn thành.

Thái độ tích cực này giống Théodore Roosevelt (1858-1919) Tổng Thống Hoa Kỳ. Ông là một người tích cực, hoạt động không ngừng và ăn nói hoạt bát, một người thợ đúc hình dung từ chua chất. Ông có ý kiến trong hầu hết các vấn đề trên mọi địa hạt và diễn tả với khí phách như thác lũ. Đức Phạm Hộ Pháp giống Roosevelt ở chỗ tích cực và phê kiến trong mọi vấn đề. Sự kiện này, ai có đọc tập “Lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp” thì rõ, từ việc nhỏ như đắp đường đến việc chính trị Đạo to lớn, nơi nào cũng có Đức Ngài ghé mắt. Nhưng khác hơn Roosevelt là không bao giờ dùng ngôn từ chua chất. Trong hai tháng chấp chánh quyền Tổng Thống các công văn do Ông ký có thể nói từ Mỹ Quốc đến Việt Nam, thì Đức Phạm Hộ Pháp, sau khi tái quyền chấp chánh từ Mã Đảo về, Đức Ngài đã ban hành số Thánh lệnh và Thánh Huấn đáng kể (lưu giữ tại Ban Đạo Sử).

3. Óc Sáng Tạo Huyền Bí :

Một tôn giáo có hai chánh pháp: thể pháp và bí pháp. Thể pháp là hình thể bề ngoài, còn Bí pháp là huyền nhiệm thiêng liêng bên trong. Thiếu một trong hai phép đó thì không là Tôn giáo.

Đấng Chí Tôn lập Đạo cứ trên tính đức của Đức Phạm Hộ

Pháp thì Ngài cũng giao Bí pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi tay Hộ Pháp. Vào năm 1948, Đức Ngài đã bỏ ra thời gian khá dài để giảng về Bí pháp của Đạo, được các ký túc viên ghi chép và in thành tập.

Ngoài ra, Đức Ngài còn tuyên bố nhiều yếu ngôn quan trọng về nền Đạo, như về chính trị Việt Nam và Thế Giới. Những tài liệu tản mạn và có thể thu thập thành “sám Đại Đạo”. Tác giả kêu gọi những tín hữu biết hoặc giữ những tài liệu này xin liên lạc với “Nhóm Văn Hóa Đại Đạo” để hầu làm sáng đường lối của Đức Ngài.

Tập tài liệu này, nếu thành hình chẳng thua gì “Sám Trạng Trình” của Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ Nguyễn Bình Khiêm hoặc tập “Centuries” của Nostradamus (1503-1566), nhà tiên tri nước Pháp thế kỷ XVI.

Đức Ngài nắm giữ bí nhiệm các kiến trúc xây cất Tòa Thánh, Thánh Thất, Báo Ân Từ, Điện Thờ Phật Mẫu. Những chi phái đã chấp nhận giáo lý Đại Đạo cũng không thể phủ nhận về hình thể các thể thức kiến trúc. Chưa kể đến, Đạo Cao Đài được phổ quát và truyền bá trong dân chúng là do cặp cơ Cao Thượng Phẩm và Phạm Công Tắc đã phong Thánh tất cả những tướng sủy, những Tông Đồ đầu tiên của nền Đại Đạo.

Rồi từ đó, vì lý do này hoặc lý do khác, các Tông đồ đó lập Hội Thánh riêng, nhưng không thể chối bỏ Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, cũng do nơi cặp cơ này viết ra và cũng chính Đức Phạm Hộ Pháp được lệnh Ôn Trên chú giải.

Bí pháp Đại Đạo có đâu là một trò đùa, tặng ai thì tặng, ban ai thì ban, mà phải xứng đáng địa vị cao trọng giữ mình thanh cao trong sạch. Đấng Chí Tôn đã giảng dạy : thà làm

một tín đồ trọn nhiệm còn hơn mũ cao áo rộng mà phạm luật Thiên Điều.

4. Chịu Nỗi Thống Khổ Và Oan Nghiệt Của Một Người

Vì còn mang thi phạm xác thịt thì còn bao nhiêu thử thách và thọ khổ của một kiếp người. Như Đức Ki Tô bị quỷ Satan khai chiến ba lần.

Lần thứ nhất Satan vấn nạn : “Nếu ông là con Thiên Chúa hãy truyền những hòn đá này trở thành bánh đi”.

Ngài đáp rằng: “Người ta không sống bằng bánh, nhưng bằng mọi lời, bởi miệng Thiên Chúa phán ra”.

Satan mở chiến dịch thứ hai : “Nếu ông là con Thiên Chúa hãy gieo mình xuống”.

Chúa Ki Tô đáp : “Ngươi chớ thử Chúa là Thiên Chúa ngươi”

Và lần thứ ba nó đem Ngài lên một núi rất cao, cho xem tất cả các nước trên thế gian với những vinh quang trần thế và bảo Ngài rằng : “tất cả những vinh quang phú quý đó ta sẽ cho Ông, nếu ông quỳ xuống lạy ta”. Đức Jésus đáp : “Hỡi Satan hãy cút đi vì có lời chép rằng: ngươi sẽ thờ phượng chính Chúa là Thiên Chúa của ngươi”. Kết quả là ác quỷ bỏ Ngài và Thiên Thần hiện ra hầu hạ Ngài.

Đức Ki Tô chỉ chịu đựng và truyền Đạo trong ba năm, còn Đức Phạm Hộ Pháp phải chịu lắm nỗi nhọc nhằn từ năm 1926 đến năm 1959, ánh vinh quang chỉ lóe vào khoảng 1950-1955. Ngay từ ngày khai Đạo, trong bài thuyết Đạo năm 1954, nhân lễ kỷ niệm Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp nói : “Khi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến Gò Kén mở Đạo, Bản Đạo có xin phép nghỉ sáu tháng (vì công chức).

Đến chừng trở lại làm việc, người ta không cho Bàn Đạo ở Nam Việt nữa, đổi Bàn Đạo lên Kiêm Biên. Nơi đó, Bàn Đạo vừa làm việc, vừa mở đạo mục đích làm thế nào cho Đạo chóng thành tựu.

“Từ khi lập Đạo chịu khổ hạnh truân chuyên, chịu nhục nhã, chịu mọi điều thống khổ”.

Rồi đến năm 1941, Đức Ngài bị chánh phủ Pháp bắt đi an trí ở Di Linh, Sơn La, sau cùng đày sang Mã Đảo (Phi Châu) rông rã 5 năm 2 tháng 3 ngày.

Trong thời gian đó, các Đấng có giảng cho Ngài bài thơ sau :

BÀI 1

Hòn đảo này đây trước nhốt tù,
Mà nay làm khám khảo thầy tu.
Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
Thì lũ Tây Man, Nhựt Bồn trừ.

BÀI II

Nô xi Lao (1), tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai hồi hồi nguoi.
Lượng thâm bủa ghềnh tình ột ạt,
Gió sâu xô đánh ái toi bời.
Yêu phu, điều gọi thương cảnh sớm,
Giọng ngạn, quyên kêu gọi buổi moi.
Tổ quốc đón đường bao dặm thẳng,
Xa đưa thăm thăm một phương trời.

(NOSY-LAVA một đảo nhỏ ở về phía Tây Bắc Madagascar)

Năm 1946, Đức Ngài hồi loan, tái thủ quyền hành. Đến năm

1955 xảy ra biến cố:

Số là đầu tháng 8 năm Ất Mùi (1955) vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội Cao Đài do chính tay Đức Hộ Pháp thành lập, khi đã được quốc gia hóa, ra lệnh lập “Ban Thanh Trừng” bắt nhiều đạo hữu giam cầm. Một số thiếu nữ trong Đạo cũng bị câu lưu mấy tháng và bị ép buộc phải khai nhiều điều khiếm nhã cho Đức Ngài. Còn chính Đức Ngài cũng bị cầm tại Hộ Pháp Đường, chung quanh có quân đội võ trang canh phòng, từ 20 tháng 8 năm Ất Mùi (1955) đến mùng 5 tháng Giêng năm Bính Thân (1956)”. (Thuyết Đạo của Đức Cao Thượng Sanh đọc nhân ngày lễ Triều Thiên Đức Phạm Hộ Pháp năm 1964, trích theo Đại Đạo Nguyệt San số 5/64).

Việc trên, chẳng khác nào Juda bán Đức Jésus cho bọn giáo trưởng Caiphe. Một lãnh tụ Tôn Giáo mà bị chính tín đồ mình bêu xấu thì thử hỏi đứng vị trí phạm nhân, thiếu độ lượng có lẽ xảy ra điều gì khác hơn là tấm lòng đại độ phản tỉnh ra đi. Một đòn hằn tâm lý hết sức cao nhã. Nếu những ai còn chút lương tri, còn chút hương vị đạo đức, chắc chắn không khỏi tòa án lương tâm xét xử. Còn được sống lâu thì càng day dứt nhiều, càng tiếc một hành động vội vàng, vị kỷ, quên hẳn nghiệp đạo chung, quên hẳn vị đại diện tôn giáo mà bao nhiêu tín hữu đang thờ kính. Kính Đạo phải kính Thầy, không Thầy thì ai giữ Đạo cho ta kính.

5. Người Của Bình Dân:

Điều này quá hẳn nhiên, vì “ngày nay Thầy đã khai Đạo nơi Đông Dương là cực đông của Á Châu, mà lại khai nơi xứ Nam Kỳ là xứ thuộc địa, dân tộc yếu hèn, ngu xuẩn. Ấy là do nơi thiên cơ tiền định cả muôn năm, lại để thương cái lòng tín ngưỡng của người Nam từ thử”. (Bài thuyết Đạo

của Đức Quyền Giáo Tông năm 1933).

Đức Chí Tôn đã chọn hàng bình dân Việt Nam để giáo Đạo và chọn hạng trung lưu để lãnh đạo. Hạng bình dân tấm lòng trong sạch, cơ hàn đáng được đặc ân. Nhóm trí thức thì ảnh hưởng nhiều Tây Phương, phóng túng, thái quá và nhiều thủ đoạn, mưu lược. Sự hiện diện của họ nhiều khi chỉ là sự dựa thế hơn là sùng Đạo, vì Đạo mà cầu. Đức Phạm Hộ Pháp tuy xuất thân trong đám trung lưu, nhưng lại đứng về phe bình dân, Đức Ngài thường nói “Không cần người giỏi, chỉ cần biết làm và chịu làm là được”. Sở dĩ, Đức Chí Tôn thay vì chọn bậc bác học thông thái để giáo Đạo, lại chọn hàng trung lưu và bình dân mà giáo, là để cho thế gian thấy rõ quyền năng của Đức Chí Tôn, bằng không đời sau với tất sùng bái cá nhân sẽ cho rằng Đạo Cao Đài do các bậc thông thái ấy bày ra chứ không phải Trời lập.

Đức Phạm Hộ Pháp còn coi các thợ hồ, nông phu là con của Thượng Đế. Trong một lời phê năm Tân Sửu, Đức Ngài viết:

“Qua đã biết trước thế nào trong mấy em cũng có đũa ngòi ngục. Gấm bị trước vì Phôi Thánh Thoại muốn cho nó trả quả đối với Thánh lúc ở phạm. Đáng kiếp, Gấm đã đụng đầu xe lửa, cũng như mẹ con Út Giáp đụng đầu xe lửa Màng (cũng Phôi Thánh) buổi trước vậy. Mấy em ráng cẩn thận coi chừng đừng ăn hiếp mấy ông Thánh ẩn thân bất ngờ, phải ngòi cửa Phong Đô mà khóc đa nghe”. Việc này, trùng hợp với việc Thánh Gandhi nâng đỡ giai cấp paria, cùng đinh của Ấn Độ, hết lòng thương họ vì họ không được Nhà nước đối xử bình đẳng, bị ghét bỏ, cho là căn bã của xã hội. Thánh Gandhi cho họ là “Con của Thượng Đế”. Nhờ đó mà xóa bỏ được thành kiến giai cấp ở Ấn quốc.

Đức Phạm Hộ Pháp trong câu văn ngắn đã nhắc lại 2 lần “đụng đầu xe lửa”. Thật vậy, nhóm bình dân, thợ thuyền khác nào xe lửa. Nhất là quý ông Bùi Ái Thoại, thợ hồ đắp vữa và Phạm Văn Màng công quả tạo tác Đền Thánh. Họ là những người như chiếc xe lửa đã định hướng, chỉ biết đi về một phía. Ai có đàn áp, chửi mắng thế nào, họ vẫn giữ lòng đạo đức để làm công quả. Khi mới ra đời nhị vị này hiển Thánh. Đức Phạm Hộ Pháp mới cảnh tỉnh cho những ai lấy quyền tước, khôn ngoan khinh khi kẻ nghèo hèn bình dân, rồi thế nào cũng bị trả quả nhân tiền.

6. Có Hấp Lực Mạnh Liệt :

Đức Ngài có một nhân diện mãnh liệt và một sức lôi cuốn trong thuyết Đạo. Ngoài cái khẩu khí của một chơn linh lâm phạm, Ngài còn am tường thủ thuật nói trước công chúng và “phương pháp của Socrate” là đặt những câu hỏi làm thế nào cho khách bàng quang chỉ có thể đáp có mà thôi. Chính nhờ vậy, đến ngày nay, chưa thấy ai phản đối hành động của Đức Ngài chỉ trừ biến cố thiếu suy (?) cuối năm 1955.

Nhờ có giọng nói ôn tồn mà Đức Ngài thuyết Đạo rờng rã hàng tháng về “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” và “Bí Pháp” vào ban đêm. Đêm nào cũng đông chật tín hữu, giờ mà mọi người ngoại Đạo đang yên giấc. Nếu không có một mãnh lực hấp dẫn lôi cuốn được người nghe, mấy ai có thể theo dõi được những đêm triền miên thuyết giảng đó.

Nhân diện của Đức Ngài mạnh đến nỗi kẻ đối diện, đừng nói đến tín đồ, ít dám nhìn thẳng tạng mặt. Lời Ngài xuống là rầm rập làm theo, dù là Chúc Sắc Đại Thiên Phong trong đầu mỗi tín hữu, coi lời Đức Ngài nói là một định đề hằng đúng.

7. Công Bình và Chính Trực:

Đọc những lời phê bình của Đức Phạm Hộ Pháp về việc Đạo, ta thấy rõ đức tính công bình và chính trực. Hai đức tính này ảnh hưởng nơi Nho Giáo, cách hành xử đối với các tông đồ của Đức Không Phu Tử.

Ngày 17/3/Nhâm Thìn, Đức Ngài phê về việc đánh lộn như sau : “Xem rõ vụ đánh lộn đã nêu gương xấu cho đám trẻ nơi Long Hoa Thị do một vị Lễ Sanh và một Giáo viên trường Đạo Đức; hai người như thế mà làm gương như thế. Lễ Sanh Hoàng đã dạy đàn em đánh lộn võ sĩ chứ không phải một vị Lễ Sanh của Hội Thánh. Hoàng không nên phạt đàn anh có đâu làm Chức sắc.

“Giáo viên Thới là một giáo viên dạy dỗ đoàn thiếu sinh trong trường Đạo Đức mà thô lỗ, không lễ nghi khiêm tốn, hỏi dạy sắp nhỏ học gì ?

“Bản Đạo định án; “Ngưng chức Lễ Sanh trong 6 tháng và buộc phải cầu khẩn một vị Đại Thiên Phong cho phục vụ và bảo lãnh giáo Đạo cho Hoàng trong 6 tháng mà không thuần nét thì sa thải xuống hàng tín đồ. Giáo viên Thới thì không cho dạy nơi trường Đạo Đức nữa và nếu từ nay còn sanh sự với ai nữa là bị đuổi ra khỏi Thánh Địa”.

Đức Ngài lại phê về việc cầu xin chế giảm phẩm Thỉnh Thiện và Hành Thiện thuộc cơ quan Phước Thiện :

“Đạo luật chơn pháp của Đức Chí Tôn đã dạy, không được phép chế sửa. Nam phái thật hành chơn pháp, đúng lý ra Nữ phái cũng tùng Nam Phái mà thật hành luật định. Nghĩ lúc ban sơ, nếu thi hành y luật thì phải thất phận, nên Bản Đạo chế giảm cho Nữ phái mà thôi”.

Đức Ngài đã áp dụng đúng câu : “Tu vô tà” của Nho Giáo và nhất định hành luật Nho Tông chuyển thế tức lấy công bình chánh trực mà an trị thiên hạ.

8. Khoan Hồng và Từ Bi Đại Độ :

Nói đến khoan hồng và từ bi là nói đến tấm lòng, nói đến cái tâm của nhà Phật. Đức Hộ Pháp chọn linh là Hộ Pháp Di Đà. Dù gặp kỳ Nho Tông chuyển thế, nhưng là một Đấng tu hành, Đức Ngài vẫn hằng thương con cái của Đức Chí Tôn, hạ mình mà diu dẫn toàn chư môn đệ.

Năm 1955, Quý Ngài Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư cầu xin Đức Hộ Pháp truy phong tướng Trình Minh Thế vào phẩm Thế Đạo, Đức Ngài phê như sau : “Truy thăng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Quốc Sĩ và đặt thờ nơi Báo Quốc Từ cùng Đức Thành Thái và Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để”.

Xem vậy, không những phong tặng phẩm vị Quốc Sĩ đầu tiên Ban Thế Đạo mà còn đặc ân cho thờ chung các vị vương thì rõ lòng yêu mến người chiến sĩ của Đức Ngài như thế nào !

Khi Hội Thánh Phước Thiện trình về việc Ông Giáo Thọ Nguyễn Văn Tường, đại diện Ông Đạo Nằm, Phật Giáo Thiên Lâm (Long Xuyên) xin về hiệp nhứt vào Phước Thiện,

Đức Ngài phê: “Cửa từ bi Phước Thiện vẫn mở rộng. Nhứt là Phạm Môn là nơi hội ngộ của Cửu Thập Nhị ức Nguyên nhân, thì có chi ngăn trở sự hiệp nhứt của các Đạo mà xin làm gì. Cứ thông dong vào cửa đặt lập vị mình.

“Bàn Đạo lấy làm vui đẹp và hân hạnh mà tiếp đón họ chỉ

khuyên họ đừng quá mê tín mà thôi.”

Do phúc trình số 329/PT ngày 7/11/1952 dâng lên Đức Hộ Pháp về việc Thiếu Tá Khanh xin nhường chức Lễ Sanh cho thân phụ là Cựu Chánh Trị Sự Đỗ Văn Cầm, 73 tuổi, được Ngài phê : “Phê y và tư cho quyền Ngọc Chánh Phối Sư lập Thánh Linh ân phong cho cụ Đỗ Văn Cầm vào hàng Lễ Sanh phái Ngọc (Hàm phong). Còn Thiếu Tá Khanh chỉ là một vị tín đồ mà thôi. “Bản Đạo để lời khen lòng hiếu thảo của Khanh đáng ghi nơi Đạo Sử”.

Đại Đạo không phải là nơi nhường tước phẩm thiêng liêng. Đây là trường hợp biệt lệ. Thứ nhất, cụ Cầm đã là Cựu Chánh Trị Sự, tức đủ điều kiện lên Lễ Sanh. Thứ hai, cụ đã 73 tuổi không biết thăng Thiên lúc nào, có thể không đợi Hội Nhơn Sanh phán xét kịp. Đây chỉ có “phụ từ, tử hiếu” lòng hiếu thảo động đến lòng Trời mà thôi.

Bát tính trên xin tóm lược bằng câu : “Tâm vô quái ngại, đại hùng, đại lực, đại từ bi”.

VI. Thay Lời Kết :

Tiểu sử của Đức Phạm Hộ Pháp gần như là lịch sử của Đạo Cao Đài trong 31 năm đầu tiên, kể từ lúc sơ khởi nền Đạo năm 1925 cho đến năm 1956 khi Đức Phạm Hộ Pháp, rời khỏi Tòa Thánh, lưu vong sang Cao Miên.

Đức Ngài là một trong những môn đệ yêu ái nhất đầu tiên của Đức Chí Tôn, lại là người trẻ tuổi được Đức Chí Tôn đặt vào phẩm vị cao quý nhất của Hiệp Thiên Đài, 37 tuổi đắc phong thiên vị Hộ Pháp, và kể từ năm đó, Đức Ngài xả thân hành đạo cho đến ngày sức mọn hơi tàn, trở về thiêng liêng vị.

Công nghiệp của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Chương Quân Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên Đài lẫn Cửu Trùng Đài cầm quyền thống nhất chính trị đạo của Cao Đài Tam Kỳ Phổ Độ, thật là vĩ đại nhứt so với tất cả các Chức sắc cao cấp cầm quyền điều khiển nền Đạo thuở ban đầu. Chẳng những tín đồ chúng ta tin tưởng ở Ngài mà tất cả dân tộc Việt Nam khâm phục Ngài. Hơn nữa tất cả thế giới cũng hướng về đất thánh Tây Ninh mà chiêm ngưỡng.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặt dưới quyền thống nhất của Ngài, mỗi ngày một bành trướng. Ảnh hưởng thiêng liêng của Ngài rất rộng lớn, đã vượt qua cả biên thùy Đông Phương, lan tràn chẳng những ở Âu Châu mà còn cả ở Nam Mỹ và Bắc Mỹ.

Ngày nay giữa cảnh cốt nhục tương tàn trong nước và giữa cảnh sa đọa của thế giới hỗn loạn, tất cả tín đồ ở Việt Nam cũng như ở Thế Giới đều ngưỡng vọng ở Ngài, theo mệnh lệnh của Đức Chí Tôn, ra tay cứu thế, đưa dân tộc đến bến vinh quang, đưa nhân loại đến bờ ổn định và dẫn dắt các môn đạo tới mức Chân, Thiện, Mỹ.

Trong Nội Ô Tòa Thánh, cũng như trong khắp Châu Thành Thánh địa Tây Ninh, từ những Đền thờ đến các Dinh thự, từ những con đường lớn nhỏ đến các cây cầu, từ những ngôi chợ đến các khu nhà ở trật tự khang trang, từ những ngôi trường dạy trẻ em nhà đạo cho đến các Y viện, Dưỡng Lão, Cô nhi Viện, vv. . . đâu đâu cũng đều thấy có những dấu tích nhắc nhở công nghiệp vĩ đại của Đức Ngài.

Thê xác của Đức Ngài tuy đã mất, hình bóng của Đức Ngài tuy đã khuất, nhưng trong lòng của mỗi tín đồ Cao Đài trong nhiều thế hệ vẫn ghi khắc hình ảnh sống động của Đức Ngài.

Đức Ngài là bậc vĩ nhân của Đạo Cao Đài, và cũng sẽ như Đức Chúa Jésus hay Đức Phật Thích Ca, Ngài sẽ là vĩ nhân của toàn thể nhân loại.

Thê theo thánh ý của Đức Hộ Pháp, đồng thời tránh sự trích điếm của các nhà thơ, nhà tư tưởng, các tín đồ mạo muội đan cử bài “Tân Niên Khai Bút” của Đức Ngài viết vào ngày mừng 4 tháng Giêng năm Bính Thân (1956), tức trước khi Ngài lưu vong không bao lâu. Bài này không những tóm tắt chân dung về đời, đạo của Đức Ngài mà còn thể hiện văn phong của Đức Ngài nữa:

Tân niên khai bút

Vẫn gánh non sông đến tuổi già,
Đòn tâm làm mạnh thể tài ba.
Đôi phen kiên nhẫn dịu hồn nước,
Lắm lúc truân chuyên giữ đạo nhà.
Tính đức cổ truyền trừ giặc loạn,
Nghĩa nhân pháp bửu dẹp can qua.
Hồng ân đã sẵn làm thao lược,
Ích quốc an dân dựng chữ hòa!

Được tin Đức Hộ Pháp triều thiên, toàn đạo trong nước vô cùng thương tiếc. Từ miền Trung đến Lục Tỉnh kéo về Tòa Thánh làm lễ truy điệu Đức Hộ Pháp. Mật vụ của Ngô Đình Diệm hay tin đến giải tán. Tấm lòng của người Đạo đối với Đức Ngài quá to lớn, nên họ phân tán từng nhóm nhỏ vượt biên giới sang Nam Vang. Những tổ chức trong nước cũng phân tán mỏng như Hòa bình Chung Sống, Thánh Xa Thơ, Phạm Môn, Phạm Nghiệp... Mỗi nhóm đều tổ chức tưởng niệm Đức Ngài trong nội bộ của mình để che mắt mật vụ và Cần lao Nhân vị.

Tại Nam Vang, năm mươi ngàn tín hữu Cao Đài khắp nơi lũ lượt đưa nhau về Thủ đô Phnom Penh thọ tang suốt mười ngày đêm túc trực bên liễn đài của Đức Ngài. Đại diện các Tôn Giáo trong nước Cam Bốt từ các Tỉnh xa như Xiêm Rệp, Battambang, Kratié, Kompong Cham, Kompong Speu, Kompong Xom, Sway Rieng, Mimot đều đến chia buồn phúng điếu với Hội Thánh Ngoại Giáo. Một số lớn ngoại giao đoàn tại Thủ đô Phnom Penh cũng đến đặt vòng hoa. Thủ Tướng Pen Nouth đại diện chính phủ Hoàng Gia Cao Miên đến chiêm ngưỡng và đặt vòng hoa trước liễn đài.

Khi Quốc Trưởng Norodom Sihanouk công du hải ngoại trở về, trong buổi họp báo Norodom Sihanouk nói: “Khi trở về nước, rất tiếc tôi không được hội kiến với Đức Hộ Pháp lần cuối. Tôi hoàn toàn chấp nhận những lời đề nghị của Đức Hộ Pháp”.

Phái đoàn Phật Giáo, đại diện Vua Sãi đến tri kính và tiễn đưa liễn đài của Đức Hộ Pháp đến Bửu tháp.

Tóm lại, không tín hữu Cao Đài nào phủ nhận công đức của Đức Ngài. Đức Ngài là một vị Phật, không phải từ chữ Giáo Chủ, mà cốt ở cái đức độ, tài năng của Đức Ngài, khiến cho bất cứ ai, dù không sống trong 18 Phận Đạo vùng Thánh Địa, cũng kính phục phẩm giá cao quý đó. Thế nên người đời dù có tán dương hay “bốc thơm” thêm bớt một điều gì về sự nghiệp của Đức Ngài đã làm trong khi còn hóa dân ở trần thế, thì cái đức của Ngài không vì thế mà nhòe đi hay thăng trầm được.

Hoài Niệm Tôn Sư

Giáng sanh trùng ngũ hạnh thanh tao,
Sư phụ độ đời đạt vị cao.

Ngự Mã Thiên Quân danh Hộ Pháp,
Tây Sơn Đạo giả bậc thi hào.
Linh tiêu chánh pháp nâng gương huệ,
Trần thế nghĩa nhân tỏa ánh sao.
Đắc Đạo Thầy về Kinh Bạch Ngọc,
Ngàn thu thương tiếc lệ dâng trào.
(Vân Đăng)

Để kết thúc phần Thay Lời Kết, xin ghi lại (đã ghi bên trên) giai đoạn trong Đạo khi Đức Hộ Pháp chánh thức nắm quyền thống nhất, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung Qui Thiên (13-10 Giáp Tuất, 19-11-1934), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ giao quyền hành Giáo Tông hữu hình tại thế cho Đức Hộ Pháp nắm giữ. Tiếp theo, Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Hội Thánh đồng yêu cầu Đức Hộ Pháp nắm Chương Quản Cửu Trùng Đài cho đến ngày có đủ 3 vị Đầu Sư, để sớm chính đốn nền Đạo.

Kể từ ngày 6-11 Giáp Tuất (12-12-1934), Đức Hộ Pháp chánh thức nắm quyền thống nhất, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

Trước đó, vào ngày 29-12 Quý Dậu (12-02-1934), Lục Nương có giáng cơ cho biết sự Chuyển Pháp của Ngọc Hư Cung như sau : “Ngọc Hư chuyển Pháp, cả Thiên Thơ hủy phá, sửa cải pháp Chơn Truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng siết, Điều Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng”. (TNHT.II.191, năm 1972).

Ngày 15-3-Bính Dần, Đức Chí Tôn phong Ngài Phạm công

Tắc là : Hộ giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ. (có chữ Hộ giá, nghĩa là hộ vệ Đức Chí Tôn khi xuất hành).

Đức Lý Giáo Tông thổ lộ về nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của Ngài trong bài thi sau đây:

Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,
Pháp luân thường chuyển máy Thiên thơ.
Chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
Quản suất Càn khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy Tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
Đài trọng hồng ân gắng cậy nhờ.

(Khoán thủ : Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài)

Ghi chú:

Câu 1 : cho biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.

Câu 2 : cho biết Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên Thơ đã định.

Câu 3 : Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi Cực Lạc Thế Giới. (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa Cực Lạc Thế Giới bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các chơn linh đạo đức nhập vào Cực Lạc Thế Giới).

Câu 4 : Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị Cực Khôn Thế Giới. Câu này kết hợp với bài Kinh Đại Tường cho chúng ta biết rằng, Đức Hộ Pháp sẽ giáng trần là Đức Di-Lạc Vương Phật, thay mặt Đức Chí Tôn cai trị Cực Khôn Thế Giới.

Câu 5 : cho biết kiếp giáng sanh xuống trần lần thứ nhì là

Đức Chúa Jêsus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Câu 6 : Kiếp này Ngài giáng sanh xuống nước Việt Nam làm Hộ Pháp Chương Quân Hiệp Thiên Đài, nắm giữ Thiên điều.

Câu 7 : Nhờ Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh Cửu Trùng Đài) được nên hình tướng.

Câu 8 : Phẩm vị của Ngài rất cao trọng, hơn sanh gắng cật nhờ hồng ân của Ngài.

Chúng ta với trí não phàm phu thô thiển, không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu vừa nêu trên, chúng ta có thể nêu lên một thuyết về Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp :

- **Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp** là : Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.

- **Kiếp giáng trần thứ nhất là Vi Hộ**, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, một trong Thất Thánh vào thời Phong Thần. (Thời Phong Thần, cuối Nhà Thương, khởi đầu Nhà Châu, trước kỷ nguyên Tây lịch chừng 1100 năm). Vi Hộ sau khi giúp mở ra nhà Châu xong thì trở về núi tu luyện, đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Phật Vi Hộ Pháp.

- **Kiếp giáng trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jêsus** mở Đạo Thánh Thiên Chúa giáo bên Âu Châu.

- **Kiếp giáng trần thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc** Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Ngự Mã Thiên Quân xin với Đức Chí Tôn cho Ngài giáng trần thay thân Đức Chí Tôn để mở đạo Cao Đài, với xác phàm là

Phạm Công Tắc, và Đức Ngài được Đức Chí Tôn phong là Hộ Pháp Chương Quản Hiệp Thiên Đài.

- **Đức Ngài sẽ giáng sanh xuống trần lần nữa** là Đức Di-Lạc Vương Phật, làm Giáo Chủ Hội Long Hoa, mở ra đời Thượng Nguyên Thánh đức.

Vào ngày 15-12 Quý Mão (dl: 29-1-1964), Hội Thánh tổ chức một buổi lễ long trong thượng pho tượng Đức Phạm Hộ Pháp lên ngai Thất Đầu Xà tại Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh.

VII. Tài Liệu Tham Khảo :

Bài viết này sưu tầm từ các tài liệu đã được ấn hành. Xin thành thật cảm ơn những bài viết và hình ảnh thân thiện trên “internet” mà không có địa chỉ người viết. Xin quý vị cho biết địa chỉ liên lạc để tôi gửi lời chân thành cảm ơn. Bài viết có tính cách phổ độ chứ không có một vụ lợi cá nhân. Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn các vị đi trước đã biên các tài liệu tham khảo này.

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Quyển I & II), 1972
2. Đại Đạo Sử Cương (Quyển I, II, III & IV), tác giả HT Trần Văn Rạng (1970)
3. Chân Dung Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Cao Đài (Soạn giả: HT Trần Văn Rạng - HT kiểm duyệt số 102-KD/TT ngày 23-7-1974).
4. Đức Hộ Pháp- Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống: gồm nhiều bài thuyết Đạo do Đức Hộ Pháp Thuyết Giảng
5. Đại Đạo Bí Sử, HT Trần Văn Rạng (1971)
6. Sưu Tập Đạo Sử (Quyển I, II & III), HT Trần Văn Rạng (tái liệu sưu tầm 2015)

7. Bát Đạo Nghị Định (1957).
8. Pháp Chánh Truyền (1972)
9. Bí Truyền Chơn Pháp, Hiến Pháp Q. Chương Quản Hiệp Thiên Đài kiểm duyệt và chỉnh sửa (1972)
10. Bí Pháp Cầu Nguyên Trong Giáo Lý, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Dã Trung Tử Suu Tập (2005)
11. Bí Pháp 5 Cung, Thanh Sử, (chưa được “kiểm duyệt” bởi Ban Đạo Sử Tòa Thánh Tây Ninh nên ghi là “chưa kiểm duyệt”, và sẽ thay đổi khi có tin rõ ràng)
12. Cẩm Nang Người Tín Đồ Cao Đài, HT Nguyễn Trung Đạo
13. Lời Thuyết Đạo Của Đức Hộ Pháp, Tâm Nguyên
14. Tập Kỷ Yếu Hai Mươi Tám Vị Tiền Khai Đại Đạo, Soạn Giả Nguyên Thủy.
15. Lời Thuyết Đạo Của Đức Hộ Pháp, Ý Nghĩa Sự Thành Hình Các Cơ Quan Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tâm Nguyên
16. Tài liệu “Cơ Quan Truyền Giáo Cao Đài Hải Ngoại”, năm 1954
17. Đạo Luật (Đạo Luật Năm Mậu Dần, 1968)
18. Bí Pháp Cao Đài (soạn giả Nguyên Thủy, 2009)
19. Suu Tập Đạo Sử Văn Thư (tập I, II & III), xuất bản 2015
20. Tủ Sách Đại đạo, Centre For Studies Caodaism, Australia.
21. Đạo và Đạo Tại Tâm – Hữu Hình và Vô Vi Huyền Diệu Hiện Tượng Hiệp Thiên Đài, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình, Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại, Tòa Thánh Tây Ninh (2017).

22. “Văn Hoá Thiên Đàng, Hòa Bình Thế Giới, Phục Hồi Ánh Sáng (HWPL) và Cao Đài Đại Đạo”, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình, Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại, Tòa Thánh Tây Ninh (2017).

23. Đạo Tâm - Tịch Đạo - Chọn Pháp Đạo Tâm, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình
Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại, Tòa Thánh Tây Ninh (2017).

24. Đại Đạo Cao Đài và Nền Văn Minh Nhân Loại – Ban Thế Đạo Hải Ngoại Nhập Cuộc, Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình, Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại - Tòa Thánh Tây Ninh (2017).

Midland, Michigan ngày 7 tháng 2, 2018

Quốc Sĩ Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Bình

Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại

Tòa Thánh Tây Ninh

QUỐC SĨ TIẾN SĨ NGUYỄN THANH BÌNH
Khoa học gia - Giáo sư Danh Dự ngành Hóa Học



Tiến sĩ Nguyễn Thanh Bình

- *- Tốt nghiệp trường Louisiana State University, Baton Rouge, LA - Hoa Kỳ năm 1985 với bằng Tiến Sĩ về Organosilicon Chemistry.
- *- Là một nhà khoa học danh tiếng tại Công Ty Dow Corning (DOW).
- *- Là tác giả hoặc đồng tác giả của hơn 200 bằng phát minh (Mỹ, Châu Âu và Quốc Tế), 200 ấn phẩm kỹ thuật, chương sách và nhận nhiều giải thưởng khoa học.
- *- Là Giáo sư Danh Dự ngành Hóa Học tại Đại học Tartu, Estonia
- *- Được mời giảng thuyết về Kỹ Thuật và Khám Phá về Silicon tại nhiều hội nghị khoa học quốc tế (Mỹ, Âu Châu, Á Châu) và tại các trường Đại học.
- *- Hiền Tài Khóa 5 Ban Thế Đạo.
- *- Quốc Sĩ Ban Thế Đạo, Cao Đài Hải Ngoại (tháng 10-2016)

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Danh sách yểm trợ Ban Thể Đạo Hải Ngoại
từ ngày 1-1-2018 đến ngày 20-4-2018

STT Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu US\$

I- Yểm Trợ TSTD

01	CTS Cao Hòa Thuận, San Diego, CA	30.00
02	CTS Mai Văn Liêm, Arlington, TX	20.00
03	CTS Nguyễn Văn Phé, Paris, Pháp	100.00
04	CTS Phan Văn Bót, San Jose, CA	30.00
05	David Độ Nguyễn, San Francisco, CA	20.00
06	DLT Collision & Service, San Jose, CA	200.00
07	Dương Văn Ngà, San Jose, CA	20.00
08	Hà Văn Hưng, Stne Mountain, GA	50.00
09	Hồ Văn Thôi , San Lorenzo, CA	20.00
10	HT Lê Văn Nghiêm, Stne Mountain, GA	50.00
11	HT Nguyễn Ân Hồng, Fairborn, OH	30.00
12	HT Nguyễn Ngọc Đặng, Fribourg, Suisse	100.00
13	HT Nguyễn Thành Hưng, San jose, CA	40.00
14	HT Nguyễn T. Như Trúc, Paris, Pháp	100.00
15	HT Sam Nguyễn, San Jose, CA	40.00
16	HT Trần Văn Lào, Flounder. HB, CA	30.00
17	HT Trần Văn Ô, Gardena, CA	50.00
18	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA	30.00
19	HT Võ Ngọc Độ, Doraville, GA	50.00
20	Huỳnh Phú Tâm, Quincy, MA	20.00
21	Khiết Trần, DDS, San Jose, CA	200.00
22	Lễ Sanh Hương Thương, San Jose, CA	40.00

23	Lê Văn Bé, Arlington, TX	40.00
24	Lê Văn Hiền, Fargo, ND	100.00
25	Lê Văn Lộc, Anaheim, CA	20.00
26	Đặng Thị The, Harvey, LA	100.00
27	Nguyễn Kim Loan, San Jose, CA	20.00
28	Nguyễn Ngọc Chương, Gardena, KS	20.00
29-	Nguyễn Ngọc Hương, San Diego, CA	30.00
30	Nguyễn Ngọc Sương, Ontario, CA	50.00
31	Nguyễn Thành Sự, Murfreesborough, TN	50.00
32	Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
33	PTS Huỳnh Văn Thi, Sacramento, CA	20.00
34	Th. Tướng Văn Thành Cao, Houston TX	400.00
35	TSự Lê Thị Sáng (Huệ), St Louis, MO	200.00
36	Thomas Quang Đỗ, San Antonio, TX	20.00
37	Tiến sĩ Lê Văn Huệ, Birmingham, AL	200.00
38	Tường Nguyễn, DDS và Huệ Tô, DDS San Jose, CA	200.00
39	Trần Ngọc Vũ Thường, San Jose, CA	100.00
40	Trương Vân Loan, Milpitas, CA	100.00
41	Võ Thị Mận, Riverside, CA	50.00
42	Võ Văn Mía, San Antonio, TX	40.00

Cộng: (1): 3050.00

II- Yểm trợ TSTD và Kinh Sách

1	Dương H Vinh, Anaheim, CA	100.00
---	-------------------------------------	--------

Cộng: (2) 100.00

III- Yểm Trợ In Kinh Sách:

01	CTS Ngô Văn Bi, Houston, TX	100.00
02	CTS Nguyễn Văn Phé, Paris, Pháp	100.00
03	Dương Văn Thanh, Grand Frairie, TX	50.00
04	Hoàng Văn Viên, Honolulu, HI	100.00
05	HT Nguyễn T. Như Trúc, Paris, Pháp	40.00
06	HT Nguyễn Ân Hồng, Fairborn, OH	20.00
07	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
08	Lê Văn Hiền, Fargo, ND	100.00
09	Lê Văn Hưng, Dayton, OH	100.00
10	Ngô Văn Huế, Sunnyvale, CA	50.00
11	Nguyễn Hoa, Houma, LA	50.00
12	Phạm Hồng Lê, Punchbowl, NSW	150.00
13	PTS Huỳnh Văn Thì, Sacramento, CA	20.00
14	Tiến sĩ Nguyễn Thanh Bình, Midland, MI	200.00
15	Trương Thị Khanh, Oakland, CA	50.00
16	Van Doyle, Brandon, FL	50.00
17	Võ Thị Mận, Riverside, CA	50.00

Cộng: (3) . . . 1250.00

IV- Niên Liễm:

01	HT Lý Kim Phụng, Paris, Pháp (năm 2018 và 2019)	120.00
02	HT Nguyễn Chí Hiền, Paris, Pháp (năm 2018 và năm 2019)	120.00
03	HT Nguyễn Hiền Quân, Paris, Pháp (năm 2018 và năm 2019)	120.00
04	HT Nguyễn Hiền Nhân, Paris, Pháp (năm 2018 và năm 2019)	120.00

05	HT Thanh Mai, CA	60.00
06	HT Nguyễn T. Như Trúc, Paris, Pháp	60.00
07	HT Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA	60.00
08	HT Sam Nguyễn, San Jose, CA	60.00
09	QS Nguyễn Ngọc Dũ, San Jose, CA	60.00

Cộng: (4) 780.00

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4): 5180.00

Tổng cộng tiền thu vào Ban Thế Đạo Hải Ngoại từ ngày 1-1-2018 đến ngày 20-4-2018 là Năm ngàn một trăm tám mươi đôla (US\$ 5180.00).

San Jose, ngày 20-4-2018

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

LƯU Ý

Nhận kinh sách: Xin liên lạc HT Nguyễn Đăng Kích,
 ĐT: (408)926-9186 Email: tnndk4@gmail.com

Bài vở gửi đăng: Email về: dutani@comcast.net

Tài chánh yểm trợ: Check / money order xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Trả cho xin ghi: Ban Thế Đạo Hải Ngoại



SÁCH BIỂU
BOOK NOT FOR SALE



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
ấn hành lần thứ nhất
Hoa Kỳ - 2018